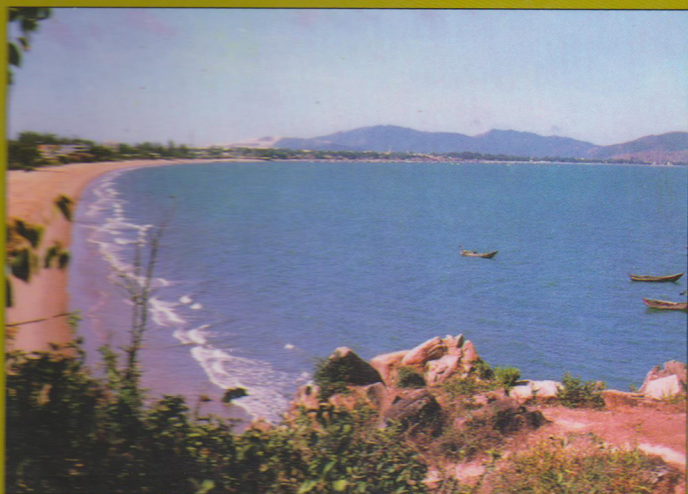


Đặc San

Đặc San

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA



Bãi Biển Qui Nhơn

Đình Tuất 2006

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA 2006

Bình Tuất 2006

KÍNH BIỂU



Cung Chúc Tân Xuân

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Kính chúc:

Quý Đồng hương và Thân hữu

Quý thi văn hữu

Quý vị mạnh thường quân

Một năm mới Bình Tuất 2006

An Khang - Thịnh Vượng

Đặc San Bình Định



Bản Khang - Thịnh Đạt

Đặc San Bình Định

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

3111 McLaughlin Ave., San Jose, CA 95121

Tel: (408) 224-7100 Fax: (408) 226-2782

Giấy phép hoạt động số 254.047 ngày 19/6/2003/CA

CỐ VẤN

- Hòa Thượng Thích Giác Lượng
- Ông Trương Toại
- Bác Sĩ Cai Văn Dung
- Ông Nguyễn Bá Thư
- Ông Phạm Hữu Độ
- Ông Trần Trọng Khiêm
- Ông Dương Quang Vinh
- Ông Đào Đức Chương
- Ông Đinh Thành Bài
- Ông Đặng Đức Bích

BAN CHẤP HÀNH

- Chủ tịch: Ông Tony Đinh
- Phó chủ tịch Nội vụ: Ông Võ Bá Trác
- Phó chủ tịch Ngoại vụ: Ông Đường Anh Đồng
- Thủ quỹ: Ông Nguyễn Bình

CÁC TIỂU BAN

- Ban Kế hoạch/Phát triển: Ô. Ô. Võ Hùng, Nguyễn H. Bình
- Ban Văn nghệ: Ô. Ô. Bùi Tú / Gia Minh Sơn
- Ban Giao tế/Tiếp tân: Ô. Ô. Victor Vũ Dương, Võ Hân
- Ban Thanh thiếu niên: Ô. Nguyễn Danh, Nguyễn A. Toàn

Đặc San Bình Định Xuân Bình Tuất 2006

Chủ trương:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Nhóm thực hiện:

TRƯƠNG TOẠI • NGUYỄN BÁ THƯ • ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG
• ĐẶNG VĨNH MAI • ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Với sự cộng tác:

Amanda Uyehara • Ariana UYehara • Bùi Thế Trường • Đào Đức Chương • Đào Tấn • Đào Vĩnh Tuấn • Đắc Đăng • Đặng Đức Bích • Đặng Mỹ Dung • Đỗ Thu Ba • Hà Quế Linh • Hà Thúc Hùng • Huyền Vũ • Lam Nguyên • Lana Le • Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham • Lê Minh Trí • Lê Nguyên Phương • Minh Tâm • Minh Tân Phạm Hà Hải • Minh Thi • Mỹ Vân • Nhất dạ • Ngọc An • Ngô Đình Phùng • Nguyễn An Phong • Nguyễn Công Lượng • Nguyễn Diêu (cụ Tú Nhơn Ân) • Nguyễn Diêu • Nguyễn Đình Lương • Nguyễn Hoài Văn • Nguyễn Hòe • Nguyễn Mạnh An Dân • Nguyễn Quý Đại • Nguyễn Thế Giác • Nguyễn Trác Hiếu • Phạm Ngọc Hải • Phan Tường Niệm • Phan Văn Hàm • Phú Xuân • Quang Sơn • Quách Tứ • Quế Lan • Tâm Triều • TS. Thái Công Tụng • Thái Tẩu • Thiên Tử • Thư Trang • Trác Như • Trần Cẩm Tú • Trần Đình Thông • BS. Trần Như Luận • TS. Trần Văn Đạt • Việt Thao • Võ Thanh Văn • Võ Trúc.

Thư ngỏ

Đặc San Bình Định Bắc Cali năm 2006 hân hoan chào đón toàn thể quý đồng hương và thân hữu.

Ngót 31 năm, Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia chúng ta đã trưởng thành và càng lúc càng vững mạnh về mọi mặt, kể cả sự phát triển nhanh chóng nền Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, trong chiều hướng bảo tồn và phát huy nền Văn Hóa Dân Tộc. Đặc San Bình Định Bắc Cali ra đời lần này cũng trong chiều hướng chung của tập thể cộng đồng người Việt.

Chúng tôi ước mong các bạn trẻ đóng góp bài vở nhiều hơn nữa trong các số báo kế tiếp, để Đặc San thêm màu sắc mới. Vì khuôn khổ trang báo có hạn, rất tiếc một số bài vở gửi đến, không đăng được trong lần này, xin cáo lỗi và sẽ đăng trong những kỳ tiếp.

Chân thành cảm ơn sự đóng góp nhiệt tình của tất cả quý vị về bài vở, tiền bạc, cùng những ý kiến xây dựng, khiến cho tập Đặc San này hoàn thành tốt đẹp và phát hành đúng kỳ hạn như những năm trước.

Trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc quý vị cùng bửu quyến hưởng Tết Bính Tuất đầm ấm, vui tươi và an khang, thịnh vượng.

Trân trọng,

*Nhóm thực hiện
Đặc San Bình Định Bắc California*



Lá Thư Xuân

Kính thưa Quý Đồng Hương, Quý Niên Trưởng, Quý Quan Khách và thân hữu.

Trước thêm năm mới Xuân Bính Tuất, tôi xin thay mặt Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California kính chúc toàn thể Quý vị và Gia quyến một năm mới An lành, Hạnh phúc và Thịnh vượng. Đồng thời tôi cũng xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị trong Ban biên tập, quý văn thi hữu đã cộng tác để hoàn tất Đặc San Xuân Bính Tuất năm nay ra đời đúng kỳ hạn để cống hiến Đồng Hương và bạn đọc khắp nơi trong ngày đại hội đầu năm mới này.

Kính thưa liệt quý vị, năm Ất Dậu 2005 vừa qua, một năm có nhiều biến cố nhất trong lịch sử nhân loại. Trận động đất với những cơn sóng thần Sunami ở Indonesia, các nước Thái Lan và Miến Điện. Trận bão Katrina đã tàn phá thành phố New Orleans, các tiểu bang Alabama, Louisiana, và gần đây nhất là trận động kinh hoàng ở Pakistan và India. Những thiên tai trên đây đã gây ra trên 300.000 người chết, hơn 2 triệu gia đình mất cả nhà cửa, tài sản gây nên không biết cơ man nào những cảnh đau thương, màn trời chiếu đất. Rồi chiến tranh Irắc, Afganistan vẫn còn tiếp diễn, nạn khủng bố, ôm bom tự sát vẫn chưa ngừng. Xương máu của binh sĩ Hoa Kỳ và người dân vô tội vẫn còn đổ xuống.

Nhìn về quê hương Việt Nam đã hơn 30 năm qua, chế độ độc tài do Đảng Cộng Sản cầm quyền vẫn còn tồn tại. Bọn “cướp có vũ trang” vẫn ngoan cố, khư khư bám giữ quyền lãnh đạo đất nước – đưa thanh niên ra làm nô bộc xứ người (xuất cảng lao động), phụ nữ, gái vị thành niên ra làm đĩ điếm, nô lệ tình dục. Trong nước thì vẫn thẳng tay đàn áp dân lành (cướp đất ruộng sản xuất của nông dân mà không bồi thường thỏa đáng). A tòng với tư bản nước ngoài để chia chác lợi lộc, bóc lột công nhân đến tận xương tủy (mới đây mấy ngàn công nhân ở Sài Gòn đình công, biểu tình phản đối). Tù đầy các nhà trí thức đối kháng đấu tranh cho tự do dân chủ. Kiểm kẹp, bức hại các tôn giáo, nhất là Phật Giáo Hòa Hảo. Âm thầm, lén lút ký kết bán lãnh thổ, lãnh hải cho Tàu Cộng v.v...

Tội đồ của Đảng CS Việt Nam không kể sao cho xiết. Chúng ta là những người dân Bình Định, con cháu của vị Hoàng đế Anh hùng Quang Trung Nguyễn Huệ đã có cơ may thoát khỏi ngục tù của chế độ trong nước. Chúng ta phải quyết tâm đoàn kết lại cùng với đồng bào hải ngoại và hơn 80 triệu đồng bào trong nước, già, trẻ, gái, trai cùng nhau đứng lên phát ngọn cờ Tây Sơn khởi nghĩa dưới nhiều hình thức để lật đổ chế độ do Đảng CS độc tôn cầm quyền, để xây dựng một chế độ tự do dân chủ ấm no, giàu mạnh cho đất nước Việt Nam thân yêu.

Một lần nữa tôi xin đại diện cho Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California xin kính chúc toàn thể Quý vị và Gia quyến một năm mới Bính Tuất đầy An lành, Hạnh phúc và Thịnh vượng.

Trân trọng kính chào
Hội Trưởng
TONYĐINH

Đầu Năm Nhắc Chuyện Tết

TRẦN ĐÌNH THÔNG

Ông Đồ

*Mỗi năm hoa đào nở?
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu, giấy đỏ?
Bên phố đông người qua
(Vũ Đình Liên)*

Bài thơ xưa nhắc tôi nhớ nhiều về những ngày tết xa xưa khi mà ở các chợ hay trên hè phố lớn hay các nơi đông người, các di tích có' nghi lễ tết như chùa hay các miếu, đình hay lăng, ví dụ Lăng Ông Bà Chiểu hay Sở Thú có sự hiện của cụ đồ trong quần trắng, áo dài màu đen như y phục truyền thống của các cụ. Khi cụ đồ tung bút phết bằng cọ những chữ phóng họa thật bay bướm có nét rồng bay phượng múa thì thật là đẹp mắt trên các bản vẽ chúc xuân hay chúc tết đầu năm. Viết về kỷ niệm tết thì tôi có cả một ký ức dày đặc để kể ra đây. Tết có nhiều thú vui như kỷ niệm thức khuya nấu bánh tết hay bánh chưng, đổ bánh tổ, cất rượu, chuẩn bị nhà cửa, lau chùi lư hương đồng, lắc bầu cua, lo mâm ngũ quả, chưng thủy tiên, viếng chợ hoa, nướng gốc mai cho đơm bông, xông đất, lì xì, chưng diện quần áo,...

Ở miền Nam trước đây thông thường người ta chuẩn bị tết từ rất sớm. Mỗi gia đình nông dân đều có dành một thửa ruộng trên khu đồng của mình cấy một giống nếp ngon thêm để xôi, làm bánh. Khi những gié lúa nếp bắt đầu lấm tấm những hạt đỏ ở đuôi (chưa chín già)

nhà nào cũng chọn cắt ít bó về đâm cối dẹp. Trong những đêm đầu tháng chạp, khắp xóm thôn đâu đâu cũng rộn ràng tiếng chày giã cối “cúp cum” nghe rất vui tai. Khi mùa màng thu hoạch xong thì không khí tết ở thôn làng rộn lên trong tiếng chày quét bánh phồng. Loại bánh này làm bằng gạo nếp nấu chín bỏ vào cối giã như giã giò, quét cho thật nhuyễn, rồi ngắt từng viên cỡ nắm tay dùng ống tre xoa mỏng cán mỏng ra thành hình tròn như chiếc bánh đa, dày độ một ly. Gọi là bánh phồng, vì khi để trên lửa nướng nó phồng tướng lên cả chiều dày lẫn vòng tròn. Chiếc bánh mỏng như chiếc đĩa ấy, khi nướng chín nó nở to bằng cái chậu thau rửa mặt và chiều dày phồng lên hơn một phân tây. Người ta còn phơi những nong bột nếp phơi khô để dành gói bánh ít.

Ở miền Nam, bắt đầu từ hai mươi tháng chạp ta, khắp nơi mở những phiên chợ. Tết cho đến giao thừa đêm ba mươi. Quầy hàng hoa tươi, rau quả, bánh mứt, vải vóc, thịt cá... đều trang hoàng hấp dẫn. Nhưng đông vui nhất phải nói là chợ dưa. Tại các chợ, thuyền chở dưa đổ lên chất thành đống như núi. Nổi tiếng nhất là dưa Trảng Bàng, Trà Vinh... Bỏ quả dưa ra, ruột đỏ như son, hạt đen huyền nhỏ rít, thịt óng ánh như hạt đường kính, ăn ngọt tê cả răng. Người ta mua dưa về trước để cúng tổ tiên ngày tết trên bàn thờ nhà nào cũng thấy hai quả dưa hấu to cỡ quả ấu tích. Người ta dán lên lớp vỏ xanh mượt của mỗi quả một miếng giấy hồng điều cắt thành hình bông hoa xinh xắn, và đặt nó ngồi chễm chệ giữa mấy nải chuối chín vàng tươi xếp vây tròn quanh một chiếc đĩa bằng sứ màu trắng. Mỗi quả dưa đội trên đầu một trái hồng khô ép dẹp như trùm lên chiếc mũ nổi màu xám. Người ta còn đặt lên trên cùng, một quả quít

đỏ mọng, giống như cái mào gà ngất ngưỡng. Cạnh hai trái dưa, bắt buộc phải có hai bánh đường phổi. Đường phổi không phải là đường mà là một thứ quả ngọt chế tạo bằng đường cát và lòng trắng trứng gà. Hình bánh đường ấy giống hệt một lá phổi người và bên trong có nhiều lỗ hổng cũng như phổi người. Đường ấy cứng như đá, để cả năm cũng không chảy nước và chỉ đập ra cho trẻ con ăn chơi sau tết, mặc dầu dùng đường này nấu chè thì rất ngon. Có nhà bày mâm ngũ quả, mà nhiều khi số trái cây lại vượt quá con số năm. Người ta chú ý đến bốn thứ trái cây: măng cầu, dưa, đu đủ, xoài, mà theo cách phát âm miền Nam hiểu là “cầu vừa đủ xài”.

Cũng có nhà đĩa trái cây, dưới hết là năm bảy nải chuối, bắt buộc là chuối sứ, không phải nghi lễ nào cả, mà vì chuối sứ chín rất chậm, sau ba ngày tết chuối vẫn còn chưa rục. Trên chuối phải có hai món bắt buộc nữa, không biết lý do, là cam Tàu, loại cam mà Âu châu không gọi là Orange mà gọi là Tangerine và hồng phơi khô, cả hai thứ này đều là hàng nhập cảng từ Trung Quốc gửi sang, vào dịp Tết ta, còn ngày thường thì xưa kia không bao giờ có bán như sau này.

Gần đến tết, người ta sắm tranh Tết, hoa Tết, thường có cành mai cắm trên lọ độc bình trên bàn thờ và trang hoàng từ trong nhà đến ngoài ngõ. Trước đây người ta hay cắt giấy vàng bọc thành những ô vuông hay hình quả trám dán trên cổng, cửa, cột nhà, chuồng trâu, chuồng heo, cối xay, cối giã, lu nước, cây ăn trái trong vườn... Người ta cũng đem lư đồng ô trầu chén đĩa, ly tách chậu hoa, bình rượu ỷa đánh bóng, lau sạch.

Ngày Tết, ngày xuân là ngày hội đoàn tụ, đoàn viên, nếu không thì là những ngày nhớ thương da diết nhất. Trước tiên là nghĩ đến những người đã chết, họ tổ chức đi chạp mộ để tỏ lòng “uống nước nhớ nguồn”. Chiều 23 tháng chạp, “đưa ông Táo về trời”. Ngày 30 làm một mâm cơm cúng tổ tiên, gọi là lễ “rước ông bà” và sau đó đến ngày mồng 3 tháng Giêng thì làm lễ “đưa ông bà”.

Người ta cũng dựng nêu, đốt pháo, nhưng lại thích gói bánh tét chứ không gói bánh chưng. Bánh tét có nhiều loại: bánh tét chay, bánh tét mặn, bánh tét ngọt. Bánh tét chay không nhân. Người ta chỉ trộn đỗ đen vào nếp rồi gói lại đem nấu. Có thể cho thêm vào cùi dừa nạo nhuyễn để tăng vị béo. Gói bánh tét mặn, người ta trải gạo nếp trên lá chuối, rải lớp đỗ xanh lên, rồi đặt một thỏi mỡ gần bằng ngón chân cái dài suốt đôn bánh như một sợi bấc, xong cuộn tròn lại buộc chặt. Bánh tét ngọt nhân làm bằng đỗ xanh xào đường.

Mâm cơm cúng tất niên chiều 30 tết, thường quy tụ đủ mặt mọi người thân trong gia đình. Tục xưa quan niệm rằng mỗi năm có một ông Hành Khiển coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia, nên cúng tế, đốt pháo là để tiễn đưa ông cũ và đón ông mới. Trong số những câu liễn treo ngày Tết có câu: “Bộc trúc nhất thanh trừ cựu tuế, Đào phù vạn hộ khánh tân xuân” (một tiếng pháo tiễn đưa năm cũ; muôn nhà, bùa đào tức cây nêu đón chào năm mới).

Giao thừa là thời điểm thiêng liêng giữa năm cũ và năm mới, khi đất - trời giao cảm, muôn vật như tạm thời

ngưng đọng trong giây phút để rồi bùng ra một sức sống mới, một sự tái sinh kỳ diệu.

Ba ngày tết là ba ngày vui chơi, ăn uống, thăm viếng, chúc mừng nhau những điều mới mẻ, tốt lành. Một tập quán phổ biến là trong những ngày đầu năm, mọi người đều chỉ nói ra những lời hay, ý đẹp, gặp nhau chào mừng, hy vọng mọi điều như ý. Bao điều không vui, không vừa lòng năm trước đều bỏ đi. Sách Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức, trong mục “Phong tục chí” có đoạn: “Phàm những khoản vay mượn thiếu thốn trong tiết ấy không được đòi hỏi, đợi ngày hạ nêu mới được nhắc đến.

Mông một người ta thường hay đến cúng vái và thăm hỏi những nhà bên họ nội, mông hai sang lễ tết bên nhà vợ và mông ba đến thăm thầy, vì thế có câu “Mông một tết cha, mông hai nhà vợ, mông ba nhà thầy”. Khi đến thăm họ hàng, bạn bè, người ta thường chúc nhau mạnh khỏe, sống lâu, may mắn gọi là “làm tuổi”, và “lì xì” tức là cho tiền vào phong bao giấy đỏ “mừng tuổi cho trẻ em”.

Ở miền Nam, bốn món cúng và là bốn món ăn ngày Tết, món thứ nhất là thịt hầm. Bắt buộc phải là thịt bắp đùi, hầm cho nhừ với vài vị thuốc Bắc. Món này chỉ để ăn chơi chứ không ăn với cơm. Món thứ nhì là thịt kho tàu, bắt buộc phải là thịt ba rọi (ba chỉ) và bắt buộc phải lớn miếng phải to ít lắm cũng bốn phân trên bốn phân và bắt buộc phải đổ vào nồi thịt kho ấy ít lắm cũng một trái dừa xiêm, để cho món thịt kho ấy lạt đi, hầu ăn được to miếng. Món thứ ba là khổ qua nạo ruột dồn thịt heo băm nát vào đó rồi cũng hầm y như hầm món thịt

nói trên. Món thứ tư thật ra là hai món nhưng chỉ để ăn chơi nên xem như một, đó là nem và bì. Rau chỉ có một thứ độc nhất và cũng bắt buộc, ấy là món dưa giá tức là giá sống ngâm trong nước có ít muối. Ăn bất kỳ món nào trong bốn món kể trên cũng bắt buộc ăn với dưa giá.

Những món trên đây chỉ cúng và ăn tối chiều mồng hai thì thôi, sang ngày mồng ba phải cúng và ăn món khác như gà, cá. Muốn cho đỡ ngấy vì thịt mỡ, người ta thường nấu một nồi cháo cá ăm, ăn với rau ghém, chuối cây xắt mỏng và các loại rau thơm, rau mùi, một con cá lóc nướng ăn với lá bông súng non hay đọt vừng.

Ngày tết thường có nhiều trò vui đặc biệt như đá gà, đá cá lia thia, thi cây kiểng, đu tiên, đua ghe, đánh bài, đánh me và xóc đĩa..

“Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ.

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh.”

Câu đối đỏ mới chỉ phản ánh hương vị tết xưa ở các vùng nông thôn nước ta. Chứ người Tràng An ăn Tết còn cầu kỳ hơn nhiều, theo đúng phong tục cổ truyền của ông cha. Những Tết xưa mang đậm màu sắc riêng của đất Kinh kì cổ kính.

Những ngày giáp Tết, khung cảnh nhộn nhịp khác thường. Phố Hàng Bò hai bên hè các cụ đồ nho đội khăn xếp, mặc áo the thâm, ngồi viết thuê câu đối lên những đôi liễn dài hoặc giấy hồng điều. Phố Hàng Dép bầy

guốc tre, guốc gỗ, guốc phi mã, giày da, giày nhung, giày cườm, nổi bật là các loại tranh dân gian làng Đông Hồ, Hàng Trống vẽ gà, lợn, đám cưới chuột, hứng dừa, đánh ghen... in bằng phẩm điều, phẩm lục. Cổng chéo Hàng Lược, gân cầu Phùng Hưng, đầu phố Chả Cá, sang phố Hàng Đường, Hàng Khoai.. rục rờ đào bích, đào phai, cúc vàng, cúc trắng, quất trĩu quả, mấy phố gân đấy, bán thủy tiên gọt sẵn, chậu trở hoa, đặt trong bát nước, cả hương thẻ, hương vòng, hương trầm, nến trắng, nến đỏ. Phố Hàng Đường chẳng thiếu loại mứt gì, có thêm kẹo sù châu, hồng tàu, táo tàu khô. Phố Hàng Đào, Hàng Ngang đầy áp tơ lụa, len, dạ, lĩnh, kếp, sa tanh... mới cất về. Thợ kim hoàn phố Hàng Bạc cặm cùi làm đồ nữ trang bằng vàng. Thợ may phố Hàng Điều may áo dài, áo bông suốt ngày đêm.

Nhà nào cũng tấp nập sửa soạn. Đàn ông, con trai lớn thu dọn nhà cửa, quét vôi, đánh bóng đồ đồng, treo tranh, câu đối mới, lau quét bàn thờ tổ tiên, bày phật thủ, cam Bối Hạ, bưởi Đoan Hùng, chuối ngự Nam Định, quất Tứ Liên lên khay ngũ quả, dâng lên trời đất, tổ tiên, ông bà để tỏ lòng thành kính “ăn quả nhớ người trồng cây”. Các bà, các cô lo việc ăn Tết. Vại dưa hành muối từ tháng chạp, thứ dưa Tây Hồ lá cuộn tròn, thứ hành ngọt dịu Gia Lâm bên sông Hồng. Gạo Mễ Trì và gạo tám thơm nấu bằng nồi đất mới dẻo. Xôi phải kén thứ nếp hương vùng Cẩm Giàng, Hải Dương. Hợp khẩu vị, đúng cổ tục, phải chọn gà trống thiếu Đông Cảo, cá chép béo Hồ Tây, nem Lạng Sơn hay nem Phùng, Lạp sừng Tân Phúc Điều, Hàng Buồm, chả quế làng Vẽ, giò lụa Đồ măng (ở đầu phố Phùng Hưng), nước mắm

Vạn Vân, Phú Quốc. Nấm cổ bát, kén măng khô Phú Thọ, nấm hương Thái Nguyên, miến Tàu.

Ngày 23 tháng chạp, nhà nào cũng tiễn ông Táo lên châu trời. Trên bàn thờ có ba chiếc mũ mới bằng giấy: một màu vàng ở giữa, hai màu đen ở hai bên - tức hai ông, một bà - không có cổ mấn, chỉ cúng hương hoa, sau có con cá chép đang bơi trong chậu thau, cúng xong đem thả ở hồ Tả Vọng (hồ Hoàn Kiếm ngày nay).

Nhân dịp năm mới, cha mẹ cho con đến nhà lễ tết thầy cô giáo, sang thì gà gạo, chai rượu, hộp bích quy Pháp, vừa phải thì cân mứt sen, mứt lạc, hồng tàu, táo tàu khô, đường phèn, chục cam Xã Đoài, cốt ở tám lòng tôn sư trọng đạo.

Trước Tết dăm ba ngày, nhiều cửa hiệu đã đóng cửa, nghỉ. Chiều 30, thấy hai bên phố treo cành đa, lá dứa, vẽ cung tên bằng vôi trên hè trừ ma quỷ. Các xã ngoại thành trồng cây nêu trước sân nhà - cây tre nhỏ đủ lá, ngọn cao khoảng 3 mét trên ngọn buộc lá bùa bát quái vẽ trên giấy hồng điều, một lá phướn bằng vải đỏ viết 4 chữ “Thiên hạ thái bình” và những chiếc khánh bằng đất nung gặp gió, va vào nhau kêu lanh canh. Chân nêu vẽ cung tên bằng vôi chia ra phía cổng, ngăn chặn hung thần.

Ngày 29, 30 nhà nào cũng bận gói bánh chưng, nấu chè đỗ đãi, làm các loại bánh đặc biệt Hà Nội: bánh quế, bánh bẻ, bánh củ cải, bánh thạch... và làm đồ cúng gia tiên. Ngoài thịt gà luộc, giò, chả, Lạp sườn, trứng muối, cá chép kho giềng mật, thịt kho tàu, còn có mấy

bát bóng cá dưa, mực khô thái nhỏ, miếng tàu, thịt ba chỉ ninh với măng khô, nhà sang có thêm mấy bát bào ngư, vây cức, yến. Bên cạnh đặt chai rượu cức, rượu Mai Quế Lộ hoặc rượu trắng nổi tiếng của làng Hoàng Mai, tuần hương sấp tàn, pha nước cúng, thứ trà ướp hương sen, hương thủy tiên, tuần hương tắt hẳn mới hạ cỗ xuống, cả nhà ngồi quây quần bên mâm cơm, con cháu mời ông bà, cha mẹ, mới cầm đũa.

Giữa đêm năm cùng tháng tận, tai họa giáng xuống đầu nhà nghèo, chủ nợ cho người đến réo ở cửa phải trốn biệt, người nhà chủ nợ bắt đi cái gì có thể bắt được, thậm chí cả bát hương ông bà cha mẹ. Ở xóm ổ chuột, gâm cầu, những người khốn khổ không có nổi nén hương cúng tổ tiên. Bởi vậy tháng củ mật giáp Tết, trộm cướp như rươi, chẳng kém gì ở nông thôn.

Rồi giao thừa đến. Chuông trống đền chùa khua vang. Giữa giờ phút thiêng liêng của đất Kinh kỳ vào xuân, nhà nào cũng đốt đèn nến, thắp tuần hương mới, khấn vái tổ tiên phù hộ cho khỏe mạnh buôn bán phát tài, con cái học hành tấn tới. Rất nhiều nhà còn đặt mâm lễ ngoài trời để cúng vái tạ ơn quan cũ về trời, đón mừng quan mới vừa tới. Nhìn vào hai cốc pha lê đặt thủy tiên, hôm qua hoa còn hàm tiếu, giờ đã nở đúng giao thừa, tỏa hương thơm ngát, coi như thế là điềm lành cho cả năm.

Chúc Mừng Năm Mới.
TRẦN ĐÌNH THÔNG

VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG

*Theo gót nàng xuân viếng cố hương
Bao nhiêu xa cách, bấy nhiêu thương.
Thuyền chờ, bến đợi người ly xứ,
Chị ngóng, em trông kẻ viễn phương;
Gặp gỡ yêu ai thân sỏi đá
Chuyện trò mển đó phận phong sương.
Mai kia về lại hoa đua nở.
Én chập chùng bay rộn phố phường.*

THÁI TẮU

(Qui Nhơn – những ngày Tết)

Xuân

*Xuân xa tiên tổ mấy mùa qua
Xuân đến càng lo tuổi đã già
Xuân đón mai vàng tươi sắp nở
Xuân chờ pháo đỏ nở muôn nhà
Xuân trông làng xóm vui ngày hội
Xuân đợi quê hương cất tiếng ca
Xuân chúc người người toàn ước nguyện
Xuân mừng đất nước được an hòa*

NGUYỄN ĐIỀU

NHỮNG NĂM BÍNH TUẤT TRONG LỊCH SỬ NƯỚC TA

TRÁC NHƯ

Họ Hồng Bàng (2879-258 trước Tây lịch).

Nhà Thục (257-207 trước Tây lịch).

Nhà Triệu (207-111 trước Tây lịch).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ nhất (111tr. Tây lịch-39).

Trung Nữ Vương (40-43).

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ hai (43-544):

Đời Tam Quốc, nhà Đông Ngô (222- 280):

Nước ta bị người Tàu đô hộ lần thứ ba,

Nhà Đường (618-907):

1. Năm Bính Tuất (866). Vua Đường sai Cao Biền làm Tĩnh Hải Quân Trấn Tiết Độ Sứ. Từ đây cho đến đời nhà Tống An, Nam gọi là Tĩnh Hải Quân Tiết Trấn. Cao Biền giữ phủ, đắp La Thành.

Nhà Tiền Lê (980- 1009):

2. Năm Bính Tuất (986, Đại Hành Hoàng Đế, niên hiệu Thiên Phúc năm thứ 7, ngang với Tống Ung Hy năm thứ 2).

Mùa Đông tháng Mười, nhà Tống sai Tả Bò Khuyết là Lý Nhược Chuyết, Quốc Tử Giám Bác Sĩ là Lý Giác mang chế sách sang phong cho vua làm An Nam Đô Hộ Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ Kinh Triệu Quận Hầu

Nhà Lý (1010-1225):

Lý Thái Tông (1028-1054).

3. Năm Bính Tuất (1046, Lý Thái Tôn Hoàng Đế, niên hiệu Thiên Cảm Thánh Vũ năm thứ 3, ngang với Tống Khánh Lịch năm thứ 6).

Nhà vua dựng cung riêng cho các cung nữ Chiêm Thành đặt tên là cung Ngân Hán.

Lý Nhân Tông (1072-1127).

4. Năm Bính Tuất (1106, niên hiệu Long Phù năm thứ 6, ngang với Tống Sùng Ninh năm thứ 5).

Mùa Xuân, tháng Giêng sao chổi mọc ở phương Tây, đuôi dài khắp trời, sao Thái Bạch mọc ban ngày.

Đại xá cho thiên hạ, trừ những phe đảng làm loạn.

Lý Anh Tông (1138-1175).

5. Năm Bính Tuất (1166 Niên hiệu Chính Long Bảo Ứng năm thứ 4, Tống Càn Đạo năm thứ 2):

Mùa Xuân tháng Ba, sứ Chiêm đến miền Ô, Lý dùng quân ma thuật của Phù Thủy mà vượt biển, cướp bóc dân ven biển nước ta rồi về.

Lý Huệ Tông (1211-1225).

Nhà Trần (1225- 1400).

Trần Thái Tôn:(được Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi, ở ngôi 33 năm (1226-1258), nhường ngôi 19 năm (1258-1277).

6. Năm Bính Tuất (1226, niên hiệu Kiến Trung năm thứ 2, Tống Bảo Khanh năm thứ 2).

Tháng Giêng:

.Phong Chiêu Hoàng làm Hoàng Hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh.

. Phong Trần Thủ Độ làm Thái Sư Thống Quốc Hành Quân Vụ Chính Thảo SỰ.

. Phế Thượng Hoàng nhà Lý là Lý Huệ Tông ra tu ở chùa Chân Giáo, gọi là Huệ Quang Đại Sư.

Tháng Tám: Ngày mồng Mười. Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo.

Trước đó Thượng Hoàng nhà Lý có lần ra chơi ở Chợ Đông, dân chúng tranh nhau chạy đến xem, có người thương khóc. Thủ Độ sợ lòng người nhớ vua cũ sinh biến loạn, cho dời vua đến ở chùa Chân Giáo; bề ngoài giả vờ là để phụng sự, nhưng bên trong thực ra là để dễ bề giữ chặt.

Có lần, Thủ Độ qua trước cửa chùa, thấy Huệ Tông ngồi xỏm nhỏ cò, Thủ Độ nói: “Nhỏ cò thì phải nhỏ cho tận gốc nhé!”.

Huệ Tông đứng dậy phủ tay nói: “Điều người nói ta hiểu rồi!”.

Đến nay, sai người bày biện hương hoa đến bảo: “Thượng Phụ sai thân đến mời”.

Thượng Hoàng nhà Lý nói: “Ta tụng kinh xong sẽ tự tử”.

Nói rồi vào buồng ngủ khẩn rằng: “Thiên hạ nhà ta đã về tay người, người lại còn giết ta. Ngày nay ta chết, đến khi con cháu người cũng sẽ bị như thế”.

Trần Nhân Tông (1279-1293), ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5, xuất gia 8 năm.

7. Năm Bính Tuất (1286, niên hiệu Trưng Hưng thứ 2, Nguyên Chí Nguyên thứ 23).

Vua Trần ra lệnh thả quân Nguyên về nước.

Quân Nguyên chuẩn bị sang xâm lăng báo thù:

Tháng Ba, vua Nguyên mượn cớ đưa Trần Ích Tắc về nước lập làm An Nam Quốc Vương, bèn chuẩn bị như sau:

a. Sắc cho: Thượng Thư tỉnh Áo Lỗ Xích, Bình Chương Sự Ô Mã Nhi, Đại Tướng Trương Văn Hồ điều 50 vạn quân.

Đặc San Bình Định 20

b. Hạ lệnh Hồ Quảng đóng 300 chiếc thuyền biển. hẹn tháng Tám hội lại ở châu Khâm và châu Liêm.

c. Ra lệnh quân ba tỉnh Giang Chiết, Hồ Quảng và Giang Tây xâm lược nước Nam.

Phía bên ta chuẩn bị kháng cự:

a. Tháng Sáu: Vua hạ lệnh cho các Vương Hầu, Tôn Thất mộ binh, thống lĩnh thuộc hạ của mình.

b. Vua lệnh cho Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đốc thúc Vương Hầu Tôn Thất điều động quân lính, chế tạo vũ khí thuyền bè.

c. Tháng Mười kiểm duyệt, diễn tập quân lính.

Vua hỏi Hưng Đạo Vương: “*Thế giặc năm nay như thế nào?*”.

Hưng Đạo Vương trả lời: “*Nước ta thái bình lâu ngày dân không biết việc binh. Cho nên năm trước quân Nguyên vào cướp thì có kẻ đầu hàng trốn chạy. Nhờ uy linh của tổ tông, thần võ của bề hạ nên đã quét sạch được bụi Hồ.*

Nay nó lại sang thì quân ta đã quen chiến trận, mà quân nó sợ phải đi xa. Và lại chúng còn nơm nớp sợ việc Lý Hằng Lý Quán bị chết trong trận đánh năm rồi, không còn chí chiến đấu. Theo như thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn”.

Nhà Trần: Trần Dụ Tông(1341-1369).

8. Năm Bính Tuất (1346, Niên hiệu Thiệu Phong năm thứ 6).

. Vua sai Phạm Nguyên Hằng sang sứ Chiêm Thành, trách hỏi về việc thiếu lễ triều cống hàng năm. Chiêm Thành sai sứ sang cống, lễ vật rất đơn bạc.

. Ai Lao vào cướp biên giới, vua sai Bảo Uy Vương Hiến đánh tan bọn chúng, bắt được rất nhiều người và súc vật.

Nhà Hồ (1400-1407):

Hồ Hán Thương (1401-1407).

9. Năm Bính Tuất (1406): Tháng Tư nhà Minh đem mười vạn quân ở Quảng tây sang xâm lược, đến tháng Chạp, ngày Mồng Chín quân Minh đánh úp họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dực Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không phòng bị, thuyền bị cháy gần hết, toàn quân bị tiêu diệt. Quân Minh liền làm cầu phao vượt qua sông. Sáng ngày Mười Hai quân Minh tấn công thành Đa Bang. Xác chết chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh. Nguyễn Tông Đồ chỉ huy quân Thiên Trường, đào thành cho voi ra. Giặc Minh dùng hòa tiễn bắn voi. Đàn voi lùi lại, giặc Minh theo voi đánh vào nên thành bị hạ. Các quân ở dọc sông đều tan vỡ, lui giữ Hoàng Giang. Giặc Minh vào Đông Đô, bắt cướp con gái, ngọc lụa; thống kê lương chức, chia quan làm việc, chiêu tạt dân xiêu tán làm kế lâu dài. Chúng thiến hoạn nhiều con trai nhỏ tuổi và thu lấy tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm về Kim Lăng.

Nhà Lê (1428-1788):

Lê Thánh Tông (1460- 1497), gồm các niên hiệu:

Quang Thuận (1460- 1469),

Hồng Đức (1470- 1497).

10. Năm Bính Tuất (1466): Năm này có nhiều sự canh cải:

.Giáo Dục:

Định lệ 3 năm một lần mở khoa thi Tiến Sĩ và định lệ Truyền Lô và Vinh Quy.

.Quân Sự:

Đôi Vệ Quân năm Đạo thành quân năm Phủ: Trung Quân Phủ, Đông Quân Phủ, Tây Quân Phủ, Nam Quân Phủ, Bắc Quân Phủ.

Mỗi Phủ có 6 Vệ, mỗi Vệ có 5 hoặc 6 Sờ. Định lệ quân mỗi Sờ đều 400 quân.

Chức chương tại mỗi Phủ: Tả Đô Đốc, Hữu Đô Đốc; Đô Đốc Đồng Tri, Đô Đốc Thiêm Sự.

Chức chương tại mỗi Vệ: Tổng Tri, Đồng Tổng Tri, Thiêm Tổng Tri.

Chức chương tại mỗi Sờ: Quản Lãnh, Phó Quản Lãnh; Chánh Võ Úy, Phó Võ Úy.

Hành Chánh:

A. Bò Lục Viện. đặt ra Lục Bộ và Lục Tự.

Lục Bộ gồm có: Bộ Lại, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Binh, Bộ Hình và Bộ Công. Mỗi Bộ đặt chức Thượng Thư và Tả Thị Lang, Hữu Thị Lang.

Lục Tự gồm có: Đại Lý Tự, Thái Thường Tự, Quang Lộc Tự, Thái Bộc Tự, Hồng Lô Tự, Thượng Bảo Tự.

Mỗi Tự đặt chức : Tự Khanh, Thiếu Khanh, Tự Thừa.

Ví dụ : Tự Đại Lý có chức: Đại Lý Tự Khanh, Đại Lý Tự Thiếu Khanh, Đại Lý Tự Thừa.

B. Chia nước ra làm 12 Đạo, bỏ tên các Lộ. Trần. Mỗi Đạo chia ra Phủ, Huyện, Châu. Nước ta lúc bấy giờ có 12 Đạo Thừa Tuyên là: Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

Đạo:

Mỗi Đạo đặt 2 Ty: Đô Ty và Thừa Chính Sứ Ty. Mỗi Đô Ty đặt chức Tổng Binh, Phó Tổng Binh. Mỗi Thừa Chính Ty đặt chức Thừa Chính Sứ, Thừa Phó Chính Sứ.

Phủ:

Lấy hai huyện phụ thuộc vào Kinh kỳ là huyện Quảng Đức và huyện Thọ Xương đặt làm Phủ Trung Đô, đặt các chức Phủ Doãn, Thiếu Doãn và Trị Trung.

Ở các Phủ ngoài Kinh kỳ, đổi chức An Phủ Sứ làm chức Tri Phủ, đổi Trấn Phủ Sứ làm Đồng Tri Phủ.

Huyện:

Ở Huyện đổi chức Chuyển Vận Sứ làm Tri Huyện, đổi chức Tuần Sát làm Huyện Thừa.

Châu:

Ở Châu đổi chức Phòng Ngự Sứ làm Tri Châu.

Xã:

Ở Xã đổi chức Xã Quan làm chức Xã Trưởng.

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527).

11. Năm Bính Tuất (1526):

Mạc Đăng Dung sai đồ đảng là Phạm Kim Bảng giết vua Lê Chiêu Tôn.

Năm 1527 Đăng Dung giết Hoàng Đệ Xuân và tự xưng làm vua lập nên nhà Mạc.

Nhà Lê Trung Hưng: (1533-1788).

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê. Khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, ông dẫn con em trốn sang Ai Lao. Năm 1533 lập con thứ vua Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao tức là Lê Trang Tôn. Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm. Nguyễn Kim thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con, Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công Lê Trù

lên làm vua tức là Lê Anh Tôn. Lê Trừ là anh vua Lê Thái Tổ.

Năm 1570 Đuan Quận Công Nguyễn Hoàng là con Nguyễn Kim, lĩnh các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua . Đó là Lê Thế Tôn.

Năm 1593 Đuan Quốc Công Nguyễn Hoàng từ Thuận Hoá vào châu được phong là Thái Úy Đuan Quốc Công, cầm quân đánh giặc miền Đông Nam. Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hoá.

Lê Thế Tông (1573-1599).

12. Năm Bính Tuất (1586):

Thủy tai:

Tháng Sáu:

Nước sông Mã thịnh linh dâng cao tràn ngập cả vào thành Tây Đô, mặc dù bấy giờ Thanh Hoa không hề có mưa gió. Dòng sông chảy ngược xiết mạnh như tên bắn, cây gỗ ngổn ngang nghẽn cả sông, nhiều nhà trôi ra biển.

Hoả tai:

Tháng Tám: Quân doanh An Tràng bị hoả tai, cháy tất cả trại quân, phòng, dinh, công đường, phố xá đến vài nghìn nóc nhà. Cháy từ giờ Ngọ đến giờ Thân mới dập tắt được. Mẹ của Trịnh Tùng là Nguyễn Ngọc Bảo chết cháy. Tùng phải lánh ở chỗ khác để cư tang.

Lại thủy tai:

Tháng Chín, Thanh Hoa có thủy tai lớn, từ tháng Chín đến tháng mười mưa dầm hàng tuần, nước lụt lên gấp 7 lần . mất mùa dân chết đói. Núi ở Thanh Hoa lại bị sụt lở.

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi. Đó là vua Thần Tôn. Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là vua Chân Tôn.

Lê Chân Tôn (1644- 1662)

13. Năm Bính Tuất (1646):

a. Đàng Ngoài: Mưa đá ở Kinh Sư. Đuộc mùa.

b. Đàng Trong: Chúa Nguyễn Phúc Lan (1636- 1648).

Định phép thi 9 năm một kỳ, học trò đều đến công phủ để ứng thí. Thi Chính Đờ để lấy người thi đậu ra làm quan tương tự như thi Hương, thi Hội ở Đàng Ngoài. Thi Hoa Văn lấy người chữ viết tốt làm thư lại.

Lê Huyền Tôn (1663- 1672).

Lê Gia Tôn(1672- 1675).

Lê Hy Tôn (1676- 1705).

Lê Dụ Tông (1706- 1734).

14. Năm Bính Tuất (1706).

a. Đàng Ngoài:

b. Đàng Trong: Chúa Nguyễn Phúc Chu (1692-1706):

Mùa Hạ, tháng Tư mưa dầm, nước lụt nhiều nhà bị trôi.

Lê Ý Tôn(1735- 1739).

Lê Hiến Tôn (1740- 1786).

Năm Bính Tuất (1766):

a. Đàng Ngoài: Mưa dầm, Kinh Bắc nước ngập, vỡ đê.

b. Đàng Trong: *Chúa Nguyễn Phúc Thuần (1766- 1774):*

Vua Phung Xiêm La đã sửa soạn chiến thuyền , định ngày đánh Hà Tiên. Tổng Binh Mạc Thiên Tứ phi báo về Gia Định. Chúa Nguyễn sai đem thuyền chiến và 1000 tinh binh đóng giữ Hà Tiên để phòng ngừa giặc Xiêm.

Nhà Nguyễn (1802-1945).

Niên hiệu Gia Long (1802-1819).

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840).

14. Năm Bính Tuất (1826),

.Mùa Xuân, tháng Ba:

Thi Hội, quan trường chỉ lấy đỗ 9 người đều là hạng Thứ dăng lên, vua bảo bộ Lễ rằng: “*Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, để ý đến việc văn trị, làm nhà học, thêm sinh viên, bổ thêm quan chuyên việc giáo dục, đào luyện nhân tài không phải là mới một ngày. Nay thi Hội hơn 200 mà không được một người nào hạng Ưu khiến ta không được vui lòng lắm. Hữu ty điểm duyệt quá câu nệ khe khắc mà ra thế chằng ?*”. Sai tiến tên họ những người đỗ đề xem, gồm 9 người như sau:

Đặng Văn Khai quê ở Bắc Ninh,

Nguyễn Huy Hựu quê ở Hải Dương,

Vũ Đức Mẫn quê ở Nghệ An,

Vũ Tôn Phan quê ở Phú Phụng Thiên, Bắc Thành,

Ngụy Khắc Tuân quê ở Nghệ An,

Hoàng Tế Mỹ quê ở Sơn Tây,

Nguyễn Văn Thắng quê ở phủ Phụng Thiên, Bắc Thành,

Chu Văn Nghị quê ở Bắc Ninh,

Tô Trân quê ở Bắc Ninh.

Vua bảo Thị Thần rằng : “*Nay thiên hạ một nhà, Nam Bắc đều tôi con của trẫm. Cho nên Nam hiền thì dùng Nam, Bắc hiền thì dùng Bắc, không phải có thiên tư. Vả lại học trò Nam hay Bắc đều là ở trong một nền giáo dục, học lực tương cũng không hơn kém nhau. Vậy mà nay 9 quyển đồ đều là người Bắc là sao thế ? Nên lựa lấy một hai người từ Thừa Thiên trở vào Nam để cổ lệ sĩ phong mới phải*”.

Thế là quan trường chọn thêm Phan Thanh Giản, quê ở Vĩnh Thanh cho đủ số 10 người. Vua y cho.

Khi vào Đình Thí, kết quả có 2 người là Hoàng Tế Mỹ và Nguyễn Huy Hựu đậu Đệ Nhị Giáp Tiến Sĩ Xuất Thân (gọi là Hoàng Giáp), còn 8 người thi đều đỗ Đệ Tam Giáp Đồng Tiến Sĩ Xuất Thân (gọi tắt là Tiến Sĩ) mà Phan Thanh Giản đỗ đầu trong tám người này.

Phan Thanh Giản từng chìm nổi trên bước đường hoạn lộ trải 3 triều vua lên đến chức Hiệp Biện Đại Học Sĩ lãnh Thượng Thư bộ Binh. Năm Nhâm Tuất 1862, niên hiệu Tự Đức thứ 15, ông và Hiệp Biện Đại Học Sĩ Lâm Duy Thiếp xin đi vào Gia Định nghị hoà với quân Pháp và Y Pha Nho. Ông được cử làm Chánh Sứ, Lâm Duy Thiếp làm Phó Sứ Toàn Quyền Đại Thần. Trước khi đi vua rót rượu của vua dùng ban cho, rồi dụ rằng: “**Đất đai quyết không thể nào cho được....**” Kịp khi hai viên ấy đến Gia Định bèn đem đất 3 tỉnh Gia Định, Biên Hoà, và Định Tường nhường cho Tây Dương.

Vua nói : “**Thương thay con đồ của lịch triều, nào có tội gì? Hai viên này chẳng những có tội của bản triều mà là người có tội của nghìn muôn đời vậy**”.

Đình thần bàn xét xin bắt tội. Vua bèn giáng Lâm Duy Thiếp xuống Thượng Thư lãnh Tuần Phủ Thuận – Khánh, Phan Thanh Giản làm Tổng Đốc tỉnh Vĩnh Long cùng lo việc lấy lại 3 tỉnh ấy để chuộc tội.

Nhà vua ngày ngày trông ngóng Phan Thanh Giản, dụ rằng: “**... Trẫm ngày ngày mong tin người thu lại 3 tỉnh ấy báo cho trẫm, thì người già sử chẳng may có chết cũng nhắm được mắt, trẫm cũng yên tâm. Không thế thì cùng với người cùng mang tội đến muôn đời không bao giờ chuộc được.....nói đến đau lòng không thể viết được nữa, tuy cách xa muôn nghìn dặm, như nói ở trước mặt người, người còn không tự để lụy hay sao?**”.

Sau đó, tháng Năm năm Đinh Mão (1867) quân Pháp đem quân vây tỉnh thành Vĩnh Long và đòi giao 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên cho chúng. Ông giao thành

Vĩnh Long cho Pháp rồi uống thuốc độc tự tận. Ông bị kết tội: “*Nguyên Hiệp Biện Đại Học Sĩ lãnh Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản, trước đã cùng Lâm Duy Tiếp sơ xuất định việc hòa ước, đem 3 tỉnh Gia Định, Biên Hoà, Định Tường khinh thường giao cho người.*”

Đi sứ lại không được việc.

Sau lại sung Kinh Lược Sứ lại để lỡ cơ hội, nên các tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên đều mất. Hai tội đều nặng cả, xét phải tội chết, chưa đủ che được tội.

Vậy Phan Thanh Giản cho cùng với Lâm Duy Thiếp đã quá cố đều truy đoạt lại chức hàm, và đục bỏ tên ở bia Tiến Sĩ, để mãi cái án trảm giam hậu. Giết kẻ chết để răn về sau.”

.Đặt chức Phó Tổng phụ tá cho Cai Tổng.

.Xây đắp cửa Hải Vân ở đỉnh núi Hải Vân, phía trước và phía sau đặt một cửa quan, phía trước viết ba chữ:”Hải Vân Quan”, phía sau viết sáu chữ:” Thiên Hạ Đệ Nhất Hùng Quan”

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1847).

Niên hiệu Tự Đức (1848- 1883).

Niên hiệu Hiệp Hoà(1883)

Niên hiệu Kiến Phước(1884)

Niên hiệu Hàm Nghi(1885)

Niên hiệu Đồng Khánh (1886-1889)

15. Năm Bính Tuất (1886):

Phía Pháp:

. Tổng Thống Pháp bổ nhiệm Paul Bert sang cai trị Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Đặt Trung Kỳ và Bắc Kỳ thuộc bộ Ngoại Giao chứ không còn trực thuộc bộ Chiến Tranh nữa.

. Làm con đường bộ qua đèo Hải Vân.

. Thành lập Ủy Ban Tư Vấn (Commission Cosultative). Thành viên của Ủy Ban được lựa chọn từ hàng ngũ Chánh, Phó Tổng, qua một cuộc bầu cử.

. Thành lập Phòng Thương Mại Hải Phòng và Phòng Thương Mại Hà Nội.

. Thiết lập Bắc Kỳ Hàn Lâm Viện (Académie Tonkinoise).

. Pháp điều quân từ Gia Định ra đàn áp phong trào Cần vương ở các tỉnh miền nam Trung Kỳ và đánh chiếm lại hai tỉnh Bình Thuận, Khánh Hoà..

Phía Đồng Khánh:

. Cho thành lập Đại Nam Long Tinh Viện để khen tặng các giới chức Pháp- Việt.

.Lập Cục Đại Nam Công Báo, giao cho sử quán trông coi.

. Đổi tên các xã, huyện để khỏi trùng âm với tên húy và tên hiệu của vua: Huyện: Đường Hào ra Mỹ Hào, Đường An ra Năng An, Thủy Đường ra Thủy Nguyên. Xã Chính Mông đổi ra xã Chính Lộ.

.Quan viên từ Ngũ Phẩm trở lên đều được dùng xe tay (xe kéo) để thay cho kiệu.

. Thiết lập chức Kinh Lược Bắc Kỳ, có toàn quyền thay mặt triều đình để cai quản Bắc Kỳ.

.Thành lập lại Đại Lý Tự.

.Xét lại những án cũ :Do Nguyễn Hữu Độ tâu bày các đại thần quá cố là Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Trương Văn Uyên đều là đại thần kỳ cựu của tiên triều, từng làm quan khắp cả trong ngoài, rất có công lao; năm trước phải tội đều là việc công cả vua y cho giao bộ Lại xét và đình thần hội bàn. Vuy y cho.

Nguyễn Vũ Hiền Đại Học Sĩ(Chánh Nhất Phẩm)Trí Dũng Tướng , Tráng Liệt Bá sung Bắc Kỳ Tuyên Dụ Đồng Sát Đại Thần Nguyễn Tri Phương khai phục Vũ Hiền Đại Học Sĩ, Tráng Liệt Bá, được thờ ở án chính đền Hiền Lương.

Nguyên Hiệp Biện Đại Học Sĩ sung Vĩnh Long, An Giang. Hà Tiên Kinh Lược Sứ Phan Thanh Giản khai phục Hiệp Biện Đại Học Sĩ (Tòng Nhất Phẩm).

Nguyên Hiệp Biện Đại Học Sĩ Lâm Duy Thiệp giáng xuống Thượng Thư lãnh Tuần Phủ Bình Thuận được truy phục Thị Lang bộ Binh (Chánh Tam Phẩm).

Nguyên Thượng Thư bộ Hộ thự Hiệp Biện Đại Học Sĩ Trương Văn Uyên được truy phục Hồng Lô Tự (Chánh Tứ Phẩm).

. Lấy khu vực trường thi Hà Nội để xây dựng Nha Kinh Lược.

Phía Ứng Nghĩa Cần Vương:

. Xây căn cứ Ba Đình do thủ lĩnh Đinh Công Tráng, Trần Xuân Soạn, Lê Toại, Phạm Bành chỉ huy. Ba đình thuộc huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá. Ba thôn Mỹ Khê, Thượng Thọ và Mậu Thịnh có đình nằm gần nhau nên gọi là Ba Đình.

. Nghĩa quân Quảng Ngãi và Bình Định kéo đến toan chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi

. Nghĩa quân Thanh Hoá tấn công huyện lỵ Đông sơn và tỉnh lỵ Thanh Hoá.

. Nghĩa quân đốt phá huyện Nông Công, Quảng Xương giết chết Tri Huyện, Bang Tá và Lãnh Binh.

. Nghĩa quân phục kích đoàn quân chở lương thực của quân Pháp trên đường Đồng Đăng- Na Chàm.

. Nghĩa quân tấn công đồn Tham Muội của Pháp trên đường Bắc Lệ- Lạng Sơn.

. Nghĩa quân Khánh Hoà đốt phá Nha Điền Nông.

Nghĩa quân Quảng Bình đang đem kéo đến bao vây tỉnh thành Quảng Bình nhân khi quan đầu tỉnh ra ngoài đón vua Đồng Khánh.

. Nghĩa quân Quảng Trị đốt phá phủ nha Triệu Phong.

. Nghĩa quân Thanh Hoá tấn công đốt phá huyện nha Hậu Lộc; đánh phá phủ Hà Trung, giết chết Thương Tá tỉnh và bắt sống Phó Lãnh Binh.

. Nghĩa quân các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận nổi dậy chiếm tỉnh thành các tỉnh ấy và đánh bại các cuộc phản công của triều đình để giành lại ba tỉnh ấy.

. Nghĩa quân Quảng Bình tấn công tỉnh thành Quảng Bình, đốt phá trại lính, đốt hết cả giấy tờ sổ sách.

. Nghĩa quân Quảng Nam đánh chiếm huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Quân của Nguyễn Thân bị thiệt hại nặng. Sau trận này triều đình Huế phải xin Khâm Sứ Pháp viện trợ thêm 200 khẩu súng và một vạn viên đạn.

16. Năm Bính Tuất (1946):

Tháng Hai: Hồ Chí Minh muốn trao quyền lại cho Cố Vấn Vĩnh Thụy vì bộ mặt Công Sản của ông đã hiện ra nên không được Đồng Minh tín nhiệm. Nhưng sau vì lấy vàng do thu được trong Tuần Lễ Vàng do Việt Minh tổ chức đem lo lót tướng Tiêu Văn nên hẳn ta đã dùng tướng Lư Hán làm áp lực phe Quốc Gia nhất là phe Việt Nam Quốc Dân Đảng để buộc họ tham gia vào chính phủ và cùng chịu trách nhiệm ký hiệp ước với Pháp. Thành ra Hồ Chí Minh thôi ý định đó.

Tháng Ba, ngày Sáu : Ký Hiệp Ước Sơ Bộ giữa Pháp-Việt Nam.

Một bên là Chánh Phủ Cộng Hoà Pháp Quốc do ông Sainteny đại diện của Thượng Sứ Pháp là Đô Đốc D'Argenlieu, Đặc Sứ Toàn Quyền của Công Hoà Pháp Quốc; một bên là Chính Phủ Việt Nam do Chủ Tịch Hồ Chí Minh và Đại Diện Hội Đồng Bộ Trưởng Vũ Hồng Khanh.

Ký tên: Sainteny, Salan, Võ Nguyên Giáp.

Trong hiệp ước có điều quan trọng là: "... chính phủ Việt Nam tuyên bố sẵn sàng tiếp đón quân đội Pháp, theo đúng tinh thần quốc tế, khi quân đội này kéo vào tiếp quản quân Tàu." Và trong phụ ước về hiệp định sơ bộ giữa Chính Phủ Cộng Hoà Pháp Quốc và Chính Phủ Việt Nam thì: " Những đơn vị này sẽ lần lượt được rút hết và, thay thế bằng quân lực Việt Nam, theo tỷ lệ 1/5 hàng năm. Như vậy, số quân đội Pháp sẽ rút đi hết trong vòng thời gian là năm năm."

Ngày Mười Sáu:Cố Vấn Vĩnh Thụy cùng phái đoàn sang Trung Hoa. Phái đoàn trở về bỏ Cố Vấn Vĩnh Thụy ở lại.

Tháng Tư :Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp thành lập. Chủ tịch mặt trận là Hoàng Anh tức Giáo Chủ Hoà Hảo Huỳnh Phú Sổ; Phó Chủ tịch là Chi Huy Trường Đệ Nhị Sư Đoàn Dân Quân Cách Mạng Vũ Tam Anh, một trong số 4 Sư Đoàn Dân Quân Cách Mạng đang kháng chiến chống Pháp tại vùng Sài Gòn, Gia Định, Biên Hoà, Tây Ninh, Mỹ Tho; Tổng Thư Ký là Mai Thọ Trân. Cuộc họp được tổ chức tại bà Quẹo thuộc tỉnh Gia Định về sau được nổi tiếng là **Mười Tám Thôn Vườn Trầu** với mục đích huy động lực lượng các đoàn thể tôn giáo, chính trị, quân sự và quần chúng chống Pháp, cùng chống lại âm mưu khủng bố của Việt Minh nhằm tiêu diệt những người yêu nước chống Pháp nhưng không theo Cộng Sản.(chỉ riêng một ngày, ngày 8 tháng 10 năm 1945, cả hàng trăm nhà trí thức Nam Bộ chống Pháp nhưng không theo Việt Minh đã bị Việt Minh bắt và đem đi chôn sống tại sông Lòng Sông, Phan Thiết)

Tháng Bảy, ngày mồng Sáu: Hội Nghị Fontainebleau.

Thừa cơ hội hội nghị này, tại trong nước Việt Minh bủa lưới tàn sát những thành phần yêu nước chống Pháp không theo Việt Minh một cách khốc liệt, trong khi cơ quan tuyên truyền của Việt Minh tìm mọi cách bôi nhọ họ trước dân chúng. Rất nhiều người bị giết, vị thủ tiêu. Một số chạy vào nơi Pháp chiếm đóng, một số chạy thoát được ra nước ngoài. Vụ đàm phán thất bại ở Fontainebleau, Hồ Chí Minh quyết chọn con đường chiến tranh.

Tháng Chín:Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng thành lập.

Lúc đầu đã có hơn một triệu đảng viên, nòng cốt vốn là tín đồ của Phật Giáo Hoà Hảo. Ngoài ra, một số nhà trí thức yêu nước miền Nam tham gia như Nguyễn Văn Sâm, Trần Văn Thu, Nguyễn Văn Ân, Nguyễn Bảo Toàn.... Ngoài chủ trương tranh đấu cho công bình xã hội, đảng vừa chống Pháp vừa chống lại Việt Minh Cộng Sản.

Tháng Mười: Cố Vấn Vĩnh Thụy qua Hồng Kông, chính quyền Hồng Kông đưa về ngụ ở Biệt thự Republic Bay.

. Một số những người yêu nước chống Pháp không theo Việt Minh chạy được ra ngoại quốc, đến Hồng Kông gặp gỡ tại biệt thự Cố Vấn Vĩnh Thụy đang cư ngụ: Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, Luật Sư Trần Văn Tuyên thuộc Việt nam Quốc Dân Đảng; Nguyễn Hải Thần thuộc Đồng Minh Hội. Phạm Công Tắc, Bác Sĩ Lê Văn Hoạch thuộc Cao Đài Giáo, Trần Văn Soái thuộc Hoà Hảo, bác Sĩ Phan Quang Đán thuộc phe Xã Hội, các ông Trần Trọng Kim, Ngô Đình Diệm, Phan Văn Bính, Dược Sĩ Phan Văn Giáo.....Pháp âm thầm dùng Cựu Hoàng Bảo Đại làm lá bài cho mình trong ván bài chính trị.

Phía bên chính phủ Việt Minh thì cử Bác Sĩ Phạm Ngọc Thạch, Chánh Văn Phòng của Hồ Chí Minh, làm nhiệm vụ liên lạc với Cựu Hoàng Cố Vấn và tiếp tế cho mấy lạng vàng lá và muốn :“ Hoàng Thượng nên cảnh giác người Pháp và đề phòng cả bọn Việt gian làm tay sai cho Pháp”.

Tháng Mười Hai : ngày Mười Chín súng bắt đầu nổ, đưa đến cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Minh.

Dân Việt Nam đứng trước hai gọng kềm của Thực Dân và Cộng Sản: Cộng Sản thì lợi dụng lòng yêu nước của dân với danh nghĩa đánh Pháp để thoát ách nô lệ, nhưng lại thay vào đó tròng vào cổ dân tộc ta một cái ách to lớn nặng nề hơn là ách Cộng Sản.

Bên thực dân Pháp tìm cách ve vãn hòng tròng lại ách nô lệ vào dân ta một lần nữa.

Những thành phần yêu nước có thành tích chống thực dân Pháp, không theo Cộng Sản, rất khó khăn trước bước đường tranh đấu giành độc lập đem lại tự do, hạnh phúc thực sự cho quốc gia dân tộc.

17. Năm Bính Tuất (2006): Chờ xem.

TRÁC NHƯ

Lời tòa soạn:

Đây là những nhân vật trọng yếu trong cuộc khởi nghĩa thành công của Tây Sơn; gồm:

Tây Sơn Tam Kiệt

Tây Sơn Thất Hồ Tướng

Tây Sơn Lục Kỳ Sĩ

Tây Sơn Ngũ Phụng Thư

và 5 con ngựa hay người đời thường gọi là:

Tây Sơn Ngũ Thần Mã

Kính mời quý bạn đọc thưởng lãm.

TÂY SƠN TAM KIỆT

1. TRUNG ƯƠNG HOÀNG ĐẾ THÁI ĐỨC NGUYỄN NHẠC

Đúc gương mài kiếm vì đời
Trung Ương Hoàng Đế vá trời đập non
Nghĩa kỳ phát phối Tây Sơn
Thu gom hào kiệt tiếng đồn thiên thu

2. BẮC BÌNH VƯƠNG QUANG TRUNG NGUYỄN HUỆ

Tài dẫm núi – chí băng rừng
Hô quân sóng dậy lửa bình bắc nam
Đập phăng hào lũy tường thành
Chiến công hiển hách sử xanh còn truyền

3. ĐÔNG ĐỊNH VƯƠNG NGUYỄN LỮ

Xông pha trăm trận thư hùng
Vương gương Tiết Chế – vẫy vùng yên cương
Dọc ngang vó ngựa rợp đường
Trấn uy Gia Định – điều phương nam thù

TÂY SƠN THẮT HỔ TƯỚNG

1. TRẦN QUANG DIỆU

Xuất môn thi triển tài rồng
Quyết đem bảo kiếm Huỳnh Long giúp đời
Nước non loạn bốn phương trời
Hiệu kỳ Đô Đốc sáng ngời quân doanh

2. VÕ VĂN DŨNG

Lâu thông trường kiếm, đoản đao
Cỡi thuyền chém ngọc – phóng lao giết kinh
Vung tài khiển tướng yên binh
Thu thành, đoạt ấn, an dinh, lập quyền

3. LÊ VĂN HƯNG

Ngọn roi Đê Đốc tuyệt trần
Khởi từ An Đông, Bình Thành ra quân
Rừng Ông Nhạc – núi Tây Sơn
Làm nên động địa kinh như lấy lừng

4. NGUYỄN VĂN TUYẾT

Súc cử đỉnh – tài chém rồng
Võ văn thao lược góp công cứu đời
Gò Chàm địa lợi, thiên thời
Cờ Tả Đô Đốc rợp trời An Nhơn

5. VÕ ĐÌNH TÚ

Mười năm văn võ miệt mài
Tình thông binh pháp – dư tài lược thao
Thiết côn vô địch cờ trao
Danh Đại Tổng Lý lập trào an bang

6. NGUYỄN VĂN LỘC

Xương thịt sắt – gan dạ đồng
Tướng quân Đô Đốc dốc lòng phò nguy
Vó chân ngựa ruổi rong đi
Hạ thành Tuy Viễn – dương kỳ góp công

7. LÝ VĂN BƯU

Phi Vân Báo (beo Đại Khoan)
Phóng lao xuất chúng – múa gươm tài thần
Bắn cung, phi ngựa tuyết trần
Dấu chân chiến tích dẫm ngàn bắc nam

TÂY SƠN LỤC KỶ SĨ

1. NGUYỄN THUNG

Vung tay thu vén nhân tài
Bốn phương hào kiệt trong ngoài nước danh
Một phen sáng khoái tung hoành
Đệ Nhị Trại Chủ công thành sử thom

2. VÕ XUÂN HOÀI

Bình Khê hiển sĩ nghĩa dày
Văn chương lịch lãm – thông lầu sử kinh
Đèo An Khê – lễ tiến binh
Lãnh Đại Học Sĩ xuất chinh tông quyền

3. CAO TẮC TỰU

Thông binh pháp – lầu văn thơ
Quân trung hiến kế – trận ngoài dự mưu
Đại Học Sĩ Hiệp Biện tài
An bang xã tắc miệt mài vì dân

4. LA XUÂN KIỀU

Phù Ly chữ nghĩa rục miền
Võ văn kiêm lĩnh – trận tiền vào ra
Bắn cung giỏi – cỡi ngựa tài
Hiệp Biện Học Sĩ trong ngoài nức danh

5. TRIỆU ĐÌNH TIỆP

Rừng Nhơ biển thánh thông lầu
Hiệp Biện Học Sĩ ghét trau phiếm phù
Vào ra thanh nhã ôn nhu
Trị dân nghiêm nghị – định mưu xuất thân

6. TRƯƠNG MỸ NGỌC

Tài trai khí phách lẫy lừng
Tới lui vấp cảnh nhiều nhưong loạn thời
Dem thân phù thế tung trời
Hiệp Biện Học Sĩ lưu đời phương danh

TÂY SƠN NGŨ PHỤNG THƯ

1. BÙI THỊ XUÂN

Giang sơn hun đúc hiền tài
Nước non Tuy Viễn chuốt dài thước gươm
Quyền môn, song kiếm, nhuyễn tiên
Nhưng yên Đổng Lý – ba miền ruổi rong

2. BÙI THỊ NHẠM

Tài kiếm khách – đức mẫu nghi
Bao dung hào kiệt – võ uy trưởng rông
Dem tâm huyết nối giáo, đồng
Ba quân dưới trướng nghiêng lòng về theo

3. TRẦN THỊ LAN

Hổ Trường Định – én Thời Hòa
Thân nhanh lạnh đất – kiếm lòn khí mây
Gò Chàm thuở ấy riêng tây
Chút duyên cầm sắt chung bày trung can

4. NGUYỄN THỊ DUNG

Bước từ Lạc Phổ bước ra
Tắm thân chìm nổi – Xuân Hòa ruổi rong
Thanh gươm yên ngựa nổi dòng
Tây Sơn ngũ phụng má hồng thi gan

5. HUỲNH THỊ CÚC

Đất Đông Quang sinh gái hiền
Gươm Quang Trung luyện trung kiên cho người
Kẻ từ trắng tỏ đôi mươi
Nương cờ khởi nghĩa – anh thư lấy lòng

TÂY SƠN NGŨ THẦN MA

1. BẠCH LONG CÂU

(Ngựa của Trung Ương Hoàng Đế Thái Đức

NGUYỄN NHẠC)

Ngựa trời Hãnh Hót tiên phong
Vó câu vạn dặm ruổi rong vút mây
Mây qua, đạn xẹt, tên bay
Đánh dư trăm trận – vào ra tung hoành

2. XÍCH KỲ THẦN MÃ

(Ngựa của Đại Đô Đốc
NGUYỄN VĂN TUYẾT)

*Duôi đen, lông tía, bờm kỳ
Vốn dòng Bắc Thảo gan lì tinh khôn
Bao phen tả đội hữu xông
Xoải băng nghìn dặm phá vòng kìm quân*

3. Ô DU THẦN MÃ

(Ngựa của Tướng ĐẶNG XUÂN PHONG)

*Lông đen nhánh – vó thon dài
Dáng phi uyển chuyển khoan thai cạp vờn
Vào ra trận mạc không sờn
Tinh đen nghĩa bạc lệ hờn quân trung*

4. NGÂN CÂU CHIẾN MÃ

(Ngựa của Nữ Tướng BÙI THỊ XUÂN)

*Long lạnh sắc trắng mây trời
Vóc to, sức mạnh sáng ngời dặm đêm
Từ Rạch Gầm chém tướng Xiêm
Đâu Mâu phò chúa – Giáp Sơn cứu chồng*

5. HỒNG LƯ CÂU

(Ngựa của Đô Đốc LÝ VĂN BƯU)

*Lông hồng thanh nhã tuyệt trần
Thon bụng dỏi cỏ – cao chân xoải dài
Tài phi nhanh – sức dẻo dai
Vó tung nam bắc chưa phai sóng gào*

VÕ THẠNH VĂN

Văn Võ Bình Định

Nguyễn Quý Đại

Bình Định nằm dọc theo các tỉnh duyên hải. Quốc lộ 1 chạy ngang qua và quốc lộ 19 nối Qui Nhơn với các tỉnh Tây Nguyên. Bình Định nơi còn nhiều di tích văn hoá lâu đời của dân tộc Chiêm Thành, những ngọn tháp Chăm nguy nga, cao vòi vọi còn tồn tại đến ngày nay. Ở huyện Phù Cát có tháp Phúc Lộc tục gọi là Phốc Lốc. An Nhơn có tháp Cánh Tiên. Tuy Phước có tháp Bánh Ít, tháp Thanh Trúc ở Bình Lâm, tháp Long Triều ở Xuân Mỹ. Qui Nhơn có tháp Đồi. Bình Khê có tháp Thủ Thiệu và tháp Dương Long.

*Bình Định có núi Vọng phu
Có đầm Thi Nại, có cù lao Xanh
Có Côn, có Cỏ, có Gành
Có non, có nước, có mình có ta*

Ca dao

Sự ảnh hưởng văn hoá Việt-Chiêm, từ năm bính ngọ 1306, vua Chiêm Thành là Chế Mân (Jaya Simhavarman III trị vì năm 1288-1307) cưới Huyền Trân công chúa, sinh lễ là hai châu Ô và Lý (Rí) vua Trần Anh Tông (trị vì 1293-1314) là anh của Huyền Trân công chúa thu nhận 2 châu trên đổi thành Thuận Châu và Hoá Châu và sai Đoàn Nhữ Hài vào kinh lý đặt quan cai trị. Khi nhà Trần suy vi, vua Chiêm là Chế Bồng Nga (Pô Bin swor trị vì 1360-1390) đã nhiều lần đánh chiếm lại đất từ Nghệ An trở vào Nam, và tiến quân cướp phá các vùng

phía bắc cho đến năm 1390 đánh phá tới sông Hoàng Giang, Chế Bồng Nga bị bắn chết. Từ đó quân Chiêm Thành suy yếu, năm Nhâm Ngọ 1402 Hồ Hán Thương (1401-1407) sai Đỗ Mãn đem quân đánh Chiêm Thành vua Chiêm Ba Đích Lại (Virabhadrarvarman) xin nhường đất Thăng Bình, nhưng Hồ Quý Ly đòi thêm vùng Cổ Luỹ Động (Quảng Ngãi)

Năm Canh Thìn (1470), Hồng Đức vua Chiêm là Trà Toàn đem quân đánh phá Hóa Châu, và sai người sang Tàu cầu viện nhà Minh. Vua Lê Thánh Tông tự cầm quân, đem đại binh 20 vạn quân đánh Chiêm Thành, phá được kinh đô là thành Đồ Bàn (Vijara) và chiếm đất đến đèo Cù Mông. Từ đấy, miền này được sát nhập vào Đạo Quảng Nam, đặt tên là phủ Hoài Nhơn (có nghĩa ôm ấp tình người) gồm ba huyện là Bồng sơn, Phù ly và Tuy viễn.(1) Di dân người Việt đến lập nghiệp, người Chiêm Thành đã rút về phía Nam. Để đề phòng việc Chiêm Thành đòi hoặc cướp lại đất, nên các vua Đại Việt đã đưa quân tinh nhuệ đến đây trấn thủ, đó là những tinh binh võ nghệ cao cường... Những người lính này về sau ở lại lập nghiệp và họ cũng như con cháu không quên giữ gìn truyền thống thượng võ.. vì sinh tồn của lưu dân, họ đã có căn bản võ từng chiến đấu trong cuộc Nam tiến, học thêm các thế võ của người Chiêm, Trung Hoa, xem gà đá sáng chế ra Hùng Kê quyền ..phát triển ngành võ thuật

Từ cuối năm Mậu Ngọ (1558), Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận hoá, lập nên xứ Nam Hà, cho đến năm Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc (? .1793) khoảng 29 tuổi cùng em, Nguyễn Huệ (1753-1792) 19 tuổi và Nguyễn Lữ (?-1788) người làng Kiên Mỹ đất Tây sơn, sau này là thôn Kiên Mỹ, xã Bình Thành, huyện Bình Khê

nay là huyện Tây Sơn.. Thấy được sự lợi hại của võ Bình Định, anh em Nguyễn Huệ đã áp dụng võ vào chiến thuật trong cuộc khởi nghĩa ở Gò Tô đất Tây Sơn và phát huy võ học Bình Định. Trong binh đội Tây Sơn, mỗi chiến sĩ là một võ sĩ. Sự huấn luyện quân đội, căn bản là tập võ dựng cờ, võ Bình Định đã tiến một bước dài, phát triển đầy đủ các môn binh khí. Đặc điểm của võ Tây Sơn là mỗi thế võ đều có bài thiệu đi kèm, tức là phần lý thuyết được diễn thành thơ có vần, có điệu cho dễ đọc, dễ nhớ. Người học võ, phải thuộc lòng bài thiệu, đọc đến đâu múa đến đó, lý thuyết ăn khớp với thực hành. Lối học võ này rất tiện cho việc luyện tập nhiều người cùng một lúc, được áp dụng trong trường huấn luyện quân đội của Tây Sơn, còn sáng chế ra điệu trống trận Tây Sơn. Người đánh, cùng một lúc sử dụng nhiều trống, tối đa 12 cái, và phải dùng thế võ côn quyền mới đánh được. Đánh bằng dùi cả hai đầu, gọi là roi trống, vừa đánh cả hai bàn tay, cổ tay, cùi chỏ, vai... làm cho tiếng trống phát ra những âm thanh khác nhau, nghe rất hùng tráng. Lúc ra trận, dùng hai trống lớn, đánh theo võ nhạc trận, âm thanh vang xa, dồn dập, kích động. (2)

Sự kiện chàng Lía tên thật là Võ Văn Đoan, còn lưu lại một bài vè dài 1400 câu, lưu truyền trong dân gian, đã phản ánh phần nào tình trạng võ nghệ ở Bình Định. Bình Định là vùng đất kết hợp giữa Văn và Võ. Ngành võ thuật ở Bình Định đã nảy sinh những thiên tài quân sự như nữ tướng Bùi Thị Xuân (?- mất 1802) Tăng Bạc Hồ (1858-1906), Mai Xuân Thưởng (1860-1887) và nhiều danh tài lỗi lạc khác&Võ Bình Định lấy nhu thắng cương, các quyền cước biến hóa rất ngoại mục và nguy hiểm, Quyền đánh bằng tay chân còn gọi là thảo bộ như : thảo

bộ Phụng Hoàng, Tứ Hải, Thiên Sư, Ngọc Trản, Thần
Đông, Lão Mai Độc Thọ...

Roi : lối đánh võ bằng gậy, còn gọi là côn. Roi phải vừa
cỡ tay nắm người sử dụng thì đường roi mới mạnh và
nhanh. Có hai loại : roi trường và roi đoản. Roi trường là
roi trận, dài khoảng 2,50 mét, đầu lớn là đốc roi, đầu nhỏ
là ngọn roi, bài roi như Tấn Nhất Ô Du

Ai về Bình Định mà coi

Con gái Bình Định múa roi đi quyền

Ca dao

Trong một bài quyền hay trong một chiêu thức, võ
sinh có thể kết hợp chiêu thức của các bài quyền khác
nhau để tạo ra chiêu thức mới, “kẻ khéo thắng cốt ở chỗ
thật mềm dẻo, chứ không phải lấy nhiều hiệp ít, lấy mạnh
đề yếu”. Võ Bình Định đã bị thất truyền vì thời từ thời
vua Gia Long (trị vì từ 1802-1820) thống nhất sơn hà, đã
cấm đến 60 năm sau, Năm 1858, liên quân Pháp và Tây
Ban Nha đánh chiếm bán đảo Sơn trà, Đà nẵng. Năm
1859, thành Gia định thất thủ. Năm 1861, mất Định Tường,
đảo Côn lôn và Biên hòa. Năm 1867, Pháp chiếm nốt ba
tỉnh miền Tây Nam kỳ là Vĩnh long, An giang, Hà tiên.

Trước tình thế khẩn trương, cần tăng cường quân
đội để bảo vệ những phần đất còn lại, phải chống lại giặc
Pháp xâm lăng, vua Tự Đức trị vì từ (1848-1883), năm
1867 nhà vua cho thành lập trung tâm tuyển chọn võ quan
ngay trên miền đất võ. Đó là trường thi Hương võ Bình
Định tại phủ An Nhơn, nay là thôn An thành xã Nhơn lộc

huyện An Nhơn. Mở trường thi tuyển chọn nhân tài, từ đó các lò võ ở Bình Định được phép công khai hoạt động

Thời thực dân Pháp đô hộ, từng tổ chức thi đấu võ đài, lúc giao đấu có chiếc quan tài để sẵn, hai người giỏi phải có một người chết, dụng ý bọn Tây để tiêu diệt người tài có võ nghệ cao cường, làm chia rẽ trong môn phái tránh việc nổi dậy chống Tây.. nhưng võ Bình Định vẫn duy trì nhờ "nghề cha truyền con nối". nhiều võ sư ý thức được thâm độc của thực dân, không vì danh lợi để giết nhau nên họ không tham dự thi đấu võ đài.

Sau khi đánh đuổi thực dân ra khỏi đất nước. Môn võ Bình Định đã được phục hồi và phát triển, năm 1972 Hội võ thuật Bình Định được thành lập với đầy đủ các môn võ của Bình Định. Trước đó chỉ có Phân cuộc Quyền thuật Bình Định được thành lập và trực thuộc vào Tổng Cục Quyền thuật Sài Gòn (Việt Nam Cộng Hòa) Ngày càng ngày hoàn thiện hơn, nhiều võ đường mở khắp nơi ở miền Nam và thế giới như Võ Tây Sơn, Sa Long Cương,

Bình Định còn là cái nôi văn hoá của nghệ thuật tuồng Hát Bội và Bài Chòi, cụ Đào Tấn (1845-1907) lúc 19 tuổi đã soạn tuồng cổ, Tân Dã Đồn nổi tiếng. Năm 22 tuổi đỗ cử nhân làm Tổng Đốc Nghệ An và thăng quan đến Hiệp Tá Đại học sĩ, Thượng thư bộ Công làm quan trải qua ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái . Vì chống lại tay sai Nguyễn Thân bị cách chức về hưu. Cụ lập ra trường học Bộ Đình Vinh Thạnh (nay thuộc huyện Tuy Phước, Bình Định), dạy kịch nghệ, cụ Đào Tấn để lại một kho tàng tuồng cổ giá trị và nhiều người đã tiếp tục

biên soạn tuồng hát cho đến ngày nay. Ngành hát bội bắt đầu xuất hiện ở Bình Định, kết hợp từ lối hát ả đào ở miền Bắc, dân ca, người Bình Định đã sáng tạo ra Hát bội, ảnh hưởng đến các tỉnh ở Quảng Nam, các xã, quận, những gánh hát này thường do anh em bà con dòng họ, lập gánh để hát trong những dịp xuân về, họ dựng rạp hát nơi sân đình rộng sân khấu có màn phong cảnh đẹp. Thời chưa có điện, người ta dùng đèn, “đèn măng-sông” (lampe à manchon). Thành phố lớn, gánh hát chuyên nghiệp trình diễn trong những rạp lớn, bán vé vào cửa, ở Hội an và Đà Nẵng có rạp hát tuồng đều ở đường Phan Châu Trinh một thời rất thịnh hành. Hát bội là một nghệ thuật sân khấu thu hút khán giả thời chưa có cải lương, kịch nói, tân nhạc và phim

Nghệ thuật Hát bội, có 2 yếu tố căn bản là hát và múa theo điệu bộ, hát hay mà múa không đẹp thì không thể trở thành một nghệ sĩ Hát bội đúng nghĩa. Mà muốn múa đẹp thì phải học võ.. Không có yếu tố võ thuật thì sân khấu Hát bội không thể linh động. Năm 1972 tôi tham dự buổi diễn thuyết của nhà văn Nguyễn Văn Xuân ở Hội Khuyến Học Đà Nẵng, chủ đề nói về Nghệ Thuật Hát Bội, ông đã đưa nhiều chi tiết của từng đào kép, Người nghệ sĩ tự vẻ mặt, hoá trang sao cho phù hợp với vai của mình đóng. Đi đứng điệu bộ phải oi hùng...Khán giả danh dự được mời cầm châu, phải là người biết rõ nghệ thuật Hát bội để đánh trống. Nhà văn Nguyễn Văn Xuân đã mời các đào kép nổi tiếng diễn những vai tuồng và phân tích cho khán giả hiểu thế nào gọi là nghệ thuật Hát bội. Xã hội càng văn minh, sân khấu kịch nghệ không ngừng phát triển, bộ môn Hát bội những tuồng cổ điển tích như :

Thoại Khanh Châu Tuấn, Lữ Bố hí Điêu Thuyềndần dần bị quên lãng dần.

Bài chòi, không ai biết chính xác, hội Bài chòi xuất hiện vào thời điểm nào?. Tuy nhiên, theo tác giả Hoàng Chương-Nguyễn Có trong tác phẩm Bài Chòi và Dân ca Bình Định viết những năm gần đây, Bình Định đã phục hồi lại trò chơi “đánh bài Chòi” thu hút đông đảo người tham dự trong những lễ hội mùa xuân. Thời gian trước đây hội Bài chòi không còn phổ biến sâu rộng. Bài chòi thường tổ chức ở ngoài trời, như sân đình hoặc một nơi thoáng rộng. Người ta dựng chín hay mười cái chòi bằng tre chia làm hai dãy. Ở giữa là chòi của “anh hiệu” là người có tài hô bài chòi từ những bài văn vần lục bát, theo điệu hô thai độc xướng. Những bài văn này có khi là truyền khẩu, song cũng có khi người hô ứng tác. Ngoài ra, một ban tổ chức chơi Bài chòi gồm ba người chạy hiệu thu cờ, phát cờ; một thủ quỹ và ban nhạc gồm nhiều nhạc cụ: trống cơm, trống cái, đờn cò, trống châu....Trong dân gian thường truyền khẩu

Cờ bạc là bác thằng bần

Cửa nhà bán hết, ra thân ăn mày

Nhưng Bài chòi là hình thức vui chơi dễ dàng và đơn giản, dựa vào sự may rủi, hên xui đầu năm. Bộ bài chòi gồm 27, chia làm 3 pho: Văn, Vạn, Sách. Mỗi pho có 9 cặp bài có tên gọi riêng. Tùy theo mỗi tỉnh, tên gọi các con bài thay đổi, mỗi pho có chín cặp và ba cặp yêu. Trên những con bài chỉ có tượng hình, không ghi một chữ nào cả, (bộ bài này

1. Pho văn gồm chín cặp: Chín gói, Nhì bánh, Ba bung, Tứ tương, Ngũ rốn, Sáu tiền,, Bảy liểu, Tám miếu, Chín Cu.

2. Pho van gồm chín cặp: Nhất trò, Nhì bí, Tam quăng, Tứ cẳng, Ngũ trượt, Lục trang, Thất vung, Bát bồng, Cửu chùa.

3. Pho sách gồm chín cặp : Nhất Noc, Nhì Nghèo, Ba Gà, Tứ Xách, Ngũ Dum, Sáu Hường, Bảy Thưa, Tám Dây và Cửu Điều.

Ngoài 3 pho 27 cặp, còn có 3 cặp yêu màu đỏ là Lão-Thang-Chi. Đôi khi người ta rút 3 cặp bài bất kỳ, mỗi pho rút một cặp, thế vào đó 3 cặp Yêu. Lão thì gọi Ông Âm, Thang gọi là Thái Tử và Chi gọi là Bạch Huê. Miễn sao bộ thẻ Bài chòi vẫn giữ y số ấn định là 27 cặp, chia đều mỗi pho 9 cặp. Người ta dán 27 con bài lên thẻ tre ngắn đều nhau bỏ vào ống, chân thẻ bài tròn nằm hướng miệng ống. Ngoài ra còn 27 con bài cũng y như vậy, dán vào thẻ lớn. Cứ 3 con bất kỳ dán chung vào một thẻ. Có 9 thẻ phát mỗi chòi một thẻ, nên thẻ lớn còn gọi là thẻ chòi. Người tham dự mua đủ chín thẻ thì cuộc chơi bắt đầu, anh Hiệu hai tay ôm ống đựng thẻ lắc mạnh nhiều lần, khi các con bài đã trộn lẫn vào nhau, anh Hiệu đưa ống cao hơn tầm mắt của anh ta, để có sự công bình và rút một con bài. (nhiều nơi người ta đóng hay cột cái ống bài trên cột nhà cao hơn đầu người). Mọi người hồi hộp chờ đợi tên con bài đang nằm trong tay Hiệu. Lúc ấy tiếng trống châu thúc liên hồi, dàn nhạc cũng dồn dập từng búng, kích thích lòng mong đợi của mọi người. Nhưng Hiệu chưa vội đọc tên con bài. Anh ta múa may, vái chào mọi người rồi mới cất giọng hô điệu bài chòi bằng hai câu thơ hay cả bài lục bát tùy thích.

Dạ! Phát bài đã đủ,
Cho hiệu thủ bài tỳ
Hiu hiu gió thổi ngọn tre,
Chín chòi lặng lặng mà nghe con... bài chường.

Sau con “bài chường” là những con bài kế tiếp khác. Hiệu lại tiếp tục lắc ống rồi rút con bài khác. Và cũng theo thủ tục hô bài như đã nói trên. Ban đầu trong ống có 27 thẻ bài, nhưng bớt dần theo mỗi lần rút thẻ cho đến khi có một chòi nào trúng được ba lần, tức là bài đã tới thì mới chấm dứt ván bài. Khi Hiệu hô xong con bài, nếu có chòi trúng lần thứ ba, thì gõ mõ lên ba tiếng, hoặc trống đánh lên ba tiếng, có chòi lại kêu lên “tới ! tới !”. Nghe tiếng ấy, người chạy hiệu liền đem một cây cờ chạy đến giao cho người chơi. Chòi “tới” lãnh cờ, cắm lên mái chòi cho mọi người chiêm ngưỡng “vận hên đầu năm” của mình. Trống đánh lên âm vang, tạo nên không khí ngày hội khá vui. Khi bài tới, đến ván thứ tám thì xong một hội. Lẽ ra phải chín ván vì có chín chòi đóng tiền, nhưng phải dành tiền ván thứ chín để ban tổ chức chi phí cuộc chơi và trả tiền công cho gánh bài chòi. Vậy khi vẫn một hội thì ban tổ chức được một khoản tiền bằng số tiền cấp của một chòi; và cứ xong một hội thì ít nhất cũng phải có một chòi thua. Xong một hội, trống chầu vang lên một hồi rất dài. Ban nhạc cũng tạm nghỉ giải lao, chuẩn bị cho hội khác. Người đánh bài nếu muốn chơi tiếp thì vẫn ngồi trên chòi của mình; bằng không thì xuống, để chòi trống cho người khác lên thay. Ở Quảng Nam Bài chòi thời xa xưa là trò chơi rộ rỡ vào dịp tết, có nơi kéo dài cả tháng, nhưng không bắt buộc phải dựng chòi, người ta tụ tập ở các đình làng, ngồi từng nhóm với nhau trên những dây ghế dài vui

chơi thỏa mái. Người Việt sống phần lớn về Nông nghiệp, ở nông thôn đầu xuân thường rảnh rỗi, nên Tết thường kéo dài hơn các nước kỹ nghệ Tây Phương, họ chỉ mừng Tết một vài ngày.

*Tháng giêng là tháng ăn chơi
Tháng hai cờ bạc tháng ba rượu chè
Ca dao*

Bài chòi là một trò chơi giản dị và lành mạnh. Mặc dù có ăn thua, nhưng không ai coi đây là dịp để ăn tiền người khác. Cái thú vị của trò chơi bài chòi được thưởng thức sinh hoạt văn nghệ. Anh Hiệu là diễn viên chính. Anh hô những bài lục bát trên nền nhạc của giàn nhạc tấu. Các câu lục bát anh hô lên có thể là những câu cũ đã quen tai từ những lần chơi trước ở đâu đó và cũng có những câu mới mẻ đầy thú vị, hay những câu rất dí dỏm

Khi người hô, đã sử dụng các câu hát gọi trực tiếp tên quân cờ để người chơi dễ theo dõi. Dù đã có đôi chút biến đổi song hội Bài chòi vẫn giữ được đặc thù, là một sinh hoạt văn hóa trong những dịp xuân. Các câu thai là những ca dao được sử dụng nói về tình yêu quê hương đất nước, ca ngợi tình phụ mẫu, tình phu thê, đề cao những đức tính, phẩm chất tốt đẹp của con người, phê phán những tệ nạn xã hội, những tập tục lỗi thời, lạc hậu...

*Một hai bậu nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.*

hay

Một hai họ nói rằng không

*Dấu chân ai đứng bờ sông hai người
Tứ cẳng*

*Chú giỏi sao chú hồng đi thi,
Cứ ăn xó bếp, lại ngủ khi chuồng trâu.
Chú ơi, tui chẳng ưng đâu,
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uống công.
Lu trạng !*

Ngoài ra, tên con bài cũng được gọi trại đi hoặc đổi khác để ứng vào một câu thơ hoặc câu ca dao nào đó. Gọi khác chữ, chẳng hạn Bảy thưa thành Bảy hột. Gặp con bài này, Hiệu sử dụng một trong hai câu thơ sau đây làm câu thai:

*Ước gì em chữa có chồng.
Anh về thưa với cha mẹ, mang rượu nồng đón em.*

hoặc:

*Còn duyên mua thị bán hồng,
Hết duyên buôn mít cho chồng gặm xơ.
Gặm xơ rồi lại gặm cùi,
Còn ba, bảy hột để lùi cho con.*

Nói trại, chẳng hạn Ngũ rốn thành Ngũ rún rồi thành Ngũ ruột:

*Rủ nhau đi đánh bài chòi
Để cho con khóc đến lòi rún ra.*

hay:

*Thò tay vào ngắt ngọn ngò,
Thương em dứt ruột, giả đồ ngó lơ*

Có khi dùng câu đố làm câu thai, trường hợp này thì nội dung của câu đố đã diễn tả tên con bài nên câu chót không cần phải trùng chữ với tên con bài nữa. Chẳng hạn, gặp con bài Ba gà, Hiệu có thể hô các câu thai:

*Mình vàng bận áo mã tiên
Ngày ba bốn vợ tối năm riêng một mình.*

Ba gà

*Chiều chiều con quạ lợp nhà,
Con Cu chẻ lạt, con gà đưa tranh
Ai làm cho em bén duyên anh
Cho mây lầy núi, cho trăng lấy gió ngàn*

Ba gà

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”.*

Ba gà

Có trường hợp không cần nêu tên con bài mà chỉ giải nghĩa đầy đủ là được. Gặp con bài Thái tử, có thể dùng câu:

*Thuyền ai thấp thoáng bên bờ,
Hay thuyền ông Lữ đợi chờ con vua.*

Thái tử

Thỉnh thoảng còn dùng những câu thai mơ hồ, người xem khó đoán được tên con bài Nhì bánh mà Hiệu đang nắm trong tay:

*Biết rằng ai có mong ai
Sao trời lại nở xé hai thế này
Có sao hôm mà chẳng có sao mai
Hai đàng hai đứa tình phai hoa tàn.*

Nhì bánh

Cũng có lúc, cả bốn câu đều nhắc đến tên con bài. Gặp con bài Chín cu thì câu thai sau đây điển hình cho trường hợp này:

*Tiếc công bỏ mản cho cu,
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu bay.
Cu say mủ cả, áo dài,
Cu chê nhà khó, phụ hoài duyên anh!*

Như con bài Bạch huê dùng những câu thai sau đây tuyệt hay, từ thứ dân cho đến vua cũng cần..con người từ đó sinh ra.

*Ong qua muốn đậu, bướm vào muốn bu
Bốn mùa xuân hạ thu đông
Khi búp khi nở, khi xù, khi tươi
Quá xuân ngó thấy mĩn cười
Sắc hay vương vấn mấy người tài danh
Có bông, có cuống, không cành
Ổ trong có mẹ, bốn vành có tua
Nhà dân cho chí nhà vua
Ai ai có của cũng mua để dành
Tử tôn do thử nhà sanh
Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi*

Hay

*Con vợ tui tốt tợ tiên sa,
Coi trong thiên hạ ai mà dám bì (sánh)
Lưng khòm rồi lại da đen
Còn hai con mắt tợ khoen trống châu.
Giò cao đít lớn to đầu,*

*Lại thêm cái mặt cô sầu bất ghê.
Việc làm trăm việc tui chê,
Chỉ thương có chút cái “Bạch Huê” nó tròn.*

Con bài Bạch Huê biểu tượng cho Yoni, phải có con bài Nhất Nọc cho Linghe đúng theo tạo hoá đã sắp đặt,

*Đàn ông ta có cái nôm
Đàn bà sinh nhụy lại thêm mẽ đèn
Đàn bà sáng tựa hoa sen
Đàn ông giữa cửa, nọc chèn hai bên.
Nhất nọc*

*Đi đâu mang sách đi hoài
Cử nhơn chẳng thấy, tú tài cũng không
Nhứt trò*

*Còn duyên làm cách làm liêu
Hết duyên bí thối, bầu thiu ai thềm
Nhì bí*

*Vợ đôi, chồng một ra gi
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên
Ba bụng*

*Lòng thương chị bán thịt heo
Hai vai gánh nặng, còn đèo móc cân
Tứ móc*

*Tới đây giả gạo ăn chè
Ai mà không già, ngồi hè trọt ăn*

Hay

Chiều chiều vác cuốc đào lươn
Bùn trơn, lươn trượt, người thương dẫu rồi
Ngũ trượt

Chú giỏi sao chú chẳng đi thi
Cứ ăn ở xó bếp lại ngủ khi chuông trệu
Chú ơi ! tôi chẳng ưng dẫu
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uống công
Lục trạng

Có thương, có nhớ không em
Sao em chẳng lại, để anh mong đêm nhớ ngày
Nhất gối

Ngồi buồn nghĩ chuyện đời nay
Trai tài, gái sắc sao tà ngày xưa
Đời nay ăn sớm, ngủ trưa
Ngồi lê đôi mách bỏ thừa việc nhà
Bảy thừa

Đôi ta như dũa trong sò
Không chọn mà gắp, không đo mà đều
Đôi ta đã quyết thì liều
Tỉ như con trẻ thả diều đứt dây
Tám dây

Em nghe anh tỏ lời này
Em đòi để bỏ chuyện rày sao nên
Tào khang nghĩa ở cho bền
Liễu mai hoà hợp, đôi bên thuận hoà
Bảy liễu

Lúc rày đã có trăng non
Để tôi lên xuống có con em bồng
Bát bồng

Xưa kia ai biết ai đâu
Bởi chung miếng thuốc, miếng trâu nên thương
Vì tình cho dạ vấn vương
Bốn phương, tám hướng, nàng nương miếu nào
Tám miếu

Em thương anh, cha mẹ cũng phải theo
Chiếc ghe buồm đang chạy, quãng neo cũng ngừng
Tam quăng

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây dùm lại thành hòn núi cao".
Ngũ Dục:

Nghĩ duyên lận đận mà buồn
Thương nhau vàng võ, má hường kém tươi".
Sáu Hường

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió
Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai
Trăm năm đá nát vàng phai
Đá nát mặc đá, vàng phai mặc vàng
Trông cho én nhận một lòng
Lồng đèn thiếp xách, mâm tơ hồng chàng bưng".
Tứ Sách

Nội dung câu thai cũng luôn thay đổi. Như con bài
Nhì nghèo, anh Hiệu phải hô mỗi lần khác nhau, gây
thêm chú ý và hấp dẫn người chơi Bài chòi

Một, anh để em ra,
Hai, anh để em ra.
Về em buôn, em bán
Trả nợ bánh trắng, trả nợ bánh xèo.
Còn dư trả nợ thịt heo,
Anh đừng làm em nữa, kéo mang nghèo vì em.

Chấp tay với chẳng tới kèo
Cha mẹ anh nghèo chẳng cưới được em!

Cây khô tưới nước cũng khô,
Vận nghèo đi tới xứ mô cũng nghèo!

Nhiều quan thêm khổ thằng dân,
Nhiều giàu thì lại chết trên thằng nghèo.

Thấy anh, em cũng muốn theo
Chỉ sợ anh nghèo, anh bán em đi.

Buồn từ trong dạ buồn ra.
Buồn anh ở bạc, buồn cha mẹ nghèo.

Ngày thường thiếu áo thiếu cơm
Đêm nằm không chiếu lấy rơm làm giường.
Dù dơi dếp bươm chật đường,
Màn loan gối phụng ai thương thằng nghèo.

Vì vậy, hình thức vui chơi này không chỉ có ý nghĩa giải trí đơn thuần. Đồng thời, còn có thể xem hội Bài chòi chính là một sân khấu trình diễn của làn điệu dân ca. Người tới bài có máu văn nghệ, hỏi đố bằng thơ, anh Hiệu cũng phải biết đáp bằng thơ. Chẳng hạn như câu hỏi đố:

*Cái gì có trái không hoa?
Cái gì không rẽ cho ta tìm tòi?
Cái gì vừa thơm vừa tho
Kẻ yêu người chuộng, kẻ dò tình nhân.
Cái gì mà chẳng có chân?
Cái gì không vú xây vắn lăm con?
Cái gì vừa trơn vừa tròn?
Mười hai tháng chẵn không mòn chút nao.
Cái gì mà ở trên cao?
Làm mưa làm gió làm sao được vầy.
Cái gì mà ở trên cây?
Trèo lên tụt xuống khen ai là tài.
Cái gì chỉ có một tai?
Cái gì một mặt cái gì ngẩng lưng?
Cái gì anh gãy từng từng...*

Nếu không nhanh trí, có tài ứng đối, thuộc nhiều ca dao, câu đố... Hiệu khó mà vượt qua nổi. Hiệu thưa...

*Cây súng có trái không hoa.
Tơ hồng không rẽ cho ta tìm tòi.
Quế ăn vừa thơm vừa tho,
Kẻ yêu người chuộng, kẻ dò tình nhân.
Cái ốc ma không có chân.
Con gà không vú xây vắn lăm con.*

Sợi chỉ vừa tròn vừa tròn,
Mười hai tháng chẵn chẵn mồn chút nao.
Ông trời mà ở trên cao,
Làm mưa làm gió làm sao được vầy.
Con vượn mà ở trên cây
Trèo lên tụt xuống khen ai là tài
Cối xay dâu có một tai,
Trống mảng một mặt, mâm bồng ngẩng lưng.
Đàn bầu anh gảy từng tưng.....

Sinh hoạt và phong tục mỗi địa phương đều có những đặc thù riêng, nhưng không tách khỏi dòng văn hoá chung của dân tộc Việt. Các tỉnh miền Nam thích hát vọng cổ, cải lương. Xuân về có nhiều trường đá gà, sòng me .. Nhưng về Hát bội hay chơi Bài chòi thì không được phổ biến sâu rộng như các tỉnh miền Trung. Ngày nay người Việt ở hải ngoại đời sống vật chất đầy đủ, nhưng chúng ta khó tìm được lại những kỷ niệm một thời đã đi qua. Tiếc rằng nghệ thuật Hát bội hay chơi Bài chòi là trò chơi truyền thống đã mai một dần, đến nay hầu như đã lãng quên

NGUYỄN QUÝ ĐẠI

Tài liệu tham khảo

- (1) Những câu chuyện Lịch Sử của Trần Gia Phụng Toronto 1999
- (2) Đào Đức Chương, *Võ Học Bình Định*, Giai Phẩm Xuân Tây Sơn Mậu Dân (1998), trang 164-185.
- (3) Bài chòi dân ca Bình Định Hoàng Chương - Nguyễn Có nhà xuất bản Sân Khấu
- (4) Tục Ngữ Ca dao dân ca Việt Nam Vũ ngọc Phan nhà bản khoa học Hà Nội
- (5) Nhà Tây Sơn Trần Gia Phụng nhà xuất bản Non Nước Toronto 2005

NHỚ VỀ QUI NHƠN

Qui Nhơn thành phố thân yêu
Làm sao quên được những chiều có em
Tóc thề buông xỏa bên thềm
Chờ anh dạo bước những đêm hẹn hò
Tặng em năm bảy vần thơ
Tình yêu trong tuổi học trò thơ ngây
Qui Nhơn kỷ niệm đong đầy
Vui buồn lẫn lộn những ngày xa xưa
Qui Nhơn nói mấy cho vừa
Bao năm xa cách ta chưa trở về
Đêm nay lòng lạnh tái tê
Nhớ về quê cũ lòng se thắt lòng
Ta người vong quốc long đong
Hai đời một kiếp tâm hồn héo hon
Ta đi từ buổi xuân son
Đến nay giờ đã hoàng hôn cuộc đời
Qui Nhơn phố cũ ai ơi!
Ta xin gửi gắm một lời nhớ thương
Nhớ quê thao thức canh trường
Nhớ bao kỷ niệm ta vơ vẩn sầu
Qui Nhơn quê mẹ sầu đau
Ba mươi năm lẻ một màu tan thương
Mẹ già một nắng hai sương
Em thơ vất vả trăm đường đắng cay
Ta mang hoài bão hôm nay
Diệt tan cộng phỉ chờ ngày hồi hương
Qui Nhơn thành phố thân thương.

HÀ THỨC HÙNG

THÀNH BÌNH ĐỊNH

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Theo sử liệu, năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc khởi binh chống Chúa Nguyễn, dùng mưu chiếm thành Qui Nhơn (tức thành Đồ Bàn) làm đại bản doanh, tiến ra Bắc và xuôi về Nam thu phục giang sơn. Năm 1775, Nguyễn Nhạc sai 1200 quân sửa sang và mở rộng thành Đồ Bàn xứng đáng là kinh thành Tây Sơn. Tháng 3 năm 1776, Nguyễn Nhạc xưng Tây Sơn Vương, đóng đô ở thành Qui Nhơn. Mùa xuân năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Thái Đức và thành Qui Nhơn được đổi tên là Hoàng Đế thành. Năm 1799, Nguyễn Ánh chiếm thành Hoàng Đế liền đổi tên là thành Bình Định. Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, không những giết hại tàn nhẫn những người theo Tây Sơn cho hả giận, mà còn nhằm xoá bỏ tất cả tàn tích của Tây Sơn để dân chúng chóng quên triều đại cũ. Tuy nhiên, thành Hoàng Đế có địa thế tốt lại là công trình kiến trúc đồ sộ, không thể thay thế ngay được; Gia Long phải tạm dùng làm trị sở dinh Bình Định và từ năm 1808 đổi là trấn Bình Định. Mãi đến năm Gia Long thứ 7 (1808), nhà vua chọn được địa cuộc thích hợp để xây thành mới [1] và triệt hạ thành cũ, xoá nốt vết tích cuối cùng của Tây Sơn trên đất Bình Định.

Thành mới vẫn gọi là thành Bình Định, cách thành cũ hơn 5 km về phía đông nam. Thành mới tọa lạc ở ấp An Ngãi Nhì, thôn Tân An, thuộc (sau gọi là tổng) Thời

Đôn, huyện Tuy Viễn và ấp Trung Nghi Liêm Trực Thượng Hạ, thôn Trung Hoà, thuộc Thời Tú, huyện Tuy Viễn (địa danh thời Gia Long), nay là hai thôn An Ngãi và Liêm Trực xã Nhơn Hưng huyện An Nhơn tỉnh Bình Định [2].

ĐỊA THỂ PHONG THỦY

Thành Bình Định cũng như nhiều thành khác trong nước ta, được xây dựng dưới thời Gia Long và các vua kế tiếp, đều dựa theo cấu trúc Vauban của Pháp. Tường thành gồm nhiều đường gẫy, tạo các góc lồi, nơi đặt những pháo đài góc và pháo đài cạnh để pháo nhả có thể hoạt động 180 độ.

Tuy chịu ảnh hưởng kiểu thành Vauban, có đủ hệ thống hào rãnh với đường chân thành ngoài (berme) và đường ngoài hào (glacis), nhưng vẫn giữ nguyên đặc điểm truyền thống phương đông, từ việc chọn đất chọn hướng theo phong thủy, đến việc sắp xếp các dinh thự. Vì vậy, vị trí thành bao giờ cũng có đồi núi mang ý nghĩa che chở, có dòng nước chảy về với ý nghĩa tụ thủy. Và nhất là mặt tiền phải quay về hướng nam, *Kinh Dịch* có câu "Thánh nhân nam diện nhi thính thiên hạ" (Bậc thánh nhân quay mặt hướng nam để nghe thiên hạ) thì mới đạt việc giữ đất an dân được.

Với qui luật ấy, thành Bình Định nằm trên vùng đất gò, có thể quan sát tầm xa các vùng chung quanh. Phía bắc có núi Mò O làm hậu chẩm, cao 354 mét, ở biên giới giữa hai huyện Phù Cát (phía bắc) và An Nhơn (phía nam), trông giống như con mãnh hổ nằm cong ngoái đầu lại ôm giữ mặt sau thành. Theo các nhà phong thủy, hòn Mò O còn tiếp nhận hai sơn mạch như hai con rồng có

chung một đầu, tạo thế "lưỡng long nhập thủy". Phía nam có dãy Triều Sơn làm tiền án, gồm những ngọn núi không cao quá 350 mét mà cũng không rậm, trông giống như đàn voi phủ phục trước mặt thành đợi lệnh. Phía tây có dòng Nam pháis sông Côn, khi chảy đến gần thôn Phụ Ngọc và Quan Quang (cách thành chừng 5 km) thuộc huyện An Nhơn, mọc ra nhánh Trung pháis chạy dọc theo thôn Quan Quang rồi chảy thẳng xuống đông bọc mặt sau (hướng bắc) thành Bình Định. Còn nhánh Nam pháis rẽ vào Phụ Ngọc xuôi hướng đông nam chừng vài cây số rồi quẹo về đông chảy qua cửa Tiền (hướng nam) thành Bình Định. Cả hai nhánh Trung pháis và Nam pháis đều có nhiều nhánh con hướng về bốn mặt thành, tạo thế "Tứ thủy triều qui" (bốn mặt nước về chầu). Núi sông đan xen với đồng lúa bao quanh, nơi đây vùng đất địa linh đầy hiểm trở che chở cho thành Bình Định.

SƠ ĐỒ CẤU TRÚC

Theo số liệu đo đạc trong *Đại Nam nhất thống chí*, quyển IX, bốn mặt thành Bình Định có chu vi 603 trượng 8 thước tức 2560 mét 112, cao 1 trượng 1 thước tức 4 mét 664 [3], vách thành xây bằng đá ong dày gần 1 mét. Đá ong phần lớn lấy ở thành cũ (Đồ Bàn) và khai thác các hầm đá của thôn Thuận Đức, Nghĩa Hoà, Tân Nghi (Gò Quánh) thuộc xã Nhơn Mỹ. Vách thành, mặt trong đắp đất dày 10 mét ở chân và lồi lồi đến đầu thành dày 3 mét để binh sĩ đi lại canh gác và lên xuống dễ dàng.

Thành Bình Định có 4 cửa ở 4 mặt, trên mỗi cửa đều có khắc ba chữ: hướng nam là Chánh Tiền Môn, dân chúng quen gọi là cửa Tiền; hướng bắc có Chánh Bắc Môn, còn gọi là cửa Hậu; hướng đông có Chánh Đông

Bên ngoài, dọc theo bốn mặt thành là đường chân thành đủ rộng cho hai chiếc xe ngựa ngược chiều đi lại. Tiếp đến là vòng hào rộng 7 trượng linh tức hơn 29 mét 68, sâu 6 thước 8 tấc tức 2 mét 8832. Hào chứa nước, trồng sen, mùa hạ hoa nở rộ như trái thắm đỏ quanh thành, trông rất đẹp. Ngoài cùng có con đường rộng, gọi là đường ngoài hào viền quanh bốn mặt thành, có đội lính tuần suốt ngày đêm nhưng hành khách được đi lại trên con đường này.

Muốn thông ra ngoài hoặc vào thành, ở mỗi cửa đều có cầu bắc qua hào, nhưng thường ngày chỉ mở cửa Đông và cửa Tây. Ngày lễ hoặc khi đón rước quan khách mới mở cửa Tiền, còn cửa Hậu là khu quân sự dùng cho việc binh hoặc khi áp giải tù nhân.

Từ cửa Đông đến cửa Tây có con đường lớn, chia khu vực thành làm hai phần; nửa phía nam toàn dinh thự được xây cất vào thời Gia Long, nửa phía bắc là nhà ở và một số cơ sở phụ thuộc. Các công trình kiến trúc này không phải hoàn thành cùng lúc, mà có sự chỉnh trang dần. Cửa Tiền có con đường vào thẳng sân hành cung, hai bên đường là sân cỏ, nơi đây dành cho hương chức và dân chúng tề tựu nghênh đón đức vua hay khi có lễ lớn. Cuối đường có kỳ đài, cột cờ bằng gỗ quý, rất thẳng, cao chừng 20 mét đặt trên nền vuông xây bằng đá cao hơn 1 mét, có viền bậc cấp để lên xuống. Dịp tết Nguyên Đán, Đoan Ngọ hay lễ quốc khánh mồng 2 tháng 5 âm lịch (kỷ niệm ngày Gia Long lập quốc) đều có treo quốc kỳ nền vàng thêu hình rồng.

Tiếp đến là sân châu, lát gạch, xây bờ thành ở hai bên, có dựng các bảng ghi phẩm trật từ cửu phẩm đến nhất phẩm, bên tả dành cho quan văn, bên hữu quan võ. Bốn con lân bằng đá và chiếc lư hương khổng lồ đắp bằng

vôi sấp hàng ngang gần bậc cấp bước lên nền cao của toà hành cung.

Lối kiến trúc Hành cung gần giống nhưng nhỏ hơn điện Thái Hoà ở kinh đô Huế, tường gạch, lợp ngói âm dương, bốn góc mái uốn cong hình long vĩ. Trên nóc đắp hình hai con rồng quay đầu vào nhau, giữa có vàng kim ô. Sườn nhà toàn gỗ quý, chạm trổ tinh vi và chạy hoa văn công phu. Những hàng cột bóng loáng, to vừa vòng tay người ôm, cao vút, thẳng tắp làm tăng vẻ lộng lẫy, đồ sộ.

Toà Hành cung chia làm ba gian, gian giữa rất rộng gọi là Long Triều. Ở chính giữa và gần vách trong, ngai vàng đặt trên bệ cao ba cấp, chạm cẩn long, lân, qui, phụng và trang trí sơn son thếp vàng. Khi hoàng thượng đến tỉnh nhà, ngài ngự nơi đây, các quan mặc phẩm phục đứng hầu ở sân chầu đợi lượt vào bái yết. Gian phía đông (bên tả của ngai vàng) là Hoàng cung, đức vua nghỉ ngơi nơi đây. Gian bên hữu là Tây cung, dành cho hoàng hậu và cung phi. Toà Hành cung chỉ mở cửa đón vua và hoàng hậu, ngoài ra không ai được sử dụng.

Sau Hành cung là dãy dinh thự của ba vị quan đầu tỉnh [4]. Dinh quan Tổng đốc lớn nhất nằm giữa, dinh Bố chánh bên tả (phía đông), dinh Án sát bên hữu (phía tây). Ba dinh đều xây theo hình chữ môn ngược, phía trước là dãy nhà ngang dùng làm công đường, phòng khánh tiết, phòng khách. Hai dãy dọc phía sau, bên đông là nơi làm việc của các thầy thông, phán, ký và những nhân viên liên hệ; bên phía tây là nơi ở của gia đình quan sở nhiệm. Mỗi dinh đều có tường rào bao quanh, mở hai cửa. Cửa trước dành cho quan, khách viếng và những ai có lệnh phải đến công đường. Cửa sau dành cho các viên chức thuộc hạ và người nhà của quan. Ngoài ba dinh trên còn có dinh của quan Hộ thành, nằm ở phía tây dinh Án sát, chỉ huy lực

lượng bảo vệ thành, canh giữ các công sở và tuần hành phạm vi ngoại thành.

Ở góc tây nam là khu canh nông trồng các giống xoài, có vườn ương cây và vườn hoa đủ loại. Ở góc đông nam và kéo dài gần đến cửa Đông là sở Tầm, trung tâm nuôi tầm và sản xuất tơ lớn nhất tỉnh, đứng đầu là vị thông phán, dân chúng quen gọi là ông Thông Tầm.

Vào thập niên 1930 xảy ra vụ án mạng rừng rợn, bà Thông Tầm bị tên phu xe kéo lôi xuống gầm cầu hiệp dân, cướp của và giết chết rồi buộc vào đá chìm xuống vực sâu. Ngay đêm bị nạn, hồn bà báo mộng cho chồng đi tìm xác. Câu chuyện thương tâm ấy đã để lại trong văn học dân gian tỉnh nhà một bài về khá dài, đầy xúc động:

Cảm thương cho thím Thông Tầm

Chồng đau bệnh trượng xuống nằm nhà thương.

Vợ chồng là nghĩa tào khang,

Lên xe xuống Giã [5] nhà thương thăm chồng...

Và cây cầu xảy ra vụ án mạng ở gần cây số 1214 trên quốc lộ 1 thuộc làng Phong Niên, từ ấy mang tên là cầu Thông Tầm, nay thuộc thôn Phong Tấn xã Phước Lộc huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định.

Trở lại hình đồ thành Bình Định, dọc theo con đường từ cửa Đông đến cửa Tây, phía tay trái và sát với cửa Đông có nhà thương, nhà dây thép (bưu điện). Sau nhà thương là Sở Tầm, sau bưu điện có chùa Linh Quang. Phía tay phải, đối diện với cổng sau ba dinh, ở phía bên kia đường là khu trường tiểu học công lập. Trường nữ nằm ngang, sân trồng phượng vĩ, ngó ra đường, ngay dinh Bố chánh. Trường nam gồm hai dãy dọc ngó vào nhau, giữa có sân rộng trồng cây vòng đồng. Dãy phía đông gồm 5 phòng, dãy phía tây chỉ có 4 phòng vì có một phòng đôi. Mỗi trường đều có tường rào ngăn cách, cấm ngặt nam

sinh không được qua khu vực trường nữ. Những cơ sở này được xây cất trong thời Pháp thuộc.

Ở góc tây bắc là khu quân sự gồm có trại lính, trường bắn và sân vận động. Ở góc đông bắc là khu nhà lao. Vùng đất giữa nhà lao và trường nữ, một hành lang chéo từ cửa Đông đến gần cửa Bắc là khu nhà tư nhân của nhân viên và dân chúng.

THÀNH TRÌ TRƯỚC CUỘC TANG THƯƠNG

Từ khi kinh đô thất thủ (1885), thành Bình Định đã chứng kiến cuộc thế đổi thay. Biết bao nho sĩ chỉ vì trung vua, yêu nước mà bị hành hình, bị tù đầy bởi những tên Việt gian mãi quốc cầu vinh. Nhắc đến phong trào Cần Vương, phong trào Kháng Thuế của tỉnh nhà, người Bình Định không bao giờ quên những tấm gương liệt sĩ.

1 – Vụ đàn áp phong trào Kháng Thuế tại thành Bình Định:

Phong trào Kháng Thuế xuất phát từ Quảng Nam, lan rộng đến Quảng Ngãi rồi tràn vào Bình Định, Phú Yên. Người mang lửa đấu tranh vào Bình Định là Phan Long Bằng (1883-1908), một nho sinh, quán làng Nam Huân tỉnh Quảng Ngãi. Phong trào nhen nhúm ở huyện Bồng Sơn phủ Hoài Nhơn, được hầu hết nho sĩ, hương chức và dân chúng hưởng ứng. Người gia nhập gọi nhau là “đồng bào”, được cắt tóc ngắn, được phát bầu nước và giỏ cơm, rồi theo đoàn người tiến về tỉnh thành Bình Định. Người theo Đồng Bào mỗi lúc một đông, vừa đi vừa hát bài vè nóng bỏng thời sự:

Tay trái cầm lược,

Tay phải cầm kéo,

*Húi hê! Húi hê!
Húi hê! Húi hê!
Thủng thủng cho khéo,
Bỏ cái ngu này,
Bỏ cái dại này,
Học mới từ đây.
Húi hê! Húi hê!
Trên đường canh tân
Đừng có gian lận
Đừng có nói láo
Ngày nay ta húì
Ngày mai ta cạo.*

.....
*Từ sĩ đến nông
Từ công đến thương
Ai chửi dệt sợi
Trăm người như một
Bảo nhau húì tóc
Húi hê! Húi hê!*

Ngày 16 tháng 4 năm 1908 đoàn người về tới tỉnh thành Bình Định. Tổng đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên) lúc bấy giờ là Tôn Thất Đạm ra lệnh bắt Phan Long Bằng (Quảng Ngãi), Nguyễn Khiêm, Châu Văn Long và Phạm Doãn (Bình Định) đem chém bêu đầu để thị uy, nhưng lại càng làm cho phong trào cháy bùng lên.

Lần thứ hai, đoàn biểu tình kéo đến cửa Đông thành Bình Định ngồi lì chờ giải quyết các yêu sách. Bổng cửa thành mở rộng và toán lính Pháp phi ngựa từ quốc lộ 1 chạy vào thành. Đồng bào quá đông, ngồi nghệt lòng lề đường không thể giạt ra hai bên, hàng trăm vó ngựa dẫm lên đám người; khiến ông Bùi Ban, lý trưởng xã Mỹ Trung (nay là thôn Mỹ Trung xã Phước Sơn huyện Tuy

Phước) chết ngay tại chỗ, người bị thương vô số kể. Đồng bào đem xác ông quan tại gò Cẩm Văn (cách thành chừng 4 cây số về phía bắc) để mọi người phúng điếu và bỏ một nắm đất lấp quan tài, thế mà đã vun cao thành ngôi mộ.

Ban lãnh đạo phong trào tổ chức cuộc biểu tình lần thứ ba, lớn chưa từng có, người đứng chặn lòng đường từ cửa Đông thành Bình Định dẫn ra quốc lộ 1 đến cầu Cẩm Văn (hơn 4 cây số). Trong thành vẫn yên lặng, mặc cho bên ngoài người biểu tình mỗi lúc một đông. Bỗng các cửa thành mở, từng toán lính Pháp và lính tập ghim súng có gắn lưỡi lê, tiến ra bao vây đoàn biểu tình. Các ngã đường, phía nam đi dò qua Trường Thi, phía đông nam qua cầu Tân An hoặc dựa theo mé sông rẽ vào Tri Thiện, phía đông xuống Quảng Nghiệp, phía bắc ra Cẩm Văn, phía tây lên Kim Châu đều có lính chặn kín không cho Đồng Bào thoát ra. Rồi hàng trăm lính võ trang từ trong thành tràn ra và lính từ ngoài ộp vào, dùng dùi cui đánh túi bụi vào đám biểu tình. Người bị thương nặng đến vài trăm, số chết ngay tại chỗ đến 30 người. Lính kéo xác các nạn nhân bày trước cửa Tiền, định phơi nắng 3 ngày nhưng tối hôm đó toán võ sĩ đã lên cướp xác đem đi chôn.

2 - Lao Tiến Sĩ:

Cuộc đàn áp đẫm máu và bắt bớ nhốt đầy nhà lao, thế mà triều đình Huế vẫn chê Tổng đốc Tôn Thất Đạm "không có lòng lo chính sự". Ông bị ngưng chức, triệu về kinh rồi cho hưu trí [6]. Bùi Xuân Huyên đến thay (khoảng trước tháng 9 năm 1908), tiếp tục tra xét và đối xử nặng tay với dân hơn người tiền nhiệm.

Trong nhà lao thành Bình Định, chật đầy nhân sĩ, khoa bảng đang bị giam cầm. Quan chức hoặc Cử nhân có các ông như: Chương ấn hồi hưu Lê Phổ thôn Dương

Xuân, Huấn đạo Lê Tử Văn thôn An Cửu đều thuộc phủ Tuy Phước; Ngự sử hồi hưu Đinh Văn Hoán thôn Vĩnh Thành huyện Phù Cát, Nguyễn Hân thôn Phú Đa huyện Phù Mỹ đều thuộc phủ Hoài Nhơn; Nguyễn Du thôn Phú Nông, Trần Tuyên thôn Phụng Du, Trần Hoán thôn Ngọc An đều thuộc huyện Bồng Sơn phủ Hoài Nhơn; Lê Chuân (còn gọi là Truân) thôn Phú Văn huyện Hoài Ân phủ Hoài Nhơn [7].

Tú tài có các ông: Nguyễn Duy Viên thôn Liêm Lợi, Nguyễn Đại Hưng thôn An Thạnh, Võ Văn Du thôn Tùng Giản đều ở phủ Tuy Phước; Bùi Phiên Dự và Nguyễn Thanh thôn Hoà Cư, Đào Toại và Đặng Thành Tích thôn Đại Bình đều cùng huyện Tuy Viễn phủ An Nhơn; Lê Cương và Hoàng Duy Tăng thôn An Lương, Nguyễn Phác thôn Dương Liễu, Bùi Trọng Hương thôn Bình Long đều ở huyện Phù Mỹ phủ Hoài Nhơn; Đỗ Phác thôn Chánh Hội huyện Phù Cát phủ Hoài Nhơn [8].

Nhưng sáng giá hơn hết là Hồ Sĩ Tào (1869-1934), vị Tiến sĩ Nho học cuối cùng của tỉnh Bình Định (khoa Giáp Thìn 1904) người thôn Hoà Cư phủ An Nhơn. Năm 1908, ông đang chức Tri huyện Tân Định (tỉnh Khánh Hoà) về quê thọ tang thân mẫu, gặp lúc phong trào Kháng Thuế ở tỉnh nhà đang bột phát, ông nhận làm thủ lãnh của Đồng Bào. Từ ấy phong trào được tổ chức chặt chẽ theo hệ thống từ tỉnh đến địa phương để lo việc điều hành và tuyên vận. Trong việc từ lệnh, ông dùng ấn vuông bằng đồng, ở giữa khắc bốn chữ Hán là “Đồng Bào Dân Ký” viết lối triện, phía trên có chữ “Bình” và phía dưới là chữ “Định” bằng quốc ngữ. Vì bận việc cư tang, ông chỉ lãnh đạo một thời gian cho có qui củ rồi giao ấn tín cho Huỳnh Văn (huyện Phù Mỹ) và chỉ âm thầm làm cố vấn.

Tháng 9 năm 1908, bản án Phong trào Kháng Thuế Bình Định do án sát Bùi Giảng lập và Tổng đốc Bùi Xuân Huyền đứng tên đệ nạp về triều gồm 1 án trăm bêu đầu và 10 án trăm lập quyết, trong đó có Hồ Sĩ Tạo. Quan bộ Hình thấy bản án do địa phương đề nghị quá nặng, bèn viết sớ tâu: "... Nay nếu y hết theo án xử, quốc gia có chỗ bất nhân, hưởng chi cứu luật mưu bạn, cũng không có chữ lập quyết, mà tỉnh ấy xin xử quyết đến 10 tên, là trái ý luật; vả lại tiết thứ tỉnh ấy đã xử quyết một số đông, e trái với ý chí để gây lấy hoà khí. Hiện nay hạt ấy đều đã ninh thiếp, đối với các người can khoản, nghĩ nên đệ giảm, để tỏ sự khoan tuất" [9].

Hồ Sĩ Tạo được cải án trăm lập quyết thành giáo giam hậu. Ông ngồi tù ngục thành Bình Định 12 năm nên người đời quen gọi là lao Tiến Sĩ. Niên hiệu Khải Định thứ 5 (1920), ông mới được ân xá và cho khôi phục nguyên hàm.

3 - Khởi lại vụ án Trung Thiên Đồ:

Ngục thành Bình Định còn hân hạnh đón nhận một nhân vật lịch sử từ nhà lao Quảng Nam chuyển vào. Đó là nhà cách mạng Trần Cao Vân.

Vào tháng 3 năm 1908, vụ chống sưu kháng thuế khởi phát ở Quảng Nam, Trần Cao Vân mới mãn hạn tù, không dính dáng gì đến phong trào này, nhưng cũng bị bắt vào ngục Quảng Nam. Đối với triều đình Huế và chính quyền Bảo hộ, ông là đối tượng nguy hiểm vì đã đề ra thuyết Trung Thiên; một học thuyết phối hợp dịch Tiên Thiên của Phục Hy và dịch Hậu Thiên của Văn Vương bên Trung Hoa, rồi sàng lọc ứng chế thành Trung Thiên dịch của Việt Nam, gây ảnh hưởng lớn trong giới sĩ phu và dân chúng hai tỉnh Bình Định và Phú Yên vào thập

niên 1900. Nay vụ dân biến lan rộng đến hai tỉnh ấy lớn mạnh chưa từng có, nhà cầm quyền nghi ông là thủ lãnh bí mật của phong trào. Vì thế Trần Cao Vân bị giải giao cho quan tỉnh Bình Định tra xét nguồn cơn. Bước chân vào nhà lao thành Bình Định, ông gặp nhiều khuôn mặt quen thân, có người đã tham gia phong trào Kháng Thuế nhưng cũng lắm người vì giàu có hay vì hiềm tị mà bị bắt vào đây để khảo của hoặc để trả thù. Ông ứng khẩu ngâm bài ca trù an ủi bạn tù cùng cảnh ngộ:

*Nhất sang ngâm sái sái,
Thiên trận bút thao thao.
Hỏi, việc chi? ủa có biết đâu nào!
Khi không thỉnh vô lao ngục lúc ngục.
Nào những khách triều đình!
Nào những trang khoa mục!
Cục hỗn nguyên vinh nhục xáo nhất trường.
Xâu một xâu ngô đạo thấy mà thương!
Thử nhân vấn bỉ thương hề thù tạo? [10]
Có câu rằng:
Trung phu hỉ tín ninh tu đảo,
Vô vọng sanh tai vị vị nương.
Cũng bởi đâu bài xứng tự cường,
Cả tổng, lý, thôn hương đều cúp trại.
Phải chi khát thuế sưu mà dặng khởi,
Thà chịu mang tiếng nói Đồng Bào
Nhưng mà thôi,
Kìa xanh xanh đà có Chúa trên cao,
Chẳng lẽ đâu nữ phụ anh hào,
Vì hội đương ma huyện biết sao,
Tạo thời thế dẫu thế mà ta cũng...
Nầy nói thiệt:
Tay tạo hoá nghi đâu có vụng,*

*Bỉ chung rồi thái phục đó liền coi.
Giữa trời đước ngọn lòe soi,
Sáng trong bốn cõi rạng ngoài muôn phương.
Cổ lai thử hội phi thường!*

(Thơ trích *Nhân vật Bình Định* [11])

Trần Cao Vân có cái "duyên" đối đầu với quan lớn Bùi Xuân Huyến đến ba lần. Lần đầu (1898) khi họ Bùi ngồi ghế Bó chánh Phú Yên, bắt ông nhưng không tìm ra bằng cớ ông gia nhập đảng Cần Vương của Võ Trứ, nên chỉ 11 tháng sau phải thả. Lần thứ hai (1900), quan Bó chánh vin vào tác phẩm *Trung Thiên Đồ* buộc tội "yêu thư, yêu ngôn" tặng cho họ Trần bản án tử hình, may nhờ đệ tử kín đáo vận động ở triều đình nên ông được giảm án còn khổ sai, đến năm 1907 mới được tha. Lần này (1908), Bùi Xuân Huyến là Tổng đốc Bình Phú đứng tên đệ trình về triều bản cáo trạng, có đoạn viết:

"Trần Cao Vân, ấp Đông xã Tư Phú (tổng Đa Hoà) phủ Điện Bàn tỉnh Quảng Nam, năm trước đến tỉnh Phú Yên giảng thuyết *Trung Thiên Đồ*, kể vì xảy ra việc treo cờ nã được, án xử tội dày (khổ sai 9 năm), mãn hạn về không biết an phận, năm ngoái còn dám lén đến hạt ấy, lén trú tại nhà của Nhữ Doanh, tụ hội đông người giảng thuyết *Trung Thiên Đồ*, giả danh thần tiên mà nói nổi khổ binh dân chiến tranh và vận hội Đồng Bào cắt tóc năm Thân và năm Dậu về sau, trước tiên truyền bá khích biến, thật đáng tội. Vậy Trần Cao Vân, xin chiếu điều lệ luật tạo yêu thư yêu ngôn, xử trăm lập quyết, giấy *Trung Thiên Đồ* nói trên thủ tiêu" [12].

Triều đình xét lại, giảm án tử còn "trăm giam hậu, phát giao Côn Lôn phối dịch" [13].

CÁC ĐỜI TỔNG ĐỐC

Tính từ ngày xây dựng thành Bình Định (1808) cho đến khi cơ quan tỉnh dời về Quy Nhơn (1934), có khoảng 30 lượt quan trấn thủ hay tổng đốc (từ 1832) trấn nhậm tại thành này. Có những vị tổng đốc chết tại thành lúc đang thi hành công vụ như Phạm Quí (1805-?), Bùi Ngọc Quỹ (1796-1861), Thân Văn Nhiếp (1804-1872), Phạm Văn Tường. Có nhiều vị tài đức hết lòng lo cho dân, nhưng cũng có không ít quan lớn hại dân hại nước, vết nhơ muôn đời không rửa sạch.

1 - Võ Xuân Cẩn với phép quân điền:

Ông là vị tổng đốc Bình Phú sáng giá nhất, sinh năm 1772, mất năm 1853, người huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Ông đậu cống sĩ, ở ẩn suốt thời Tây Sơn, làm quan qua bốn triều đại Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, thăng tới hàm Thái tử Thái bảo (trên nhất phẩm).

Từ năm 1833 đến 1839, ông giữ chức Tổng đốc Bình Định, nhận thấy tỉnh này có:

- Diện tích ruộng thực canh là 71.925 mẫu 9 sào 2 thước 6 tấc 1 phân 4 ly 6 hào 8 hốt (tức 35.203 ha 43 are 25 m² 35 dm² 67 cm² 23 mm²).

- Trong đó, tư điền chiếm: 65.473 mẫu 1 sào 3 thước 1 tấc 5 phân 8 ly 8 hào 8 hốt, tỷ lệ 91,03% ;

- Quan điền có: 1.633 mẫu 7 sào 8 thước 1 tấc 5 phân 7 ly 6 hào, tỷ lệ 2,27% ;

- Và công điền chỉ có: 4.819 mẫu 0 sào 6 thước 2 tấc 9 phân 8 ly 2 hào (tức 2.358 ha 63 are 26 m² 81 dm² 65 cm² 29 mm²). Như vậy, công điền (ruộng của làng dành chia cho dân đinh và lính tại ngũ) chỉ còn 6,7% diện tích ruộng thực canh trong tỉnh [14]. Với tỷ lệ quá ít

và phân phối không đều, nhiều làng không có công điền nên không thể phụ cấp cho gia đình binh sĩ, hương chức; còn dân chúng không có ruộng cày, đời đời làm thuê cho các điền chủ.

Năm 1838, Võ Xuân Cẩn dâng sớ về triều xin cho thực hiện phép quân điền ở Bình Định. Vua Minh Mạng và cả triều đình không muốn động chạm đến quyền tư hữu của các điền chủ tỉnh này.

Năm 1839, Võ Xuân Cẩn được triệu về kinh thăng Thượng thư bộ Hình kiêm viện Đô Sát và làm Tổng tài bộ sử Thực lục. Ông lại dâng sớ xin lập quân điền cho tỉnh Bình Định. Vua Minh Mạng đưa ra nghị định có đủ lục bộ. Sau khi cân nhắc về mặt đạo lý và thực tiễn, triều đình đã thống nhất đề ra nguyên tắc thực hiện. Ông và Tham tri bộ Hộ là Đoàn Uẩn được vua Minh Mạng sai phái đến Bình Định thi hành phép quân điền để cân bằng diện tích công điền và tư điền trong 678 thôn toàn tỉnh.

Suốt cả năm trời làm việc cật lực, ông giải quyết ổn thoả từng thôn, từng chủ điền đều vui lòng thi hành quân cấp điền thổ, gọi tắt là quân điền, nâng tỷ lệ công điền toàn tỉnh Bình Định là 53,82% chia ra các huyện như sau: Bồng Sơn 54,26%; Phù Mỹ 54,03%; Phù Cát 56,43%; Tuy Viễn 52,08%; Tuy Phước 52,49% [15].

Đó là lần cải cách ruộng đất duy nhất của nhà Nguyễn và chỉ xảy ra ở tỉnh Bình Định, nhằm tạo sự công bằng và nhân đạo mà tác giả chính là Võ Xuân Cẩn. Biến cố Quân điền Bình Định là cuộc cách mạng ruộng đất tốt đẹp vô tiền khoáng hậu, một việc làm hợp tình hợp lý và nhất là hợp lòng dân. Qua sự vận động khéo léo của Võ Xuân Cẩn, cả chủ điền lẫn dân nghèo đều hoan hỉ.

2 - Nguyễn Thân với vụ án Bá hộ Huệ:

Nguyễn Thân (1840-?) xuất thân ấm sinh, con ông Nguyễn Tấn là một võ quan dưới triều Tự Đức, quê quán ở làng Thạch Trụ huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Những năm 1885 đến 1887, Nguyễn Thân tàn sát phong trào Cần Vương ở Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam nên triều đình Đồng Khánh, thân Pháp, cho thăng chức rất nhanh. Từ năm 1891 đến 1895, Nguyễn Thân làm Tổng đốc Bình Phú, một lần nữa gây kinh hoàng cho dân Bình Định qua vụ án Bá hộ Huệ.

Ông Bùi Huệ [16] người thôn Bả Canh tổng Thời Đôn huyện Tuy Viễn phủ An Nhơn tỉnh Bình Định (nay thuộc xã Đập Đá huyện An Nhơn), giàu có, hào hiệp, giao thiệp rộng, mua hàm cửu phẩm nên gọi là Bá hộ Huệ. Khi Nguyễn Thân nhận chức tổng đốc, Bá hộ Huệ đến mừng một tấm biển bằng gỗ mun cắn xa cừ bốn chữ *Thiên lý lương nhân*, chung quanh chạy hoa văn đẹp mắt. Quan tổng đốc rất hài lòng về nét bút khắc hoạ theo lối đại tự, với ý nghĩa người hiền tiếng tăm bay xa ngàn dặm. Tấm biển được treo ngay giữa phòng khánh tiết dinh tổng đốc.

Một hôm có nhà nho đến thăm quan Tổng đốc, nhìn tấm biển rồi cười chúm chím. Nguyễn Thân hỏi, người ấy không nói. Gạn hỏi mãi, người ấy tìm cách nói tránh. Thấy quan lớn lộ vẻ bực tức, người ấy đứng dậy khúm núm thưa:

- Nói thật, sợ cụ lớn cho là thất lễ rồi bắt tội!

Nguyễn Thân cam đoan miễn chấp, người ấy mới dám thưa:

- Bốn chữ *Thiên lý lương nhân*, mới nghe như để tán tụng đức độ của cụ lớn, nhưng thâm ý của kẻ tặng bức hoành này là dùng lối chơi chữ để chửi cụ lớn đấy.

Nguyễn Thân hỏi dồn:

- Sao? Nói rõ cho ta nghe! Ta đã hứa không bắt tội đâu.

Người ấy ung dung thưa:

- Chữ thiên 千 ghép với chữ lý 里 thành chữ trọng 重, chữ lương 良 ghép với chữ nhân 人 thành chữ thực 食. Kẻ tặng bức hoành thật là hỗn láo, dám nói cụt lớn ham ăn.

Nguyễn Thân sai lính hạ tám biển xuống rồi cho trát đòi Bá hộ Huệ chiều mai đến hầu tại dinh Tổng đốc.

Bá hộ Huệ đến thành Bình Định lúc 3 giờ chiều, đợi mãi đến quá chạng vạng mới được đòi vào. Thấy mặt Bá hộ Huệ, Nguyễn Thân xẵng giọng:

- Tại sao giờ này mới mò đến?

Bá hộ Huệ đã bực sẵn vì đợi đến 4 tiếng đồng hồ, bèn nói lớn:

- Tôi đến hầu rất sớm, chờ quan lớn từ đầu thân mút đậu, chớ đâu mới tới giờ này!

Nghे câu "đầu thân mút đậu" như đổ dầu vào lửa, Nguyễn Thân không nén được cơn giận, đập bàn thét lính trói Bá hộ Huệ giam vào ngục.

Công bằng mà nói, Bá hộ Huệ không hề có ý chơi xỏ quan Tổng đốc; việc biếu tặng tám biển đất tiền là để được làm quen với quan đầu tỉnh, dân chúng nể trọng. Ông không đủ trình độ biết được bốn chữ *Thiên lý lương nhân* ghép thành một nghĩa khác. Ngay cả câu "đầu thân mút đậu" cũng là một thành ngữ quen thuộc ở địa phương, chỉ khoảng thời gian từ 3 giờ chiều (đầu giờ thân) đến 7 giờ tối (cuối giờ đậu).

Nằm trong ngục tối, Bá hộ Huệ không hiểu tại sao bị quan lớn đối xử như vậy. Còn đối với Nguyễn Thân, tên Huệ đã cả gan chơi xỏ mình đến hai lần, quá lắm rồi! Hắn dám mắng đích danh mình mút bộ phận sinh dục của giống đực. Hắn đáng tội chết.

Ba hôm sau, vào nửa đêm, nhà lao thành Bình Định kiểng báo động dồn dập. Các tên tù trọng án vượt ngục bị bắt lại đều khai Bá hộ Huệ tổ chức cho chúng trốn thoát. Dàn cảnh thật khéo! Nhân chứng rành rành, trăm miệng một lời. Dưới lưỡi gươm tiền trăm hậu tấu của Nguyễn Thân, Bá hộ Huệ chỉ còn cách kêu oan nơi âm phủ.

3 - Nguyễn Đình Hiến với lòng yêu nước thương dân:

Nguyễn Đình Hiến (1872-?) người thôn Lộc Đông huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam, đậu phó bảng khoa Tân Sửu (1901). Làm Tổng đốc Bình Phú khoảng những năm 1926, 1927. Ông hết lòng lo cho dân Bình Định và đối đãi đặc biệt với các chí sĩ địa phương.

Năm 1926, Đồng Sĩ Bình (1904-1934), một chí sĩ cận đại người thôn Mậu Tài huyện Phú Vang tỉnh Thừa Thiên, làm thông phán toà sứ Qui Nhơn. Ông là người đầu tiên công khai viếng mộ Mai Xuân Thưởng với câu đối diếu:

Bại trận nhi bất hàng, hùng tâm phiêu vũ trụ, đao để chiến công lực kiệt, binh tán thế cô, tủng sử quốc vận hưng long, liệt sĩ hồ cam hàm hận huyết;

Đoạn đầu do năng tiểu, nghĩa khí quán càn khôn, tự lai chuyên chế vân la, nhơn vong sự một, na thức giá bang tình trạng, hậu nhơn thượng vị hích kỳ danh!

*Việt Nam Cách mạng nguyên niên, mạnh đông nhật,
Hậu sanh đồng chí Đồng Sĩ Bình huy lụy khóc.*

Việt Thao dịch:

*Thua trận chẳng chịu hàng, tâm hùng bay vũ trụ,
chiến đấu đến cùng lực kiệt, quân tan thế rã, giá như vận nước còn hưng, liệt sĩ sao đành ôm nuốt hận;*

Chém đầu còn cười cợt, nghĩa khí thấu đất trời, mặc cho ràng buộc lưới giăng, người mất việc không, biết sao ấy trong tình trạng, đời sau còn nhắc tiếng tăm người!

*Việt Nam Cách mạng năm đầu, ngày tháng 10 âm lịch,
Đồng Sĩ Bình là đồng chí hậu sanh gạt nước mắt khóc.*

Năm 1927, họ Đồng bị bắt, giam tại nhà lao tỉnh thành Bình Định, được Tổng đốc Nguyễn Đình Hiến đối xử tử tế. Ngày ba bữa cơm rượu do người nhà của quan Tổng đốc mang đến. Những lúc rỗi rảnh, Nguyễn Đình Hiến xuống tận nhà lao thăm viếng hoặc mời chí sĩ lên tư dinh bàn luận văn chương. Tương truyền, có lần quan Tổng đốc đọc lời khai của họ Đồng, văn phong khí khái, ông cao hứng cầm bút khuyến đồ cả mặt giấy, sức nhớ đây là hồ sơ thụ lý, phải nhờ chí sĩ chép lại.

Viên Công sứ biết được sự việc, sợ quan Tổng tìm cách tha cho họ Đồng nên làm tờ trình lên viên Khâm sứ Trung Kỳ, yêu cầu triều đình Huế rút Nguyễn Đình Hiến về kinh.

4 - Vương Tử Đại với vụ Bình Thành Thập Thủ:

Wương Tử Đại xuất thân từ Thông ngôn toà Sứ, làm Tổng đốc Bình Phú dưới triều Bảo Đại (1926-1945), cùng lúc với Nguyễn Bá Trác giữ chức Bố chánh cũng tại tỉnh này. Quan Tổng đốc ý thế thân Tây ra mặt hách dịch với mọi người. Còn quan Bố xuất thân từ khoa bảng (Cử nhân khoa Bính Ngọ, 1906), tham gia phong trào Đông Du, sau ra đầu thú được trọng dụng. Tuy cùng là quan lớn của một tỉnh nhưng hai bên lại ghét nhau. Quan Bố làm 10 bài tứ tuyệt gọi là *Bình thành thập thủ*, kể 10 vụ bất chính của quan Tổng, phổ biến bằng cách chuyền tay.

Vụ tai tiếng lý thú nhất là chuyện Võ Thị Cúc ở Phù Mỹ đưa đơn xin ly dị chồng. Muốn được thắng kiện, đang

đêm Thị Cúc lên vào dinh quan Tổng với việc mờ ám. Quan Bố biết được, liền đến dinh Tổng đốc. Thấy có người đường đột bước vào, Thị Cúc sợ hãi đứng nép vào vách. Quan Bố chỉ vào mặt y thị, quát lớn:

- Mi là gái chê chồng, sao đang đêm dám lên vào dinh quan lớn?

Nói xong, toan truyền lính bắt trời.

Thị Cúc đứng phía vách có treo tấm da cọp nên quan Tổng lãnh trí nói đỡ:

- Hắn vào dinh thưa kiện, thấy da cọp tò mò đứng xem, quên cả chiều tối. Nghĩ tình dân đen khờ dại, xin quan lớn tha tội cho nó.

Quan Bố thôi không làm lớn chuyện nhưng lại có đề tài *Khán hổ bì* (xem da cọp):

*Bạc hạnh lang quân thiếp tảo tri
Lang quân tư thiếp, thiếp tư ly.
Nhi kim dục toại ly lang kế,
Dạ nhập dinh môn khán hổ bì [17].*

Quách Tấn dịch:

*Sớm hay chàng vốn bạc tình,
Chàng dù thương thiếp, thiếp đành phân ly.
Cung loan mong đứt dây tỳ,
Đang đêm vào "khán hổ bì" dinh quan!*

Việc thứ hai cũng hấp dẫn không kém. Nguyên dân làng Đông Lương tổng Chánh Lộc huyện Phù Cát dám chỉ trích quan Tổng đốc nên cả làng bị bắt giam. Vương Tử Đại muốn dò xét phản ứng của dân chúng, bèn giả dạng khách du lịch, mượn xe kéo rong chơi quanh vùng thị trấn Bình Định.

Ông khơi chuyện hỏi anh phu xe:

- Nghe đồn quan Tổng đốc tỉnh nhà là người thanh liêm lắm, ngài rất ghét hối lộ nên đã yết bảng cấm tại công đường, có phải vậy không chú?

Anh phu xe ngựa khách là người vui tính, cười mở nên thật tình thổ lộ:

- Dạ, chẳng thanh liêm chính trực gì! Muốn được việc đừng đi cửa trước mắc phải bảng cấm, nên đi ngõ sau gặp riêng bà lớn.

Quan Tổng ngậm ghi số xe, ngay hôm sau có lính đến tận nhà bắt anh phu xe hạ ngục. Sự việc đến tai quan Bố, một đề tài nữa qua bài *Ký cốc xa* (xe kéo tay):

*Sanh nhai ký cốc nhất xa hành
Hưu thuyết quan gia lãng phẩm bình
Bất ký Đông Lương đương nhật sự
Thê hiệu (hào) nhi khốc đáo tàn canh* [18].

Quách Tấn dịch:

*Làm ăn rút kít tay xe,
Miệng mồm khuyên hãy kiêng dè việc quan.
Đông Lương mang vạ cả làng,
Vợ kêu con khóc ngày tàn lại đêm.*

Quan Tổng cũng là tay không vừa, ăn miếng trả miếng, bèn làm câu đối mà mỗi chữ là một ngọn roi quất mạnh vào vết thương lòng của quan Bố:

*Sóng Âu hải tràn ngang, tràn Hương Cảng, tràn
Hoành Tân, tràn Mã Liệp Nhĩ Sơn, coi như tuồng dạ sắt
gan đồng, một mực giữ gìn dân với nước;*

*Gió Nam Phong thổi ngược, thổi Hường lô, thổi Bình
bộ, thổi Bàn thành cụ Bố, quen những thói vào luồn ra cúi,
đôi đường chen chúc lợi và danh* [19].

5 - Nguyễn Hy bỏ thành:

Con của Nguyễn Thân là Nguyễn Hy du học ở Pháp, làm Tổng đốc Bình Phú khoảng những năm 1934, 1935. Khác hẳn cha, Nguyễn Hy tính tình đôn hậu, cư xử nhã nhặn. Có một điều làm cho ông suy nghĩ, ăn không ngon, ngủ không yên từ khi đến trấn nhậm thành Bình Định. Ông chiêm bao đến ba lần, lần nào ông cũng mặc triều phục, ngồi trên xe kéo chạy quanh trong thành. Khi xe chạy ngang qua nhà lao, đến gần cửa Hậu bỗng có bộ lòng con người rớt xuống chân ông, rồi treo lơ lửng dưới gầm xe. Nhìn kỹ, thấy đủ cả tim gan phèo phổi, bao tử, thận, ruột dính đùm với nhau. Máu tươi trong tim trào ra văng vãi trên người ông. Giật mình thức dậy, ông còn nghe văng vẳng tiếng ai than khóc quanh dinh.

Nguyễn Hy tìm thầy đoán mộng ở Tuy Phước, nhờ giải thích. Thầy bảo:

- Cái xe chữ Hán là xa 車, bộ lòng là tâm 心, tâm treo dưới xa là chữ Huệ 惠 [20]. Trước đây thân phụ quan lớn có giết Bá hộ Huệ, oan hồn chưa siêu thoát, đời dịp báo oán. Xin quan lớn cúng giải oan cho ông Bá hộ Huệ.

Việc điếm mộng báo oán hư thực thế nào không rõ mà dân chúng xì xầm bàn tán khắp tỉnh. Nhưng có một điều chắc chắn là quan Tổng đốc bỗng nhiên bỏ dinh về Qui Nhơn ở, sáng lên thành Bình Định làm việc, chiều lại về. Khoảng cách Qui Nhơn - Bình Định 18 cây số, hằng ngày phải đi về thật vất vả, nhưng ông nói rằng trong thành nước độc không ở được. Và khoảng một năm sau, toàn bộ cơ quan tỉnh dời về Qui Nhơn với lý do được gần toà Công sứ tiện việc giao dịch, dễ dàng làm việc.

VẾT MỜ NĂM THÁNG

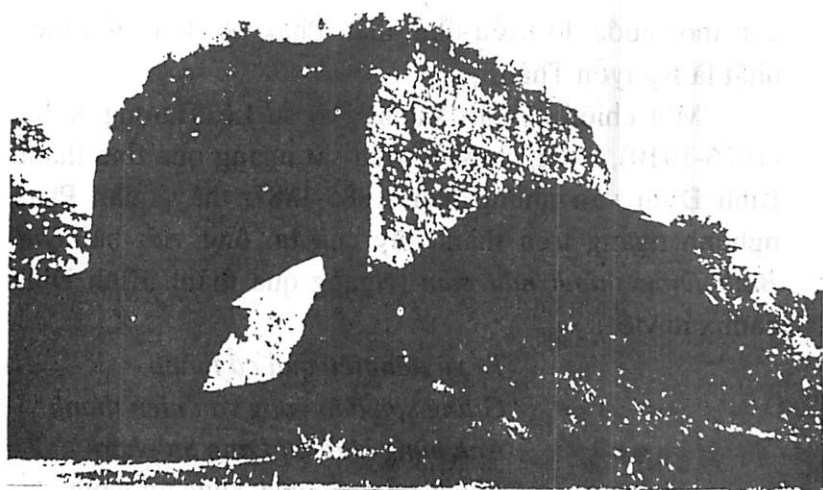
Thành Bình Định từ lúc thành lập (1808) đến khi bị san bằng (1947) trải dài trong 139 năm với bao nỗi thăng trầm theo dòng lịch sử, tạm chia làm ba giai đoạn:

1 - Thời kỳ huy hoàng trải qua các triều Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức và cho tới đêm rạng ngày 5 tháng 7 năm 1885 kinh đô thất thủ. Giai đoạn này nước ta còn tự chủ, quan Tổng đốc Bình Phú làm việc theo chỉ thị của triều đình Huế. Những năm cuối cùng, tuy có hoà ước Harmand (Quý Mùi - 1883) và hoà ước Patenôtre (Giáp Thân - 1884), triều đình nhà Nguyễn phải công nhận nền bảo hộ của Pháp nhưng chưa áp dụng triệt để, nhất là ở địa phương.

Trong 77 năm hưng thịnh, có nhiều vị Tổng đốc nổi tiếng đến trấn nhậm tỉnh thành Bình Định như Võ Xuân Cẩn, Đặng Văn Thiên, Thân Văn Nhiếp.

Năm 1851 trường thi Hương Văn Bình Định được thành lập tại thôn Hoà Nghi, phía đông nam thành Bình Định, cách một con sông. Năm 1867, trường thi Hương Võ ra đời tại thôn An Thành, phía nam thành Bình Định và cách xa chừng 5 cây số. Cả hai trường thi đều qui tụ thí sinh từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận, gây thanh thế cho quan Tổng đốc Bình Phú và tăng tầm vóc quan trọng cho tỉnh thành Bình Định.

2 - Thời kỳ suy đồi kể từ Đồng Khánh lên ngôi (14-9-1885) đến khi Tổng đốc Nguyễn Hy dời cơ quan tỉnh về Qui Nhơn (1934), kéo dài 49 năm, đánh dấu giai đoạn triều đình Huế cộng tác với Pháp đàn áp các phong trào yêu nước chống xâm lăng. Vì vậy thời kỳ này cũng nảy sinh một số Tổng đốc Bình Phú khét tiếng tàn bạo và sâu



Cửa Đông thành Bình Định
sau khi bị phá hoại.
Ảnh chụp năm 1947, *Nước non Bình Định*.



Cửa Tây thành Bình Định trước năm 1959, nay không còn.
(Ảnh trong *Nhân vật Bình Định*)

dân một nước do triều đình thân Pháp bổ đến, tiêu biểu nhất là Nguyễn Thân.

Một chiến sĩ Cần Vương, võ sư Lê Thượng Nghĩa (1826-1910), trong chuyến trình sát ngang qua tỉnh thành Bình Định vào những năm 1885-1887, thấy quân Pháp nghênh ngang trên thành lũy của ta, ông viết bài *Quá Bình Định thành hữu cảm* (Ngang qua thành Bình Định cảm xúc viết):

*Tế vũ tiêu tiêu quá cổ thành
Giang sơn dao vọng vạn niên thanh
Anh hùng khởi cụ Lang Sa pháo
Phủ kiếm cao ngâm khúc tái hành.*

Việt Thao dịch:

*Thành cũ ngang qua mưa nọ sa
Xanh xanh sông núi ngút ngàn xa
Súng Tây há dễ anh hùng sợ
Võ kiếm vang lời ra ải ca.*

Cũng thế, một chí sĩ tại địa phương, nhà văn Nguyễn Bá Huân (1853-1915), nhân ngày xuân đi ngang qua thành Bình Định cảm xúc viết bài *Xuân nhật ngẫu quá Bình Định thành hữu cảm*:

*Cố hương phong hoá lệ chiêm y
Đãng định thù năng cử nghĩa kỳ?
Lệnh ngã giang sơn vô hoán chủ
Thiên thu Việt quốc hiển thanh uy.*

Việt Thao dịch:

*Lửa tràn quê cũ lệ tuôn rơi
Dẹp giặc, ai đây dựng ngọn cờ
Để khiến non sông không đổi chủ
Nghìn năm nước Việt tiếng tăm ngời.*

Tuy thời cuộc nhiều nhượng nhượng đất nước cũng còn vài vị Tổng đốc Bình Phú có lòng với dân tộc. Họ

không đủ sức cứu nước thì tìm cách cứu dân, tiêu biểu nhất là Phó bảng Nguyễn Đình Hiến, Á nguyên Dương Lâm (1851-1920).

3 - Thời kỳ tàn lụi từ năm 1934 thành Bình Định bị phế bỏ cho đến năm 1947 bị san bằng. Giai đoạn này không những toàn bộ cơ quan tỉnh, trại lính, nhà lao dời về Qui Nhơn mà cả Sở Tầm cũng chuyển đến thị trấn Phú Phong, sáp nhập vào hãng dệt tơ lụa De Lignon. Trong thành chỉ còn nhà dây thép, bệnh xá và trường tiểu học. Những cơ quan đó không còn ở cấp tỉnh nữa mà trực thuộc vào phủ lỵ An Nhơn đóng ở thị tứ An Thái.

Mãi đến năm 1939, cơ quan phủ An Nhơn mới dời về thành Bình Định và chỉ sử dụng dinh Bó chánh làm phủ đường. Hoàng cung và các dinh thự khác vẫn bỏ trống. Thành rộng, cơ quan phủ nhỏ bé, không quản lý hết; khu Tây Bắc (trường bắn, trại lính) hoang phế, cây cỏ rậm rạp như rừng. Có lần, một em bé vào đây lượm trái gòn bị trăn cắn chết.

Tháng 9 năm 1945, Việt Minh cướp chính quyền, viên Trị phủ An Nhơn cuối cùng ngự trị tại thành này là Hồ Yên bị bắt đưa về Qui Nhơn. Và với chính sách tiêu thổ kháng chiến, thành Bình Định bị phá hủy vào khoảng đầu năm 1947. Lúc bấy giờ chính quyền Việt Minh phải huy động dân của ba huyện An Nhơn, Tuy Phước, Phù Cát về đây triệt hạ thành trì. Mỗi thôn lập hai đội công tác, thay đổi nhau, toán này về thì toán kia phải ra đi. Ban ngày nghỉ trọ trong các làng mạc để tránh máy bay, chiều tối kéo đến thành đông như kiến, làm việc đến quá khuya. Tường thành bị san bằng lấp đầy hào rãnh, các công ốc trong thành đều bị triệt hạ, ngay cả những ngôi nhà gạch tư nhân cũng bị phá hủy.

Sáu tháng ròng rã đập phá, thành Bình Định trở nên bình địa, ngổn ngang gạch bể ngói vụn, hoang tàn. Chỉ có vòm cửa Tây và nền trụ cờ là còn sót lại với đầy thương tích lở lói. Nhưng rồi dân địa phương cạy gỡ dần lấy gạch đá và chừng mười năm sau, nơi đây không còn để lại dấu vết gì, dù là gạch vụn, về một thành trì cấp quốc gia và to lớn nhất tỉnh, đã một thời vang bóng.

Thành Bình Định chính thức bị xóa tên trên bản đồ địa hình của tỉnh nhà, từ ấy.

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[*] Bản vẽ sơ đồ thành Bình Định: tham khảo ý kiến theo trí nhớ của những vị lão thành ở Bình Định gồm các nhà văn Lam Giang Nguyễn Quang Trứ (sinh 1919 tại An Lương xã Mỹ Chánh huyện Phù Mỹ), Mộng Bình Sơn Phan Canh (sinh 1924 tại xã Nhơn Thọ huyện An Nhơn) và các nhà thơ Thạch Khê Lưu Đình Đàm (sinh 1920 tại Thọ Lộc xã Nhơn Lộc huyện An Nhơn), Đặng Hiếu Kính (sinh 1923 tại Vân Hội thị trấn Diêu Trì huyện Tuy Phước), Minh Tân Phạm Hà Hải (sinh 1926 tại Hữu Thành xã Phước Hòa huyện Tuy Phước).

[1] Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch của Phạm Trọng Diễm, tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992), trang 14: Tỉnh thành Bình Định dời đến địa điểm mới vào năm Gia Long thứ 7 (1808), tường thành bằng đất năm Gia Long thứ 14 (1815), xây đá ong năm Gia Long 16 (1817).

[2] Cùng một chỗ, sách đã dẫn: Thành Bình Định thuộc địa phận hai thôn Kim Châu và An Ngãi.

[3] Nguyễn Đình Đầu; *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Định*, tập 1 (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996), trang 44: Ngay từ đầu triều Gia Long đã định chuẩn đơn vị đo lường thống nhất cho cả nước, lúc ấy có ba thứ thước: Điền xích (thước ruộng) bằng 0 mét 4664 dùng đo diện tích ruộng đất; phùng xích (thước may) bằng 0 mét 636 dùng đo chiều dài vải vóc; mộc xích (thước mộc) bằng 0 mét 424 dùng đo chiều dài cây gỗ và các loại khác. Các đơn vị của thước là tầm gồm 5 thước mộc bằng 2 mét 12; trượng gồm 2 tầm bằng 4 mét 24.

[4] Năm 1808, niên hiệu Gia Long thứ 7, đặt là trấn, gọi ba vị quan đầu trấn là Trấn thủ, Cai bạ và Ký lục; năm 1832, Minh Mạng thứ 13, cải tổ lớn về hành chính, bỏ trấn lập tỉnh, ba vị đầu tỉnh gọi là Tổng đốc, Bố chánh và Án sát.

[5] Giã: tên gọi cũ của thành phố Qui Nhơn, cách thành Bình Định 18 km và cách nơi án mạng 14 km.

[6] Nguyễn Thế Anh; *Phong trào Kháng Thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân* (Sài Gòn, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1973), trang 169.

[7] Năm 1906 tỉnh Bình Định thay đổi phủ huyện, chia làm 3 phủ như sau: phủ Hoài Nhơn coi 4 huyện là Hoài Ân, Bồng Sơn, Phù Mỹ, Phù Cát; phủ An Nhơn gồm 2 huyện là Tuy Viễn và Bình Khê; phủ Tuy Phước trực tiếp coi 4 tổng, không có huyện.

[8,9] Nguyễn Thế Anh; *Phong trào Kháng Thuế miền Trung năm 1908...*, từ trang 90 đến 93, trang 94.

[10] Hành Sơn; *Cụ Trần Cao Vân* (Paris VI e, nxb Minh Tân, 1952), trang 68 : tiếp theo đây có thêm hai câu thơ:

“Phen này quyết níu lưng con tạo,
Mở bùng ra xin hỏi đạo đại nguyên”.

[11] Đặng Quý Địch; *Nhân vật Bình Định* (Sài Gòn, soạn giả xuất bản, 1971), trang 227- 228: chép trọn bài nhưng không có hai câu thơ ở ghi chú số 9.

[12,13] Nguyễn Thế Anh; *Phong trào Kháng Thuế miền Trung năm 1908...*; trang 87, 88.

[14] Các số liệu về diện tích ruộng đất tính theo đơn vị mẫu ta, căn cứ theo Nguyễn Đình Đầu, *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Định*, tập 1, trang 224.

[15] Tỷ lệ phần trăm tính được, căn cứ vào số liệu trong *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn, Bình Định*, tập 2, các trang 589 (toàn tỉnh), 591 (Bồng Sơn), 659 (Phù Mỹ), 717 (Phù Cát), 779 (Tuy Phước), 845 (Tuy Viễn).

[16] Quách Tấn; *Nước non Bình Định* (Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967), trang 241, chép là “Trịnh Đình Huệ”. Vũ Ngọc Liễn, *Kẻ sĩ đất Thang Mộc* (nhà xuất bản Đà Nẵng, 1997), trang 60, chép là “Bùi Huệ”.

[17,18,19,20] Quách Tấn, *Nước non Bình Định*, trang 244, 245, 246 và 247.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đặng Quý Địch; *Nhân vật Bình Định*; Sài Gòn, soạn giả xuất bản, 1971.

Hành Sơn; *Cụ Trần Cao Vân*; Paris VI e, nxb Minh Tân, 1952.

Nguyễn Đình Đầu; *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn – Bình Định*, 3 tập; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1996.

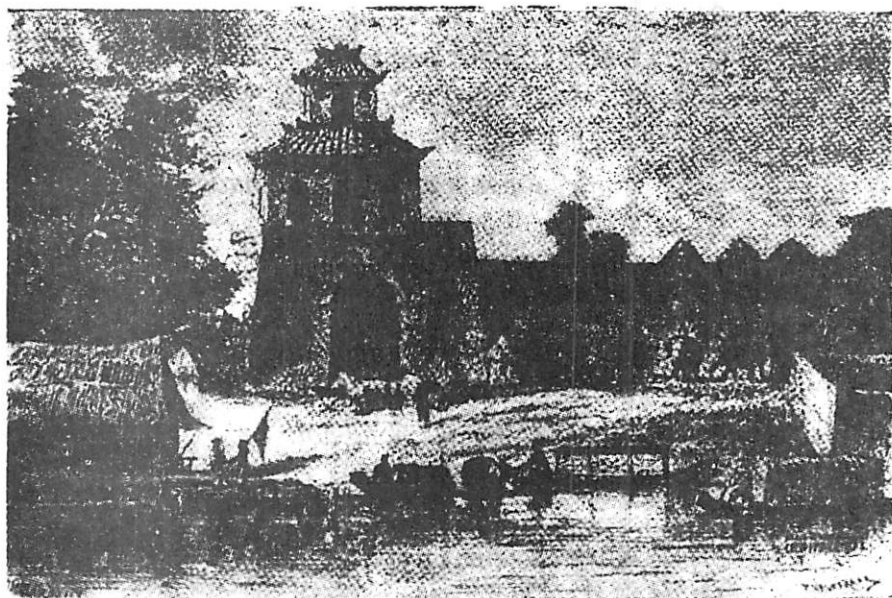
Nguyễn Thế Anh; *Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua các châu bản triều Duy Tân*; Sài Gòn, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1973.

Quách Tấn; *Nước non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.

Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*, quyển IX, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, tập 3; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.

Thơ ca Yêu nước và cách mạng Nghĩa Bình, tập 1; Qui Nhơn, Ty Văn hóa và Thông tin Nghĩa Bình xuất bản, 1984.

Vũ Ngọc Liên; *Kẻ sĩ đất Thang Mộc*; nhà xuất bản Đà Nẵng, 1997.



THÀNH HUẾ DƯỚI ĐỜI NGUYỄN-SƠ

NGÀY XUÂN NHỚ MẸ

*Nhớ Mẹ ngày xưa lúc Tết về.
Đưa con thăm Ngoại tận vùng quê.
Lần theo vách núi chiều hanh nắng.
Ngọn Bắc cuối mùa rớt tái tê.*

*Nhà Ngoại bên kia cồn cát vàng.
Băng đồng theo Mẹ đón dò ngang.
Qua vùng châu thổ phù sa mỏng.
Mẹ dắt tay con bước rộn ràng.*

*Thoăn thoắt đôi chân ghé xuống đò.
Trẻ măng cô lái giọng khoan hò.
Bên kia lau sậy là Quê Ngoại.
Đôi mắt nhìn theo hút bến bờ.*

*Sông Cái chiều nao gợn sóng buồn.
Chiến tranh cướp mất những người thương.
Mẹ tôi từ đó ngồi úp mặt.
Tôi biết trong hồn Mẹ vấn vương.*

*Mẹ khóc . . . đếm từng đốt ngón tay.
Mỗi mùa Xuân đến gió heo may . . .
Quê hương đâu nữa mà mong đợi.
Vóc hạc chồng lên tuổi lư dày.*

*Mẹ đã ra người thiên cổ rồi.
Muốn về thăm Ngoại quá xa xôi.
Đò ngang bến cũ còn vang bóng.
Cô lái ngày xưa cũng bỏ thôi!*

Quê Ngoại biết còn đất đá ong?
Phế hưng mấy độ nước xuôi dòng.
Thời gian chảy xiết nghe xao xuyến.
Dĩ vãng hẳn lên tiếng sóng lòng.

Nghe gió giao mùa thêm xót xa.
Lim dim đôi mắt nhớ quê nhà.
Dựng lên mái ấm bằng trầu tượng.
Trong vông mô buồn lộng thiết tha.

Lở đổ hiên sau giọt nắng buồn.
Màu chiều lốm đốm ánh tà dương.
Vi vui cơn gió Nồm Nam Hải.
Thổi dạt hàng me lá ngập đường.

Đếm bước thời gian trên ngón tay.
Đau lòng nhìn lại bóng thơ ngây.
Chờ con chim én về truông gió.
Tuổi trẻ mùa Xuân vỗ cánh bay.

Nhắm mắt cho qua dĩ vãng buồn.
Đau lòng da diết ngậm ngùi thương.
Thôn xưa bước nhỏ chiều e ấp.
Nhớ Mẹ chờ con trước cổng trường.

NGUYỄN THẾ GIÁC

Ngày xuân nhớ lại

Nguyễn Mạnh An Dân.

Hai giờ bốn mươi lăm, ngày hai mươi chín tháng chạp âm lịch, đầu năm 1975, Tiểu đoàn trưởng 2/46, Thiếu tá Nguyễn Hữu, không thông qua âm thoại viên, trực tiếp gặp các Đại đội trưởng thuộc quyền trên tần số nội bộ và gọi tất cả đến gặp ông tại Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn.

“Các cậu đến gặp tôi ngay bây giờ”. Giọng “ông già” chậm và rõ, cách nói vẫn là một kiểu ra lệnh nhưng không phải là thứ lệnh khô cứng, lạnh lùng như vẫn thường có ở một cấp chỉ huy ngoài mặt trận. Đơn vị vừa được rút về mấy giờ trước từ Trà Cao sau hơn nửa tháng lặn lội suốt một tuyết dài qua các mật khu lầy lội Trà Cú, Phước Chỉ. Tiểu đoàn trừ bố trí phòng thủ căn cứ Trâm Vàng và hai đại đội tác chiến còn lại rải dọc theo mép rừng cao su, cách quốc lộ và xóm nhà một đoạn ngắn và cách gia đình lớn không quá nửa tầm súng cối 60. Ngày cuối năm, vị trí đóng quân nhẹ nhàn. Không ai nói với ai những tất cả ngầm hiểu: dưỡng quân, ăn Tết.

Trâm Vàng là Bộ Chỉ Huy tiền phương, là điểm tiếp liệu chung của nhiều quân binh chủng trong chiến dịch hành quân Campuchia nhiều năm trước. Căn cứ rất rộng với một lô cốt vuông vức được xây âm dưới lòng đất bằng cimang cốt sắt làm Trung Tâm Hành Quân và một vòng tuyến với bờ đất cao đủ chỗ rải quân cho một tiểu đoàn đầy đủ quân số. Căn cứ vẫn thường bị pháo và thỉnh thoảng đặc công vẫn bò vào quấy nhiễu nhưng đối với một đơn vị bộ binh, quanh năm hành quân lưu động thì về Trâm Vàng là nghỉ ngơi, hưởng phước.

Tết nhất có khác, phòng hành quân có một chút gì vui vui, lạ lạ. Lổ thùng đạn đại liên xếp vuông với tấm poncho phủ gọn ở trên như một cái bàn thấp cùng mấy hộp bánh mứt Bảo Hiên và mấy chai rượu bọc giấy hoa như làm cho căn hầm sáng và đẹp hơn. “Phòng họp” lớn lổ nhổ những người; các âm thoại viên đang lui cui kéo giầy ráp nối máy móc vào trụ ăng ten cao nhòng trên nóc; Chỉ Huy Trưởng hậu cứ, Sĩ Quan Ban Một, Sĩ Quan Tiếp Liệu và các Hạ Sĩ Quan chuyên môn gần như có mặt đầy đủ trong những bộ quân áo hồ cứng thẳng tưng đang tươi cười chào hỏi những người mới đến. Ngày cuối năm, đơn vị được “ra hành quân” là một dịp lớn để mọi người vui với nhau một chút. Tiểu đoàn trưởng không cầm bản đồ, không hỏi han tình hình quân số và trang bị, không nhắc cái này, la điều kia như thường ngày, chỉ lấy ra năm chai rượu, nhìn các Đại đội trưởng, nói “Mỗi cậu một chai, giao thừa lai rai một chút cho ấm bụng” và hát đầu ra hiệu cho mấy anh em phục vụ “dọn tiệc”. Trà được bung tới, bánh được mở ra. Mấy sĩ quan hậu cứ lễ nghĩa và bóng bẩy chúc Tết sớm, mấy sĩ quan tác chiến rồn rảng cười nói. Buổi tất niên bất ngờ, đăm bạc nhưng vui. Lính mà, vậy là tốt rồi, được ngồi thoải mái với nhau vài tiếng đồng hồ, nói năm điều bảy chuyện, uống hợp nước, ăn chút bánh mà không phải nơm nớp lo âu cho sự an nguy của chính mình và của đơn vị là tiên trên đời rồi, số một rồi.

Giữa cuộc vui, Tiểu đoàn trưởng chậm rãi cho biết đã liên lạc với phòng ba chiến đoàn, không có kế hoạch gì đặc biệt, ông kết luận: “Chắc mình ăn Tết ở đây”, và âu yếm nhìn các Đại đội trưởng trẻ, độc thân của mình, nói thêm, giọng ấm áp: “Cậu nào có bạn gái hay người quen biết gì nhắn hậu cứ mời lên chơi cho vui, không để gì được nằm gôn lộ như thế này đâu”. Các Đại đội trưởng mau mắn đáp lại: “45 làm gương trước đi, mời chị lên chơi”. Tiểu đoàn trưởng cười cười: “Có, chiều nay bà ấy và mấy cháu sẽ lên, mười sáu năm rồi tôi chưa bao giờ được ăn Tết ở nhà, cũng chưa bao giờ được ở trong một căn hầm nào đẹp như thế này, cả nhà ăn Tết ở đây cũng tốt, năm mới mấy cậu ghé chơi”. Giọng Tiểu đoàn trưởng đều đều,

không có vẻ gì than vãn, trách oán nhưng có chút nao nao, buồn buồn. Lúc chia tay ông đi với các Đại đội trưởng ra cửa hầm, dặn nhỏ: “Dưỡng quân ở đây, dặn em út lục soát, mở đường cẩn thận, nhưng cứ lờ cho anh em họ la cà ra xóm một chút, Tết nhất chắc không đến nỗi nào đâu.” Ông nói với theo khi mọi người đã đi được một đoạn ngắn, giọng nghiêm lại: “Nhớ kiểm soát kỹ, tuyệt đối không được để em út say sưa, phá xóm phá làng”.

51 Tùng, Đại đội một, trở về vị trí đóng quân của mình. Lại hậu cứ, lại bánh, rượu và báo xuân. Câu chuyện vui vẻ và thân mật, một ít giấy tờ phải ký, một ít tình hình quân số và tiếp liệu được trình báo những phần lớn là những lời thăm hỏi chúc mừng. Hạ sĩ quan quân số, Trung sĩ nhất Thế, hỏi nhỏ khi Tùng đang lật lật mấy tờ báo xuân: “51 cần tôi ghé Phú Nhuận không?”. Tùng suy nghĩ một chút rồi cười cười gật đầu: “Ờ, nhắn giùm cô ấy sáng mồng một tôi đón ở Gò Dầu, quán Đồng Nội, chốc nữa tôi sẽ viết cho cô ấy mấy chữ nhờ ông chuyển hộ”. Thường Vụ đại đội, Hạ Sĩ Quan Tiếp Tế, Hạ Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị bàn bạc rất lâu với nhau và cùng kéo đến gần Tùng: “Chắc mình nghỉ ở đây, có chút tiền phụ cấp Cây Mùa Xuân Chiến Sĩ, chúng tôi định chiều mai tặng khẩu phần ăn xôm xôm một chút, đại đội ăn chung với nhau một bữa, 51 nghĩ sao?”. Tùng gật đầu: “Được, nhưng nhớ đừng gồm hết lại một chỗ, các trung đội quây quần bên phần tuyến của mình; Ban Chỉ Huy, súng cối và BK tách riêng ra một chỗ khác, coi chừng bị pháo. Tôi sẽ xuống từng chỗ với anh em”.

Buổi chiều cuối năm im ả, bên xóm vắng tiếng trẻ đùa và xe cộ qua lại trên đường với dáng vẻ vội vàng, hối hả như đang chạy đuổi với thời gian. Các nhân viên hậu cứ lần lược từ giả. Tùng đi suốt một vòng tuyến, từng lúc dừng lại chỗ này chỗ kia nói chuyện với những người lính đang ăn vội bữa cơm chiều, anh ngồi chơi với anh em một lúc lâu đợi cho các toán tiền đồn vào vị trí mới chậm rãi trở về hầm chỉ huy của mình. Kế hoạch đón tết vừa riêng vừa chung đều làm Tùng thấy vui. Mấy năm liền, tuy tiếng là hòa bình, ngưng bắn nhưng chưa

năm nào đơn vị được rời vùng hành quân và ngày đầu năm nào Tùng cũng chỉ có thể hút với anh em một điếu thuốc, nhấp với họ chút rượu chắc chiu trong những nắp bidong sóng đổ ngay tuyến phòng thủ giữa mặt trận. Ý nghĩ về một bữa cơm đơn vị làm Tùng thấy ấm lòng, anh nghĩ đến lá thư viết vội cho Thiên Kim vừa gửi Trung sĩ nhất Thế với lời tái bút vui vui: “Khi nào nghe lờ xe hô lớn Gò Dầu nghe bà con là em xuống xe, nhìn bên trái sẽ thấy anh đứng đón, nhớ là đừng tìm ông có râu cao bồi, coi chừng lộn với ông nào khác. Tết nhất anh sẽ làm đẹp để đón tiểu thư”. Lần đầu Thiên Kim lên thăm Tùng ở đơn vị, nghe anh em nói với nhau “cô lên, cô lên” nàng đã then đở mặt và chờ lúc không có ai mới phụng phịu cự nự người yêu: “Cô chắc là chữ mấy ông lính gọi các bà vợ người chỉ huy của họ, ẹm là gì của anh mà cũng cô cô trong này, kỳ cục”. Tùng đã cười hã hã trêu lại nàng: “Cô là tiếng ngắn gọn, dễ nghe và nhiều ý nghĩa nhất trong các tiếng, em không chịu cho gọi như vậy anh em họ sẽ kêu bằng bà người yêu của ông Trung úy nghe còn dễ sợ hơn nữa, tùy em quyết định đi” và Thiên Kim đã chịu thua, đã tiếp tục làm “cô lên” bất cứ lúc nào có thể.

Ước mơ của người lính thật đơn giản, ông Tiểu đoàn trưởng muốn được đoàn tụ cả nhà trong hầm chỉ huy qua với nhau một cái Tết gia đình; ông Đại đội trưởng muốn những người lính có thể ngồi ăn chung với nhau một bữa cơm bên bờ tuyến có chút thịt cá phụ trội và những lời thăm hỏi chúc mừng năm mới. Chuyện như đã chắc trong tầm tay mà cũng không thực hiện được. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tiếp đó, nhiều sự việc bất ngờ đã xảy ra. Kế hoạch không đến từ Chiến đoàn, Sư đoàn, nó đến từ một chỗ cao hơn. Tám giờ tối ngày 29, Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh yểm trợ đơn vị bạn thi hành công tác. Đại đội công sự nặng thuộc Tiểu đoàn 25 công binh chiến đấu kéo đến, có Tiểu đoàn trưởng, Sĩ quan tham mưu Quân đoàn, Sĩ quan chuyên môn Cục Công Binh đôn đốc và kiểm soát. Máy phát điện được mở lên, xe ủi, xe xúc, xe cầu hụ tới hụ lui. Lệnh phải hoàn tất một ụ thuyết trình dã chiến kiên cố và gọn đẹp trước sáu giờ sáng.

Trong đêm, Trinh sát Sư đoàn, Trinh sát Trung đoàn, các Tiểu đoàn 1 và 3/46, một số tiểu đoàn Địa phương quân Tiểu Khu Tây Ninh và Hậu Nghĩa nhận được lệnh chuyển quân. Toàn bộ các điểm trọng yếu chung quanh khu vực Trâm Vàng đều có lực lượng lục soát và án ngữ. Chưa có tin tức chính xác nào được phổ biến những căn cứ vào lệnh điều động, mọi người đều có thể dự đoán một giới chức rất quan trọng sẽ đến thăm căn cứ Trâm Vàng.

Sáu giờ sáng ngày 30 tháng Chạp. Tiếp liệu Tiểu đoàn 2/46 với lệnh cấp phát đặc biệt từ Phòng 4 Sư đoàn và phương tiện chuyên chở của Tiểu đoàn 25 vận tải đã có mặt và trang bị bổ sung quân trang quân dụng cho toàn đơn vị. Những đôi giày bố, nón sắt, giày ba chạc và khăn quàng cổ mới được cấp phát ngoài cấp số. Tiểu đoàn 2/46 nhận lệnh kiểm tra quân phục, quân số, trang bị và lục soát, lập các toán án ngữ bảo vệ toàn bộ khu vực trước khi tập trung tại tọa độ XT... trước mười giờ sáng.

Những khẩu lệnh quân trường được hô to: Bên trái làm chuẩn, cao trước thấp sau, Trung đội hàng dọc, Đại đội hàng ngang, Tiểu đoàn được tập hợp thành một khối hình chu U dưới sự điều động của Tiểu đoàn phó. Tiểu đoàn trưởng và Ban Tham Muu đang chuẩn bị thuyết trình trước phái đoàn trung ương tại trung tâm hành quân mới vừa hoàn tất trong đêm trước. Tin tức chính thức cho biết: Đại diện sư đoàn 25/BB, Tiểu đoàn 2/46 được vinh dự đón tiếp Nguyên thủ Quốc gia và phái đoàn Chính phủ thăm viếng và ủy lạo nhân nhân dịp Tết dân tộc.

Băng đạn được tháo ra, sáu lần thao tác an toàn súng được lập lại. Đội hình sẵn sàng trong tư thế chờ đợi. Một chút kiêu hãnh, một chút xót xa. Máu của biết bao anh em đồng đội đã đổ ra ở Suối Đá, máu của biết bao anh em đồng đội khác đã đổ ra để dành lại từng tấc đất, từng bụi cây trước khi cấm được ngọn cờ tổ quốc lên bờ đất đổ nát của căn cứ 82 và còn nhiều nữa ở Phú Thứ, ở Phước Tân, ở Cần Đăng, Trại Bí, Dầu Tiếng, Phú Hòa Đông, Chà Rầy, Hồ Bò, Trung Lập... Tiểu đoàn 2/46

từng đổ máu, từng hy sinh nhưng chưa bao giờ lùi bước và cũng chưa bao giờ không chu toàn nhiệm vụ dù nhiều khi cái giá phải trả ra thật đáng đau lòng. Người lính 2/46 đã làm hết sức mình, họ không hiểu biết gì nhiều, không đại ngôn lớn lối tự khoát cho mình một lý tưởng, một mục đích gì to lớn, vĩ đại. Họ cố gắng chu toàn nhiệm vụ của những người lính nhỏ nhội vì anh em đồng đội, vì đơn vị, vì quân đội và vì tổ quốc của mình. Họ không chờ đợi và không hề biết có ngày hôm nay. Họ chỉ làm những việc phải làm, vậy thôi.

Những người lính im phất trong hàng. Mười hai giờ ba mươi, đợt khách đầu tiên ào tới. Những cận vệ vòng ngoài gườm gườm, M 18 cặp nách bố trí khắp nơi; những chuyên viên rà mìn máy móc rờ rờ rà tìm từng bụi cỏ, gốc cây. Mười hai giờ bốn lăm đợt khách thứ hai ào tới, máy vi âm mới được lắp ráp dù đã có sẵn, chuyên viên quay phim, chụp hình chạy tới chạy lui. Một giờ chiều Nguyên thu Quốc gia đến. Quân cảnh, cận vệ và tùy tùng đông nghẹt. Kèn trống rộn ràng. 2/46 Hành Khúc vang lên “ 2/46 lòng vang chiến công, về đây chung sức đắp xây quê hương, một lòng vì dân đoàn ta chiến đấu, quyết đem thân mình bảo vệ quê hương. Long An giúp dân, giúp dân, giúp dân; Tây Ninh trấn biên, trấn biên, trấn biên; đây Kamphuchia xông phao bao lần...”. Những lời chào mừng bóng bẩy được đọc lên; những lời khen ngợi rườm rà được nói ra; những cái bắt tay, những lời thăm hỏi máy móc được lặp lại. Người lính im phất trong hàng, trong một giây phút, hình như lòng quặn lại, mắt mờ đi, loáng thoáng đâu đó hình ảnh mẹ già, vợ trẻ, con thơ, mái nhà tranh, khu xóm nghèo và những xô xao ngày Tết không trọn vẹn; rồi đâu đó hình như có tiếng hô xung phong, những tiếng nổ, máu, những xác người, những anh em đồng đội nằm xuống, những người khác tràn lên, lại những người nằm xuống... Cứ như thế, nhập nhòa giữa những bóng bầy hào quang là những hồi ức buồn thảm. Lại trống, lại kèn, người lính thoáng vui rồi chợt buồn. Chiều ba mươi Tết, giờ này đây, hàng ngàn anh em đồng đội, những người đã bất ngờ nhận lệnh, đã mò mẫm di chuyển, đã căng mắt bố phòng suốt đêm qua và

đang ghìm súng bảo vệ ở đâu đó giữa hiểm địa, rừng sâu. Người lính, không có giờ giấc, không biết tháng ngày, chiến đấu và hy sinh. Đằng sau mỗi vinh quang là những gian khó và thảm kịch. Người lính không hề có tròn nét môi cười, không biết thế nào là trọn vẹn niềm vui. Quân kỳ có thêm một giây biểu chương màu Bảo Quốc, người lính ưỡn ngực, ngấn đầu nhưng trong lòng thoáng chút xót xa. Buổi lễ chấm dứt, những người khách lên xe, người lính ở lại. Ba lô lên vai và những ngày mới sẽ đến. Còn một đêm nữa là năm mới.

Đại đội một về tới tuyến phòng thủ lúc 5 giờ 30. Buổi cơm chung dự định sẽ bắt đầu vào lúc 6 giờ. Poncho đã được trải ra, thịt quay, chả lụa đã đựng đầy nhiều nón sắt. Hình như có bánh chưng, dưa kiệu và vài món linh tinh khác. Bình nhất Vinh, thằng em phục vụ thân thiết lăn xả chạy tới chạy lui báo cho Tùng biết diễn tiến những chuẩn bị ở từng trung đội. Tùng nói: “Kiếm cho tao cái ly, năm nay ăn tết đằng hoàn một chút, cứ nắp bình đông hoài coi không được.” Vinh đáp lớn: “Xong rồi 51, sáng nay em hỏi mua lại cái ly caphê ngoài quán, định trả tiền nhưng bà chủ nói tặng ông sĩ quan uống rượu Tết cho vui” và cười cười, bước lại gần Tùng, nói nhỏ, giọng có vẻ ngượng: “Chốc nữa em hát tặng Trung úy bài “Xuân này Con Không Về”. Tùng nhìn người lính trẻ: “Cậu hát được à? Sao lâu nay không thấy ngheu ngao cho vui. Tốt lắm, nhưng đâu phải chỉ mình tao “không về” hát tặng chung anh em đi”. Vinh dạ dạ và nói thêm, giọng nhỏ lại “Em cũng hát cho em nữa”. Tùng nói “Đúng, hát tặng chung tất cả chúng ta”. Hai thầy trò đều cười vui, nhưng bài hát đó không bao giờ được hát.

Sáu giờ thiếu mười lăm, súng cá nhân nổ rất hừng hừng cao su phía xa, cùng lúc, mưa pháo phủ ngập căn cứ Trâm Vàng. Chiến thuật mới: tấn công các đơn vị hành quân lưu động bằng bộ binh và khóa miệng các căn cứ hỏa lực, các đơn vị yểm trợ bằng pháo kích. Chưa có tin tức chính xác nào từ Chiến đoàn. Tiểu đoàn ra lệnh các đơn vị trực thuộc phân tán con cái bố trí dọc mép rừng cao su để tránh pháo và chờ lệnh. Bữa cơm tất niên của Đại đội một vừa được bày biện đã vung

vãi vì sức nổ, mảnh đạn và sỏi cát của trận pháo kích, Những người lính bụng trống vượt bờ đất lao về phía trước giữa những tiếng nổ.

Sáu giờ chiều, Tiểu đoàn trưởng 2/46 gọi các Đại đội trưởng nhận lệnh hành quân tại bìa rừng cao su phía sau căn cứ Trâm Vàng. Sĩ quan Ban 3 đưa phóng đồ hành quân vụn vụn chỉ có một vòng tròn đỏ cách điểm xuất phát 2 cây số về phía Cầu Khởi. Tiểu đoàn trưởng ngắn gọn thông báo tình hình và ban hành những chỉ thị cần thiết. Theo đó, Tiểu đoàn X/49, đơn vị hành quân án ngữ bảo vệ an ninh cho buổi lễ đón tiếp thượng cấp đã bị tập kích trên đường rút lui sau khi hoàn tất nhiệm vụ. Liên lạc vô tuyến với X/49 đã hoàn toàn bị gián đoạn và khả năng có thể là đơn vị bạn đã bị tổn thất nặng và đang tản lạc trong khu vực hành quân. Nhiệm vụ của 2/46 là tiến về hướng được ghi nhận đã có giao tranh, giải tỏa áp lực địch, tìm đón những binh sĩ thất lạc, tải thương và gồm nhặt xác những chiến sĩ đã hy sinh.

Tiểu đoàn trưởng dặn tới dặn lui: “Cẩn thận tối đa. Chắc chắn có nhiều người của mình tản lạc trong khu vực, đừng ngộ nhận tác xạ lầm quân bạn và cũng đừng lơ là để địch quân trà trộn tập kích.” ông nói thêm trước khi các Đại đội trưởng trở về vị trí chẵn bị điều động đơn vị di chuyển, giọng rất buồn: “Bảo em út cố gắng, rất nhiều anh em đang cần đến mình. Tết nhất tôi biết, nhưng tình hình không thể trì hoãn được. Rán lên.”

Trời tối dần, đơn vị di chuyển chậm chạp, từng lúc phải dừng lại bố trí, quan sát, nhận dạng và đón người. Những binh sĩ thất tán mừng rỡ gặp lại quân bạn nhưng trạng thái căng thẳng, hoảng hốt đã biến họ thành ngẩn ngơ, lơ lửng và những lời trình bày của họ lộn xộn, rối ren và trùng lặp về diễn tiến trận đánh và không ai chắc chắn điều gì về số phận đơn vị của mình. Điều ghi nhận rõ nhất là trận đụng độ rất ác liệt và phần thất lợi về phía quân bạn.

9.30 đêm, những đơn vị đầu tiên tiếp cận khu vực giao tranh. Trời tối đen, không khí lặng lẽ và lạnh lẽo. Những ánh hỏa châu nhấp nhòe, lung linh vội sáng vội tắt trên một khu

vực tiêu điều, xác xơ vung vãi những cành cây đổ vì đạn pháo của cả hai phía. Những xác người đầu tiên đã được tìm thấy. Không ai có thể xác nhận được hình dáng và lý lịch của những chiến sĩ bất hạnh này.

9. 40 Tiểu đoàn cho biết Chiến đoàn đã tái liên lạc vô tuyến được với Tiểu đoàn X/49. Đơn vị bạn bị đột kích, hai Đại đội bọc hậu bị cắt đứt khỏi đội hình chung và bị thiệt hại nặng chưa liên lạc và kiểm kê được; Tiểu đoàn bị pháo kích và hệ thống liên lạc bị hư hại nhưng đã tái hoạt động trở lại. Đơn vị bạn đã về đến vị trí an toàn dù quân số không đầy đủ.

Lệnh dừng quân và phòng thủ đêm được ban hành. Những người lính lấm lũi đào hố, căn mìn. Những toán tiền đồn lặng lẽ tiến về phía những vị trí được chỉ định. Người lính mệt mỏi mở bao cơm sấy nguội lạnh và lạc lõng mò mẫm dùng bữa cơm chiều; không khí im ắng, nặng nề; người người lặng thầm, chịu đựng. Đêm cuối năm, vài tiếng đồng hồ nữa là giao thừa, năm mới. Rừng đêm, bất trắc và tử khí. Người lính uống vội hớp nước, nằm lẳng ra đất nhìn lên trời cao tối tăm cố quên những thực tế đau lòng, ráng dỗ giấc ngủ chờ đến phiên được kêu dậy, đổi gác.

10.30 Tiểu đoàn gọi các Đại đội; Đại đội gọi các Trung đội để hỏi nhau cùng một câu hỏi: "Có nghe thấy gì không?". Tiếng rên. Rất nhiều tiếng rên đau đớn và thê thiết xa có gần có. Các thương binh rải rác đâu đây có lẽ vừa qua cơn tê điếng lúc đầu cộng với khí lạnh trời đêm làm họ không còn chịu đựng được nữa. Tiểu đoàn trưởng gợi ý, không phải ra lệnh: "Ráng cho biệt kích dò theo tiếng kêu lên đón anh em về được không, lạnh thế này, chờ đến sáng chắc chết hết.". "Không được, mình cơ động đã gài cùng khắp, lạng quạng không giúp được ai mà hại thêm đến anh em mình". Các đại đội trưởng đồng loạt trả lời. Trách nhiệm với đơn vị buộc phải từ chối nhưng lòng đau như cắt, đứng ngồi không yên. Tiếng rên như những vết đâm xé ruột những người hiện diện.

11.20 binh nhất Vinh mò tìm đến hầm chỉ huy, dúi vào tay Tùng chiếc bình đồng nặng nặng, thì thầm: "51 làm hộp rượi

cho ấm” . Tùng mổ nắp bình rượu. Vinh cười khẻ và nói tiếp: “51 dùng đỡ nắp bình đồng, chiều nay có cái ly, lúc chạy qua bờ đất rút lại nhưng pháo rất quá em không dám quay lại lấy, 51 thông cảm.” Tùng cầm tay người lính trẻ bóp nhẹ: “Được rồi, không sao”. Vinh dục “51 uống đi” Tùng cầm bình rượu định uống nhưng rồi ngưng lại, bảo Vinh: “Cậu ra gọi ông Thượng sĩ thường vụ vào làm với tôi vài nắp, tôi không muốn uống một mình.”

Người Thượng sĩ già nhẹ nhàng đến ngồi bên Tùng, nói nhỏ, cố tỏ vẻ bình thản, đứng dưng nhưng giọng nói run run, xúc động:” Tôi mới đi một vòng tuyến, hết nghe tiếng rên ròi, chắc chịu hết nổi. Chết lảng xẹt, sao không ráng một chút nữa cho biết năm mới với người ta!” . Tùng nói: “Thôi, mình không làm gì được, có đau lòng cũng vậy thôi. Phứ cho trời đi . Ông làm với tôi chút rượu cho ấm. Tôi tưởng ở Trâm Vàng nên định sáng mai cho ông về hậu cứ chơi với bà ấy và mấy cháu một bữa cho vui không ngờ mình ở đây. Tôi rất tiếc.” Tùng uống một nắp rượu rồi chuyển cả bình và nắp cho người đối diện. Người Thượng sĩ già cầm bình rượu, run run kê miệng bình sát vào nắp, cẩn thận rót nhẹ cho rượu khỏi đổ ra ngoài, nói nhanh trước khi đưa nắp rượu lên ực một hơi: “Cảm ơn 51 đã nghĩ đến nhưng không sao đâu, quen rồi, mấy chục năm nay có bao giờ tôi được ăn Tết ở nhà đâu, mẹ cháu và sắp nhỏ cũng quen rồi, không chờ và cũng không hy vọng sẽ có tôi ở nhà. Thêm một năm nữa cũng đâu có sao”. Tùng uống với người lính già phụ tá gần nửa bình rượu. Có tiếng bước chân khe khẽ và tiếng gọi thì thầm kêu nhau đổi gác. Tùng nói:”Thôi, ông về nghỉ đi, bảo khẩu trưởng súng cối thay ông đốc canh, tôi cũng còn thức ở đây, để tôi coi ngó anh em cho”. Người Thượng sĩ đứng dậy, nói nhỏ “Mừng tuổi 51” rồi nói lớn hơn một chút “51 nghỉ đi, tôi không ngủ được, nói vậy chớ Tết nhất mà, cũng nóng ruột. Tôi sẽ kiểm soát anh em canh gác cẩn thận”

12 . 05 giờ đêm, Tiểu đoàn trưởng gặp các Đại đội trưởng trên máy, nói gọn bốn chữ: “ Chúc mừng năm mới”. Các Đại đội trưởng cũng lập lại mấy chữ tương tự và hỏi thêm; “Chiều

nay rồi chị và mấy cháu tính sao, 45?”. “ Không biết, gấp quá tôi dặn bà ấy đưa mấy đứa nhỏ về lại Sài Gòn nhưng không biết giờ đó còn đón được xe hay không? Không khéo mấy mẹ con đón giao thừa lêu bêu ngoài đường không chừng. Tôi đã gọi hậu cứ nhờ tìm mà chưa thấy ai báo gì, cũng kẹt”.

12.10 giờ, Tùng gọi các Trung đội trưởng chúc mừng năm mới, nhận lại lời chúc rồi sang tần số nói chuyện với 53 Thắng, chàng trung úy có người yêu là nữ sinh viên Chính Trị Kinh Doanh thời còn là lính mới tò te ở trường Chiến Tranh Chính Trị, hai người đã đính hôn và cũng giống như Thiên Kim, cô nàng thường lên đơn vị thăm Thắng bất cứ lúc nào có thể. Bạn chiến đấu và đồng cảnh, Tùng nói chuyện với Thắng tự nhiên, thoải mái: “Ông có hẹn cô ấy mai lên không?” “Có” Thắng đáp và nói thêm “10 giờ sáng, quán Đồng Nội, còn ông?” “Cũng có, cũng quán Đồng Nội, 10 giờ sáng”. Thắng cười cười và nói, giọng lo lắng “Đã liên lạc được với thằng X/49, cũng nhẹ gánh. Không biết mai mình có ra sớm được không ?” “Hy vọng ra sớm” Tùng nói nhưng thật tâm anh không nghĩ như vậy, và thực tế đã chứng minh không phải như vậy.

5.30 sáng ngày mừng một tháng Giêng, Tiểu đoàn 2/46 cuốn mìn, lấp hố, rời vị trí đóng quân đêm, mở rộng đội hình án ngữ và lục soát toàn bộ khu vực khả nghi. Mười chín thương binh nặng nhẹ, mười một tử thi được tìm thấy, hai mươi bốn binh sĩ thật lạc được đón về.

11 giờ sáng ngày mừng Một. Chiến đoàn cho biết đã kiểm kê đầy đủ quân số Tiểu đoàn X/49. Tiểu đoàn 2/46 chấm dứt nhiệm vụ tìm đón binh sĩ thất lạc, gồm xác, tử thương và nhận nhiệm vụ mới: hành quân truy kích địch. Lệnh hành quân chỉ định 5 mục tiêu, lộ trình tổng cộng 11 cây số . Cuộc hành quân không chạm địch, không tổn thất những kéo dài năm ngày. Ngày mừng Năm tháng Giêng, Tiểu Đoàn 2/46 được rút về làm lực lượng trừ bị cho Chiến đoàn tại căn cứ Đức Dũng, gần ngã ba Phước Hiệp.

Đại đội nhận tuyến phòng thủ, Thường vụ phân chia khu vực trách nhiệm cho các Trung đội rồi trở vào gặp Tùng tại

hầm chỉ huy: “Mới mừng năm, chưa hạ nêu, vẫn còn Tết, 51 muốn nói chuyện với anh em không tôi tập hợp?”. Tùng hỏi Vinh “Mấy chai rượu hậu cứ mang lên còn không?”. Vinh đáp: “Còn 51?”. Tùng dặn thường vụ tập hợp Đại đội rồi quay lại nói với Vinh “Cậu đi mời mấy ông 50, 52, 53, 54 tới chơi và chuẩn bị hát “Xuân Này Con Không Về”. Vinh cười, đưa tay gãi gãi đầu và nói, vẻ bẽn lẽn: Em sẽ đi mời mấy thẩm quyền kia ngay, còn vụ “Xuân Này Con Không Về” 51 cho em đổi lại là Đồn Vắng Chiều Xuân. Bài kia buồn quá em sợ mới làm mấy câu đã khóc không hát được hết bài. Tùng thấy nghèn nghẹn những vẫn gượng cười cười, để dãi : “Muốn đồn vắng thì đồn vắng”.

Hôm đó Tùng đã nói chuyện rất lâu với những anh em sinh tử của mình, chia xẻ với họ nỗi niềm về cả một thế hệ nhiều kiêu hãnh và cũng đầy bất hạnh, uống với họ những nắp rượu đắng cay và kết luận với hy vọng một cái Tết vui hơn, đầy đủ hơn. Hy vọng đó không bao giờ có, năm âm lịch chậm sau dương lịch hơn 30 ngày. Đã đầu tháng 2 năm 1975, không đầy 3 tháng sau là thảm kịch 30 tháng tư. Thời gian không dài những tai biến và dâu bể đã liên tục xảy ra cho một đơn vị bộ binh tác chiến giữa một giai đoạn khó khăn, sinh tử cuối cùng. Nhiều anh em đã không còn, Trung sĩ nhất Võ Siêng, quyền Trung đội trưởng Trung đội 3 hy sinh ngày 27 tháng 4; người khách, người bạn chiến đấu, Trung Uy Nguyễn Đức Thắng vĩnh viễn lìa xa anh em đêm 28 tháng tư, Thiếu úy Nguyễn Trung Còn, Trung đội trưởng Trung đội một nằm lại giữa cánh đồng bưng ba tiếng đồng hồ trước khi đơn vị không còn biết một nơi nào còn có quân bạn để tìm đến chiều ngày 29, tháng tư. Đại đội một, Tiểu đoàn 2/46 không bao giờ còn có dịp ăn với nhau một cái Tết, cho dẫu là chỉ để uống với nhau chút rượu đắng trong nắp bình đồng bên bờ tuyến phòng thủ.

Nguyễn Mạnh An Dân

THÁNG TƯ ĐEN

*Thao thức bao lần mỗi tháng tư
Ngờ đâu thất bại thật thành hư
Quê hương đâu nở lìa xa cách
Đất nước sao đành bỏ lánh cư
Cất đất địa đầu dâng Chủ Bắc
Rạch thêm lãnh hải hiến Quân Su
Tiền nhân dựng nước gìn non nước
Quý đồ bây giờ cất bán ư ?*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Tư Tưởng Đẹp

Người ta ở đời đối với loài người, mà gặp phải kẻ xử với mình một cách ngang ngược, thì nên coi như mình đi vào bụi rậm vướng phải gai, cho nên thông thả đứng lại gỡ dần ra mà thôi, gai góc kia có biết gì mà đáng giận. Xử được như thế thì tâm mình không phiền não, mà bao nhiêu nỗi oán hận cũng tiêu tan.

ÔNG THỌ

Chiều thứ sáu. Đồng hồ điểm 5 giờ. Một tuần dài làm việc đã đi qua. Tôi nhẹ nhõm thu xếp ra về. Vừa bước ra đến cửa phòng mạch thì một bà lớn tuổi bước vào. Tôi nhận ra ngay bà là bà Thọ. Tôi là bác sĩ gia đình của ông và bà Thọ đã nhiều năm. Tôi chào bà. Bà nói, “Xin lỗi bác sĩ, hôm nay tôi không bị bệnh. Tôi đợi đến giờ này mới đến vì tôi muốn nói chuyện với bác sĩ, tôi không muốn làm mất thì giờ của bác sĩ khi bác sĩ đang có bệnh nhân”.

Tôi mời bà Thọ vào phòng đợi lúc đó không còn bệnh nhân. Tôi chưa kịp hỏi bà đã nói ngay, “Tôi đến báo cho bác sĩ biết nhà tôi vừa qua đời”. Tôi giật mình hỏi, “Chuyện gì đã xảy ra cho ông nhà?” Bà Thọ buồn buồn kể, “Chúng tôi mới đi nghỉ hè ở Âu Châu về thì nhà tôi bị té trong buồng tắm. Ông bị gãy xương đùi, được đưa vào bệnh viện điều trị. Ông nằm bệnh viện được 3 tuần thì lại bị nóng ho, viêm phổi. Bệnh ông trở nặng rất nhanh vì ông yếu sức và ông đã qua đời sau 4 tuần lễ nằm bệnh viện”. Tôi vội an ủi bà Thọ. Bà nói, “Như bác sĩ biết, nhà tôi tuy lớn tuổi nhưng không bị bệnh gì nặng. Ông ra đi thình lình làm tôi chơi vơi”. Tôi lại an ủi bà thêm một lúc nữa và nói lời chia buồn với gia đình bà. Bà đứng lên từ ghế, “Chúng tôi cảm ơn bác sĩ đã săn sóc nhà tôi nhiều năm. Chúng tôi rất quý mến bác sĩ”. Tôi đáp, “Chúng tôi cũng rất quý mến ông bà. Chúng tôi rất buồn khi ông ra đi thình lình như vậy”. Tôi đưa bà Thọ ra cửa. Bà cũng đã lớn tuổi nhưng vẫn còn lái xe được.

Trước đó vài hôm, tôi có trực nhớ đến ông bà Thọ vì đã mấy tháng không thấy ông bà đến khám bệnh. Tôi tự

nhủ chắc hai ông bà lại đi du lịch xa như mọi năm. Rồi tôi lại quên đi ông bà Thọ vì tôi cũng bận bịu. Những năm trước, năm nào tôi thấy ông bà vắng lâu gởi cho ông bà một cái thiệp nhắc nhở ông bà đến khám sức khỏe thường niên. Nhận được thiệp của tôi là ông bà đến ngay. Ông thường đến khám bệnh hơn là bà. Bà Thọ báo tin ông mất là bà vợ sau của ông Thọ.

Tôi không nhớ rõ tôi đã khám bệnh cho ông Thọ và bà vợ trước của ông đã bao lâu, bảy tám năm không chừng trước khi bà mất. Ông Thọ là người rất dễ dãi trong giao tiếp. Ông ăn mặc giản dị, tính tình vui vẻ. Ông hay nói đùa và thường lái một chiếc xe Mỹ khá lớn đã cũ khoảng 20 năm. Tôi tạm gọi ông là ông Thọ chứ thật ra ông là người Mỹ gốc Puerto Rico. Hai ông bà Thọ đã về hưu nhiều năm. khi hai ông bà mới đến khám bệnh lần đầu thì tuổi cũng đã trên dưới 80 nhưng cả hai còn rất sáng suốt.

Có một lần nữa, bằng đi đôi ba tháng, ông Thọ trở lại phòng mạch tôi đáng một mới, vẻ mặt buồn buồn. Ông cho tôi biết bà Thọ trước đã qua đời vì bị suy sụp tinh thần rồi uống nhiều rượu. Ông phân trần, “Chúng tôi không may, không có con cái. Nhà tôi càng lớn tuổi càng hay dễ buồn. Tôi có khuyên nhà tôi đừng uống rượu và có đưa nhà tôi đến bác sĩ tâm thần để chữa trị nhưng cũng không được . . .” Vài tháng sau, ông cũng ngúi ngoa. Ông giới thiệu mấy người bạn thân của ông đến khám bệnh ở phòng mạch tôi. Mấy người bạn ông cũng giống tính ông, dễ chịu, vui vẻ, hay nói đùa và kể chuyện vui. Có một hôm, phòng mạch vắng khách, tôi ngồi nghe hai trong mấy người bạn của ông Thọ kể chuyện vui trong đó có chuyện ông Thọ. Một ông nói, “Bác sĩ biết không, tuần trước chúng tôi 4 người đi ăn nhà hàng với nhau. Khi ra về

tới bãi đậu xe thì ông bạn Thọ của tôi dừng lại hỏi chúng tôi sao nhà hàng lần này lại không giảm giá cho người già như những lần trước. Ông bảo chúng tôi đứng chờ để ông vào lấy lại tiền giảm giá. Chúng tôi khuyên ông bỏ đi vì chỉ có mười đồng bạc. Ông cười hỏi chúng tôi vậy chớ nếu chúng tôi thấy một tờ giấy bạc một đồng rơi nằm trên đường chúng tôi có nhặt không. Chúng tôi cùng trả lời có. Ông cười lớn hơn và hỏi chúng tôi sao một đồng thì nhặt mà mười đồng thì bỏ. Chúng tôi đành chịu thua lý luận của ông. Ông vỗ vai chúng tôi, dặn chúng tôi lần tới nhắc ông lấy lại tiền giảm giá cho người già như nhà hàng đã quảng cáo vì nếu không họ sẽ quen tạt làm bộ quên giảm giá đối với các thực khách già khác”. Một người bạn của ông Thọ kết luận, “Bác sĩ à, tôi mến ông bạn già Thọ là vì tuy giàu có nhưng không keo kiệt mà lại rất sòng phẳng, đâu ra đó”. Tôi ngạc nhiên vì đó là lần đầu tiên tôi nghe các bạn ông Thọ mới được biết rằng ông Thọ là một đa triệu phú mà gia tài lên đến 300 triệu đô la. Tôi ngạc nhiên thích thú khi một người bạn ông Thọ hỏi tôi có biết mua stock không và cho tôi biết ông Thọ là vua đầu tư trên thị trường chứng khoán, chẳng mấy khi thua lỗ. Khi mấy người bạn của ông Thọ ra về rồi, tôi kể lại chuyện cho vợ tôi nghe. Vợ tôi cũng ngạc nhiên không kém tôi, “Trời ơi, chuyện khó tin mà có thật. Ông bệnh nhân Thọ này kín đáo sợ”.

Đã nhiều năm tôi khám bệnh cho ông bà Thọ mà không hề thấy ông hay bà lộ một cử chỉ hay lời nói của người giàu có. Hai ông bà sống nếp sống quá giản dị, chiếc xe quá cũ, quần áo bình dị, ăn nói bình dị, chẳng bao giờ nói về mình.

Có một hôm, ông Thọ đến khám bệnh. Tôi dò dẫm, “Năm nay ông bà đã đi du lịch đâu chưa?” Ông Thọ cười

thật tươi. “Có, có rồi bác sĩ. Chúng tôi mới đi du lịch vòng quanh nước Ý tháng rồi. Tuyệt lắm bác sĩ ơi”. Ông Thọ kể cho tôi nghe ông thuê một du thuyền trong 4 tuần đi vòng quanh nước Ý, có người phục vụ tối đa, đầu bếp danh tiếng trên du thuyền nấu cho ông bà đủ thứ món ăn danh tiếng Âu Châu, du thuyền dừng lại những nơi nào có thắng cảnh đẹp để ông bà thưởng ngoạn. Ông tươi cười kết luận. “Vui đáo để bác sĩ ơi. Tôi ăn ngon và ăn nhiều nhưng sao chẳng thấy lên cân”. Tôi từ tốn hỏi, “Đi du lịch xa và lâu ngày như ông bà chắc tốn kém lắm?” Ông Thọ vẫn vui vẻ, “Không tốn kém lắm đâu. Vợ chồng tôi đóng khoảng 25 ngàn đô la và chúng tôi thấy chuyến du lịch rất xứng đáng.”

Dù tuổi cao, hai ông bà năm nào cũng đi du lịch thế giới. Ông cho tôi biết, ông thích nhất là Puerto Rico, nơi mà ông có nhà nghỉ mát rộng thênh thang, có người quen thân giúp nấu nướng, săn sóc ông bà. Ông say sưa tả cho tôi cảnh đẹp của mặt trời mọc trên biển, mặt trời lặn sau những hàng dừa, cảnh trăng sao trong bầu trời đêm Puerto Rico hùng vĩ.

Lần khác, tôi nói với ông Thọ là thị trường chứng khoán đang tụt nhanh và nhiều người đang bị thua lỗ. Ông Thọ cười vui, “Có lẽ những người ấy chưa phải là người chuyên môn đầu tư thị trường chứng khoán. Tôi đầu tư đã hơn 50 năm nay, tôi có nhiều kinh nghiệm hơn nên chưa bị thua lỗ”. Tôi hỏi ông bí quyết. Ông đáp, “Không có gì bí mật lắm đâu. Tôi chỉ mua cổ phần nơi những công ty có chia lời mà thôi và tôi không dùng những trung gian lấy tiền công cao. Tôi theo dõi Wall Street Journal mỗi ngày. Nếu tôi cần mua 100 ngàn đô la chẳng hạn, tôi chỉ cần bốc điện thoại gọi anh bạn tôi là xong ngay. Anh ấy chỉ lấy tôi năm bảy chục đô la tiền công mà thôi.” Ông còn

đọc cho tôi chép danh sách dài những công ty có chia lời mà ông thường mua cổ phần, có công ty ở đâu tận bên trời Âu, trời Úc.

Ông Thọ không có thói quen gởi tiền trong các ngân hàng. Ông nói, “Nhà băng cho vay thì tính tiền lời 10-20 phần trăm, mình gởi tiền vào thì chỉ lời vài phần trăm. Tôi không dại gì làm giàu cho họ”. Tôi hỏi ông Thọ, ở tuổi tôi, vốn liếng ít ỏi, làm cách nào để đầu tư vào thị trường chứng khoán mà ít bị thua lỗ. Ông Thọ nói, “Vốn liếng bao nhiêu cũng đầu tư được miễn là biết cách đầu tư.” Ông ngồi tính nhẩm thật nhanh một bài toán đầy những con số và phần trăm rồi nhìn tôi cười, “Đấy, thí dụ bác sĩ bỏ ra 100 ngàn đô la để đầu tư, tôi thử tính nhẩm cho bác sĩ đấy, cứ vậy mà làm thì sẽ có lời nhưng phải thường xuyên theo dõi thị trường, không phải ngày một ngày hai mà trở nên khá giả được.” Tôi lại ngạc nhiên khi thấy trí óc của ông Thọ còn thật sáng suốt và bén nhạy dù tuổi của ông đã cao. Ông vẫn tiếp tục sinh hoạt với thị trường chứng khoán hàng ngày. Ông cho biết ông tiếp tục đầu tư để có niềm vui vì nếu không làm việc gì ông sẽ buồn.

Có lần ông Thọ ghé thăm tôi chớ không bệnh hột gì. Hôm ấy tôi rảnh nên ngồi trò chuyện với ông Thọ thật lâu. Thấy ông vui tôi hỏi ông có định bước thêm một bước nữa không để có một người bạn đường trong tuổi già dễ đau yếu. Ông Thọ vui vẻ trả lời, “Có, có chớ bác sĩ và tôi cũng đã tìm được một người rồi. Người này đã từng giúp đỡ tôi nhiều trong quá khứ, rất hiểu và thương tôi, tôi hy vọng người đó sẽ là người bạn hiền trong những năm tháng cuối của đời tôi.” Vài tháng sau, ông Thọ đến phòng mạch tôi thật sớm, chào nói vui tươi. Đây là lần đầu tiên sau nhiều năm làm bác sĩ gia đình của ông tôi thấy ông mặc đẹp, một bộ đồ suit màu sáng, áo sơ mi

trắng và tay cầm một cây gậy. Tôi đoán hôm nay chắc có gì trọng đại với ông. Quả đúng vậy. Ông Thọ vừa tục huyền vài ngày trước đó. Mấy hôm sau, ông Thọ đưa bà Thọ hai đến thăm chúng tôi. Bà trông tươi trẻ, khỏe mạnh dù tóc cũng bắt đầu bạc. Bà nói chuyện tự nhiên vui vẻ. Tôi đoán bà trong khoảng tuổi 65-67. Ông Thọ thì vui tươi hẳn lên, cười nói nhiều hơn những lần khám bệnh trước đó.

Mỗi năm, vào ngày sinh của ông Thọ, tôi thường gửi thiệp chúc mừng và chúc thọ ông. Sinh nhật năm 2003 của ông, ông bà Thọ mời khá đông bạn bè đến chung vui. Nghe ông kể vậy, tôi đùa, “Ông bà quên mời tôi đó”. Ông Thọ cười thật tươi, “Xin lỗi bác sĩ, thật tình tôi quên dù trước đó vài hôm tôi có nhận được thiệp của bác sĩ chúc sinh nhật tôi. Vợ tôi là người lập danh sách mời bạn bè và thân hữu của tôi. Tôi cao tuổi và hay quên”. Ông biết tôi đùa. Ông đổi đề tài, “À, mà mẹ bác sĩ lâu nay có được mạnh không?” Tôi cảm ơn ông đã hỏi thăm sức khỏe mẹ tôi. Hôm ấy ông vui, kể cho tôi nghe trước khi về hưu ông làm thầu khoán xây cất những cơ sở thương mại trên khắp nước Mỹ và đã gặp nhiều may mắn trong nghề nghiệp. Tôi biết ông nói khiêm nhường. Lần này đến phiên tôi đổi đề tài. Tôi hỏi ông, “Các bạn ông nói ông là người rất rộng rãi, hảo tâm, thường xuyên làm việc từ thiện?” Ông Thọ vẫn vui vẻ, “Có, tôi có giúp đỡ nhiều người, nhiều cơ quan từ thiện vì lúc trẻ tôi được rất nhiều người giúp đỡ để tiến thân”. Tôi tò mò, “Ông giúp bằng cách nào?” Ông Thọ đáp, “Nhiều cách lắm bác sĩ. Các hội từ thiện vẫn liên lạc chặt chẽ với tôi.” Thấy ông Thọ không tránh né đề tài từ thiện, tôi định bụng sẽ tìm cách nối ông với các cô nhi viện ở quê nhà mà lúc nói chuyện với ông tôi chưa có lấy tên của một cô nhi viện nào trong tay. Thời gian

qua, tôi lại bận bịu với cuộc sống hằng ngày của một y sĩ và lại quên đi ý định vừa chớm nở. Khi nghe tin ông Thọ vừa từ già cõi đời vô thường tôi giật mình nhận ra mình đã bỏ lỡ cơ hội bắt một nhịp cầu.

Tôi quý mến ông Thọ qua mấy năm được tham gia săn sóc sức khỏe cho ông. Dù giàu có ông vẫn sống bình dị. Tôi chưa tìm thấy một lời nói hay một thái độ kiêu căng, cao ngạo nơi ông. Tôi thầm cảm ơn ông Thọ đã chọn tôi là một trong những bác sĩ của gia đình ông, đã cởi mở tâm sự với tôi nhiều lần, đã giới thiệu nhiều bạn bè thân đến khám bệnh ở phòng mạch tôi. Ông Thọ qua đời ở tuổi 93. Ước gì tôi đã có dịp tìm hiểu sâu thêm một chút nữa về triết lý sống của ông. Cách đây không lâu, trong khi lái xe, tôi thấy một ông già tóc bạc lái một chiếc xe Mỹ kền càng và “cũ khoảng 20 năm” giống như chiếc xe ông Thọ thường lái. Tôi đã mỉm cười một mình, “Biết đâu ông cụ này lại cũng là một triệu phú bình dị như ông Thọ?”

Tôi chưa bao giờ biết ông Thọ theo tôn giáo nào nhưng tôi cũng xin chúc ông có được một đời sống bình dị, an vui ở một thế giới nào đó ngoài trái đất nhiều khổ đau này.

NGUYỄN TRÁC HIẾU

THƯƠNG VỀ QUI NHƠN

Qui Nhơn em một ngày sao thương nhớ!
Con đường xưa gợi sắc tím u hoài
Đây tháp Chàm nắng mưa chan năm tháng
Chim hót trên cây đánh thức im lìm
Nỗi nhung nhớ len chân buồn vào phố
Rặng dừa xanh bên bờ nhìn sóng vỗ
Bãi cát vàng in dấu hẹn đêm trăng
Gió chiều lên như thoáng hiện áo em
Hoa thiên lý thoảng thơm mùi da thịt
Tâm sự đó buồn lời thơ Hàn Mặc Tử
Yêu em rồi thương lối nhỏ công viên
Thương biển xanh trong đôi mắt dịu hiền
Thương tiếng guốc em đi vùng biển mặn
Má ửng hồng vì có thoa phấn nắng
Lâu quá không về thấy nhớ Qui Nhơn
Một ngày xa nhau đã nhớ đến em
Lòng lưu luyến như nắng chiều lưu luyến
Niềm tao phùng nói lên không thành tiếng
Đêm tha hương tuyết lạnh nhớ mộng lung
Một quả tim chứa ngàn khối lạnh lùng
Trong giấc ngủ chập chờn tà áo trắng
Anh vẫn mơ Qui Nhơn ngày sóng lặng
Thuyền vượt biên quay lái cập bến mơ
Hoài công ai tình non nước đợi chờ

MINH THI

Hàn Mặc Tử

Qua những cuộc tình



HÀN MẶC TỬ

*Chỉ biết một điều duy nhất là anh
đẹp trai, đẹp trai thế nào anh
đẹp trai thế nào anh đẹp trai thế nào
đẹp trai thế nào anh đẹp trai thế nào*

Hàn Mặc Tử

Tôi hỏi 1 nhớ ai cho khỏi quên
Gió trăng có sẵn làm sao ăn ?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phụ phàng . /

Huyền Vũ

Trong cuộc đời nổi tiếng của Hàn Mặc Tử (HMT), thơ văn gắn liền với tình yêu, như bóng với hình, mà thơ thì lại là sự sống của Chàng. Hễ có thơ là có tình và có tình chắc chắn là có thơ. Thế nhưng tình của HMT không biểu lộ giao tiếp song phương để cụ thể hóa mối tình đó, mà chỉ toàn là cảm ứng giữa những tâm hồn nghệ sĩ, kể cả với trăng.

Tình của HMT là một thứ tình tưởng tượng, ước mơ trong bao nhiêu ngày tháng, trên bao nhiêu giấy mực và bao nhiêu thương nhớ chơi vơi. Vậy mà cũng tạo cho người đời những suy cảm say sưa, để rồi cùng xót xa với Anh, nhứt nhối với Anh hơn nửa thế kỷ qua. Tưởng tượng của Hàn Mặc Tử phong phú kỳ lạ, ước mơ của anh thiết tha chân thành, đến nỗi người ta xem anh là một thi sĩ đào hoa, phong lưu lãng mạn, mà vẫn không hề lưu lại tiếng hòn tui cho bất cứ ai. Cứ nghe anh thổ lộ :

*.. Bao giờ, ai hóng hơi hương báu
Ngoài cõi tâm tư sẽ lỗi nghi
Chắc đâu di lụy cho nhân quả
Thôi cứ say mêm với nữ nhi .*

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi làm sống lại :
" *Hàn Mặc Tử qua những cuộc tình* " .

Tình đầu ; HOÀNG HOA

Năm 1933 Hàn Mặc Tử vào làm việc ở sở Địa Chánh Qui Nhơn, có yêu một thiếu nữ rất " Huế " ; khuê các mà phong thái nhàn hạ, thoáng đôi chút kiêu sa. Nàng rất yêu thơ HMT. thường viết báo và làm thơ với bút hiệu Hoàng Hoa nữ sĩ . Tên thật là Hoàng Thị Kim Cúc ,con của cụ Thương tá Hoàng Phùng, giám đốc Sở Địa Chánh Qui Nhơn . HMT yêu Nàng tha thiết, nhưng tính vốn rụt rè bẽn lẽn, nên chỉ đứng xa mà chiêm ngưỡng và bọc bạch nỗi lòng cùng thơ , thấy thấy đều gói gắm trong tập " *Gái Quê* " . HMT đã nhờ Hoàng Tùng Ngâm là bạn rất thân chuyển đến Hoàng Hoa nỗi lòng rạo rục của anh qua mấy vần thơ tán tỉnh :

Vịnh Hoa Cúc

*Thu về nhuộm thắm nét hoàng hoa
Sương dẫm trắng lồng bóng thướt tha
Vẻ mặt khác chi người quốc sắc
Trong đời tri kỷ chỉ riêng ta .*

Những bài thơ dễ thương như anh học trò bỡ ngỡ, làm cho Hoàng Hoa cảm động không ít. Hoàng Hoa có vẻ như không từ chối tình anh, nhưng rất nặng về lễ giáo. Cái ngăn cách lớn nhất của Hoàng Hoa không thể vượt qua được là vấn đề tôn giáo.

Thời gian HMT lo xuất bản tập " *Gái quê* " thì cụ thân sinh Hoàng Hoa hưu trí, nàng theo gia đình về Huế . HMT coi việc Hoàng Hoa rời Qui Nhơn chẳng khác gì đi lấy chồng .

*Ngày mai tôi bỏ làm thi sĩ
Em lấy chồng rồi hết ước mơ
Tôi sẽ đi tìm mồm đá trắng
Ngồi lên để thả cái hồn thơ .*

(Em Lấy Chồng)

Năm 1936, Hàn Mặc Tử về hội chợ Huế gặp lại Hoàng Hoa, cả hai đều rụt rè e thẹn . HMT mang sách " *Gái Quê* " tặng cho em của Hoàng Hoa, mà không dám tặng cho Hoàng Hoa . Càng tội nghiệp hơn là hôm sau, HMT xuống Vi Dạ đứng trước cổng nhà Hoàng Hoa hồi lâu, rồi lặng lẽ bỏ đi .

Năm 1939, Hàn Mặc Tử nhận được một phiến ảnh cỡ 6 x 9, Hoàng Hoa mặc áo lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ, đứng trong vòm cây xanh mát, với lời hỏi thăm sức khỏe, gửi để tạ lòng cố nhân. HMT đã viết, và gửi cho Hoàng Hoa bài :



Hoàng Cúc là người có liên quan đến "Bài Thơ Thôn Vĩ"

Đây Thôn Vĩ Dạ

*Sao Anh không về chơi thôn Vĩ ?
Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay*



ĐÂY THÔN VĨ DẠ

*Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá, nhìn không ra . .
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà ?!*

Mối tình vô vọng, nhưng vẫn kéo dài khi đây, khi nơi, liên lạc nhau bằng thơ. “ Đây thôn Vĩ Dạ ” là bài thơ cuối cùng Hoàng Hoa nhận được ít lâu thì Hàn Mặc Tử qua đời, đến nay vẫn còn được truyền tụng .

Hàn Mặc Tử có biết Hoàng Hoa đã qui y đầu Phật ? Nàng dành riêng một căn phòng ngày đêm hương hoa tụng niệm, tưởng nhớ mối tình bất diệt của HMT, mà cũng là tình đầu của Hoàng Hoa, đang quyện theo trầm hương dâng lên Anh nơi miền cực lạc. Nơi đây không còn ngăn cách giáo lương, không còn tham sân trần tục.

Bút tích văn chương của Hàn Mặc Tử, Hoàng Hoa vẫn còn giữ nguyên vẹn. Nhờ đó mà các nhà viết văn có tài liệu về mối tình đầu này của Hàn Mặc Tử .

Ôi ! Tình Hoàng Hoa đậm đà biết chừng nào !

Mộng Cầm

Mộng Cầm tên thật là Nghệ, cháu kêu thi sĩ Bích Khê bằng Cậu ruột, quen biết Hàn Mặc Tử qua văn thơ trên báo chí Sài Gòn. Mộng Cầm ở với Cậu, lúc bấy giờ dạy học tại Phan Thiết .

Mối tình giữa hai người thật thơ mộng, đậm đà. HMT đã thể hiện mối tình này nhiều văn thơ trong hai tập “ Thơ Điên ” và “ Xuân Như Ý ” đã có một đạo bản tán sô nổi trong giới văn nghệ sĩ. Họ suy đoán, hay thêu dệt theo cảm quan của mỗi người . Có người thương Hàn Mặc Tử thì trách Mộng Cầm bạc bẽo, vội ôm thuyền khác khi vừa nghe tin HMT mắc bệnh, nhất là khi nghe những lời thơ cay đắng, mà âm hưởng thương đau tạo nhiều dư luận trong giới văn nghệ sĩ Sài Gòn để trở thành huyền thoại , như bài :

Muôn Năm Sầu Thắm

*Nghệ hỡi Nghệ, muôn năm sầu thắm
Nhớ thương còn một nắm xương thôi
Thân tàn ma dại đi rồi
Rầu rầu nước mắt, bồi bồi ruột gan*

*Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ, mình thương
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì
Nhớ lắm lúc như si như dại
Nhớ làm sao bãi hoải tay chân !
Nhớ hàm răng, nhớ hàm răng
Mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều
Dấu đau đớn vì lời phụ rẫy
Nhưng mà ta không lấy làm điều*

*Trăm năm vẫn một lòng yêu
Và còn yêu mãi rất nhiều em ơi !*

Cũng có người bệnh vực Mộng Cầm còn quá trẻ mà nghiệp chướng hồng nhan đẩy đưa vào một cuộc tình hữu thủy vô chung, tạo nhiều tai tiếng cho Nàng. Chưa ai biết rõ mối tình ấy ra sao, chỉ nghe mang máng một cuộc tình khá du dương, khi thì lâu Ông Hoàng, khi thì cù lao Mũi Né.

Mộng Cầm cũng có lần nhắc nhở HMT đừng quên :

*Rồi có khi nào trong phút giây
Trăng lên khỏi núi gió đùa mây
Thì anh nên nhớ người năm nọ
Đã được cùng anh sống những ngày.*

Mộng Cầm cũng là nữ sĩ, nên ta không thể hiểu thế nào là : “ *Sống những ngày*” thêm nữa với ít nhiều tư tưởng tiến bộ, có học, trong bối cảnh văn minh, phóng khoáng, thì Mộng Cầm làm quen với HMT không khó khăn gì (xin đừng nghĩ là buông thả). Còn Hàn Mặc Tử, chỉ cần đọc thơ anh, cũng có thể hiểu được ít nhiều những gì anh muốn nói hoặc tâm sự, qua giọng văn rụt rè, tình tứ. Những cuộc du ngoạn lâu Ông Hoàng, cù lao Mũi Né đối với anh còn lạ lẫm bỏ ngỡ trong nếp sống văn minh. Anh viết trong :



**Mộng Cầm lúc
quen với Hàn Mặc
Tử**

Say Nắng

*Mặt trời mai ấy đỏ ong
Nàng Tiên hồng mát trên hòn Cù lao
.....
Gió ơi lại đấy mà ngủa
Tôi đứng xa lắm, xin chừa tôi đi
Hồn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thường thức cái gì ngất
ngây
Như là ánh nắng vàng lay
Mà thơ sắp sửa phô bày yêu đương ..*

Mộng cầm đi lấy chồng, gieo vào lòng HMT một nỗi buồn thương vô hạn. Tú đó không nghe ai nói gì về Mộng Cầm nữa, ngoại trừ những huyền thoại về sau này . Đến nay gần đây nhiều bạn hữu ngày xưa của HMT nghe nói còn gặp Mộng Cầm , nhưng Mộng Cầm sống kín đáo không muốn tiếp xúc với ai .

Mai đình nữ sĩ

Hoàng Hoa và Mộng Cầm là hai người Hàn Mặc Tử yêu lúc còn đương là chàng trai mạnh khỏe, khí huyết. Người yêu Hàn Mặc Tử sau Mộng Cầm là **Mai Đình** , người Thanh Hóa, thuộc gia đình trung lưu . Nàng có một người tình, nhưng cha mẹ bắt buộc phải ưng một thanh niên khác. Lễ hỏi, rồi đến lễ cưới sắp diễn ra , Nàng trốn đi gặp người yêu để tìm cách khuốc tử, Nhưng vỡ lẽ ra, Nàng đã bị người yêu lừa dối. Quá thất vọng, đau khổ, nhưng vốn cố chấp, Nàng nhất định không trở về nhà. Thế rồi cuộc đời bình bồng trôi nổi, như cánh bèo mặt nước.

Khoảng cuối 1937 Mai Đình vào Qui Nhơn cùng một người bạn là Trần Kiên Mỹ, vì vốn quá yêu thơ, nên đến thăm Hàn Mặc Tử . HMT không tiếp, song để đáp lại tấm lòng người phương xa ái mộ, HMT gửi tặng Nàng tập thơ “ **Gái Quê** ”. Vào Nha Trang, một người bạn gái giới thiệu Mai Đình với Thi sĩ Quách Tấn. Hai người bình thơ “ Gái Quê ”, xong Nàng tỏ thật nỗi lòng là Nàng yêu HMT . Nàng viết bài “ **Biết Anh** ” gửi tặng HMT qua Thi sĩ Quách Tấn , có đoạn như sau :



QUÁCH TẤN

*Còn Anh em đã biết anh đâu
Chỉ cảm vẫn thơ có mấy câu
Áu yếm say sưa đầy cả mộng
Xuôi lòng tơ tưởng lúc đêm thâu .*

*Kịp nghĩ miệng đời hay mai mỉa
Tặng lờ ngưng bước và yêm hơi
Mộng hồn Em gửi theo chiều gió
Để được gặp Anh ngộ ít lời. . .*

Nhận được thơ Mai Đình, Hàn Mặc Tử xúc động, làm bài : ‘ ‘
Lưu Luyến ‘ ‘ tặng lại Mai Đình, nhờ Thi Sĩ Quách Tấn trao .

*Chứa gặp nhau mà đã biệt ly
Hồn anh theo dõi bóng Em đi
Hồn anh sẽ nhập trong luồng gió
Lưu luyến bên Em chẳng nói gì .*

.....
*Anh đã ngâm và đã thuộc lòng
Cả người rung động bởi thương đau
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cần lời thơ để máu trào .*

.....
*Em đã nghe qua, em đã hay
Tình anh sao phải chúng mê say
Anh điên, anh nói như người dại
Van lạy không gian xóa những ngày*

Cuộc trao đổi thư từ giữa Hàn Mặc Tử và Mai Đình vẫn tiếp diễn đều đặn; Mãi đến một năm sau Mai Đình về Thanh Hóa thọ tang cho thân nhân rồi trở vào Qui Nhơn, lần này Nàng cương quyết tìm đến gặp Hàn Mặc Tử. Mai Đình nghe có người mách là HMT bị bệnh hủi, Nàng đến nhà ba lượt, nhưng vẫn không được phép gặp HMT. Nàng quyết tìm cách gặp HMT cho kỳ được , Nàng viết thư cho HMT biết là Nàng không bao giờ sợ sự tàn phá của chứng bệnh nguy hiểm trên người thi sĩ . Hơn nữa Nàng rất muốn được gặp mặt HMT trong lúc đau yếu và Nàng đã thổ lộ là Nàng đã yêu chàng. Hàn Mặc Tử từ chối gặp mặt, nhưng hứa khi nào đi Gò Bồi uống thuốc chữa lành bệnh sẽ cho Nàng gặp mặt. Mai Đình sốt ruột đợi chờ, nhưng vẫn không gặp được.

Giữa lúc cuộc sống chật vật, Mai Đình còn phải chạy vạy, không thể ở lại Qui Nhơn lâu dài, cuối cùng Nàng được Hàn Mặc Tử tiếp, với điều kiện là Nàng phải bịt kín đôi mắt không được phép nhìn trộm. Chàng ngâm thơ cho Nàng nghe, cả hai cùng bùi ngùi cảm động. Hàn Mặc Tử nghẹn lời, còn Mai

Đình thì khóc nức nở.. Nàng nói sẽ giữ mãi cái kỷ niệm này mà Nàng cho là quý nhất trong đời Nàng. Vài ngày sau có lời khuyên của Mẹ và em trai Chàng là Hiếu , Mai Đình mới được HMT tiếp kiến tự do không còn che mặt nữa . Nàng xin phép từ giả HMT về Phan Thiết và Sài Gòn thu xếp xong công việc sẽ trở ra để ở lại săn sóc thuốc men cho Chàng .

Hai tháng sau, trong mùa hoa phương nở, đúng hẹn, Mai Đình trở ra gặp lại Hàn Mặc Tử. Chàng không ngờ một người sống tha phương như Nàng lại giữ được hai chữ “ Thành Tín ”. Nàng đưa tặng Chàng một món tiền mà Nàng hết sức khéo léo để khỏi chạm lòng tự ái của Chàng, và Nàng quyết định ở lại nhà Chàng để lo việc thuốc men.

Trước tấm thảm tình của Mai Đình, Hàn Mặc Tử ghen ngào không biết xử trí cách nào. Chàng đã một lần bị người yêu phụ, giờ thì Chàng như con chim bị tên thấy cây cung đã hoảng sợ. Trước mối tình quá ư đường đột của Mai Đình, Chàng ngỡ vực sự thủy chung. Chàng không ngần ngại thổ lộ với Mai Đình điều này , nhưng Mai Đình không hề quan tâm, cứ điem nhiên xách giỏ đi chợ, nấu ăn, săn sóc từ mảnh khăn, tấm áo , chén thuốc cho HMT như một người vợ hiền đảm đang. Nàng nhất quyết sẽ hết lòng phụng dưỡng người yêu. Nàng đã trang trải tình này lên mặt giấy , đã đem vào lời thơ ; còn Chàng đôi khi đùa bốn người bạn gái thân yêu đã hiện đến như một nàng Tiên an ủi Chàng ; Hàn Mặc Tử trêu Nàng bằng những câu thơ trách móc nhẹ nhàng :

*Viết bằng chữ và thơ không kín đáo
Giơ tay thề mà ai chứng lòng cho
Tôi thương em không cần phải so đo
Vì trình tiết há bằng hương vạn đợi ?
Không dò xét mặc cho lòng giả dối
Tôi cười thâm tình ái đại vô song . . .*

Tuy ngoài mặt, ra vẻ cười đùa, nửa tin nửa ngờ ở sự yêu thương của Mai Đình, nhưng trong thâm tâm HMT cảm thấy tội nghiệp cho người bạn gái và Chàng cũng cảm thấy lòng mình rung động theo nhịp điệu của con tim yêu đương tha thiết. Để đáp lại tấm chân tình này, Chàng đã viết :



**Mai Đình lúc gặp
Hàn Mặc Tử**

*Cười cho lấm, cho dầm dề nước mắt
Chết ruột gan mà ngoài mặt như không
Anh nhìn Mai chua xót nửa tấm lòng
Không biết nói làm sao cho da diết .*

.....
*Đây Mai Đình tiên nữ ở Vu Sơn
Dem mộng xuống gieo vào muôn sóng mắt !
Nàng, Ôm Nàng hai tay ta ghi chặt
Cả bài thơ êm mát lạ lùng thay !
Ta là người uống muôn hận sầu cay
Nàng là mật của muôn tuần trăng mật
Ôi ! Khoái trá thắm dần vô thể chất
Hồn trong xương ảnh hưởng đến mê toi
Quý như vàng, trọng như ngọc trên đời
Mai, Mai, Mai là Nguyệt Nga tái thế*

Đã có lần Mai Đình cãi vã với HMT vì bài thơ “Muôn Năm Sầu Thắm” mà Chàng đã nhớ lại mối tình với Mộng Cầm. Mai Đình tỏ ra ghen hờn với Mộng Cầm, người mà Nàng cho rằng có diễm phúc được HMT nhắc nhở đến luôn, dù đã phụ Chàng. Mai Đình muốn rằng khi đã ở bên cạnh Nàng rồi, Chàng không nên nghĩ đến kẻ khác nữa, và nếu hành động như vậy, Nàng hóa ra chỉ là con người thừa. Nàng cảm thấy mình thua sút Mộng Cầm, và không ngần ngại thổ lộ tâm tình:

*Mộng Cầm hỏi Nàng là Tiên rót xuống
Hay là vị tinh tú giáng trần gian ?
Diễm phúc thay, sung sướng biết bao vàn
Đầy đủ quá, Nàng thương chẳng kẻ thiếu ?
Tôi là kẻ thiếu nhiều và thiếu lấm,
Đã ra người hành khát bấy lâu nay,
Mà người đời toàn ban vị chua cay . . . !*

Và Nàng đã ghen hờn cả với trăng, Mai Đình cũng không muốn Hàn Mặc Tử say trăng :

*Hôm nay sáng tỏ cung Hằng
Khiến lòng em nhớ đêm rằm bên anh
Hải hùng em sợ trăng thanh
Vắng em, anh lại tự tình cùng trăng.*

Nhưng cuộc đời của Hàn Mặc Tử là cuộc đời thường hay thay đổi, hợp tan bất ngờ. Cuộc sống chung với Hàn Mặc Tử chỉ vồn vện không đầy ba tháng. Gia đình HMT bấy giờ ở trong hoàn cảnh, túng thiếu, Mai Đình thấy mình vô cùng khó xử. Nàng có mặt trong gia đình lại gây thêm khó khăn. Nàng khuyên HMT nên xin vào ở trại hủi Qui Hòa, Nàng sẽ theo chàng cùng vào ở luôn trong ấy, nhưng Chàng nhất định ở lại nhà. Thế là Mai Đình phải từ giả ra đi, dấn thân vào con đường sương gió như thuở nào.

Sau khi từ giả Hàn Mặc Tử trong nước mắt, trong đau thương; Thỉnh thoảng Nàng gửi về HMT những bức thư đầy thương cảm, với sự nhớ nhung khôn nguôi. Nàng thầm trách cuộc chia ly sao oan nghiệt. HMT đã dùng những lời thư ‘ của Nàng ghép lại thành một bài thơ rất linh động với tựa đề :

Thao Thức

*Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy
Cho nên muôn dặm ở ngoài kia
Em đang mong mỏi, anh đang nhớ,
Bút rút lòng em muốn trở về .
Nhưng xa xôi quá biết làm sao !
Lấy trí tương tư đo được nào ?
Em mới vùng vằng em thử dốc
Tình thương trong dạ cứ xôn xao
Thôi em chán quá, em buồn quá
Anh của em giờ cười với ai ?
Nói những gì đâu tức tối lạ !
Em hồ nghi mãi giận không thôi .*

*Lạnh quá ánh trăng không sáng mấy
Cho nên chần chiếu vẫn so le
Nếu hay thương nhớ là thương nhớ
Em đại gì đâu ngủ thiếp đi .*

Tình yêu của Mai Đình đối với Hàn Mặc Tử là tình bất diệt. Đến lúc Hàn Mặc Tử qua đời rồi mà Mai Đình vẫn còn yêu, vẫn còn hẹn sẽ “ Tìm anh giữa côi Trời ” qua vài trích đoạn bài :

Trăng cũ

*Trăng cũ giờ đây vẫn sáng trong
Người mùa xuân cũ cách muôn trùng
Ai về thăm thăm trời tinh tú
Để lại trần gian bóng lạnh lòng !*

*Tùng tập thơ xưa ! tùng tập thơ !
Tùng trang huyết lệ ngấn trăng mờ
Hồn ai siêu thoát ngoài nhân thế
Có biết rằng em vẫn đợi chờ ?*

.....
*Cũng muốn theo anh dứt nợ trần
Đập tan lưu luyến thoát phàm thân
Bay qua muôn vạn tầng thanh khí,
Hồn quyết tìm cho thấy cố nhân .*



Ngọc Siông lúc còn trẻ

.....
*Bao giờ Tổ quốc ca toàn thắng
Là lúc tìm anh giữa côi Trời
Em chỉ cầu xin một buổi chiều,
Dưới bàn tay Chúa cạnh người yêu
Ta tung thơ khắp cho trần thế
Lạy Chúa đòi con đã khổ nhiều .*

NGỌC SƯƠNG

Ngang qua cuộc đời tình ái của Hàn Mặc Tử đồng thời với Mai Đình, còn có một người nữa, đó là *Ngọc Sương*, người Thu Xà, di ruột của Mộng Cầm và chị ruột của Bích Khê. Hai chị em lúc bấy giờ mở trường dạy học ở Phan Thiết. Bích Khê làm quen với HMT, rồi trở nên thân là do Mộng Cầm mai mối.

Khi Mộng Cầm phụ tình HMT đi lấy chồng, Bích Khê rất giận Mộng Cầm, và để an ủi HMT, Bích Khê nghĩ ra một kế. Năm 1933 Bích Khê ra thăm HMT và tặng một phiên ảnh bán thân của Bích Khê chộp chung cùng chị (Ngọc Sương) và giới thiệu Ngọc Sương với HMT. Ngọc Sương là người có học thức, có văn phong, dung mạo lại phảng phất giống Bích Khê.

Vốn mến Bích Khê, HMT lại yêu người phảng phất giống Bích Khê nhưng không dám nói ra .

Một hôm ngồi ngắm phiên ảnh, HMT không cầm lòng bền thốt lên :

*Ta đề chữ ngọc lên tàu lá
Sương ở cung thiềm gió chẳng thổi
Tình ta khuấy mãi không thành khói
Nữ giận đôi phen cần phải môi .-*

Người Ngọc



Bích Khê giả vờ như không hay biết, cũng không cho chị biết. Câu chuyện được dấu kín. Mãi đến gần năm sau Ngọc Sương mới biết HMT trộm yêu mình là do Mai Đình đọc bài thơ kia cho chị nghe . Tình của Ngọc Sương chỉ là sương khói ,thoảng qua trong đời Hàn Mặc Tử .

Tình cuối :**THƯƠNG THƯƠNG**

Tình Mộng Cầm và Nữ sĩ Mai Đình đã đi qua cuộc đời Hàn Mặc Tử, nhưng hình ảnh sâu đậm và trong sáng khơi nguồn thơ vô tận của chàng thi sĩ tài hoa này là “ *Thương Thương* ” người mà Trần Thanh Địch giới thiệu với HMT, và bảo đó là một thiếu nữ Huế, nhưng kỳ thực là cô cháu gái chỉ mới 12 tuổi . HMT cứ tin đó là thật, và trong một bức thư gửi cho Thương Thương, Chàng đã xác nhận rằng cái sự nghiệp văn học của Chàng mai sau nếu có, chính là nhờ sự đóng góp tinh thần của Thương Thương .

Cái hình bóng cô gái Huế Thương Thương đã ám ảnh HMT và khi tưởng tượng cái hình ảnh diễm kiều của người đẹp ấy trong mơ. HMT thấy một nỗi buồn không duyên cớ, và chàng đã thổ lộ tâm tình qua mấy vần thơ đầy nước mắt :

*Sầu lên cho tới ngàn khơi
Ai đâu ráo lẹ, chưa lời nói ra !
Chiều nay tàn tạ hồn hoa,
Nhớ Thương Thương quá xót xa tâm bào !
Tiếng buồn đem trộn tiêu tao,
Bóng em chờ chợ trong bao nhiêu màu,
Nghe ai xé lụa mà đau,
Gió than niềm gió biết đâu hẹn hò !
Đừng ai nói để thương cho ,
Lỡ ra lạnh nhạt dền bù sao cam ?
Chiều nay chẳng có mưa dầm,
Minh sao nước mắt lại dầm đìa tuôn ?
Ờ ra lụy ngọc nôn nôn ,
Có bao giờ hết nỗi buồn vô duyên .*

Thương Thương (Nỗi buồn vô duyên)

Chính Thương Thương đã giúp thêm sinh lực cho Hàn Mặc Tử yêu đời và sáng tác nhiều thơ. HMT đã góp nhặt tất cả những bài thơ do Thương Thương khơi nguồn thi hứng cho chàng sáng tác thành tập thơ “*Thương Thương*” nhưng về sau đổi thành “*Cẩm Châu Duyên*”. Hàn Mặc Tử cũng viết được hai kịch thơ “*Duyên Kỳ Ngộ*” và “*Quần Tiên Hội*”. Nhưng kịch thơ “*Quần Tiên Hội*” mới viết được đoạn đầu rồi bỏ dở, vì người anh của Thương Thương đã viết thư thẳng cho HMT, yêu cầu chấm dứt và đừng bao giờ nhắc đến Thương Thương nữa. Trần Thanh Địch muốn giúp HMT một niềm an ủi về tinh thần, vô tình ông đã làm cho HMT thêm một lần nữa phải ôm mối thất vọng vì tình.

Những cuộc tình dở dang, bi thảm này phần lớn đã đến với Hàn Mặc Tử trong lúc mắc phải bệnh nan y. Từ đau đớn, rồi những cơn thác loạn tinh thần nổi dậy, ngày lại ngày, nỗi đau khổ không còn bộc phát ra ngoài, nó ăn sâu vào tâm hồn, ngấm ngấm nung nấu nạn nhân đến tột cùng, như con trai bị hạt sạn, hạt cát làm thương tổn cõi lòng, phải nhả tinh ba quần lấy hạt sạn, hạt cát cho êm dịu vết thương, lần lần kết thành ngọc trai. Chúng ta có thể nghĩ rằng, chính những yếu tố đó mà Hàn Mặc Tử đã để lại những điểm son trong kho tàng văn học Việt Nam ?.

Huyền Vũ

Tham khảo :

- * Hàn Mặc Tử, anh tôi của Nguyễn Bá Tín.
- * Thành ngữ điển tích, Danh nhân tự điển của Trịnh Văn Thanh
- * Hồi ký của Quách Tấn
- * Thơ Hàn Mặc Tử của Hà Giao.

NHỚ QUÊ HƯƠNG TRƯỜNG THẾ

*Ai về Trường Thế cho tôi nhắn
Gởi cả tình thương đến cố hương
Lòng kẻ ra đi còn để lại
Biết bao thương nhớ đến miền trường!*

*Làng tôi tuy nhỏ thế mà xinh
Gắn bó tâm tư buổi mộng lành
nhớ thuở thơ ngây hòa cuộc sống
Chơi bi, đánh đáo trước sân đình.*

*Làng tôi bao bọc lũy tre xanh
Đập nước Gia Phú tiếng đổ nhanh
Nắng ấm trưa hè bơi thỏa thích
Bên hàng dừa nước thật đa tình.*

*Làng tôi thêm đẹp nhờ dòng sông
Uốn khúc quanh co tưới ruộng đồng
Bát ngát lúa vàng mùa gặt hái
Mơ màng trăng sáng nước mênh mông.*

*Ngày thường họp chợ lúc trời chiều
Có những gian hàng thật đáng yêu
Bánh tráng, đường, dừa, khoai . . . bán lẻ
Cho người khách trẻ . . . ít tiền tiêu!*

*Làng tôi kéo kệt chiếc cầu tre
Văn hát trăng thanh những tối hè
Dừng lại trên đê nghe gió mát
Rộn ràng, rạo rức mối tình quê.*

Mỗi tháng chợ làng họp sáu phiên
Đường quê chen chúc bến ghe thuyền
Tiếng gà, vịt, lợn trong sương sớm
Gợi khách đường xa những nỗi niềm!

Tiếng nấu giờ sao vẫn đậm đà
Mặc dầu nghìn dặm biệt phương xa
Mà trong hồn kẻ tha hương ấy
Vẫn nhớ làng quê, nhớ thiết tha!

Giờ sao, xóm đạo nhỏ Nam Bình
Vẫn những hồi chuông đổ giáng sinh
Vẫn trống, chiêng, còn hòa thánh nhạc
Vẫn là thường nhật buổi cầu kinh?

Hỏi giùm Cầu Phủ có còn ai
Dòng nước còn mơ ánh nguyệt hoài
Và bụi trúc còn phi nắng gió
Mà hồn trúc vẫn mộng tương lai?!

Nhà thờ Bắc Định vẫn còn xinh
Đứng ngắm dòng sông buổi thái bình
Hay ghen ngào trơ nhìn thế sự
Bao lần hưng thịnh với điêu linh?

Lò gốm ngày nay vẫn rộn ràng
Tiếng hò lao động vẫn còn vang
Vẫn còn nặn đúc bao đồ đất
Phục vụ dân quê khắp xóm làng?

Cầu tre vẫn nghiệp cũ nhà nông

Lúa chín vàng thơm ngát cánh đồng
Mấy chú nghé con chiều nhớ mẹ
Cất cao tiếng gọi rộn thình không!

Bánh xèo, chả nướng vẫn còn ngon?
Lòng kẻ tha hương ủ mộng tròn
Mùi vị năm nào nơi cố lý
Nên lòng nuôi tiếc chuỗi ngày son!

Yêu quê Trường Thế mãi không nguôi
Vì những tình quê đẹp tuyệt vời
Đất khách thàng ngày ôn chuyện cũ
Thương lòng đơn giản người quê tôi!

LAM NGUYỄN

* Địa danh này là Trường Thuế nhưng dân quê làng tôi phát âm thành Trường Thế



Nhớ Về PHÙNG QUÁN

Một Nhà Thơ Bất Tử

THỨ TRẠNG

1. Trong đêm Thanksgiving lạnh lẽo 24/11/2005, đã hơn ba giờ sáng ngoài trời tối mịt, gió mưa lất phất. Ngồi ở bàn viết thao thức lắng nghe từng giọt mưa tí tách từ hiên nhà rơi xuống, tôi chạnh lòng nhớ về Phùng Quán một nhà thơ chân thật bất khuất. Anh chỉ lớn hơn tôi một tuổi sinh năm 1932 ở Huế, còn tôi sinh ở Bình Định. Những năm đầu kháng chiến chống Pháp, anh tham gia thiếu sinh quân liên khu 4 còn tôi vào thiếu niên tiền phong đội liên khu 5... Có lẽ cùng một thế hệ lao đao theo vận nước, tôi còn sống anh lại mất trước tôi hơn mười năm



nhưng sự nghiệp, văn tài, hồn thơ của anh để lại đã nửa thế kỷ trôi qua mà những người yêu thơ còn nhắc mãi. Lời thơ còn sống mãi như bất tận với thời gian: “Yêu ai cứ bảo là yêu – Ghét ai cứ bảo là ghét – Dù ai ngon ngọt nuông chiều – cũng không nói ghét thành yêu – Dù

ai cầm dao dọa giết – cũng không nói ghét thành yêu ...”

Dù Bắc Nam ngăn cách chưa hân hạnh được quen biết anh nhưng tôi muốn viết về anh để tưởng nhớ đến một thi tài có tầm vóc thời đại.

2. Cha anh là Phùng Văn Nguyên một cựu học sinh trường Quốc Học, Ông tham gia bãi khóa biểu tình chống

Pháp năm 1926 bị bắt giam kết án hai năm tù treo. Ông Nguyễn bỏ trốn vào Sài Gòn đổi tên thành Phùng Quý Đông thi đỗ ngành công chức được bổ làm thông phán Sở Kho bạc Sài Gòn. Ít lâu ông Nguyễn xin được chuyển về làm việc ở Huế rồi lấy vợ là bà Tôn Nữ Thị Tứ dòng Hoàng phái có nhan sắc, học thức. Bà sinh Phùng Quán tháng 1 năm 1932 tại làng Thanh Thủy Thượng huyện Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên. Sau đó Ông Nguyễn bị tố giác, phải lánh vào Hội An. Đến Đà Nẵng thì bị bắt, bị tra tấn hai tháng sau chết trong tù, lúc đó bà Tôn Nữ Thị Tứ sinh Phùng Quán chưa đầy một năm. Khi Phùng Quán ra Bắc, mẹ vẫn ở lại quê nhà thờ chồng đợi con mòn mỏi cho đến ngày mất tại cố đô Huế 1970. Từ trường Thiếu Sinh quân, anh gia nhập vệ quốc đoàn làm trinh sát Trung đoàn 101 Trần Cao Vân. Năm 22 tuổi chuyển công tác về cơ quan sinh hoạt văn nghệ quân đội thuộc Tổng cục chính trị tiền thân của Tạp chí Văn nghệ quân đội. Rồi từ Trung ra Bắc anh được giới thiệu về trường Dự bị đại học để học thêm. Về Hà Nội anh tiếp tục công tác văn nghệ trong quân đội. Năm 1962 Phùng Quán kết hôn với cô giáo Vũ Thị Bội Trâm. Từ khi cưới nhau trải qua 20 năm vợ chồng vẫn ở riêng. Chị Trâm ở nhà cha mẹ số 3 đường Hàng Cân. Phùng Quán ở làng Nghi Tâm, Hà Nội (nhà người mẹ nuôi) hằng ngày anh viết văn rồi mượn tên thân hữu bạn bè để in và câu cá trộm ở Hồ Tây bán lấy tiền nuôi con.

3. Anh viết theo lối hiện thực xã hội phản ánh tình trạng tham ô, thối nát, đối trá của xã hội miền Bắc khép kín vào thập niên 50 : **“Tôi đã đi qua – Những xóm làng chiến tranh vừa chấm dứt: Tôi đã gặp – Những bà mẹ già quần giẻ rách – Da đen như củ cháy giữa rừng – kéo giày thép gai tay máu chảy ròng – Bối độn giặc trông ngô tría lúa ... Tôi đã gặp – Những đứa em còm**

**cõi – lên năm, lên sáu tuổi đầu – Cơm thòm thềm độn
cám độn rau – Mới tháng ba đã ngóng mong đến tết ...
Tôi quyết tâm rời bỏ – Những vườn thơ đầy bướm đầy
hoa ... Tôi đúc thơ thành đạn – Bắn vào tim những kẻ
làm càn – Những con người tiêu máu của dân – Như
tiêu giấy bạc giả! Đất nước ta không đếm hết người
nghèo – Đêm nay thiếu cơm, thiếu áo – Những tên
quan liêu đảng đã phê bình trên báo – Và bao nhiêu
tên chưa ai biết, ai hay – Lớn, bé, nhỏ, to, cao, thấp,
béo, gầy – Khắp mặt đất như ruồi như nhặng ...”**

Giới văn nghệ sĩ lúc bấy giờ xem anh như Triệu Tử Long trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Những đồng thơ của anh như những quả bom nguyên tử (Thơ Cái chổi – Chống tham ô lãng phí – Lời mẹ dặn) đã khiến cho anh bị đẩy lùi vào bóng tối, bị vùi dập suốt 30 năm sống khốn đốn cho đến những năm cuối đời mới được phục hồi (thời văn nghệ sĩ được cõi trời) Anh mất ngày 22 tháng Chạp năm Giáp Thân nhằm ngày 22-1-1995. Phùng Cung đứng ra tổ chức lễ tang, trước áo quan có gắn hàng chữ: Một kẻ sĩ bất khuất. Người tham dự quá đông, có đến mấy trăm vòng hoa đến viếng mộ. Sách đã in nhiều thơ văn tặng Phùng Quán có Hoàng Cầm, Tào Mạt, Lê Đạt, Hải Bằng, Hoàng Cát, Hoàng Long, Tôn Phong, Hoàng Vũ Thuật, Trịnh Đường, Tạ Vũ, Nguyễn Thụy Kha, Vĩnh Nguyên, Thường Quán ... Sự nghiệp để lại trong văn học của anh không nhiều lắm, ngoài mấy tập thơ, có nhiều tập chưa xuất bản, một số bài văn khác đặc biệt như nhà triết học Trần Đức Thảo, nhà thơ Hồ Vị với những lời Tạ ơn cái chết – Hành trình vào thế giới nhẹ như tơ trời ...

4 - Mỗi khi điếm qua tên tuổi những thi nhân sáng giá trong nền văn học Việt Nam ở những năm đầu hậu bán

thế kỷ thứ 20, những nhà bình luận văn học không thể quên đề cập đến một bài thơ tiêu biểu của Phùng Quán:

Lời Mẹ dặn

Tôi mồ côi cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng
Trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn
Hai mươi năm qua tôi vẫn nhớ
Ngày ấy tôi mới lên năm
Có lần tôi dối mẹ
Hôm sau tưởng phải ăn đòn
Nhưng không, mẹ tôi chỉ buồn
Ôm hôn tôi lên mái tóc
- Con ơi! Trước khi nhắm mắt
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật
- Mẹ ơi! Chân thật là gì?
Mẹ tôi hôn lên đôi mắt
Con ơi một người chân thật
Thấy vui muốn cười cứ cười
Thấy buồn muốn khóc là khóc
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Từ đấy người lớn bảo tôi:
- Bé ơi, bé yêu ai nhất
Nhớ lời mẹ, tôi trả lời:
- Bé yêu những người chân thật

Người lớn nhìn tôi không tin
Cho tôi là con vẹt nhỏ
Nhưng không! những lời dặn đó
In vào trí óc của tôi
Như trang giấy trắng tuyết vời
In lên vết son đỏ chói

Người làm xiếc đi dây thật khó
Nhưng chưa khó bằng nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật

Năm nay tôi hai mươi năm tuổi
Đứa bé mồ côi trở thành nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi muốn làm nhà văn chân thật
Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá.

Thi ca thường gắn liền với thời đại, phản ánh từng giai đoạn lịch sử của đất nước. Thi ca cũng là nơi giải tỏa những ẩn uất bị dồn nén. Nó còn là sức đề kháng của thứ vũ khí để chống đối mọi bất công áp bức của cường quyền. Thi ca có tác dụng trực tiếp với đối tượng thụ hưởng là độc giả được diễn đạt qua nhiều điển tích ẩn dụ tối nghĩa, hoặc chữ dùng bình dị, mộc mạc dễ hiểu mà ai đọc lên cũng cảm nhận được, cũng thấm sâu vào lòng

người. Thi sĩ Phùng Quán đã chọn con đường thứ hai để phù hợp với chủ đề: **“Làm nhà văn phải đi trọn đời trên con đường chân thật”**. Chỉ một bài thơ lời mẹ dặn mà đã bao trùm được cả một xã hội bùng bít, đè nén khép kín đến hãi hùng như muốn nghẹt thở khiến con người phải sống bằng lừa gạt dối trá: dối người, dối mình, những điều



đơn giản nhất là vui, buồn, cười, khóc, ghét, yêu cũng không dám nói lên sự thật của lòng mình.

Về kỹ thuật Anh đã chọn đầu đề bài thơ “lời mẹ dặn” thật là tuyệt vời. Hình ảnh người mẹ mà nhân loại muôn đời vẫn thiết tha kính mến. Người Mẹ ấy là Người Mẹ thực của thi sĩ trọn đời thờ chồng, nuôi con đã mất cha từ khi còn tám bé:

*“Tôi mồ cha năm hai tuổi
Mẹ tôi thương con không lấy chồng ...
Nuôi tôi đến ngày lớn khôn.”*

Rồi trong giai đoạn của tuổi ấu thơ đầu đời đã khắc in trong tâm hồn tác giả:

*“Ngày ấy tôi mới lên năm ...
Cha con dặn con suốt đời
Phải làm một người chân thật ...”*

Với năm tuổi đầu trí khôn chưa đủ làm sao hiểu được ý nghĩa của từng ngôn từ nên tác giả phải hỏi: “Mẹ ơi chân thật là gì?” Đó là những mối gút, mở để đặt và giải đề tài, làm sáng tỏ chủ đích của bài thơ thật rõ ràng giản dị, hợp với cách tiếp nhận của tuổi ấu thơ. Tác giả đã không ngần ngại dùng 6 câu điệp khúc lặp lại đến hai lần trong một bài thơ phá thể:

**“Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu ...”**

Rồi đến 10 điệp ngữ yêu, 8 ghét, 7 chân thật, 2 cười 2 khóc láy đi, láy lại vô cùng biến ảo. Ngoài ra ông còn khéo đưa lên 2 hình ảnh để lựa chọn “ngon ngọt nuông chiều” đối với “cầm dao dọa giết” là những biểu tượng đối nghịch rất chân xác như đen với trắng, như chánh với tà để nói lên cái lập trường chân thật, cái dũng của kẻ sĩ mà tác giả đã định hướng khi cầm bút. Đến đoạn cuối nhạc thơ như sóng dồn, gió cuốn kết thúc bằng những lời tuyên ngôn danh thép:

**“Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá”.**

Ông quả là một kẻ sĩ bất khuất như lời Phùng Cung tặng, còn với tôi ông là một nhà thơ bất tử vì những tác phẩm hiếm hoi với những lời thơ chân thật giản dị của ông đã khắc họa thành một vết thương rướm máu của mẹ Việt Nam, đã đi vào lòng dân tộc trong một giai đoạn lịch sử bi thảm nhất của đất nước là người Việt Nam đầy dọa giết hại người Việt Nam do di chứng của chủ nghĩa cộng sản áp đặt trên giải đất hình chữ S đã hơn năm mươi năm qua.

THƯ TRANG

Tham khảo:

- *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*
(Mặt trận bảo vệ văn hóa, in lần thứ 2 tại Hải ngoại 1990)
- Ngô Minh (*Sưu tầm và Biên soạn*)

NỖI NHỚ CHIỀU CUỐI NĂM

Nhớ Bình Định quê hương yêu dấu
Nhớ năm nào suýt xóa tuổi tên
Phố Qui Nhơn rạt rào sóng vỗ
Nhớ mái trường Công Trứ, Lam Sơn

Tuy Phước qua bao mùa mưa nắng
Trải dài ra Cửu Lợi, Tam Quan
Mỹ Phong, An Hảo tình sâu nặng
Bụng muốn dừng, chân cứ lang thang

Nhớ đến Bồng Sơn, Tăng Bạt Hổ
Nhớ An Thường, Vạn Thắng, Hòa Trung
Thời niên thiếu luyện rèn gian khổ
Đến tuổi già còn những lao lung

Dòng Lại Giang hai nguồn nhập lại
Chuyến dò ngang đến bến Phú Văn
Phú Ninh, Mỹ Phú thời thơ dại
Chốn cội nguồn nào dễ quên ân

Nhắc đến Kim Sơn dòng lệ ứa
Tại nơi này máu vẫn còn hoen
Kiếp con người biến thành cầm thú
Nhìn cuộc đời toàn một màu đen

Nỗi cách trở niềm đau còn đó
Quyền làm người có được hôm nay
Ta không trách núi sông ruộng bỏ
Chiều cuối năm thương nhớ dằng dầy

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

NGUỒN GỐC VĂN HÓA CỔ VIỆT QUA KHẢO CỔ & NHÂN ĐÂY THỬ TÌM HIỂU: TẠI SAO TA CÓ VĂN HÓA CAO MÀ MÃI BỊ YẾU KÉM, THUA THIỆT?

(Duy ngã Đại Việt quốc, thực vi văn hóa
chi bang – Nguyễn Trãi)

NGUYỄN HÒE

Để có tính thuyết phục, ông cha ta từng dạy: “Nói có sách, mách có chứng”, nhưng hầu hết sách về nguồn gốc Văn Hóa Cổ Việt thì không có và chứng mách xưa nay đều dựa vào nền tảng của huyền học, mà huyền học thì tự nó rất mơ hồ... Ngoài ra, nếu đem những giàng dựng đó đối chiếu với sử ký và với hiện thực, không khỏi chúng ta phải đối diện với những vấn đề như:

I. Có dấu vết nào chứng tỏ Việt Nam có một nền văn hóa độc lập mà không là cái đuôi nối dài của phương Bắc không? Và, trong quá trình hình thành tiền sử, qua ánh sáng của khoa học hôm nay, nói gì về chuyện này?

II. Vào thời kỳ tiền sử, ít ra cũng từ thời đồ đá, làm sao có tin được là người Tiền Việt (proto-vietnamien) có thể hình thành được một thể loại văn hóa lý số (hay Dịch Lý dẫn đến hình thành Kinh Dịch) cao siêu bao trùm cả Thiên đạo và Nhân đạo, đến nỗi loài người ngày nay để hiểu nó cũng là một vấn đề không đơn giản? Và,

III. Khi đã có một nền văn hóa cao như vậy, tại sao Việt Nam, đại diện của nền văn hóa đó, liên tục bị thua thiệt trong sự đụng đầu với phương Bắc và phương Tây, để rồi bị hết Tàu đến Tây đô hộ và để hôm nay, đất nước bị xếp vào tệt mạt nhất?

Đi tìm lời đáp cho ba câu hỏi trên là trọng tâm bài viết này, nhưng tưởng nên thưa, đây là đề tài lớn và nghiêm chính, nghĩ rằng: nên xem bài viết như là bước đầu hay một cố gắng phát họa nhằm mời gọi những công trình khảo cứu chu đáo và sâu rộng trong tương lai. Phần viết bên dưới dựa vào những khám phá mới nhất (từ cuối thập niên 50 của thế kỷ trước đến giờ) rọi vào “cái quá khứ bị lãng quên” (A forgotten past), của hai ông Wilhelm G. Solhem II, T/S Giáo Sư Khảo Cổ Học của Đại Học Hawaii và của G/S Cung Đình Thanh qua tác phẩm Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam Dưới Ánh Sáng của Khoa Học của ông.

I. VỀ NGUỒN QUA KHẢO CỔ

Trở lại đề tài: Nguồn đây là nguồn văn hóa. Nói về tầm quan trọng của môi trường, ai cũng biết, mọi loài đều chịu ảnh hưởng bởi môi trường và cái môi trường ơn ích, gần gũi nhưng cũng lắm khi gieo tai họa thảm khốc nữa, là nước và lửa... Trên ý nghĩa của tác hại, nước và lửa được gọi là thủy tai và hỏa tai. Hỏa tai là tai họa do lửa gây ra trong đó có cả chiến tranh. Hiếm họa hỏa tai tuy lớn thật, nhưng nó cũng phải xếp sau thủy tai. Thánh Kinh Thiên Chúa Giáo có nhắc đến tai họa này với tên gọi là Đại Hồng Thủy xảy ra dưới thời Noah, khiến người và vật nếu không nhờ chiếc thuyền của ông, thì đã bị quét sạch khỏi địa cầu. Trong huyền sử Việt, thủy tai được huyền thoại hóa là trận giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Còn với sự ghi nhận hôm nay, thủy tai gây hiểm họa lớn nhất là các thời kỳ biển tiến đã xảy ra trên địa cầu làm cho thay đổi bộ mặt trái đất, quần thể loài người và đã làm nhiều nền văn hóa nhân loại trong đó có “nền văn hóa Hòa Bình cách nay hàng chục ngàn năm, bị chôn

vùi, mất dấu, sau kỳ biển tiến cuối cùng” (Văn Minh Việt Nam, Cung Đình Thanh) :

Nạn biển tiến gây thủy tai do bởi nhiệt độ trái đất tăng, làm tan băng của hai cực địa cầu, khiến nước biển dâng cao, phủ ngập những vùng thấp trên mặt đất, ở vào thời kỳ giáng băng. Và vào thời kỳ băng hà thì ngược lại, do quả đất đi vào chu kì lạnh nước khiến đóng băng, thu về hai đầu cực địa cầu, tạo ra sự kiện biển lùi. Các khoa học gia nói rằng: ít nhất có hơn 20 lần băng hà và giáng băng trong vòng 2 triệu năm qua, làm cho mức nước biển cao hay thấp, biển tiến hay lui: Khi nước xuống, con người di cư đến các vùng thấp và khi biển tiến, nước biển có thể nhận chìm làm cho mất dấu nhiều nền văn hóa cổ vì mực nước biển có độ chênh lệch hàng trăm mét (130 m) khi nó tiến hay lùi (Mực nước biển cao nhất khi biển tiến cao hơn nước biển ngày nay là 100m). Hậu quả việc biển tiến hay biển lùi đối với vùng đất mà nay gọi là Đông Nam Á, nay có các nước mang tên là Philipine, là Indonésia, Đài Loan... và Việt Nam, trong quá khứ, đã có thời khi biển lui, nối kết nhau tạo thành đồng bằng chừng như rộng vô tận. Và vào thời kỳ này “Dân Tiên Đông Nam Á” (Proto South East Asian), đã hình thành một nền văn hóa gọi là Văn Hóa Hòa Bình (Hoabinhian culture) tiền Việt, nghĩa là trước cả thời kỳ mà sử gọi là Bách Việt, và nền văn hóa này đã bị nhận chìm trong biển mênh mông khi biển tiến... Điều này phù hợp với những khám phá mới của khoa khảo cổ và qua đó người ta thấy rằng:

I.1_ Vùng Đông Nam Á là một trong những cái nôi văn hóa đầu tiên của nhân loại, trước cả Cận Đông, Ấn Độ và Tàu nhiều ngàn năm như “ông Nam Á” Wilhelm G. Solheim viết: “Materials uncovered and dated by carbon 14 are the cultural remains of people whose ancestors may

have been growing plants and making polished stone tools and pottery thousands of years earlier than were the the peoples of Near East, India, or China” (New Light On a Forgotten Past, page 330 _ 332, Wilhelm G. Solheim II).

Trước đây, mọi người đều nghĩ rằng: người Đông Nam Á là hậu duệ của những người từ Tàu hay Ấn di cư đến. Ngày nay, những điều này đang bị xét lại và cho rằng trước thời biển tiến cuối cùng, vùng Đông Nam Á đã thành tựu một nền văn minh khá cao và khi biển tiến; họ đã di cư lên phía Bắc, từ đó mới hình thành nền văn hóa Bách Việt và văn hóa Hoa Hạ (Trung Hoa cổ đại). Và, đến khi biển lùi lại có đợt di cư ngược lại từ phương Bắc về phương Nam... Đợt di cư này một phần do người Việt cổ về lại quê hương cũ của họ thời biển chưa tiến, phần nữa do sự xâm lăng của người Hoa đối với dân Bách Việt... phần lớn, điều này cũng có nghĩa là người phương Bắc (Tàu) và người phương Nam (Bách Việt) đều là hậu duệ của người Tiền Đông Nam Á đã di cư lánh nạn biển tiến.

Quan điểm này được GS Cung Đình Thanh tán đồng và trích dẫn lời phát biểu của nhà bác học W. G. Solheim II và C. Gorman như sau: “Những giả thuyết cổ điển về người tiền sử của Đông Nam Á thường cho rằng có những cuộc di dân mang theo những kỹ thuật quan trọng từ miền Bắc xuống Đông Nam Á. Tôi đề nghị ngược lại là vào thời đại tân thạch khí nền văn hóa Bắc Trung Hoa bắt nguồn từ một chi của nền văn hóa Hòa Bình ở phía Bắc Đông Nam Á, vào khoảng năm 6.000 hay 7.000 trước kỷ nguyên. Tôi nghĩ rằng nền văn hóa Long Sơn không phải phát sinh từ Ngưỡng Thiều ở phía Bắc Trung Hoa mà phát sinh từ miền Nam Trung Hoa rồi lan lên phía Bắc: Cả hai nền văn hóa Long Sơn và Ngưỡng Thiều đều bắt nguồn từ văn hóa Hòa Bình” (Văn Minh

Việt Nam, trang 218 _ 219). Để củng cố lập luận này, khoa học gia Solheim II cũng như GS Cung Đình Thanh đã đưa ra khá nhiều bằng chứng khảo cổ khai quật được từ các quốc gia hiện nay nằm trong vùng Đông Nam Á như Việt Nam, Thái Lan, Phi Luật Tân, Indonesia... có niên đại cách từ 8.000 đến 11.000, trong hai tác phẩm của hai ông.

1.2_ Chính các tộc dân Đông Nam Á mà người cổ Việt nơi đồng bằng Bắc Việt ngày nay là tâm điểm, đã tạo dựng ra nền văn hóa Sơn Vi (1) và nền văn hóa Hòa Bình, trước các dân tộc khác ở Cận Đông, Trung Hoa hay Ấn Độ hàng ngàn năm.

1.3_ Qua những chứng tích chứng dẫn đã xác quyết rằng Văn Hóa Cổ Việt là của người Việt cổ, chứ không vay mượn hay là “cái đuôi nối dài” của Tàu hay của Ấn. Sở dĩ đến nay những chứng tích của nó không còn nhiều do trong đó việc biến tiến là quan trọng hơn cả, từ nhiều ngàn năm qua. Và, cũng bởi, như ông W. G. Solheim nói: có rất ít sự khảo cổ được thực hiện nơi vùng này trước 1950. Trước đó người ta chỉ đặt nặng việc khảo cứu vào các nền văn minh Cận Đông, Ai Cập, Hy Lạp, La Mã hay Tàu, Ấn...Trở về với Đông Nam Á chỉ là mới đây mà trước kia, dưới con mắt của những người làm khoa học trên thế giới, Đông Nam Á chỉ có được do bởi ảnh hưởng của Tàu và Ấn; ngay như cái tên được đặt cho vùng này là Ấn Độ Chi Na (Indo-china) cũng đủ phản ánh thái độ này (trang132 New Light On a Forgotten Past). Những khám phá trên tuy không giúp gì nhiều trong việc truy tầm nguồn gốc nền văn hóa Vô Ngôn Cổ Việt, nhưng nó cũng giúp để chỉ ra rằng ở Đông Á mà đồng bằng Bắc Việt là tâm điểm, đã có một nền văn hóa cao, rất cổ và độc lập với nền văn hóa phương Bắc.

Điều mấu chốt khó khăn ở đây là nguồn gốc văn hóa này thuộc thời trước sử, nghĩa là thời kỳ chưa có chữ viết qui ước hoàn chỉnh, nghĩa là nếu có thì rất thô sơ, nên không thể tìm nó qua sử liệu nơi sách vở như từ trước đến giờ người ta đã cố làm; và làm vậy chỉ đi đến kết quả rất khiêm nhường là sách vở chỉ thấy nhắc lại vài dòng một cách sơ sài về nền văn hóa này như là văn hóa Rồng Tiên, Văn Hóa Hà Lạc hoặc văn hóa Âm Dương Dịch Lý... hoặc như chuyện Âm Dương Hợp Lịch ghi trên mu rùa bằng loại chữ Âm Dương (triết tự?), thời Việt Thường đem biếu cho vua Nghiêu. Các loại chữ này nhiều người ngày gọi là chữ nòng nọc, chữ chân chim hay chữ lý số, còn thấy trên trống đồng, trên “Bùa Bát Quái” hay trong Kinh Dịch... (2), không giống các thể loại chữ viết để trao đổi thông tin thông thường dùng hằng ngày như ta thấy ngày nay, mà là loại triết tự để dẫn vào đạo học như Kinh Triều Quốc Tổ, Tổ Tiên Chánh Giáo qua cơ đồng (3), viết:

“Kinh Châu Dương Việt hai miền

Triết tự văn hóa lưu truyền sử xanh”

Chữ “triết” (triết tự) của Văn hóa Cổ Việt dùng để quảng diễn triết lý dẫn vào Đạo Thường Hằng (Thường Đạo), và chữ triết này là chữ của hệ lý số toán âm dương nên cũng có thể nói là Văn Hóa Cổ Việt là văn hóa mang tính của khoa học để dẫn vào Đạo học. Và đến đây tưởng cũng đã tạm đủ cho việc chứng dẫn rằng: Nguồn gốc của văn hóa cổ Việt là của người Việt Cổ, độc lập và khác biệt với mọi nền văn hóa khác.

II. NGƯỜI VIỆT CỔ VỚI VĂN HÓA TIÊN RỒNG HAY ÂM (_ _), DƯƠNG (___)

Còn vấn đề: tại sao người Việt tiền sử có thể làm được việc này (Chế hệ Lý Số để dẫn vào Đạo Dịch) mà con

người văn minh ngày nay, để hiểu nó, cũng là một vấn đề? Thật ra ở đây vấn đề thuộc hai lãnh vực khác nhau của Văn minh và văn hóa. Với văn minh, ngày nay rõ ràng, so với thời đó, khác nhau một trời một vực, điều này không ai còn có thể chối cãi, nhưng về văn hóa tư tưởng, lấy gì bảo đảm rằng ta nay đã hơn ông cha ta? Tư tưởng của Nho giáo, của Lão, của Khổng, của Phật, của Thiên Chúa Giáo... có từ nhiều ngàn năm trước, đến hôm nay nhân loại vẫn bảo tồn và trân trọng. Và, với Kinh Dịch mà nguồn gốc quá xưa đến nỗi khó lần tìm, ngày nay người ta càng nghiên cứu, càng khám phá ra nhiều điều lý kỳ ơn ích... thế nên, trên phương diện văn hóa tư tưởng ai dám cả quyết rằng người ngày nay đã hơn xưa? Ta hãy lấy khoa học để soi rọi vấn đề: Não con người ngày nay có thể phát triển hơn người xưa, điều này có thể không sai (nhưng sự cách biệt về não bộ con người trong vòng chục ngàn năm thì không nhiều), nhưng thou hỏi con người đã sử dụng được bao nhiêu phần trăm chức năng của não của mình? Hẳn nhiên với một tỉ lệ chẳng là bao (và vấn đề này thuộc thẩm quyền chuyên môn của giới làm khoa học, rất mong được chỉ giáo của các khoa học gia); thế nên việc phân định sự phát triển não bộ của người xưa và của con người đương đại cũng sẽ không còn là vấn đề quan trọng để cho rằng tổ tiên ta ở thời đó không thể có văn hóa tư tưởng cao. Ta cũng có thể đặt vấn đề: não người sống cách nay chục ngàn năm không phát triển bằng người hiện đại; nhưng nếu họ đã sử dụng chức năng của não triệt để hơn chúng ta vào lãnh vực tư duy về văn hóa tư tưởng thì hiệu quả của nó sẽ thế nào? Hơn nữa, tư tưởng cổ Việt cũng không phải là một cái gì siêu xuất mà cũng chỉ là kết quả của những suy tư đúng cách dựa trên thực tiễn muôn đời đúng của vật chất chuyển luân, biến hóa trong qui trình sinh diệt của

chúng diễn ra ở trước mắt chúng ta ở mọi nơi, mọi lúc... Và những tư duy này, thay vì dùng chữ thông thường để ghi lại như hầu hết các nền văn hóa khác, cổ nhân dùng những vạch âm dương như là tượng hình đực cái của muôn loài để vừa làm hiển lộ tượng hình, vừa chỉ ra tính ý của chúng để làm cho sự vật tự thể hiện ra như chính nó qua các con lý số có cấu trúc Âm (_ _) Dương (___), thay vì ta nói về nó (Xin đọc Kinh Dịch Dưới Lãng Kinh Việt Học: “Hợp Mặt Văn Hóa và Tư Tưởng Việt 2005” của cùng tác giả, nơi web site: www.geocities.com/hmvh005).

Văn hóa Âm Dương Dịch Lý có thể là điều mới lạ đối với những người quen với thể loại văn hóa xây dựng bằng ngôn ngữ, nhưng chuyện lạ chưa hẳn là chuyện khó lắm... và nếu có khó chăng là bởi ta chưa quen hoặc bởi ta chưa nắm được nguyên tắc của sự biến dịch của sự vật được chỉ ra qua Kinh Dịch mà thôi! Khi nắm được nó, Việt Dịch không là “nan dịch” (dịch khó) mà là “dị dịch” (dịch dễ)!

III. TẠI SAO TA CÓ ĐƯỢC NỀN VĂN HÓA CAO MÀ BỊ YẾU KÉM, THUA THIỆT?

Đến đây vấn đề chót được đặt ra là: Dòng Việt mà Việt Nam hôm nay là đại diện, đã có được một nền văn hóa cao như vậy, sao lại bị thua dài dài trong quá khứ, quá đen tối trong hiện tại, và có nhiều dấu chỉ sẽ bị nguy vong trong tương lai, là tại sao? Thật ra, hỏi như thế là đồng nghĩa với việc ngầm phủ định rằng ta không văn hóa, nên đã thất bại. Đặt câu hỏi như thế cũng có nghĩa là nhằm để phủ định vấn đề chứ không là đặt nó thành nghi vấn, nên lời đáp coi như đã có như qua phần trình bày dựa vào những khám của khoa học khảo cổ trên, cũng như qua sự giải mã huyền thoại được trình bày trong tác phẩm Văn

Hóa Cổ Việt của tác giả, đã minh xác rằng trong quá khứ xa xưa thuộc thời tiền sử, Việt tộc quả đã tạo riêng cho mình một nền văn hóa gọi là Văn Hóa Cổ Việt (Văn Hóa Dịch Lý). Lại nữa, sự thất bại của dòng Việt trong quá khứ và của chúng ta trong hiện tại, rõ ràng nào phải bởi nền văn hóa của Ông Cha tôi, mà do bởi con cháu đã đánh mất nó để rồi đưa đến việc “Đạo (Chủ Đạo Văn Hóa) mất trước, nước mất sau” lỗi do các nhà lãnh đạo đất nước chạy theo các chủ thuyết ngoại lai. Minh chứng lịch sử nhân loại cho ta thấy rằng: sự thắng bại về quân sự không hoàn toàn do yếu tố văn hóa quyết định mà nó tùy thuộc nhiều yếu tố khác nữa, như: về nhân số, về vũ khí, về kỹ thuật chiến tranh (binh khí, binh pháp, người lãnh đạo, thế lực đồng minh, liên minh...). Ta từng biết quân Mông cổ đâu phải có nền văn hóa cao mà đã thắng 40 nước cả Á lẫn Âu, trong đó có các nước lớn như Nga, Tàu, Ấn? Và, ai cũng biết: cộng sản miền Bắc cưỡng chiếm miền Nam vào năm 75 nào phải nền văn hóa miền Nam kém nền văn hóa Duy vật miền Bắc? Thế nên ta không thể vội vàng phán đoán rằng: Việt tộc mà đại diện là Việt Nam hôm nay, thua Tàu, thua Tây bởi ta không có văn hóa hay văn hóa của ta kém hơn họ.

Sự xác nhận qua khảo cổ về nền văn hóa cổ Việt cùng việc bạch hóa huyền thoại, huyền sử là những việc làm của một số người nghiên cứu, riêng đối với dòng Việt, trong tâm thức họ trải qua bao đời, vẫn tin tưởng có nền văn hóa bị chôn vùi này và tin rằng khi trở về và phát huy nó, dân tộc sẽ chiến thắng mọi kẻ thù, khi đánh mất nó: dân tộc sẽ thảm bại, đất nước sẽ suy vi. Điều này được huyền thoại nhiều lần nêu lên, như: Sứ Giả Giang Thần (Thần nơi sông nước) đã giúp An Dương Vương xây thành Cổ Loa thành công, nhưng rồi vua để mất nỏ lữ làm

bằng móng vuốt của Rùa Thần, nên mất thành rồi mất nước sau đó. Nguyễn Tuấn (Tức Thần Tảng Viên), xuống Long Cung dưới biển được Long Vương tặng Gậy Thần Sách Ước nên thắng Thủy Tinh... Nửa con “theo Cha xuống biển, nửa theo Mẹ lên núi” nhưng khi đất Mẹ gặp nguy khốn, kêu bố, bố sẽ giúp cho... Bà tiên dạy làm bánh chưng, bánh dày cho Tiết Liệu ý nhắc đến đạo vuông tròn của người xưa (Bà tiên: tiên nhân, Đạo vuông tròn: Đạo Hà Lạc)...

Huyền thoại như là tâm thức cộng đồng, luôn luôn nhắc đến Gậy Thần, Rùa Thần, Sách Ước, nhắc đến vùng đất bị nước phủ (Long cung, Giang Thần)... nhắc tiên nhân dạy Đạo Vuông Tròn Hà Lạc... không ngoài mục đích đặt niềm tin và nuôi dưỡng tiềm thức dân tộc về một nền văn hóa siêu việt đã vị chôn vùi dưới lòng biển cả, mà giới khảo cổ thế giới gọi là văn hóa Hoà Bình hoặc gọi là Nền Văn Hóa Tiên Đông Nam Á (được quốc tế công nhận nền văn hóa này vào ngày 30 tháng 01 năm 1932) và hôm nay qua khảo cổ, ông “Đông Nam Á” W. G. Solheim mới rọi thêm một tia sáng của khoa học hiện đại vào nó). Và khi dân tộc trở về lại với cội nguồn này, đều mở ra những thời kỳ thắng lợi vinh quang cho đất nước. Đối chiếu với Việt sử, ta thấy rằng: Thời Đinh dựa vào tinh thần “Đại Cô Việt” mà giành được độc lập và thống nhất 12 sứ quân. Thời Lý, Trần đặt nền tảng Việt Phật nhập thế (tư tưởng Việt hòa nhập cùng Phật Giáo)... liên tiếp thắng quân ngoại xâm: Phá được Tống, bình được Chiêm và ba lần đánh bại được đội quân Mông Cổ dũng mãnh nhất thế giới vào thời bấy giờ. Thời Tây Sơn, vua Quang Trung với niềm tin vững chắc vào hồn thiêng sông núi Việt: “Nước ta tuy nhỏ, lại ít dân nhưng chứa đựng được biết bao hồn thiêng sông núi, xưa nay chưa có kẻ thù nào đến đây mà không

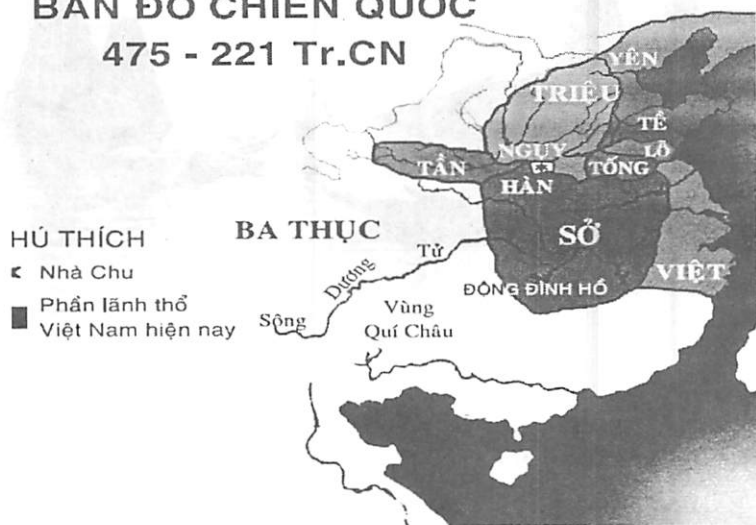
thảm bại. Nếu lấy tính tâm thường của kẻ phàm phu tục tử để hiểu đất thiêng liêng này thì muôn đời vẫn tăm tối”, đã khởi động một cuộc đổi đời, làm cho triều đình nhà Thanh khiếp vía (tiếc rằng vua Quang Trung mất quá sớm nên công trình phục hưng đất nước dựa trên tư tưởng văn hóa Việt cũng sớm chết theo)... Và, vào những thời kỳ các nhà lãnh đạo đất nước ngu muội vọng ngoại, bỏ văn hóa dân tộc chạy theo văn hóa ngoại lai chích khuyết, đều đưa đất nước và dân tộc vào con đường suy vong, như: thời Hậu Lê với Lê Chiêu Thống công rắn cắn gà nhà; thời Nguyễn “dàng trong”: bỏ tinh thần nhập thế của Phật Giáo Trúc Lâm để rước vào tư tưởng yếm thế vọng cầu theo Tịnh Độ của Trung Hoa làm mờ nhạt tư tưởng nhân bản Tam Hoàng Thiên Địa Nhân, làm dân hèn, nước yếu; Nguyễn Gia Long thì dựa vào Tây, cậy vào Tàu, bỏ hẳn luật Hồng Đức đầy nhân ái và tiến bộ mà rước nguyên khuôn luật Càng Long: Nô lệ tư tưởng trước để mở đầu cho nô lệ chính trị tiếp theo, để đất nước và dân tộc rơi vào tình trạng tăm tối, yếu hèn và việc nước mất là hậu quả đương nhiên vậy. Còn gần đây Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam cuồn tín, tôn vinh văn hóa Duy Vật, mạnh tay phá đổ nền văn hóa dân tộc hơn bất cứ chế độ chính trị nào trước nó, để mong nền văn hóa Duy Vật chiếm địa vị độc tôn, khiến đất nước hôm nay được xếp hạng tệ hại nhất mà chưa biết chừng nào thoát ra được nền văn hóa “trăm năm trồng người” để hóa ngòm...

Tạm kết: Rõ ràng việc dẫn đất nước và dân tộc vào con đường suy vong nào phải ta không có văn hóa, mà do ta bỏ nền văn hóa ta để chạy theo người vậy. Hôm nay, cũng may thay, nếu chịu lắng nhìn ta sẽ thấy sau thời kỳ dân tộc, qua các nhà lãnh đạo mang ý thức vọng ngoại: trông vào Pháp, Nhật, cậy vào Tàu, nhờ vào Nga, vào

Mỹ..., họ đều đã đảo đầu và bắt đầu trở lại nền Văn Hóa Cổ Việt với học thuyết Việt Nho đầy đủ tính chu tri của nó. Nguồn Việt đang nở rộ khắp trong cũng như ngoài nước, riêng ở hải ngoại ta thấy có những tổ chức tự phát như: Tập San Tư Tưởng Sydney, Australia; Hội An Việt Hoa Kỳ, Hội An Việt Âu Châu, Hội An Việt Úc Châu; Nhóm Việt Tộc Paris, Pháp Quốc; Tủ Sách Việt Thường Texas, Hoa Kỳ; Viettology Group California, Hoa Kỳ; Hội Văn Hóa Việt San Jose, Hội Việt Học Nam Cali. Vietopia Tùng Thư Cơ Sở Hoa Thế Nguyên Toronto, Los Angeles, Paris... Như thế, chúng ta có quyền hy vọng rằng: sự thức tỉnh trở về này sẽ làm cho hồn nước sống lại và sẽ đẩy động một cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng dân tộc, từ đó và nhờ đó sẽ sớm đưa đất nước thoát cảnh đen tối của tình trạng hiện nay. "Tư tưởng đi trước, vận nước theo sau". Trong cao trào tìm về nguồn Việt hiện tại, nhất định dân tộc sẽ có cơ đứng dậy.

NGUYỄN HÒE

BẢN ĐỒ CHIẾN QUỐC 475 - 221 Tr.CN



Ghi chú thêm: Lãnh thổ Bách Việt xưa chạy dài từ bờ sông Dương tử trở về Nam

(1): Xã Sơn Vi, huyện Phong Châu, Vĩnh Phú, là nền văn hóa thuộc hậu kỳ đồ đá cũ cách nay 23.000 năm là tiền thân văn hóa Hòa Bình, theo Văn Minh Việt Nam, trang 79 của GS Cung Đình Thanh (2) Vì bị giới hạn trong khuôn khổ của một đặc san, ở đây không thể nói rõ cấu trúc của nền văn hóa này, để rõ hơn xin mời đọc Văn Hóa Cổ Việt của cùng tác giả, xuất bản 2004 (3) : Kinh sách TỎ TIÊN CHÁNH GIÁO ĐẠI ĐẠO SNH TỒN không do sự mạc khải từ trên qua một tiên tri nào đó để viết kinh, mà kinh qua do ngồi đồng (thay vì cầu cơ như Cao Đài)



THƠ XUỐNG HỌA

Bài Xướng:

THU QUYẾN RŨ

*Mùa gió thu về lạc mất em
Vàng rơi lả tả rớt bên thềm,
Hè đi tràn ngập lòng lưu luyến
Thu đến băng khuâng dạ nhớ thêm
Có phải thuyền em không đậu bến
Hay là trần thế vắng người quen
Thu đừng quyến rũ em tôi nữa
Quyến ánh trăng tà tiếng nhạc đêm*

ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Bài Họa:

Bài Họa 1:

THU CHỜ

*Se lạnh đìu hiu chạnh nhớ em
Bao mùa thu nhạt nắng qua thềm
Ngàn cây cành biếc dần thưa thớt
Mái tóc sương pha chóng bạc thêm
Thờ thần khách xa lần bến lạ
Mơ màng lối cũ ngập đường quen
Chờ em còn biết bao thu nữa
Trăng giọi xuyên màn đêm lại đêm*

TRƯƠNG TOẠI

Bài Họa 2:

THU NHỚ

*Thu về chạnh nhớ dáng hình em
Lồng bóng trong trăng trải trước thềm
Mấy chục năm qua còn lưu luyến
Bây giờ gặp lại nặng lòng thêm
Tha hương đất khách thuyền neo bến
Cố quốc trường xưa gọi thuở quen
Bút mực tương tư đâu còn nữa
Sương mờ gió lạnh cuộc thâu đêm*

NGUYỄN BÁ THU

Bài Họa 3:

XUÂN ĐẾN

*Sức sống bừng lên trong mắt em
Nhìn tia nắng ấm dải quanh thềm
Cành trơ buốt giá đông tàn lại
Chồi mở nõn nà xuân sắc thêm
Sương khói tan theo màu luyến nhớ
Hoa đào nở rộ dáng thân quen
Và khi cánh én giao mùa ấy
Xanh biếc khung trời khép bóng đêm*

VIỆT THAO

Bài Họa 4:

HOÀI CỔ NHÂN

*Vắng ánh hoa đào ửng má em
Chiều trông sâu nhớ động bên thềm
Nắng mưa sợi bạc dần thưa thớt
Ngày tháng lòng vương bên chặt thềm
Mộng ước chôn sâu thành thấy lạ
Mơ màng tưởng nhớ hóa ra quen
Thôi đừng vương bận thêm chi nữa
Cánh nhạn phương trời lạc bóng đêm*

ĐẶNG VĨNH MAI

Bài Họa 5:

VẮNG EM

*Đời có gì vui khi vắng em
Ánh trăng nhợt nhạt tỏa trên thềm
Sầu đau nhấp mãi sao chưa hết
Buồn chán gặm hoài vẫn cứ thềm
Nhớ những nồng nàn thời luyến ái
Mơ màng đậm ấm thuở thân quen
Mịt mù mỗi mắt trông tin nhạn
Thui thủi một mình biết mấy đêm.*

THỤC ĐIỀM

Bài Họa 6:

THU VỀ NHỚ EM

*Gió chớm thu về bỗng nhớ em
Sương rơi nhẹ nhẹ đọng bên thềm
Long lanh nắng hạ lòng thương mãi
Khắc khoải đêm thâu dạ chạnh thêm
Trăm ngã thuyền đi buồm giữ hướng
Một chèo lái cũ bến sông quen
Nước non ngàn dặm thời gian chảy
Chan chứa tình người bóng nguyệt đêm*

LÊ VĂN BA

Bài Họa 7:

TÌM EM

*Ba mươi năm chốn kiếm tìm em
Từ lúc phong ba đổ xuống thềm
Trăng sáng vườn sau khơi nỗi nhớ
Vàng phai ngõ trước gợi buồn thêm
Bao năm mong đợi tin dù vắng
Một phút tương phùng tưởng bèn quen
Xuân dạ hoài tình đơn cuộc rượu
Quỳnh hoa một đóa tỏa hương đêm*

THÁI TỬU

Bài Họa 8:

THU VẮNG EM

*Đã mấy thu qua rồi đó em
Từ khi hò hẹn ở bên thềm
Người đi biển biệt vui buồn nhĩ
Kẻ ở mỗi mòn héo hắt thêm
Đâu có ai ngờ tình cách trở
Dõi tìm nào thấy dáng thân quen
Gió thu lành lạnh bên thềm vắng
Ngồi đếm sao trời ngắm bóng đêm*

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

Bài Họa 9:

THU LƯU LUYẾN

*Mỗi độ thu về chạnh nhớ em
Sánh vai đan tóc dưới cung thềm
Lá rơi thả mộng hòa tâm đắc
Sương quyện ôm tình hợp ý thêm
Những đã trao nhau vòng thắt thiết
Mà còn ghi đậm nét thân quen
Luyến lưu kỷ niệm mùa thu ấy
Bàng bạc mây chiều tiếng sáo đêm*

HUYỀN VŨ

Bài Họa 10:

ĐỢI EM

*Khắc khoải từng canh đứng đợi em
Bỗng vèo lá rụng rớt bên thềm
Xuân phong mơn trớn người tình lẻ
Hạ nắng tô hồng phượng vĩ thêm
Thu ẩm ẩm lòng người mặc khách
Đông hàn tuyết phủ lối đường quen
Giai nhân có phải nàng đang đến
Từng bước âm thầm ngập bóng đêm*

NHẤT ĐẠ

Bài Họa 11:

VƯỚNG THU

*Xào xạt vàng bay thu đó em
Dường như trăng đã đợi bên thềm
Mây dịu sao lạc thương thương quá
Sách ướp hương nồng nhớ nhớ thêm
Cuộc rượu sẵn bày nào có hẹn
Chung trà rót mãi vẫn chưa quen
Gió thu vương nhẹ tình tha thiết
Từ đáy lòng dâng trọn bóng đêm*

TRỊNH VĂN TOÀN

RỪNG ĐÀO HAY RỪNG MAI

Nhật ký của người con gái Gia Long.

Cali ngày 25 tháng 12, 2005

Trời ơi! Thấm thoát đã 30 năm xa Saigon, 30 năm xa lìa mái trường Gia Long! Hàng trăm ngàn tà áo trắng Gia Long xưa, hôm nay bay về đâu khắp nẻo đường địa cầu, 5 châu bốn biển!?

Bây giờ, nhìn mây trắng lang thang giữa thình không, ta bỗng réo gọi Áo Trắng Gia Long thì ra áo trắng của ta vẫn còn đó. Áo là mây, mây ở trong hồn, mây ngập tim ta.

.Trời Cali sắp vào hè, xanh như mắt nữ sinh, biển cũng bát ngát xanh biếc tình yêu.

Ôi! Những giòng lệ Gia Long ngập lụt trái tim và hồn ta. Qua Thái Bình Dương, hướng về Quê nhà mật mùng, bỗng nhạt nhòa thành biển lệ.

Một biển nước mắt, em xin dâng tặng trọn vẹn cho Quê hương và mái trường cũ yêu dấu.

Trời đất ơi! nỗi nhớ yêu kỷ niệm như cầu xé nát lòng ta. Gia Long ơi! hồi con đường Phan Thanh Giản, hồi hàng cây sao đỏ bóng! Có lẽ ta điên mất thôi, vì nhớ mong hoài niệm ...

Ánh Lệ gác bút, ngưng dòng nhật ký, nàng không dám viết thêm nữa, để ngăn cảm xúc tuôn trào, có hại cho bệnh áp huyết cao. Những hoài nhớ đưa đến ý tưởng phải trở về thăm Quê hương trường cũ, Ánh Lệ quyết định sẽ về Saigon vào buổi tối. Trong bữa cơm đoàn viên cùng chồng và các con, Ánh Lệ nói với Huân.

- Anh nghĩ sao, hè này em đề nghị chúng mình và các con sẽ về thăm Quê hương một chuyến. Đã 30 năm, nửa

đời người rồi, bây giờ còn khỏe không đi, mai kia già yếu có đi cũng khó và hết còn hứng thú.

Mấy đứa con cùng đồng thanh reo hò ủng hộ má. Con Thủy, thằng Cường cho rằng bọn nó đã thông thạo nói viết tiếng Việt, thế mà tới nay chưa hề được biết Quê nhà, thấy tận mắt Saigon.

Trước đòi hỏi sôi nổi của vợ con, Huân ngần ngừ vài giây, đành dùng kế hoãn binh hứa hẹn cho xong. Chàng muốn đợi vào năm tới khi Thủy tốt nghiệp Trung học, cũng như sức khỏe Huân sẽ khá hơn, sau khi vừa được giải phẫu tim. Thay vì về Việt Nam, Huân đề nghị cả gia đình cùng đi Hoa Thịnh Đốn để ngắm hoa Anh Đào vào tháng tư tới. Thủy và Cường hoan hô sáng kiến của Bố Ánh Lệ mỉm cười, nói nước đôi, nửa khen nửa chê.

- Lại Anh Đào nữa, anh thì chỉ có Trường Võ Bị, hoa Anh Đào với Đà Lạt mà thôi, rồi lại nhớ mầu áo xanh cô nữ sinh Bùi Thị Xuân nữa chứ.

Huân chống chũa nịnh đầm vợ.

Anh chỉ biết có trường Gia Long mà thôi, và chỉ yêu nụ mai vàng rực rỡ.

Ánh Lệ tưởng như hồng đôi má từ một thuở con gái mười sáu khi xưa, trước lời ve vuốt của người tình đầu. Sinh Viên Sĩ Quan Đà Lạt, Vũ Quốc Huân. Giọng dĩ vãng tình sử như chợt dâng lời ca, réo rắt thổn thức trong lòng Ánh Lệ. Nàng nhìn lại từ khuôn mặt phong trần tuổi tác hôm nay của Huân, bỗng biến dạng trở thành chàng trai trẻ tuấn tú, qua bộ quân phục uy nghi, chiếc mũ lưỡi trai Sĩ Quan rồi huy hiệu Thanh Gươm và Con Rồng. Ánh Lệ còn nhớ khi ấy nàng đã nói cùng Huân: “Anh đẹp trai và oai phong như một Quân Vương, qua bộ lễ phục này, em thấy anh giống như Thái tử Charles bên Anh quốc”. Vừa khi ấy Huân đã có phản ứng mau lẹ, rất tình tứ và hào hoa

phong nhã, khi quỳ gối bên sát Lệ, hôn bàn tay nàng, rồi đáp: “Hỡi nàng Công Chúa thành Vienne! Kể si mê này cùng với ngàn cánh hoa, xin ngã nón chào mừng một nhan sắc của những nhan sắc.”

Ngày ấy, Ánh Lệ đã sung sướng cười rộn rã đập yêu nhẹ vào vai chàng rồi nói: “Anh này điển xuất giống cái lương quá, mà sao dễ ghét ghê!” Khi đó, Huân đã thao thao bất tuyệt: “Em biết không? ai bảo chỉ có gái Đà Lạt mới có má hồng, bằng chứng Ánh Lệ của nh lúc này, cũng má hồng, thì ra khi hạnh phúc và đang yêu, người con gái sẽ chợt biến thành Rừng hồng hay Rừng đào trên gương mặt.”

Đúng như lời nhạc chủ đề của nhà văn Nguyễn Đình Toàn: “Tình yêu bao giờ cũng bắt đầu từ 2 thành phố, nơi người ta yêu nhau.” Tình yêu giữa Ánh Lệ và Huân cũng đã bắt đầu từ hai thành phố: Saigon và Đà Lạt, nơi hai người yêu và nhớ nhau. Tình yêu đó chuyên chở bằng những lá thư màu xanh ái ân của nhạc sỹ Đoàn Chuẩn.

Bây giờ, những cánh thư Huân vẫn bay trong trí tưởng Ánh Lệ . . . Em yêu dấu, anh đang đi bên hồ Than Thở, nhìn cô nữ sinh Đà Lạt trong tà áo màu xanh lam, lại chợt nhớ đến áo xanh Trưng Vương Hà Nội và Đà Lạt bỗng dung giống Hà Nội hơn bao giờ, một Hà Nội ẩn hiện trong ký ức thời niên thiếu. Nhưng dù bất cứ khuôn mặt nữ sinh nào, anh cũng chỉ thấy hiện lên dung nhan của em. Với giọng nói trầm, gọi cảm của cô gái miền Nam.

Đã một lần, nhìn đôi tình nhân trẻ cưỡi ngựa, sánh đôi bên nhau âu yếm, anh bỗng nhớ em vô cùng. Sao em không cùng anh lúc này dung dăng dung dẻ, quấn quýt nhau như chim liền cành, như đôi tình nhân kia!? Anh sẽ gửi về cho em những mùa màng thời tiết Đà Lạt, là hoa quả thơm hương của trái dâu Đà Lạt ửng hồng ngậy ngát,

như mầu hồng tình yêu, cũng như trái mận Đà Lạt cho người ta yêu nhau, mãi mãi mận mà.

Anh nhớ em, cao như hàng thông vút tận đỉnh mây trời Đà Lạt, gió hòa ca cùng thông reo, thành những tình khe tuyệt vời.

Ánh Lệ tới bên gương, soi bóng dung nhan mình trong hiện tại, vài sợi tóc bạc thoáng hiện bên làn tóc, mỗi sợi tóc là một tiếng thở dài của thời gian. Trong khi đó, tóc Huân cũng ngả mầu muối tiêu. Ánh Lệ tự ru mình ngậm ngùi, đôi khi những đên dài di tích cũng có những nét đẹp cổ kính vàng son.

Chuyến thăm viếng Hoa Thịnh Đốn vào tháng Tư đúng mùa Hoa Anh Đào nở rộ, quả thật tuyệt diệu đối với Ánh Lệ, cũng như Huân. Cả đất trời hoa ngập sắc, như nở ra cánh cửa xuôi về dĩ vãng. Washinton hôm nay để nhớ lại Đà Lạt xưa, khi Ánh Lệ lên Đà Lạt thăm Huân, cũng đúng vào mùa hoa Anh Đào nở. Ánh Lệ muốn nhắm mắt lại, như thả hồn bay về quá khứ. Thuở ấy con bé Ánh Lệ mới chỉ có 18 tuổi thanh xuân. không gian sao mượt mà, nhưng lạ và mật ngọt quá đỗi! Đây hạnh phúc, tuổi trẻ và tình yêu của ta, hình như mỗi hơi thở là một khúc hát, mỗi nhịp tim sẽ đập như một điệu múa. Ôi! tình nhân của ta sáng láng và đẹp đẽ như Thiên sứ. Tình yêu bát ngát, lộng lẫy hoang đường, là một ân sủng điu thế nhân vào cõi thần linh.

Một bàn tay ấm áp bỗng nắm chặt tay Ánh Lệ, tiếng nói Huân trầm xuống reo vui.

- Bu nó đang nghĩ về ngày tháng cũ và kỷ niệm một thời Đà Lạt phải không?

- Đúng vậy, thuở ông xã của em.

- Anh cũng đang mơ mộng như em đây. Một Rừng Đào để nhớ về một Rừng Mai xưa. Như thuở trước, anh đã

từng ca ngợi nụ mai vàng em mang trên cổ áo trắng học trò. Nhớ một buổi, anh đứng đợi em tan trường về. Có biết bao nữ sinh ra khỏi cổng trường Gia Long. Mỗi nhân dáng là một nụ cười, một đóa hoa mai nở. Rồi cả một ngàn hoa tươi cười, khiến cả trời đất Saigon cùng say.

- Nghe anh mô tả, em cũng say theo giờ phút này. Làm sao nói cho hết được cái thuở hoa niên lộng ngọc rục rờ đó.

- Anh lại yêu hoa mai hơn nữa, trong những ngày đầu tiên được đeo huy hiệu Sĩ Quan là bông mai đồng trên cổ áo, sau ngày ra trường Võ Bị. Thế là cả em và anh đều mang Hoa Mai, mai thêu mềm mại trên áo và mai đồng uy nghi. Em còn nhớ ngày anh đón em về, trong bộ Quân phục mới toanh cùng tà áo nữ sinh em tung bay quấn quýt bên anh?

- Còn nhớ, vẫn nhớ hoài anh ạ, chỉ như mới ngày hôm qua mà thôi.

Huân tiếp tục say sưa kể lại dĩ vãng một thời Quân ngũ. Em có biết không, trong ngày tốt nghiệp thủ khoa trường Võ Bị, anh được vinh dự bắn tên đi 4 hướng, tượng trưng cho chí làm trai tung hoành ngang dọc: Nam Bắc Đông Tây. Anh bỗng tưởng tượng thêm mũi tên thứ 5, mũi tên này anh dành cho em, cho tình chúng ta, tên sẽ trúng đích để thăng hoa tình ái.

Trong cuộc hành quân tại tỉnh Phú Bổn, tên xứ Thượng gọi là CheoReo, anh đã lạc vào Rừng Mai vàng bát ngát. Chao ôi! mai rừng sao mà đẹp đến thế, bông nào cũng mồm mím, vì nở xen kẽ thành hai lớp, giống như hai cánh hoa chụm lại với nhau. Thế rồi các chiến hữu cùng anh hóa ra thi sĩ hết ráo, ai cũng làm thơ ở trong hồn. Mấy chàng lính trẻ còn ngắt hoa mai, cắm lên nón sắt hay ba lô

nữa. Có lẽ mấy chàng trai thời loạn này, hiện đang có người yêu là nữ sinh Gia Long chăng?

- Nghe anh nói hoài về Hoa Mai và Trường Gia Long, em lại muốn điên lên vì nhớ trường, nhớ Saigon. Hay là anh ráng để cả gia đình cùng về Việt Nam trong năm nay nhé. Phải đúng thời điểm này, mới có ý nghĩa 30 năm xa xứ.

- Đề nghị em thêm một chút xíu thời gian nữa, chẳng hạn như 33 năm xa thành phố, xa trường có được không? Con số 33 nghe cũng hay lắm chứ, tình hình rất có thể thay đổi. Chẳng hạn như họ sẽ phải giặc ngộ, để trả lại tên thành phố Saigon cho đồng bào miền Nam, rồi trả lại tên trường Gia Long cho các cô nữ sinh. Bây giờ nếu em về thăm trường cũ, rồi đọc tên trường là Nguyễn Thị Minh Khai, khi ấy cảm giác em sẽ ra sao? Em sẽ thấy đổ vỡ và thất vọng, thế này thà đừng về còn hơn.

Một thoáng hoang mang, nỗi nhớ chợt đến chợt tan loãng, bao hứng khởi bỗng như cung đàn trùng giây lạc điệu. Ánh Lệ thấy những lập luận của chồng, không phải là không có lý. Ta có thể tìm lại tâm hồn mình ngày xưa bên cổng trường mang tên là Minh Khai không? Rồi Saigon lại mang tên là thành phố của một ông già xấu xí?!

Nhìn ánh mắt vợ có chiều xiêu xiêu, Huân tiếp lời như dỗ dành cô bé Gia Long thuở xưa giọng chàng như ru trong dáng chiều.

- Em yên tâm, chỉ vài năm nữa thôi, không xa nữa đâu, Việt Nam nhất định phải thay đổi. khi ấy chúng mình mang vé máy bay về Việt Nam để lên thành phố Saigon, sẽ chẳng có Visa nhập cảnh, chẳng còn chờ đồ sao vàng nữa. Vậy có phải thú vị không? Anh sẽ đạo diễn cho con chúng mình thẳng Cường mặc Quân phục Sĩ Quân đeo

mai đồng trên cổ áo, con Thủy áo dài trắng Gia Long với mai vàng thêu cổ áo. Phải rồi, khi ấy tình yêu chúng mình sẽ hồi sinh mãnh liệt, tưởng như thời gian nào có qua mau, vẫn như xưa, đúng vậy.

Ánh Lệ bỗng mỉm cười hạnh phúc. Huân bắt gặp nụ cười Gia Long, Saigon, một nụ mai vàng đẹp hơn vạn sắc hoa ở trần gian.

Cali Little Saigon
TÂM TRIỀU

VĂN KINH THÀNH THẮT THỦ HỮU CẢM

*Vũ hịch dĩ truyền triệu cứu binh
Tứ phương động địa cỏ bề thanh
Cần vương chư đội lai kinh khuyết
Việt tướng thùy ngâm bảo quốc hành ?*

NGUYỄN ĐIỀU*

CẢM XÚC KHI NGHE TIN KINH THÀNH THẮT THỦ

*Hịch vội truyền đi, cứu viện lên
Bốn phương trống trận đất vang rền
Cần Vương các đội về Kinh gấp
Tướng Việt, ai ngâm nợ nước đền.*

VIỆT THAO dịch

* Nguyễn Diêu, bút hiệu Quỳnh Phủ, đậu Tú tài khoa Tân Dậu (1861), là nhà giáo nổi tiếng của Bình Định, có công đào tạo Đào Tấn thành Danh nhân Văn hóa.

BỐN MÙA TRONG EM

Ai tô má ửng hoa đào,
Ai đem lớp lánh gửi vào mắt em.
Bay bay sợi tóc mượt mềm,
Chợt nhìn như thấy trong em XUÂN về.
Em vui cho rộn tiếng ve,
Bàn tay chấp búp sen e ấp cười.
Phượng hồng thắm đỏ mầu tươi,
Nồng nàn HÈ cũng đến rồi trong em.
Cúc vàng áo lụa tơ êm,
Hơi may thoáng nhẹ quanh em THU về.
Lá buồn trải lối em đi,
Âng khuâng chợt gọi chút gì nhớ nhung.
Hàng cây trơ trụi cánh phong.
Trong em từng bước mùa ĐÔNG ngập ngừng
Trốn đâu nỗi lạnh muôn trùng,
Có chẳng chút ấm trong vùng hư vô.
Cuộc đời mộng dệt đơn sơ,
Vô tư nào biết bốn mùa dư âm.
Chạnh thương nếp cũ phong trần,
Phải chẳng một chút ân cần quanh đây.
Thu, Đông, Xuân, Hạ đông đầy,
Chín chiều đau đáu nơi này trong em.

ĐỖ THỊ THU BA

Boston, mùa tháng 10-2005

ĐỌC NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM

• Nguyễn Công Lượng

Vào tháng Năm, 2005 một cựu chiến binh Hoa Kỳ trong cuộc chiến Việt Nam, Frederick Whitehurst, đã làm một nghĩa cử rất ngoan mục là thông báo cho bà Doãn Ngọc Trâm (DNT) ở Hà Nội (mẹ của một cán binh Cộng Sản đã tử trận trong cuộc chiến tranh Việt Nam) biết là anh ta hiện lưu giữ một quyển Nhật Ký của con bà mà quân đội Hoa Kỳ và quân lực Việt-Nam Cộng Hòa đã thu được trong một cuộc chạm súng tại Quảng Ngãi hồi năm 1970, có gửi kèm theo bản sao, đồng thời mời bà DNT và gia đình sang thăm Hoa Kỳ và đến tại Thư Viện Lubbock, Texas để xem cho rõ bản gốc của quyển nhật ký hiện được lưu giữ tại đây.

Sự việc được bà DNT trình lên cho Đảng. Chính quyền Hà Nội mừng như được Mỹ bỏ cấm vận, liền chỉ thị cho Hội Nhà Văn Việt Nam biên soạn và chỉnh lý cho phù hợp với đường lối và chủ trương của Đảng (ghi rõ ở lời mở đầu, trang 6) thành quyển “ Nhật Ký Đặng Thùy Trâm” (NKĐTT), rồi cho xuất bản ngay 20.000 bản vào ngày 5.7.2005 nhằm mục đích tuyên truyền. Bởi vì chỉ nhìn qua cách dàn dựng bố cục của cuốn NKĐTT mà Hội Nhà Văn cho ra đời người đọc sẽ thấy rất rõ chủ ý này. Thật vậy, NKĐTT do Hội Nhà Văn xuất bản được chia làm 2 phần. Phần 1 có tiêu đề “Những ngày rực lửa” in lại nhật ký quyển 1 viết năm 1968 (từ trang 31 đến 201) và quyển 2 viết năm 1970 (từ trang 203 đến 256) của ĐTT, và Phần 2 gồm các bài viết tô lục chuốt hồng của các cây bút của

Hội Nhà Văn nhằm ca ngợi tác giả của nó như một mẫu người yêu nước lý tưởng được tôi luyện ra từ lò rèn Đảng Cộng Sản.

Tháng Chín, 2005 đài BBC Luân Đôn làm một màn đánh bóng rằng thì là: Quyển sách có số lượng bán cao nhất hiện nay tại Việt Nam là “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm”. . . Và trong nửa giờ phát thanh khác của đài BBC Luân Đôn, nghe được ở Hoa Kỳ ngày 14.10.2005, phỏng vấn Đặng Kim Trâm (ĐKT), em gái tác giả ĐTT và là người đánh máy layout tác phẩm, lúc này đang cùng bà Doãn Ngọc Trâm có mặt tại Texas – Hoa Kỳ; ĐKT cho biết trong lúc đánh máy cô đã làm sót mất nhật ký của 2 ngày 1 tháng Tư và 5 tháng Tư. Ngoài ra , đọc NKĐTT nơi quyển 2 viết ngày 15.01.1970 (trang 216) ghi : “. . . Bao nhiêu kỷ niệm lần lượt hiện ra trong óc mình. . . Giặc đã cướp của mình hai quyển nhật ký. Tuy đã mất những trang sổ vô giá đó, nhưng còn một quyển sổ quý hơn cả đó là bộ óc của mình, nó sẽ ghi lại toàn bộ những điều nó đã tiếp thu được trong cuộc sống”. Người đọc sẽ tự hỏi có bao nhiêu quyển nhật ký mà ĐTT đã viết, hai quyển đã mất và một quyển đang viết những dòng chữ này, vậy thì phải có ba quyển chứ ? Điều này cho thấy Hội Nhà Văn Việt Nam đã chính lý không hợp lý, chỉ chú trọng đến phần tuyên truyền nhiều hơn mà xem nhẹ các công việc khác nhất là phần kiểm soát trước khi in ấn. Mặc dù vậy, chúng ta cứ cho rằng quyển NKĐTT là trung thực một trăm phần trăm trước khi đọc lại và phân tích vấn đề mà không bị thiên kiến làm lệch lạc.

Để nhìn rõ vấn đề, trước hết xin được tóm lược câu chuyện : Có một cô gái tên là Đặng Thùy Trâm (ĐTT) sinh năm 1942 tại Hà Nội (có nghĩa là khi ông Hồ đọc Tuyên Ngôn Độc Lập ở Ba Đình 1945 thì cô chỉ mới 3 tuổi), trong một gia đình được

Đảng xếp vào giai cấp Tiểu Tư Sản. Năm 1966 cô tốt nghiệp Bác Sĩ chuyên khoa mắt – Thị giác. Cô đã có người yêu tên là M. đã gia nhập bộ đội và được gởi đi B (tức xâm nhập vào Miền Nam) trước đó mấy năm. Do đó, có hai động cơ để sau khi tốt nghiệp cô cũng xung phong đi B: Một là theo tiếng gọi của ái tình, của con tim nên phải ra đi tìm M. để được sống gần M., Hai là vì tiếng gọi của Đảng “phải đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào, phải giải phóng đồng bào Miền Nam khỏi cảnh đói khổ, lầm than, khỏi cảnh người bóc lột người (!). . .”. Năm 1968 cô xâm nhập vào Miền Nam và nhận nhiệm vụ tại một trạm Y-Tế thuộc quận Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây cô được gặp lại M., nhưng M. đã phản bội cô vì đã có người yêu khác. Công việc hằng ngày của cô thì được ghi lại qua những giòng nhật ký. Cô bắt đầu viết ngày 8.4.68 cho đến ngày 20.6.70. Hai ngày sau 22.6.70 cô bị tử thương trong một cuộc chạm súng với quân đội Hoa Kỳ. Cái chết của cô được các “đồng chí” của cô diễn tả lại mỗi người một khác, những đồng đội thân thiết kề cận mà cô có đề cập trong nhật ký thì không thấy ai phát biểu gì về cái chết này, chỉ có ông Tâm, Bí thư Huyện ủy Đức Phổ nghe và kể lại trước khi tắt thở cô còn hô vang khẩu hiệu “Hồ Chí Minh muôn năm, Đả đảo Đế quốc Mỹ” (trang 258). Sau năm 1975 mẹ cô đi bốc mộ trên vùng núi huyện Ba Tư, Quảng Ngãi thì thấy giữa xương trán của cô bị một vết đạn sâu hoắm (trang 258). Hiện xác cô được chôn cất tại nghĩa trang huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Như vậy tính ra ĐTT có 804 ngày sống tại Đức Phổ, Quảng Ngãi để phục vụ cho Đảng và chỉ viết có 202 lần nhật ký qua 223 trang sách in (do Hội Nhà Văn Việt Nam in ấn).

Đọc phần nhật ký do ĐTT viết, người đọc không thể phủ nhận những nhật xét của những người cùng đứng chung chiến tuyến với ĐTT như nhà văn Bảo Ninh, nhà thơ Bùi Minh Quốc và có lẽ của nhiều người khác nữa dù đứng chung hay không đứng chung chiến tuyến đã phát biểu rằng: *Họ rất xúc động khi đọc những giòng nhật ký này. Họ thấy lại hình ảnh của một thời tuổi trẻ của mình đã xả thân cho “đất nước”, một sự xả thân đẹp đẽ và đơn giản . . .* Vì người chiến sĩ ở phía bên nào cũng căm thù địch quân, nên lòng căm thù của ĐTT đối với quân đội Mỹ và “ngụy quân” cũng là điều dễ hiểu, thì đọc NKĐTT cũng có thể thấy được lòng căm thù tiêu biểu. Và người chiến sĩ ở phía bên nào cũng thương yêu đồng đội của mình như anh em ruột thịt, bàn hoàn xúc động khi một đồng đội của mình ngã xuống hay bị bắt bởi địch quân, thì đọc NKĐTT cũng thấy được những tình cảm tiêu biểu ấy. Muốn biết công việc nhọc nhằn của những chiến sĩ ngoài trận tuyến thì đọc NKĐTT chúng ta cũng bắt gặp được những hình ảnh này. Và người chiến sĩ “túy ngọa sa trường” ở phía bên nào cũng phải có lúc “buồn” và “nhớ”, thì đọc NKĐTT chúng ta cũng thấy được những nỗi “buồn” và “nhớ” tiêu biểu ấy. Nghĩ về những mất mát trong chiến tranh, ước mơ về một ngày chiến thắng, nhìn thấy đất nước mình thanh bình thì người chiến sĩ ở phía bên nào có lẽ cũng vậy, đọc NKĐTT chúng ta cũng thấy được nỗi niềm đó. Nhưng nếu Nhật Ký được định nghĩa là những điều ghi chép thường ngày, sự thật việc thật, một thể văn ghi theo thứ tự thời gian những sự kiện xảy ra và những cảm nghĩ hằng ngày của người ghi, thì đọc NKĐTT chúng ta chỉ thấy nêu bậc lên những nét đặc thù, giới hạn hay đóng khung Nhật Ký trong một chủ đề, mà cố tình bỏ sót những sự kiện rất hiện thực có tính cách thời đại thường tình của nó, nên làm người đọc có cảm tưởng như đây

là một bản phúc trình để dâng lên cấp ủy Đảng hơn là một Nhật Ký bình thường.

Nét đặc thù không riêng gì ở NKĐTT mà nói chung ở nhiều Nhật Ký khác như “Mãi mãi tuổi 20 của Nguyễn văn Thạc” chẳng hạn, những tác giả này chỉ cố làm nổi bật tính phấn đấu của mình, cố xoá bỏ đi cái bản chất “tiểu tư sản” trong con người của mình. Dù không nói ra nhưng đã gián tiếp cho người đọc thấy rõ “chúng tôi chỉ có một con đường đi đến tương lai”. Giới trẻ Miền Bắc không có con đường lựa chọn nào khác ngoài con đường phải phấn đấu để được kết nạp vào Đảng. Có nghĩa là chỉ có Đảng viên mới có tương lai tốt đẹp. Muốn có địa vị, muốn có quyền lợi bạn phải là một Đảng viên. Muốn được là một Đảng viên bạn phải phấn đấu. Nhưng sự phấn đấu để được lựa chọn kết nạp vào Đảng lại không theo một tiêu chuẩn bình đẳng mà tùy thuộc vào giai cấp, vì xã hội đã được Đảng phân chia làm nhiều giai cấp và chỉ có giai cấp công nhân mới là giai cấp tiên tiến, mới là giai cấp lãnh đạo, giai cấp quản lý hay nói rõ hơn là “giai cấp cai trị”. Những người ở giai cấp “Tiểu Tư Sản” như ĐTT và những giai cấp khác được gọi chung là “giai cấp bị trị” thì cần phải phấn đấu không ngừng, phấn đấu không mệt mỏi. Phấn đấu không những với chính bản thân để làm mờ đi cái giai cấp “Tiểu Tư Sản”, làm mất đi cái bản chất “Tiểu Tư Sản” trong con người của mình, mà lại còn phải phấn đấu với những người được gọi là “đồng chí” đồng đội ở ngay bên cạnh mình. Đây cũng là niềm khắc khoải duy nhất, là nỗi bức xúc tột cùng của ĐTT, của những người trẻ mới bước vào đời ở Miền Bắc. Xin hãy nghe ĐTT tâm sự qua những dòng Nhật ký:

“Chiều mưa, những giọt mưa rả rích rơi từ trên mái lá, từ những lá cây tạo thành một âm thanh buồn đến lạ lùng. Lâu rồi mình quên đi cái cảm giác của một cô học sinh Chu Văn An ngồi ngậm chiếc đuôi bút quên nghe thầy giảng bài, lơ đãng nhìn ra mặt hồ Tây mờ mịt trong mưa phùn mà nghĩ vớ vẩn. Cái cảm giác xa xưa vừa tiêu tư sản, vừa trẻ con mới lớn ấy sao hôm nay lại sống dậy trong mình – một cán bộ đang lặn lội trong cuộc kháng chiến sinh tử này. Một năm qua đã cho mình hiểu thêm về hai chữ thực tế. Không, cuộc đời thực tế gồm hai mặt. Cuộc đời vẫn bao la niềm ưu ái, người ta vẫn dễ dàng tìm thấy niềm thương yêu, miễn là chân thành và có lòng vị tha. Nhưng. . . dù anh có chân thực bao nhiêu đi chăng nữa rồi vẫn có lúc anh đau xót thấy rằng vẫn có những kẻ dùng mách lới khôn khéo, lừa đảo anh để giành cướp với anh từng chút uy tín, từng chút quyền lợi, có khi chỉ là những chuyện vô cùng nhỏ nhặt như miếng ăn, đồ vật. Anh muốn sống vô tư hoàn toàn chỉ biết có lẽ phải, có tình thân ái thôi ư? Không được, sẽ có kẻ cho anh là gốc là để cho kẻ khác đề đầu cỡi cổ dễ dàng. Vậy thì phải đấu tranh, mà đấu tranh phải có lý cọng với kinh nghiệm sống.” (trang 53)

“Hầu như tất cả mọi người đều nói:”Trâm rất xứng đáng là một người Cộng sản” vậy mà vẫn không được đứng trong hàng ngũ ấy. Nào phải mình không thiết tha nhưng càng thiết tha chỉ càng thấy khổ đau mà thôi.

Mấy hôm nay rất buồn, ngày ngày những lá thư, những lời nói, những hành động tỏ lòng thương mến thiết tha vẫn đến với mình. Nhưng chính những tình thương ấy lại là những mối châm lửa vào một đồng củi đã khô từ lâu. Tại sao mọi người thương mến cảm phục mà Đảng lại khắc khe hẹp hòi đối với mình.” (trang 44, 45).

“Anh em bạn bè ở đâu cũng nhớ cũng thương mình vậy mà sao mình vẫn thấy cô đơn. Mình chưa được đứng trong một tập

thể tiên phong nhất. Trái tim mình thiếu ngọn lửa của Đảng và của tình yêu sưởi ấm. Mình đã đến với Đảng bằng cả con tim chân thành tha thiết, nhưng hình như sự đáp lại không hề như vậy.” (trang 59).

“Viết đơn vào Đảng, niềm vui thì ít mà bức dọc thì nhiều. tại sao con đường đi của một đứa tiểu tư sản bao giờ cũng nhiều chông gai đến vậy? Đành rằng vì tính chất giai cấp, nhưng mình vẫn thấy rất rõ một điều ngoài cái lẽ dĩ nhiên ấy. Có một cái gì đó bất bẻ, gọi là bất bí của một vài cá nhân có trách nhiệm. Chẳng biết nói sao, đời nó lá như vậy đó. Dù thành tích anh có cố gắng bao nhiêu cũng không bằng một anh khác ở thành phần cơ bản chỉ vừa mới giác ngộ bước đầu. Hường hồi còn sống thường động viên mình rằng đó là chỗ hơn của một người tiểu tư sản!!! Hơn gì ? Hơn khó khăn hơn cực nhọc hơn Hường ? Mình như một đứa con không gia đình lâu ngày tìm về mẹ nhưng người mẹ ghẻ còn bận nâng niu những đứa con riêng nên thờ ơ lạnh nhạt với đứa con chồng. Muôn người đã tạo nên một người mẹ hiền vĩ đại là Đảng, nhưng trong muôn người mẹ ấy có một người mẹ (và chắc không phải một người dâu) y hệt một bà mẹ ghẻ trong câu chuyện cổ tích.” (trang 75).

“Đêm nay ba chị em ngồi tâm sự, lòng mình xao xuyến xót thương. Đọc những dòng nhật ký của em chị hiểu rằng em thương chị hơn thương ai hết vậy mà sao lại có những điều giấu chị ? Giận em quá đi, chị muốn làm một người chị rộng lượng, để dãi trước thiếu sót của em mà không làm được, chị phải nói vậy, đó cũng là một trong những thử thách với em, nếu em đặt tình chị em lên trên hết thì thôi mà nếu không thìtùy. Bao giờ chị cũng vẫn giữ được một chút cái tự ái của một

người con gái tiểu tư sản, cho nên không thể nào làm khác được đâu.” (trang 226)

Nhưng kết quả của sự phấn đấu là phải tạo thành tích trong công tác phục vụ và tạo thành quả trong chiến đấu. Tất cả sẽ được báo cáo lên các cấp ủy Đảng. Nhưng thành tích không nhất thiết phải trung thực, hợp lý mà chỉ cần ăn cánh với nhau và nhằm động viên được tinh thần hy sinh của người khác. Chúng ta hãy nghe ĐTT ghi lại một cuộc báo cáo điển hình tại một Đại Hội huyện đoàn Thanh niên mà chắc chắn cô cũng biết rằng đó chỉ là một trò lừa bịp đáng buồn cười :

“- Em Hoàng 14 tuổi trong sáu tháng đầu năm giết được 6 lính Mỹ, đánh lật 2 xe tăng bằng vũ khí tự tạo, lấy được 7 súng giặc trong đó có 2 cối cá nhân và các loại khác.

- Em An, Phố Châu lấy 5 súng, có 2 cối cá nhân, một đài RC.

Các em đã anh hùng từ trứng nước. Tự hào thay tuổi trẻ của chúng ta!” (trang 83).

Do vậy mà ĐTT phải chua chát ghi lại cảm giác của cô khi được kết nạp vào Đảng :

“ 27.9.68

Kết nạp Đảng.

Cảm giác rõ nét nhất của ngày hôm nay là : phải phấn đấu để sống xứng đáng với cái tên ‘một người cộng sản’.

Còn niềm vui, sao nhỏ quá so với ý nghĩa của ngày vui. Vì sao vậy hỡi Thùy? Phải chăng như hôm nào Thùy đã nói : như một đứa con khát sữa mẹ khóc đã mệt rồi, miếng sữa nuốt vào

không còn nguyên hương vị thơm ngon và cái thú vị của nó nữa.” (trang 84).

Đọc xong NKĐTT người ta tự hỏi :

- Một Bác Sĩ chuyên khoa Mắt – Thị Giác như ĐTT trong suốt hơn 2 năm phục vụ trong ngành y khoa dù ở tại một trạm xá nhỏ lại không thấy ghi lại một trường hợp chữa trị nào về mắt mà chỉ thấy ghi lại những trường hợp cô giải phẫu (mổ xẻ) cho những bệnh nhân bị ung thư và trúng đạn, cô làm nhiệm vụ của một bác sĩ giải phẫu, thì thật lạ lùng. Kể ra cô cũng liều thật hay có thể nói cô xem sinh mạng con người chẳng ra gì dù có cho rằng cô làm vì lòng từ tâm vĩ đại hay theo lệnh của Đảng!

- Chắc hẳn mọi người đều biết sau năm 1975 tình trạng thuốc men để chữa bệnh của Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa như thế nào rồi. Thế nên khi cô đảm trách một Trạm Xá ở Quảng Ngãi thuốc men chắc chắn là được cung cấp, tiếp tế từ dưới đồng bằng lên, thuốc từ các nước của khối tư bản. Vậy mà chúng ta không hề thấy cô ghi lại một nhận xét nào trong việc dùng thuốc, một so sánh nào về hiệu nghiệm của thuốc men ở hai khối tư bản và cộng sản, thì tại làm sao?.

- Những năm 1967-1970 quân đội Hoa Kỳ đã rải thuốc khai quang ở Miền Nam để để phát hiện sự di chuyển và nơi đóng quân của bộ đội Miền Bắc. Hồi đó Hà Nội đã la làng phản đối và đến nay việc chất độc màu da cam của thuốc khai quang còn được Hà Nội khai thác để hầu kiếm chút tiền của Mỹ. Chắc chắn thuốc khai quang phải gây ảnh hưởng tai hại đến mắt nhất là mắt của những giải phóng quân hứng chịu trực tiếp, thế mà người đọc cũng chẳng thấy Bác sĩ ĐTT ghi lại những trường hợp thiệt hại đó và cảm nghĩ của cô như thế nào.

(Nếu có ghi lại thì nay đã trở nên một tài liệu quý giá cho Đảng trong việc minh chứng tại các tòa án ở Hoa Kỳ.)

- Nếu ĐTT là một du kích với trình độ “bình dân giáo dục” thì chẳng nói làm gì đằng này cô là một Bác Sĩ, một trí thức của Miền Bắc Xã Hội Chủ Nghĩa mà đọc suốt Nhật Ký chúng ta không thấy cô ghi chép gì về nhận định, đánh giá, hay cảm xúc. . . của cô trước những tin tức thời sự có liên quan đến cuộc chiến của thời bấy giờ, hoặc những bài hát đượm tình quê hương và tình yêu đôi lứa; những bài hát, những tin tức quốc nội và quốc tế ấy ở cả hai phía được phát ra hàng ngày từ các đài phát thanh Hà Nội, Mặt Trận Giải Phóng, cũng như Sài Gòn thì có cần nêu lên một dấu hỏi hay không?

- Nếu ĐTT đã vào Miền Nam nhưng chỉ giam mình dưới những hầm trú ẩn, hoặc những căn lán nhỏ ở rừng sâu của Đức Phổ mà chưa thấy được những cánh đồng xanh bát ngát, những giòng sông uốn khúc mơ màng, những vườn dừa rợp bóng, những vườn cây lành có trái ngọt trĩu quả, những nơi có những con đường thơ mộng với hàng phượng đỏ me xanh ngày hai buổi có những tà áo trắng hồn nhiên đến trường học tập. . . của Miền Nam mà cô cũng đã “thiết tha gắn bó vô cùng” rồi, thì tôi nghĩ rằng cô cũng đã sử dụng những tiện nghi vật chất hiện đại, nếm được mùi vị của những “miếng ngon” ở Miền Nam mà Miền Bắc thời đó chưa có (qua những đường giây tiếp tế). . . thì tại sao cô không viết lên được một cảm nghĩ, một đánh giá gì về sự việc này trong Nhật Ký của cô!?

Khi nêu lên những vấn đề này thì hẳn có người cho rằng cô thiếu trung thực trong lối viết nhật ký. Nhưng khi đọc được nghe được những lời tô lục chuốt hồng gượng gạo lên con người “Cộng Sản Lý Tưởng Đặng Thùy Trâm” của các cấp lãnh đạo Đảng như Phan Văn Khải, Lê Khả Phiêu và giới báo

chí trong nước rằng thì là: “ Đưa đất nước tiến kịp thời đại. . . Khát vọng đổi mới và phát triển đất nước. . . Biết ơn ngưỡng mộ những người đi trước, bằng hành động và trái tim của tuổi trẻ. . . Làm cho dân tộc ta bước lên lầu đài hạnh phúc. . . Đó là giá trị đích thực của lẽ sống tuổi trẻ Việt Nam trong thời kỳ mới. . . ” tuy những tiếng nói ấy kêu rất to dội rất vang nhưng rồi lại bị tắc tị trước những tiếng nói bộc trực thẳng thẳng đấu tranh cho tự do dân chủ của Linh mục Nguyễn Văn Lý , Hòa Thượng Huyền Quang, Hòa Thượng Quảng Độ, cụ Lê Quang Liêm. . . và trước những tiếng kêu than không sợ chết của những thường dân đang bị Đảng đàn áp và bị Đảng cướp bóc tài sản , như Phạm thị Thu, Ni sư Đàm Thoa. . . hoặc bị lừa gạt tình cảm như Nông Thị Xuân (bồ của Hồ Chí Minh), Phạm thị Dấn (bồ của Trần Đức Lương). . . Thì chúng ta lại nghe như vang vọng bên tai câu trả lời rất chơn chất của những người trẻ sống trong xã hội chủ nghĩa, mỗi ngày nào còn chiến đấu vì lý tưởng:”Chúng tôi viết nhật ký không phải để lại cho đời sau, chúng tôi không cần ai thương hại hay vinh danh. Những gì chúng tôi viết và không viết cũng đủ trả lời cho mọi câu hỏi rồi. Thời đại chúng tôi chỉ có một con đường đi đến tương lai. Chúng tôi viết và không viết những gì chỉ vì nó có lợi hay không có lợi cho chúng tôi trong cuộc hành trình đi lên trên con đường tương lai ấy mà thôi . . .”.

Ôi ! Những người đã chiến đấu cho lý tưởng cộng sản, đã chết cho lý tưởng cộng sản, các anh các chị muốn giải phóng Miền Nam thoát khỏi gông cùm của “Mỹ Ngụy” để cho đồng bào Miền Nam được cơm no áo ấm, có nhà để ở, có ruộng để cày. . . Tháng Tư năm 1975 ước vọng của các bạn đã đạt được rồi đó, nhưng ước mơ của các bạn đã không thành hiện thực, các bạn đã bị phản bội vì Đảng mà các bạn tin tưởng đã hiện

nguyên hình là một lũ đầu trộm đuôi cướp. Chính cái Đảng này đã bày những trò “Đánh Tư sản” để cướp tài sản của nhân dân Miền Nam. Chính cái Đảng này đã bày ra chủ trương “Kinh Tế Mới” để cướp nhà đất ruộng vườn của nhân dân Miền Nam. Chính cái Đảng này đã bày ra “Hợp Tác Lao Động” để đưa dân Việt đi làm lao nô khắp năm châu bốn biển. Chính cái Đảng này đã bày trò “Dịch vụ Hôn Nhân” để bán con gái Việt Nam đi làm Đĩ khắp thế giới. Lịch sử nhân loại chưa có một cuộc “vượt biên , vượt biển” nào gây xúc động cho toàn thế giới, đánh động lương tâm nhân loại cho bằng cuộc “ vượt biên, vượt biển” của đồng bào Việt Nam (sau 1975) vì họ đã bất chấp mạng sống và danh dự để trốn chạy sự cai trị khắc nghiệt của chính quyền Cộng sản Hà Nội hiện nay. Mới đây chính quyền Hà Nội đã phát hiện ra ở Phú Thọ, Bắc Bộ một làng mà dân chúng đều mắc bệnh “ung thư” họ gọi là “Làng Ung Thư” (Bản tin của Đài BBC tháng 11,2005); hậu quả này là do việc thiết lập những nhà máy hóa chất trong khu dân cư, chứng tỏ một sự dốt nát của các cấp lãnh đạo Đảng. Và còn nhiều cái chủ trương và đường lối quái gở khác không kể xiết để nhằm “nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai họa” của Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện tại. Đến nỗi chính những người Cộng Sản phải lên tiếng . Như Nhà Văn Dương Thu Hương phát biểu trên đài truyền hình Úc :” *Tôi không thể tin tưởng một chút gì về chính phủ Hà Nội vì họ toàn là những con người hèn hạ và thấp kém. Họ không có một tí nhân cách để tôi tin tưởng. Tôi hiểu rất rõ về họ. Họ chỉ toàn là những con người ti tiện. Những lớp người có chút lý tưởng đã chết, chết hết rồi. Bây giờ chỉ còn lại những người đê tiện, những kẻ ăn cắp gian manh một cách trắng trợn.*” Còn ông Hoàng Minh Chính, từng là Viện Trưởng Viện Triết học Mác-Lê thì tố cáo : “*Bộ máy Nhà nước chuyên chính vô sản của*

Đảng Cộng Sản bao gồm Quốc hội và các Hội đồng Nhân dân các cấp, Ủy ban các cấp từ Trung ương xuống tận địa phương mà chức năng chủ yếu là chia mũn giáo vào nhân dân. Rồi bộ máy tuyên truyền khổng lồ từ Ban Tư Tưởng Văn Hóa xuống các cấp địa phương mà chức năng là để lừa dân và đầu độc dân lành.

Chính quyền Việt Cộng dùng chuyên chính vô sản đã gây ra nhiều vụ đàn áp khốc liệt như các vụ cải cách ruộng đất, nhân văn giai phẩm, xét lại chống Đảng, cải tạo công thương nghiệp, học tập cải tạo, các vụ đàn áp tù đày quản chế vô thời hạn các nhà đấu tranh cho tự do dân chủ và chức sắc các tôn giáo, và nhiều vụ đàn áp đẫm máu khác”

Vậy thì việc hy sinh xương máu của một lớp người trong cuộc chiến vừa qua chỉ là những “cay đắng bi thảm trong kiếp người của chính mình”. Sự hy sinh dù có thêm nhiều ý nghĩa chân chính nhưng chỉ là những hy sinh vô ích.

Với một dân số 80 triệu mà một cuốn sách có số bán ra chỉ 20.000 bản lại được xem là có số bán cao nhất thì thật sự là điều đáng buồn cho sinh hoạt văn hóa của nước nhà. Động lực làm cho NKĐTT có số bán cao nhất mặc dù được Hội Nhà Văn đánh giá là nhờ những yếu tố làm nên sức hấp dẫn của những trang nhật ký như là: Một tác phẩm viết về con người đối diện với chiến tranh. Để chia sẻ. Để thú nhận. Để tâm sự. Để tìm thêm niềm tin. . . của một người cộng sản lý tưởng. Nhưng theo ý kiến của số đông độc giả trong nước thì người ta đọc NKĐTT chỉ vì nó có liên hệ đến người Mỹ, một người Mỹ đã giữ nó suốt 35 năm. Người ta giải thích: **“Bạn có biết không Ông Clinton, Tổng Thống Mỹ đến Việt Nam chính quyền Cộng Sản Hà Nội không hề ra lệnh cho đồng bào đi đưa đón thế**

mà đồng bào đã tự túa ra đường đón mừng rất đông đảo, trong khi nhà cầm quyền kêu gọi đồng bào phải đi đón các nhân vật lãnh đạo Nga Tàu đến viếng Việt Nam thì chẳng mấy ai buồn tham dự!”

Ngày nay nhân loại đã bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên của điện toán, tin học. Trình độ dân trí của Việt Nam cũng tiến rất cao, đã bỏ xa rồi cái thời chạy theo chủ nghĩa này ý thức hệ nọ. Người ta sống rất hiện thực, người ta nhận thức và phân biệt rất rõ mọi sự việc mà tuyên truyền khó lòng đánh lừa được. Frederic Whitehurst không hề làm công tác tuyên truyền nhưng việc làm âm thầm đầy tính nhân bản của anh được đề cập một phần nào trong NKĐTT đã làm cho bao độc giả phải cảm động. Lời phát biểu về một nước Mỹ, về người Mỹ, về những người Việt tị nạn Cộng Sản sống trên đất Mỹ của bà Doãn Ngọc Trâm và cô Đặng Kim Trâm khi đến Hoa Kỳ để xem bản gốc hai tập Nhật Ký của Đặng Thùy Trâm (do Frederic Whitehurst bảo trợ), một lần nữa chứng minh những luận điệu tuyên truyền của Đảng Cộng Sản trước đây để gây hận thù là hoàn toàn sai sự thực, chỉ nhằm lừa dối nhân dân Việt Nam, lừa bịp dư luận thế giới mà thôi. Tất cả đã đánh bại hoàn toàn việc tuyên truyền của Hội Nhà Văn Việt Nam qua công tác xuất bản NKĐTT, nó cũng trả lời cho câu hỏi mà phe Cộng Sản thường đặt ra: Cộng Sản, Tư bản, Ai thắng ai ? từ vấn đề chính trị cho đến các vấn đề nhân bản, văn hóa, xã hội, kinh tế... và nhất là nhân tâm.

California, 20 tháng 11 năm 2005

Nguyễn Công Lượng

SÁM HỐI

Năm mươi năm tay liềm tay búa
Góp từng đồng thúng lúa bó rau
Trải qua hai cuộc bể dâu
Đánh Tây chống Mỹ nhưng đâu được gì?

Trên Bác Đảng hô vì độc lập
Dưới dân đen gậy gộc xông lên
Tay không bốc đại làm nên
May đâu được chuyện đời hên ai ngờ

Từ chăn trâu phát cờ thành tướng (1)
Gã trùm làng Quốc Trưởng thì sao?(2)
Vì ham danh lợi nhảy vào
Thiệt thân đành chịu Đảng nào lo cho

Nay tự thú thân cò xấu hổ
Đảng tịch dài, dày vở, không cơm
Ruột gan cuộn héo từng cơn
Lạy chào trả thể làm ơn tha về

Về quê cũ đổi nghề nuôi lợn
Dũ phong sương sạch bợn vinh hoa
Còn hơn theo Đảng tổ cha
Hại dân bán nước gà nhà đá nhau

Đá bạn ngã vênh râu tự đắc
Mắt mở to xin đất đường đi
Loanh quanh rồi lại nâng bi
Mấy ngài tư bản Hoa Kỳ, Đức, Tây

Chỉ cho thấy nhưng nào chịu ngó
Sách Mác Lê đâu có thị trường
Hóa ra mấy chú làm cương
Trật đường chủ nghĩa lại vương lười thù

Đường chính trị la hù Cộng sản
Nẻo kinh tài treo bản tư nhân
Đảng ta uyển chuyển xoay vần
Đông tây tổng hợp xà bản thử sao?

Lời Bác dạy "đỉnh cao trí tuệ"
Óc vượn rừng biến huệ siêu nhân
Ai ngờ đất nước lụn dần
Mặc dân thống khổ đảng cần đô la

Nay sám hối mong tha tội nhẹ
Viết vài dòng gửi Mẹ VIỆT NAM
Đảng ta lạc lối lầm đường
Miệng rao Dân Chủ, Đảng càng độc tôn!

Sai chồng chất dập dồn chẳng sửa
Mượn dao Người chém nửa non sông
Lòng tham bá chủ cuồng ngông
Đem xương trai Việt đắp sông xứ người (3)

Còn đâu nửa tiếng cười lịm chắt
Đẩy dân Nam lê lếch vượt biên
Tang chung cho cả hai miền
Búa liềm chụp xuống, xích xiềng từ đây

Mau thúc tỉnh bức dây nhảy trước
Bước ra vòng quyền tước phù du
Còn không: mấy chú đảng ngu
Thiên đường lạc lối, ngục tù thế chân.

HÀ QUẾ LINH

Cước chú:

- (1) Lê Đức Anh
- (2) Tôn Đức Thắng
- (3) Đỗ quân qua Campuchia năm 1978

Em Muốn...

Thơ: QUANG-SON, HỒNG-ANH VIÊN XÚ.

Phổ Nhạc: ĐẮC-ĐĂNG

SLOW ROCK (Thắm Thiết)

Em muốn dịu anh vào trời thơ, Cho anh sống lại tuổi mộng - mơ; Cho anh nhớ
lại chiều Thu ấy, Hai đứa mình thường hát vu vơ. Em muốn viết cho anh bài
thơ, Nhưng thấy anh như muốn làm thơ; Anh đã làm lòng em tan nát,
Cả cuộc đời và những ước mơ...! Nay em viết cho anh bài thơ, viết
cho anh bài thơ, viết cho anh bài thơ; Bài thơ ước lệ thuở ban
đầu, Bài thơ mãi mãi làm em nhớ, mãi mãi làm em nhớ,
Rằng anh và em quá đại khó... Nay còn dấu nửa mộng bướm hoa,
Lúc chim riu rít hát vang ca; Khi anh và em cười khúc khích, Say đắm bên
nhau dưới hiên nhà.. Em muốn dịu anh vào trời thơ, Cho anh sống
lại tuổi mộng mơ.....

BOSTON, tháng 10-2005

ĐI ĐÓN VIỆT KIỀU

Lê Minh Trí

Giọng một người đàn bà la lên:

-Làm gì lẩn dữ vậy, cha nội?

Người đàn ông đứng tuổi năn nỉ:

-Cho tôi nhìn một chút, coi thử người nhà tôi ra chưa.

Giọng một thanh niên chen vô:

-Trước sau gì tiền cũng ra đến, cần gì phải chen lẩn.

Người đàn ông đứng tuổi cự nự:

-Nói gì trắng trợn vậy! Tôi đi đón người nhà, chứ ai đi đón tiền.

Anh chàng thanh niên xằng giọng:

-Bộ tôi nói sai sao?

Một thanh niên khác phá tan bầu không khí nặng nề:

-Coi con nhỏ Mỹ theo thằng bồ Việt kiều đi ra kia! Người ngợm con nhỏ hết sảy.

Con đó mà “để” một cái, thì hết ý.

Một người đàn ông lên tiếng:

-Thôi đi cha nội! Trời nóng như lò lửa thế này, “để” gì nổi, cha?

Giọng một người đàn ông khác:

-Chả thèm, cứ để chả nói. Cần làm gì?

Có tiếng điện thoại di động reo. Người đàn ông đứng tuổi vội lấy điện thoại từ túi quần ra, bật nắp:

-Alô!.....Chưa thấy ra.....Chờ gần hai tiếng rồi.
Nóng qua trời!.....Mình có mũ rồi, không cần dù đâu. Chỉ cần một cây nước đá thôi.....Nói giỡn vậy thôi, chứ Quỳnh có đến cũng không chen vô được đâu. Nghe nói có bốn chuyến bay cùng đến một lúc, người đi đón đông như kiến.....Thôi nghe, khi nào chị Trâm ra, mình sẽ gọi về.

Người đàn bà đứng bên trái la lên:

-Ê, lấy tay ra, cha!

Người đàn ông đứng phía trước chị ta phân bua:

-Tôi giữ cái bóp của tôi, chứ tôi làm gì chị.

Một người đàn ông khác lên tiếng bênh vực:

-Hồn ai nấy giữ. Chen lấn chật cứng như vậy, không giữ bóp, mất như chơi.

Bà già đứng sát rào cản nói với cô con gái:

-Thôi, mầy đứng đây chờ. Tao ra ngoài. Nóng quá, chịu hết nổi.

Người đàn ông đứng phía sau lên tiếng:

-Bác leo qua hàng rào, xin công an đi ra theo lối Việt kiều, chứ đi lui sao được.

-Tui già như vậy, làm sao leo qua? Chú lui giùm chút đi!

Người đàn ông vẫn đứng yên, không nhúc nhích:

-Đàng sau chật cứng, bác ơi! Lui không được.

Bà già đành nằm sấp lên hàng rào cản, cố sức leo qua. Với sự trợ lực của cô con gái, bà già cuối cùng cũng leo qua được rào cản. Mặt mũi phờ phạc, quần áo nhàu nát, cũ kỹ, bà già lẫn vào nhóm Việt kiều sang trọng đang đi ra tạo thành một bức tranh trật đường rầy.

Người đàn ông lùn thấp, có vẻ quê mùa, nói với cô gái đứng phía trước:

-Cho tôi dòm một chút đi cô!

Cô gái nói với giọng khó chịu:

-Muốn dòm, thì dòm đi. Nhưng lấy tay ra!

Người đàn ông lùn cự lại:

-Cho tôi để tay một chút, có sao đâu?

Cô gái lớn giọng:

-Trời nóng như thế này, ông cứ dè xuống, chịu sao thấu!

Người đàn ông lùn trở giọng lỗ mãng:

-Tôi dè cô xuống, thì tôi mới thấy được. Chứ tôi dè cô xuống làm gì? ĐM, cô tưởng cô ngon lắm hả?

Cô gái cũng không vừa, giọng cứng rắn:

-Tui không ngon gì hết. Cha có lấy tay ra không?

Người đàn ông lùn lấy tay ra khỏi vai cô gái, đặt lên vai người đàn ông đứng tuổi, dè người này xuống, nhón gót nhìn ra phía trước. Người đàn ông đứng tuổi tỏ vẻ khó chịu, nhưng không nói gì, chỉ hơi rùn vai xuống như muốn hất tay người đàn ông lùn ra. Người đàn ông lùn buông tay ra, nói:

-Gì khó chịu vậy?

Người đàn ông đứng tuổi vẫn làm thình, chân nhón gót, đầu lắt qua lắt lại, cố nhìn qua kẽ hở của những cái đầu phía trước để tìm thân nhân.

Tiếng một ông già than:

-Thiệt khổ cho tôi! Tôi đi đón con dâu, nhưng chưa gặp mặt nó lần nào.

Người đàn bà bên cạnh hỏi:

-Chưa biết mặt, làm sao bác tìm được?

-Thằng con tôi gửi hình con vợ nó, nói tôi đi đón.

Cầu Trời cho tôi nhìn ra nó.

Một cô gái lên tiếng than:

-Nặng gì, mà nặng dữ vậy nè!

Tiếng một thanh niên:

-Ráng đi, đừng sợ nám da! Có đô la đắp lên, nám
mấy cũng bay tuốt luốc.

Vài tiếng cười phụ họa.

Người đàn ông đứng tuổi bỗng la lớn:

-Chi Trâm! Chị Trâm!

Một người đàn bà Việt kiều vừa bước ra khỏi cửa
quan thuế nheo mắt nhìn vào rừng người trước mặt.

-Chị Trâm! Chị Trâm! Em đây!

Người đàn bà Việt kiều nhìn về hướng tiếng kêu,
mở mắt to tìm kiếm. Bà nhoẻn miệng cười khi nhận ra
một khuôn mặt quen.

Người đàn ông đứng tuổi tiếp tục la lớn:

-Chị đi ra phía bên phải đây này!

Nói xong, người đàn ông đứng tuổi quay người,
bương bả lấn ra sau, không để ý đến

lời la lối của những người bị xô đẩy. Mặt ông ta tươi như
trúng số.

Lê Minh Trí



MỘT CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ “ĂN THỊT CÂY”

PHAN VĂN HÀM

Cứ mỗi độ Xuân về, bao người đều vui vẻ rộn rịp. Ngày trước khi còn ở quê nhà. Tết đến ai nấy lo trang hoàng nhà cửa, làm bánh mứt, mua sắm rượu thịt dự trữ trước, để lễ cúng trời đất, tổ tiên ông bà, sau là ăn uống thỏa thích tận hưởng trong ba ngày Tết. Ở làng quê các Cụ Thân hào, Nhân sĩ lo tổ chức đình đám hội hè, trai gái cũng rộn rịp đón xuân vui vẻ. Còn lũ trẻ khắp xóm thôn nô nức mừng vui khoe những chiếc áo mới mẹ may.

Ngày nay sống xa quê, ở xứ người, nhưng chúng ta vẫn nhớ đến ngày Xuân, đồng hương cùng nhau tổ chức hội chợ Tết với mục đích làm sống lại phong tục cổ truyền của một đất nước oai hùng có hơn bốn ngàn năm văn hiến.

Nhân dịp này tôi cũng xin đóng góp một bài viết câu chuyện vui lịch sử về việc ăn thịt cây (chó) trong năm Bính Tuất này là năm con chó:

Dưới triều Vua Tự Đức ở VN ta, có một vị quan sống thanh liêm chính trực, chỉ biết lo cho dân, cho nước. Ông chẳng màng đến danh lợi riêng.

Vị quan này là ÔNG ÍCH KHIÊM, sinh vào khoảng năm 1840, người làng Phong Lệ, Phủ Điện Bàn, Quảng Nam. Đầu đời Vua Tự Đức thi đỗ cử nhân, được bổ làm Tri huyện ở Huế. Sau này ông có công dẹp được giặc Tàu Ngô Côn, ông được thăng chức Tham Tri. Đến cuối đời Vua Tự Đức, việc giao thiệp giữa ta và Pháp đương khó

khăn, ông lại vâng mạng ra Bắc mưu đồ chống Pháp, vừa gặp lúc nhà Thanh bên Tàu đã cho Phùng Tứ Tài, Từ Duyên Húc và quân Cờ Đen Lưu Vĩnh Phúc sang đóng rải rác ở các tỉnh Thượng du.

Quân Tàu ỷ thế áp lực ta quá tàn ác, phải cung ứng lương thực cho họ lại nhiều phiền phức, dân chúng than phiền không ngớt. Ông cho việc mượn lính Tàu đánh Pháp là thất sách, nên ông có làm bài thơ:

*“Áo Chúa com Vua đã bấy lâu,
Đến khi có giặc phải thuê Tàu.
Tùng phen võng gia mau chân nhảy,
Đến bước chông gai thấy mặt đâu?
Tiền bạc quyên hoài dân xác mướp,
Trâu dê ngày hiến đũa răng bầu.
Ai ơi! hãy chống trời Nam lại.
Chẳng nữa dân ta phải cạo đầu.”*

Ông ở Bắc đến khi hòa ước Việt Pháp ký xong, lại về kinh cung chức. Bấy giờ Vua Tự Đức đã băng hà, triều chính rối loạn, Vua kế vị còn nhỏ, do hai ông Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên quyền, văn thần võ tướng ở trong triều chỉ là một lũ cầu an, không ai lo đến việc nước. Ông bực dọc bèn đặt ra một tiệc mời khắp mặt Đại thần tới dự. Bàn tiệc cỗ trên và cỗ dưới la liệt các món ăn đều làm bằng thịt cây (chó). Lúc vào tiệc nhiều người không quen món ăn này, ngập ngừng hỏi món ăn khác, ông trả lời: “Bẩm hôm nay trên dưới toàn cây (chó) cả!

Ăn xong các quan gọi nước mãi không thấy người nhà đưa lên, vì ông đã dặn trước đừng đưa, ai nấy đều khô cổ vì rượu. Một lúc lâu, người nhà ló đầu lên, ông quát tháo

âm âm: “Lũ chúng bay chỉ biết đũa lớn đũa nhỏ ngồi ăn hại cơm trời, chẳng đũa nào biết việc nước là chi cả” Các quan đều tím mặt.”

Vì ông tính khí khảng khái, không luôn lụy quan trên và lại phật ý với hai ông Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường, nên ông bị bắt bỏ ngục. Khi ở ngục ông ngâm 2 câu thơ.

*“Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết,
Tứ nguyệt tam vương thậm bất tường”.*

Hai câu thơ này ngụ ý ông nói về 2 ông Thuyết và Tường chuyên quyền, trong 4 tháng mà thay đổi 3 Vua (Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc) là đều không hay . . .

Sau ông bị đày đi an trí tại Bình Thuận rồi mất ở đấy vào năm 1890.

Câu chuyện lịch sử của ông ÍCH KHIÊM đã răn dăm quan lại vô tài, thối nát dưới triều vua Tự Đức chỉ bám lấy hư danh, khi nước nhà nghiêng ngửa trước họa xâm lăng để rồi cuối cùng nước ta phải rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp hơn 80 năm.

Đây cũng là một kinh nghiệm, để cho đồng hương và con cháu chúng ta cùng nhau ôn lại bài học lịch sử: “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”.

PHAN VĂN HÀM (sưu tầm)

XUÂN XA XỨ

Đón Xuân Bính Tuất năm này
Bàng hoàng tôi nhớ những ngày xuân quê.
Mỗi năm cứ độ xuân về
Ở đâu đều cũng về quê tết nhà
Trước tết mọi người rộn rã
Buôn bán nghề nghiệp tăng giá kiếm tiền.
Dành cho ngày tết ưu tiên
Mua sắm đầy đủ vẹn niềm ước mong.
Mọi nhà chưng diện ngoài, trong
Đèn, hoa, rượu, bánh, thịt trông đủ đầy.
Bà con hàng xóm đó đây.
Qua lại chúc tết những ngày tân niên.
Ba ngày cúng kính tổ tiên
Cả nhà hớn hở đoàn viên vui vầy.
Mừng xuân én lượn chim bay
Trăm hoa đua nở cỏ cây nảy chồi.
Lúa thưa đàn trẻ đùa chơi
Vui tết hớn hở của đời tuổi xuân
Bây giờ ta ở xa xăm
Muốn về cố quốc ngại chãng đường về.
Thôi đành chấp nhận hai quê
Việt Nam sinh trưởng Mỹ về già nua.
Quê hương tết có gió mùa
Thổi lên mát rượi nhưng trưa xuân nồng.
Bên ni tết tựa mùa đông
Mưa bay giá lạnh chạnh lòng nhớ quê.
Hết mưa tuyết lại kéo về
Phủ rơi trắng xóa bốn bề bao la.
Bạn bè tri kỷ gần xa

*Trong ba ngày tết đều ra đi làm.
Tối về điện thoại hỏi han
Thăm nhau đều chúc an Khang sang giàu..*

ĐỖ HÙNG

MAI VỀ THẤP NÉN NHANG LÊN MỘ

*Mai về thấp nén nhang lên mộ
Lạy mẹ, lạy cha, lạy bạn hiền
Lạy một quê hương đầy đọa máu
Rỉ từ hơi thở thấm thịt da.*

*Lạy anh thân xác còn loang lỗ
Gục chết hôm qua dưới chiến hào
Đôi mắt bừng nhìn loài dã thú,
Khì khà men rượu khúc hoan ca.*

*Lạy em nằm chết vùng kinh tế
Rừng núi âm u tận Đức Cơ.
Đói cơm, khát nước đời cơ cực
Cuộc đất còng lưng trả nợ Hồ.*

*Lạy đời Xích Quỷ gây dâu biển
Trả lại Việt Nam chữ Tự Do,
Trả lại Việt Nam từng nhịp thở,
Trả về dân tộc bát cơm no.*

PHAN TƯỜNG NIỆM

NƯỚC VẼN CHẢY VÀ ĐỜI CỨ THEO DÒNG

(Bài 1)

Tùy bút: NGUYỄN AN PHONG

Nhớ lại một năm qua, mới ngày nào của mùa xuân, mở mắt ra ngoài vườn, những khóm hoa mai, hoa đào, hoa Magnolia đã đua nhua nở rộ, phủ lấp cả không gian khu vườn. Hồn xuân như lãng đãng đầu đây, tấm lòng mở rộng để chào đón làn gió xuân trở về, nắng ấm bừng lên, làm hồi sinh lại niềm yêu đời còn nén trong lồng ngực. Đất trời bừng sáng lên một cái gì mới lạ từ bầu trời trong áng mây xanh, cho tới bãi cỏ mượt, hòa lẫn với tiếng dao động, tiếng reo vui của thác nước ở cạnh hòn non bộ, Ghen lẫn với tiếng chim riu rít trên sườn đồi. Toàn cảnh vườn sau là thế. Nhưng dường như trong hồn có một cái gì mới lạ hơn, hay đó là sự biểu hiện của sự giao hòa giữa người và trời đất. Vì trong đời sống của vạn vật thì: xuân sinh hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Cái vòng sinh hóa ấy cứ nối tiếp nhau, không một phút – giây nào ngừng nghỉ, hoặc đảo lộn của một chu kỳ. Chu kỳ: SINH, TRỤ, DỊ DIỆT là một chu kỳ luân hồi, diễn ra trong từng Sát Na của vạn vật và đời sống. Xuân nhắc đến xuân lại hớ một bài kệ nổi tiếng của Thiên Sư Mãn Giác đời Lý:

Xuân khứ bách hoa lạc

Xuân đáo bách hoa khai

Sự trục nhãn tiền quá

Lãi tòng đầu thượng lai.

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

*“Xuân đi trăm hoa rải
Xuân đến trăm hoa khai
Xem chuyện đời trước mắt
Tóc trên đầu đã phai.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
Tối qua, sân trước một cành mai”*

(VÕ ĐÌNH dịch)

Mùa xuân là mùa của sự sống tái sinh, ngày xuân là dịp ngồi tản mạn sinh hoạt của một năm qua và định hướng cho một năm sắp tới, luôn luôn phóng một cái nhìn lạc quan và cũng cầu chúc cho nhau những gì tốt đẹp nhất cho năm mới.

Thoáng chốc, tháng tư lại đến, trời có những lúc đổi gió, buổi sáng nắng chan hòa, nhưng buổi, trưa buổi chiều thì trời trĩu nặng màu mây đục. Gió ở vùng biển xa thổi vào lành lạnh, trong cái gai gai nhắc nhở một điều gì sâu lắng, thâm kín, một chút gì như xa vắng lắm, nhưng lại, gần gũi. Tôi đang chập chờn trong cái tâm thức ấy. Nhưng rồi, lại có những sớm mai hồng tinh khiết, bước chân ra vườn mùi hương thoang thoảng và dễ chịu của những hoa chanh hoa bưởi đang bắt đầu rụng xuống, sau thời kỳ đơm hoa đến thời kỳ kết trái, chen lẫn vào hơn tở là mùi thơm của đám cỏ non, mà ông bạn Mỹ Tây Cơ vừa cắt cách đây mấy hôm, cùng với mùi hoa hồng, hoa “HONEY SUCKER” và một số cụm hoa xinh tươi cuối cùng của mùa xuân.

Bất chợt, đến cuối tháng năm, trời ở Nam Cali bỗng nhiên lại có cơn mưa xuân nhẹ nhàng rơi và thời tiết dễ chịu hẳn đi, nhờ ảnh hưởng trận bão Hurricane thổi qua. Mỗi buổi sáng những con “chim mỏ dài” quen thuộc và

dạn dĩ vẫn đến viếng thăm khu vườn sau nhà để hút nhụy hoa và hít líu lo những âm thanh vui tai.

Rồi, tháng sáu lại đến, cứ ngỡ rằng tháng 6 năm nay sẽ vắng đi những cơn, mưa nhẹ và buồn như ở Qui Nhơn năm xưa, nhưng trái lại, sáng sớm bước ra sau vườn đã thấy những hạt mưa bụi, lất phất bay trong cái thời tiết dịu dàng của mùa xuân còn sót lại đâu đây gợi nhớ về những ngày tháng xa xưa ở quê nhà, đã làm khơi dậy những xúc động lãng mạn với “Tình khúc tháng sáu” của Ngô Thụy Miên:

“Tháng 6 nhạt mưa, anh muốn làm mưa bay, làm mây trôi, tan biến vào môi em”.

Mùa hè đang chậm rãi bước tới: Tháng 7 hè năm nay với những ngày nắng chói chang và nóng ỏi là nóng, hai cái sân cỏ cho dù có tưới bao nhiêu nước và anh chàng Mễ Tây Cơ có bón bao nhiêu phân theo đúng tiêu chuẩn, nhưng chúng vẫn không chịu xanh.

Mỗi sáng thức dậy sớm, ngồi nhấp từng ngụm trà nóng của bà vợ vừa pha xong, thì bên ngoài trời vẫn còn buồn và âm u. Chung quanh thật yên lặng, không một tiếng ồn ào của xe chạy. Ngoài vườn các bông hoa bắt đầu đua nhau nở rộ, mùi thơm phả phất pha lẫn với mùi hương của mấy cây Ngọc Lan & Hoàng Lan thật dịu dàng dễ thương làm sao ấy, những bông hoa DAISY cũng đã hé nở, tung tăng nhảy múa. Các loại cây ăn trái: Hồng dòn, Ổi xá lị, Nhãn, Mận, Táo Tàu cũng đã đơm bông. Mấy cây MADAGASCAR PALM, sứ Thái Lan đua nhau khoe sắc. Tất cả xung quanh là một không khí yên lành. Có tiếng chim gọi nhau líu lo trên mấy cây Phượng Vĩ ở trên sườn đồi. Giờ này nắng đã bắt đầu ló dạng, tia nắng bình minh mùa hè rọi khắp cho sự khởi đầu của một ngày mới. Vừa lái xe vừa lắng bảm hát:

“Gọi nắng trên vai em gầy, đường xa áo bay, nắng qua mắt buồn, lòng hoa bướm say, lối em đi về trời không có mây, đường đi suốt mùa, nắng lên thấp đây . . .”

Nắng trong bài hát “HẠ TRẮNG”, hình như mang giấc mơ của tuổi trẻ, những ngày tan trường rất xưa cũ. Cho dù thời gian có qua đi 30 năm, 40 năm hay 50 năm, khi nhớ về Qui Nhơn những ngày trời nắng, lại thấy được hình ảnh của những cậu học sinh áo trắng, quần xanh và mấy cô nữ sinh với áo dài lụa trắng quyện với mái tóc thề bay bay trong gió. Nắng của Qui Nhơn, nắng trong vắt của những kỷ niệm hẹn hò. Thế rồi chiến tranh bùng lên và hòa bình lại về, một cuộc đổi đời diễn ra. Vẫn cái nắng ấy của quê hương Việt Nam, nhưng giờ đây là nắng cháy lưng, nắng rát da trong những tháng ngày đi làm công tác Thủy Lợi ở Cầu Bình Triệu, ở xi măng Hà Tiên, hay những ngày lặn lội ở Chợ Trời để kiếm sống. Mãi cho đến khi rời Việt Nam, nắng quê hương của riêng tôi, diễn ra với những hình ảnh vui buồn lẫn lộn. Rất tiếc, đã gần 30 năm rồi tôi chưa về thăm quê hương, nên tôi không còn nhớ nắng ở Qui Nhơn có khó chịu như cái nắng ở đây, với nhiệt độ mỗi ngày lên đến 90* độ F.

Thấm thoát ngày tháng trôi qua, mùa thu lại đến những buổi sáng tháng 8 trời buồn buồn như ở giữa mùa thu, trời hơi lạnh lạnh, hai hàng cây ven đường xào xạc gió. Những thảm cỏ sau mùa hè nắng cháy, lại bắt đầu tươi tốt lên, và Cali đã vào mùa khai trường. Tháng 9 thời tiết đã thực sự vào thu, những giọt nắng hè rục rã đã với đi, để nhường chỗ cho những ngày thu dịu dàng. Đường như ngoài kia nàng thu bắt đầu rảo bước. Mọi sắc màu: vàng, đỏ, cam của cây lá giao hòa khắp chốn. Tháng 10, lại đem đến một đôi chút hình ảnh lãng mạn của mùa thu. Trời ngày nào cũng mang một màu xám buồn và mơ

màng, bao trùm cái không gian lạnh vừa đủ, đôi khi với những hạt mưa bụi bay lất phất. Rồi mọi sắc màu biến chuyển nhanh chóng. Mới ngày đầu, dáng thu rục rờ, yêu kiều rồi thì những chiếc lá thu bắt đầu héo úa, tả tơi rơi rụng, gây nên một cảm giác mênh mang. Cảnh tàn thu như biết phân đành ngậm ngùi nhường bước cho mùa đông sắp đến.

Với những cơn mưa vội vã trở về thành phố, bầu trời xám đục, buồn bã, những hạt mưa thi nhau nhẹ nhàng rơi. Ở đây rất khó có dịp ngồi ngắm mưa rơi, nhất là những hôm đi làm, giam mình trong Building hay trong Thương Xá, không biết có mưa đến hay đi, nặng hay nhẹ hạt, mãi đến khi chiều về, nhìn lên kính xe hoặc những vũng nước nhỏ hay cái sân cỏ ướt, mới biết rằng hôm nay trời có mưa. Còn có những buổi tối tình cờ nào đó có trận mưa nửa đêm, thì cũng chỉ nghe tiếng mưa rơi trên mái nhà, chứ chẳng có dịp thưởng thức cái vẻ đẹp đầy thơ mộng của những trận mưa đêm ở quê nhà. Dù sao, những cơn mưa mùa đông cũng làm cho chúng ta dễ nhớ đến những tháng ngày mưa đã qua trong đời và những kỷ niệm cũ.

Ấy chết, ngồi tản mạn mãi những ngày tháng xuân, hạ, thu, đông của một năm qua, mà đã đến 5 giờ chiều rồi. Tôi sắp sửa ra về, vì hôm nay là buổi chiều thứ sáu. Tôi kéo tấm màn cửa sổ, nhìn ra bên ngoài trời quang đãng, tràn ngập ánh ánh vàng. Tôi lại chợt nhớ đến một câu nói của ai đó, hoặc trong một bản nhạc nào đó, đại khái: “Anh không giữ trong tim một kho tàng hay một danh vọng nào cả, mà anh chỉ muốn giữ hình ảnh một buổi chiều, khi nắng vàng nhuộm mái tóc em”. Ôi chao! Sao mà cái lương thế? Đạo đó, tôi là một câu học sinh Trung Học ở nhà quê lên tỉnh làm gì có “Người em” nào, để mà dặt tay nhau đi trong nắng, mà nhìn nắng vàng nhuộm mái tóc

em. Nói thế, cứ cần gì phải có một “người em”, mà mỗi lần nhìn nắng vàng, là lòng tôi lại bồi hồi. Dường như mọi người trong chúng ta thường chứa đầy ấp những kỷ niệm, mặc dù chúng ngủ nhưng không yên. Có một dịp nào đó, gặp chất xúc tác là chúng sẽ vỡ òa ra – có lúc thì xông xáo, có lúc thì bồi hồi thao thức, tâm hồn bước lùi về quá khứ và hiện tại trở nên bỗng bênh với những ngày tháng cũ, dường như đang sống lại trong cái man mác, bồi hồi dễ thương làm sao ấy. Làm sao ta có thể quên được, những ngày tháng mài đũa quần ở trên chiếc ghế nhà trường, lẩm lức để hồn mơ mộng, nhìn ra cửa sổ, mà mơ về dáng một người em gái nào đó, với mối tình không bao giờ dám thổ lộ.

Nhìn ánh nắng vàng tràn ngập cả đường phố, lòng tôi cảm thấy bồn chồn. Ở ngoài kia, xa xa đám thanh niên nam nữ, vung vẩy nắm tay nhau đi. Làm tôi cũng muốn đi trong nắng vàng, và cũng muốn nắm tay người em gái đi dạo phố Bolsa. Nhìn qua khung cửa kính, tôi muốn đi . . . nhưng tôi bỗng giật mình, vì tôi vừa bị đánh lừa.

Thật vậy, tôi vừa bị đánh lừa – bởi lẽ buổi chiều tuyệt vời kia, tôi đã cảm nhận nó qua khung cửa kính. Thực sự, ngoài kia trời đang lạnh, tôi đang bị lừa bởi ánh nắng vàng lóng lánh. Trời xanh, mây trắng, nắng vàng khung cảnh thật tuyệt vời. Nhưng tôi phải nhớ rằng bây giờ là mùa đông, mà đã là mùa đông thì với tuổi của tôi, là phải quàng khăn, phải đội mũ, phải mang găng tay và phải chạy lúp xúp cho đỡ lạnh. Vì tôi không còn là cậu học trò tuổi 18, đôi mươi, có sinh lực tràn đầy, để mà vung vẩy nắm tay người em gái đi dạo chơi phố Bolsa ngoài kia. Cho dù là nắng vàng đang nhuộm mái tóc em.

NGUYỄN AN PHONG

HOÀI NIỆM

Tháng ngày vẫn cứ lang thang,
Như chim không tổ mây ngàn cuốn bay.
Bao năm lưu lạc xứ này,
Tóc xanh nay đã điểm màu tuyết sương.
Mặt mù xa thăm ngàn phương,
Quê hương ngăn cách đại dương đôi bờ.
Ngồi đây gom góp vần thơ,
Ghi bao hoài niệm gửi về cố hương.
Ở đây những sáng mù sương,
Nhớ màu tóc mẹ ngàn thương sao vừa.
Trưa hè tiếng võng mẹ đưa,
Đêm nay con nhớ lời xưa mẹ hò.
Một đời ôm khổ ôm lo,
Áo nâu chân đất thân cò quần dâu.
Thương con mẹ nhớ vành nôi,
Thương mẹ con biết tìm đâu bây giờ.
Ngàn lời cùng những bài thơ,
Cũng không nói được vô bờ mẹ thương.
Đường đời xuôi ngược ngàn phương,
Mang theo hình mẹ trên đường rũi dong.
Rồi mau trở lại giòng sông,
Đâu còn bóng mẹ bên giòng năm xưa.
Hoàng hôn bóng đổ lúa thưa,
Lung linh bóng mẹ gió lùa tiếc thương.



QUÁCH TỬ

**HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA:
LÃNH THỔ VIỆT NAM
LÃNG HỒ NGUYỄN KHẮC KHAM**



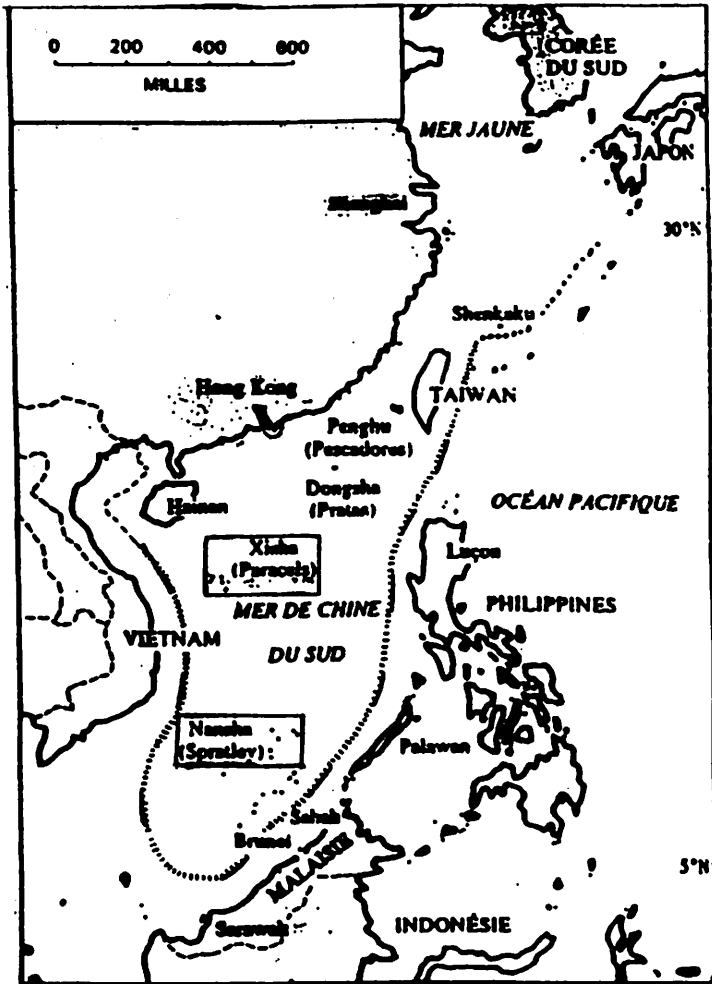
GIÁO SƯ NGUYỄN KHẮC-KHAM

Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham là một nhà giáo uyên bác, cụ có một sự nghiệp văn hoá thật vẻ vang cả trong lẫn ngoài nước. Cụ là một nhà mô phạm đã từng tận tụy đào tạo nhiều thế hệ học sinh, sinh viên người Việt (ở các trường Gia Long, Thăng Long, Hoài Đức, Văn Lang, Minh Tân, Văn Hoá, Chu Văn An tại Hà Nội, Petrus Ký tại Sài Gòn, Đại Học Văn

Khoa Hà Nội và Saigon, Đại Học Sư Phạm Saigon, Đại Học Huế) và người nước ngoài (Đại Học Ngoại Ngữ ở Đông Kinh bên Nhật Bản với tư cách Khách Viên Giáo Thụ). Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham cũng đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong ngành văn hoá giáo dục của Việt Nam Cộng Hoà chúng ta (chẳng hạn, Giám Đốc Nha Văn Hoá, Tổng Thư Ký Ủy Hội Quốc Gia UNESCO, Giám Đốc Sở Tu Thư, Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia. v.v.) và đã từng đại diện cho Việt Nam tại nhiều hội nghị quốc tế về văn hoá giáo dục. (Lược trích Lời Nói Đầu của cô Giáo Sư Nguyễn Đình Hoà trong Tuyển Tập Dòng Việt 1994.)

Ngày 23 tháng 12 năm 2004, các học sinh và sinh viên nhiều thế hệ ở các nơi tề tựu về thành phố San Jose làm Lễ Mừng Sinh Nhật Thầy Nguyễn Khắc Kham lần thứ 97. Bài viết **HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM** mà chúng tôi trân trọng giới thiệu đến quý vị rất dài nên xin chia ra để đăng nhiều kỳ trong các số tới.

Ban Biên Tập.



Vị trí các đảo Hoàng Sa (Paracels) và Trường Sa (Spratley) trong vùng Đông Nam Á .

HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA, LÃNH THỔ VIỆT NAM (tiếp).

LÃNG HỒ.

Trước hết đề lập luận bên dưới được dễ hiểu hơn. thiết tưởng cần phải nhắc nhớ lại ở đây những chặng đường kẻ tiếp trong cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam, dọc theo duyên hải từ Bắc chí Nam.

Sau trận đại thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, dân Việt đã thoát ly khỏi ách đô hộ của người Tàu. Tuy nhiên vẫn ở vào địa thế cực kỳ khó khăn để khởi hành trong cuộc tranh sống. Từ phương Bắc quân Tàu luôn luôn gây hấn, làm le thốn tính nước ta lần nữa, trong khi ở phương Nam dân tộc Chiêm Thành lập quốc từ thế kỷ thứ II trên suốt dọc miền duyên hải Trung bộ Việt Nam ngày nay cũng luôn luôn đánh lên để bành trướng lãnh thổ. Dân Việt bị kẹt giữa hai khối thù nghịch đó đã phải chiến đấu bền bỉ và anh dũng để tự vệ và sinh tồn. Họ chiếm Quảng Bình, Quảng Trị hồi thế kỷ I I, Thuận Hoá hồi thế kỷ 14, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định hồi thế kỷ 15, Phan Rang, Phan Thiết hồi thế kỷ 17 và trong đầu thế kỷ 18 đã làm chủ toàn bộ đất đai Thủy Chân Lạp tức là Nam Việt hiện tại. Trong bốn thế kỷ đó, họ đã lần lần Việt hoá được suốt dải bờ biển Trung bộ và đồng bằng Nam bộ, cũng như thờ xưa dân Trung Quốc đã đồng hoá được Quảng Đông, Quảng Tây. Đó là nói về phương diện lãnh thổ Việt Nam có liên quan đến cuộc Nam tiến của dân tộc. Về phương diện lãnh hải, cũng còn có vài di tích lịch sử đáng kể.

Như đã nói qua ở bên trên, biển từ đảo Hải Nam trở xuống phía Nam đã sớm được người Tàu mệnh danh là biển *Nam Hải*, cũng có khi lại được biệt xưng là *Trường Hải*. Kể đến biển *Nam Hải* được người Tàu chia ra làm 2 hải vực mệnh danh là *Tây Dương* và *Đông Dương*. Tục truyền đường ranh giới khởi điểm ở đảo Ta Tam (đông

kinh tuyến 118 độ 09) gần hai cang Hạ Môn và một địa điểm phân giới nữa ở vào một nơi mệnh danh là *Wen-Lai* 文萊 (đông kinh tuyến 111 độ 56), trên Tây hải ngạn Bornéo. Đường phân giới chạy qua phía Đông *Ma-Yeh-Weng* (đảo Belingtung đông kinh tuyến 108 độ 20), và cuối cùng chạy qua phía đông *Pai-Hua* (Pajajaran) ở tây bộ *Java* (vào khoảng đông kinh tuyến 106 độ 58).

Tây Dương cũng được mệnh danh là Tây Nam Dương và bao quát những nước xưa như Giao Chi, Cao Miên, Xiêm, Mã Lai, Qua - Oa và ca Án - Độ, Ba Tư, Á - Rập, còn Đông Dương thời gồm có Nhật Bản, Phi Luật Tân, Đài Loan, bờ biển phía tây Bornéo và Java bây giờ. Lấn lên cả Đông Dương lẫn Tây Dương là phần biển Nam Hải được mệnh danh là Nam Dương đi từ lãnh hải Chiêm Thành cho tới Java về phía Nam. Sự phân chia hải vực của biển Nam Hải vốn đã được người Tàu bắt đầu thực hiện từ cuối đời *Nguyễn*, nhưng đến đời *Minh* mới được phổ thông như đã chứng tỏ sự tích *Trịnh Hoà* bầy lần hạ Tây Dương.

Đến năm 1617, *Trương Nhiếp* 張顯 có soạn một quyển sách nhan đề là Đông Tây Dương Khảo 東西洋考, trong đó có sự phân biệt giữa Đông Dương và Tây Dương càng rõ rệt hơn. Theo sách đó thì sự giao thông giữa Trung Quốc và Đông Nam Á phải theo 2 con đường gọi là Đông Dương Châm Lộ 東洋針路 và Tây Dương Châm Lộ 西洋針路. Những địa điểm mà Đông Dương Châm Lộ đi qua là Molucca, Bornéo, quần đảo Phi Luật Tân và Đài Loan bây giờ, còn Tây Dương Châm Lộ thì đi tới duyên hải Ấn Độ Chi Na, quần đảo Mã - Lai, Sumatra và Java.

Kể đến đời Thanh, Trần Luân Quýnh 陳倫炯 có soạn ra cuốn Hai Quốc Văn Kiến Lục 海國聞見錄 (chứ không phải Hai Quốc Kiến Văn Lục như ông Tề Tân đã chép sai). Trong cuốn này có hai danh xưng mới xuất hiện là Nam Dương và Đông Nam Dương. Riêng nước ta thời xưa đã từng được mệnh danh là nước Giao Chi đã bất chấp sự phân chia hải vực độc đoán đó của người Tàu, chứng cứ là

phần biên Nam Hải thuộc lãnh hải phía bắc Việt Nam bây giờ từ bắc vĩ tuyến 20 đến bắc vĩ tuyến 15 đã được mệnh danh là *Giao Chi Dương* 交趾洋, danh xưng này cũng đã thấy được ghi trên bản đồ của Mao Khôn nói trên.

Một chứng cứ nữa là dân chúng Việt Nam thường gọi biển Nam Hải là Biển Đông, vì là biển ở phía đông Việt Nam. Bởi vậy đã có những câu ca dao như:

“ Dã tràng xe cát biển Đông,

Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì”.

Chính trên biển Đông đó từ lâu đời đã thấy toạ lạc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Danh xưng của hai quần đảo này chẳng phải là xa lạ gì đối với nhân dân Việt Nam, nhất là đối với cư dân vùng duyên hải Việt Nam. Thực tế, theo sử sách dân Việt những vùng Quảng Yên, Thanh hoá, Nghệ An đã từng nổi tiếng là những dân chài lành nghề và táo bạo. Theo như đã chép trong cuốn *Lịch Sử Bang Giao Giữa Trung Quốc Và Việt Nam*, từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ 19 (*Histoire des relations de la Chine avec l'An-Nam-Viet-Nam du 16è au 19è siècle*) của G. Deveria (1880), thì những người dân đó đã từng vượt biển đi về phía bắc để tìm kiếm hải sản, một số người đó lại làm nghề hải khấu, uy danh lừng lẫy đến cả vùng duyên hải Trung Quốc như Phúc Kiến, Quảng Đông, Giang Tô. Thừa kế truyền thống của những dân chài Quảng Yên, Thanh Hoá, Nghệ An, những dân chài Việt Nam từ Quảng Nam đến Hà Tiên cũng thường vượt biển trên ghe bầu tới những hải đảo xa gần để kiếm bắt hải sản, bào ngư, trai ngọc và yến sào.

Trong *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn có chép như sau: “Ở ngoài cửa biển lớn về địa phận xã Yên Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi có một hòn núi mang tên Cù Lao Trè. Chiều rộng núi này có thể hơn 30 dặm. Ngày trước, có dân cư phường Tứ Chánh trồng các thứ cây đậu tại ruộng nương nơi đó, người ta ra biển, rồi chèo thuyền đi bốn trông canh nữa có thể đến Cù Lao Trè.

Ở ngoài núi Cù Lao Trè có đảo Đại Trường Sa. Ngày trước nơi đây thường sản xuất nhiều hải vật chờ đi

bán các nơi, nên nhà nước có thiết lập một đội Hoàng Sa để thu nhận các hải vật. Người ta phải đi ba ngày đêm mới đến được đảo Đại Hoàng Sa ấy, như thế là đảo Đại Hoàng Sa đã gần đến xứ Bắc Hải.

Các cửa biển Tân Quan, Thời Phú, Nước- Trâm, Nước- Man thuộc phủ Qui Nhơn có nhiều hòn sơn đảo, trong đó có nhiều tổ chim yến, nên nhà nước thiết lập một đội Thanh Châu để đi lấy yến sào (tổ chim yến)

Ở ngoài biển Dinh thuộc phủ Bình Thuận, có hòn núi được gọi là Cù Lao Phú Quý, chiều rộng chừng vài ba dặm, cũng có nhiều yến sào.

Ra phía ngoài Cù Lao Phú Quý, có một hòn núi tên là Cù Lao Phương. Ngày trước có nhiều hoá vật ở cửa biển ấy nên nhà nước lập ra đội Hải Môn để đi lấy các hoá vật ấy”.

Cũng ở quyển II, Phủ Biên Tạp Lục, lại thấy có hai đoạn như sau:

“ Xã Yên Vĩnh, thuộc huyện Bình Sơn, phủ Quảng Nghĩa ở gần bãi biển, về hướng Đông Bắc ngoài biển có nhiều đảo và có nhiều núi linh tinh, hơn 130 đỉnh. Từ trên khoảng núi ra đến biển cách nhau có chỗ, hoặc một ngày đường, hoặc mấy trống canh. Trên các ngọn núi, thỉnh thoảng có suối nước ngọt. Ở trong các hòn đảo có bển cát vàng, chiều dài ước chừng hơn 30 dặm, bằng phẳng và rộng lớn, nước trong veo nhìn suốt đáy. Ở bên dưới các hòn đảo, có vô số tổ yến (yến sào), còn các thứ chim thì kể có hàng nghìn, hàng vạn con, hễ thấy người, chúng vẫn đậu chung quanh người, chứ không hề tránh né”.

“Bãi biển Hoàng Sa ở gần địa phận phủ Liên Châu, thuộc tỉnh Hải Nam bên Tàu. Những người nước ta đi thuyền đôi khi có gặp những thuyền đánh cá của người Bắc quốc (tức Trung Quốc) ở ngoài biển. Giữa biển cả, người hai nước hỏi han nhau, người ta thường thấy chính viên đường quan huyện Vạn Xương, thuộc Quỳnh Châu tra xét những người Thuận Hoá đi biển, và trong công văn, viên quan ấy đề: “*Năm thứ 18, niên hiệu Càn Long, 10 tên quân nhân xã Yên Bình, trong đội Cát Liêm, thuộc huyện*

Chương Nghĩa, phủ Quảng Nghĩa, nước Yên Nam, ngày tháng Bảy đi ra Vạn Lý Trường Sa lượm nhặt các hải vật. Tám tên trong bọn ấy lên bờ biển tìm lượm các hải vật, còn hai tên ở lại thuyền. Vì một trận cuồng phong thổi mạnh làm đứt neo thuyền, nên hai tên ấy bị trôi giạt vào cùng Thanh Lan (bên Tàu). Viên quan tra xét đích thực, nên cho áp tòng hai tên này trở về nguyên quán”.

Trong 3 đoạn vừa trích dẫn bên trên, có mấy điểm sau đáng được lưu ý:

1) Lê Quý Đôn cho ta biết thời ông đã lâu, họ Nguyễn có thiết lập những đội Hoàng Sa, Thanh Châu, Hải Môn, gồm có những dân chài lành nghề, thuộc các phủ Quảng Nghĩa, Bình Thuận, để thu nhận các hải vật.

2) Những danh xưng như Trường Sa 長沙, Đại Trường Sa 大長沙, Hoàng Sa 黃沙, Vạn Lý Trường Sa 萬里長沙, đã thấy được dùng ở đó.

Riêng 2 danh xưng Trường Sa và Hoàng Sa lại đã thấy có trong một sử liệu xưa hơn cả Phủ Biên Tạp Lục, và thay vì dùng hình thức chữ Hán Hoàng Sa đã thấy ở đó cùng danh xưng dưới hình thức chữ Nôm Bãi Cát Vàng 擺葛璜. Dưới đây, là đoạn trích ở sử liệu đó.

海中有一長沙，名擺葛璜約長四百里，闊二十里，卓立海中。自大占海門，至沙荅門，每西南風，則諸國商船內行漂泊在此；東北風，外行亦漂泊在此，並皆飢死。貨物各置其處。阮氏每年季冬月持船十八隻，來此取貨，多得金銀錢幣銃彈等物。自大占門起海至此一日半。自沙淇門至此半日，其長沙處亦有玳瑁。

“Hải trung hữu nhất trường sa, danh Bãi Cát Vàng ớc trường tứ bách lý, khoát nhị thập lý, trác lập hải trung. Tự Đại Chiêm hải môn, chí Sa- vinh môn, mỗi tây-nam phong, tặc cư quốc thương bạc nội hành phiêu bạc tại thử; đông-bắc phong, ngoại hành diệc phiêu bạc tại thử, tịnh giai cơ tư. Hoá vật các tri kỳ xứ. Nguyễn thị mỗi niên quý đông nguyệt trì thuyền thập bát chỉc, lai thử thủ hoá, đa đắc kim ngân tiền tệ sùng đạn đẳng vật. Tự Đại Chiêm môn việt hải

chí thư nhật nhật bán. Tự Sa Kỳ môn chí thư bán nhật. Kỳ Trường Sa xứ diệc hữu đại nội”.

Nghĩa là:

... “Giữa biên có một dải cát dài, gọi là Bãi Cát Vàng, dài độ 400 dặm, rộng 20 dặm: đứng dựng giữa biên. Từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa Sa- vinh, mỗi lần có gió tây- nam thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đây, gió đông-bắc thì thương thuyền chạy ở ngoài cũng trôi dạt ở đây, đều cũng chết đuối cả. Hàng hoá thì đều để nơi đó. Họ Nguyễn mỗi năm vào cuối mùa đông đưa 18 chiếc thuyền đến đây để lấy hàng hoá, được phần nhiều là vàng bạc tiền tệ sủng đạn. Từ cửa Đại Chiêm vượt biển đến đây thì phải một ngày rưỡi. Từ cửa Sa Kỳ đến đây thì phải nửa ngày.

Chỗ bãi cát dài ấy cũng có đồi mồi.” (Hồng Đức bản đồ, Tủ sách Viện Khảo Cổ số III, Saigon 1962).

Còn về danh xưng Vạn Lý Trường Sa, tuy không thấy có trong Hồng Đức Bản Đồ, nhưng chắc chắn là danh xưng đó phải có vào thời đó rồi. Chứng cứ là đã thấy có trong Phủ Biên Tạp Lục. Kê đến trong Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 6 về tỉnh Quảng Ngãi, cũng có chép như sau về Vạn Lý Trường Sa: “ Ở phía đông Cù Lao Ré, từ bờ biển Sa Kỳ chạy ghe ra khơi, thuận gió thì ba, bốn ngày đến. Trên đảo có các núi la liệt, hơn 130 hòn, cách nhau một ngày đường, hoặc trong vài canh. Trong đảo có bãi Hoàng Sa (cát vàng) kéo dài không biết mấy ngàn dặm, tục danh là Vạn Lý Trường Sa (xin lưu ý tới hai chữ **tục danh**).”

Mấy dữ kiện trên cho phép ta kết luận như sau về thực tại về lịch sử của hai quần đảo của hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa.

a) Trễ nhất từ thế kỷ thứ 15 đến thế kỷ thứ 17, ở Việt Nam đã thấy nói tới một bãi cát vàng, nhất là bãi cát vàng dài muồn dặm (Vạn Lý Trường Sa). Có điểm đáng chú ý là trong cuốn Chi Nam Chinh Pháp vào đầu thế kỷ thứ 18 cũng có nói tới danh xưng Vạn Lý Trường Sa. Mặt khác rất có thể Thiên Lý Trường Sa được nói tới trong Chư Phiến Chí của Triệu Như Quát đời Tống cũng là một với

Vạn Lý Trường Sa, và đó lại là một chứng cứ nữa để có thể suy luận rằng, từ lâu trước thế kỷ 15, quần đảo Hoàng Sa đã thuộc lãnh hải Việt Nam rồi.

b) Tuy trong Hồng Đức Bản Đồ, không thấy xác định vị trí địa lý của quần đảo Trường Sa, nhưng danh xưng Trường Sa đã thấy được dùng ở đó để chỉ những bãi cát trên đất liền vùng duyên hải Trung Việt cũng như những bãi cát ở ngoài khơi biển đông thuộc lãnh hải của Chiêm Thành trước.

c) Như trên đã nói tới, Hồng Đức Bản Đồ vốn căn cứ vào những tài liệu địa lý đã thu thập được trong cuộc thân chinh Chiêm Thành của Lê Thánh Tông đặt ra hoặc sử dụng vào cuối thế kỷ 15, sau khi hạ lệnh cho thổ tù Nguyễn Võ phác họa bản đồ về núi ông nước Chiêm Thành để dâng lên ngài duyệt lãm (Phủ Biên Tạp Lục, quyển I). Danh xưng chữ Nôm **bãi cát vàng** lại cho phép ta Nghĩ rằng đồng thời với danh xưng Trường Sa, cũng đã có danh xưng chữ Nôm **bãi cát dài** mà theo lối phát âm tiếng Việt trong cuốn An Nam Di Dịch Ngữ hồi thế kỷ thứ 15 phải đọc là **Bãi Cát Yài**.

d) Trước khi thuộc về lãnh hải Việt Nam; tất nhiên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa đã phải mang một tên Chàm A māvati, Kāuthara, Pānduranga tương đương với những địa danh Việt Nam Quảng Nam, Nha Tranh và Phan Rang đã thay thế những địa danh Chàm trên. Danh xưng Chàm đến trước Bãi Cát Dài, Trường Sa của Việt Nam là danh xưng Chàm Pulau, danh xưng này cũng được Việt Hóa thành danh xưng Cù Lao mà ta còn thấy được dùng trong đảo danh Cù Lao Chàm theo Đại Nam Nhất Thống Chí quyển 5 về tỉnh Quảng Nam lại có tục danh vẫn tất là Cù Lao, cùng các đảo danh khác như Cù Lao Bo Lai, Cù Lao Ré, Cù Lao Poula Gambir, Cù Lao Cecir de Terre, Cù Lao Hon (Poulo), Cecir de Mer, v.v... Vậy ngay từ thế kỷ thứ 15, Trường Sa đã có những danh xưng Trường Sa, Bãi Cát Dài (Yài), Cù Lao Cát Dài được tùy tiện dùng lẫn cho nhau nơi cửa miệng dân chúng duyên hải Trung Việt.

Sự thể đã rành rành như thế mà ông Tề Tân lại cứ khẳng khẳng cho rằng Trường Sa thuộc về lãnh thổ Trung Quốc từ lâu đời.

Trước ông Tề Tân, trong bài nhan đề: 我國南沙羣島的主權不容侵犯 (Ngã Nam Sa Quần Đảo Địch Chủ Quyền Bất Dung Xâm Phạm) của Thiệu Tuấn Chính 邵循正 đăng tải trong Nhân Dân Nhật Báo 人民日報 số ra ngày 5-6-1956, cũng đã thấy có chủ trương tương tự như vậy. Theo ký giả đó, Nam Sa vẫn được mệnh danh trong sử tịch Trung Quốc từ trước tới nay dưới danh xưng Đoàn Sa Quần Tiều 團沙羣礁 và đã từng có ngư dân Trung Quốc theo định kỳ tới đó bắt cá, cùng thu lượm hải sản, lại có người đến cư trú ở đó nữa. Nguyên văn đoạn trên như sau: 目前菲律賓有一些人所垂涎的南沙羣島, 和東沙·西沙·中沙等羣島一樣, 沒有疑問地是中國的領土。羣島中最大的羣礁, 在中國史籍上是一向以「團沙羣礁」著名的。羣島中最大的太平島, 就是在這羣礁中一個暗礁的上面。南沙羣島一向有中國漁民定期前往捕魚, 採集海產, 并有一些人留在島上居住。

Rất tiếc không có lời chú dẫn nên không rõ chủ trương trên đã căn cứ vào sự tích nào của Trung Quốc, nhưng có một sự kiện không ai phủ nhận được là quần đảo Trường Sa ngày nay tọa lạc ở một vị trí gần với Phi Luật Tân và Việt Nam hơn là với Trung Quốc.

Và lại, dù cho Hoàng Sa và cả Hoàng sa không thể hoàn toàn thuộc về lãnh hải của Chiêm Thành đi nữa, thì vẫn còn một sự kiện không sao phủ nhận được đó là những mối liên hệ lịch sử của hai quần đảo trên đối với Chiêm Thành. Thực thể Chiêm Thành vốn là một nước nghèo nàn nhưng có vị trí địa lý ở vào ngã ba những hải lộ trọng yếu tại Viễn đông, lại là một dân tộc thích biển và giỏi nghề đi biển nên đã từng làm giàu được bằng hải thương và cả bằng nghề hải khấu nữa. Đặc biệt từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ X, dân này đã kiểm soát được không những nghề

buôn bán hương liệu giữa Nam Dương và Trung Quốc. lại cả nghề buôn bán tơ lụa, cũng bằng đường biển, giữa Trung Quốc đời Đường và Vương Triều A Rập Abbasides vị trí ở Baagdad từ năm 762 mãi đến năm 1258. Ngoài ra, họ lại đã từng xuất cảng sang Tàu và nhiều nước A Rập nhiều thô sản của nước họ như ngà voi và gỗ trầm hương. Trong những chuyến đi buôn trên đường biển, tất nhiên họ đã không thể không qua vùng Trường Sa và Hoàng Sa được. Vậy hai quần đảo này, đã là hai cứ địa kinh tế của dân Chăm trước khi thuộc chủ quyền Việt Nam.

e) Riêng về Trường Sa, sau khi được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam trễ nhất vào thế kỷ 15 như vừa nói tới bên trên, đã được đặt tên chữ là Trường Sa, trong khi tên nôm Cù Lao Cát Dài (Yài) vẫn được thông dụng ở cửa miệng dân chài vùng duyên hải Trung Việt.

Kể đến, dưới triều Nguyễn, để tránh khỏi có sự lẫn lộn giữa danh xưng Vạn Lý Trường Sa vốn đã được áp dụng từ lâu về trước cho quần đảo Hoàng Sa, danh xưng Hoàng Sa nhất danh là Bãi Cát Vàng đã được dành riêng cho quần đảo Hoàng Sa, còn danh xưng Vạn Lý Trường Sa chỉ được dùng riêng cho những hòn đảo ở xa về phía Nam quần đảo Hoàng Sa, tức là quần đảo Trường Sa ngày nay. Vị trí Nam Bắc đối nhau đó của hai quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa lại được ghi rõ trên bản đồ Đại Nam Nhất Thống Chí Toàn Đồ. Riêng về quần đảo Hoàng Sa, lại đã được thương nhân người Bồ Đào Nha mệnh danh cho là quần đảo Ilhas do Parcel(Pracel). Parcel có nghĩa là đá ngầm (ám tiêu) và danh xưng này đã thấy xuất hiện lần đầu tiên trên bản đồ bán đảo Đông Dương do anh em Van Langren, người Hoà Lan ấn hành năm 1595 và đã được vẽ nên nhờ ở những tài liệu của người Bồ Đào Nha nổi gót nhà hàng hai trứ danh Vasco do Gama, là người Âu tiên phong thám hiểm tìm kiếm được đường biển đi Ấn- Độ(1498).

Kể đến, người Pháp lại dùng danh từ xưng Pracels phiên âm tự tiếng Bồ Đào Nha ra để chỉ quần đảo Hoàng

Sa của Việt Nam. Trong cuốn *Mémoire sur la Cochichine*. J. B. Chaigneau (1769-1825) có chép như sau:

La Cochichine dont le Souverain porte aujourd'hui le titre d'Emmpereur comprend la Cochichine proprement dite, le Tonkin....quelques îles habitées peu éloignées de la côte et l'archipel des paracels. nghĩa là "xứ Giao Chi China mà Quốc Vương nay đã xưng Đế hiệu gồm có chính xứ Giao Chi China, Bắc Hà;...vài hòn đảo dân cư thưa thớt cách bờ biển không xa cho lắm và quần đảo Paracels". Trong cuốn *Uivers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes*(1833). Giám Mục Taberd cũng đã ghi rõ như sau: Nous n'entrèrons pas dans l'énumération des principales îles dépendantes de la Cochichine. Nous ferons seulement observer que depuis de 34 ans l'archipel des Paracels *nommé par les Annamites Cát Vàng ou Hoàng Sa* (Sable jaune) véritable labyrinthe de petits îlots de rocs et de bancs de sable justement redoutés des navigateurs a été occupé par la Cochichinois, nghĩa là: "Chúng tôi không đi vào việc liệt kê những hòn đảo chính yếu của xứ Giao Chi Chi Na. Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels mà người Việt gọi là *Cát Vàng* (Hoàng Sa) gồm rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau, lở chồm những đá nhô lên giữa những bãi cát đã được người Việt xứ Đàng Trong chiếm cứ, đã khiến những kẻ đi biển phải kinh sợ".

Trong hai đoạn Pháp văn trích dẫn bên trên, có vài điểm đáng chú ý.

a) Một là danh xưng Bồ Đào Nha Parcel (Pracel) và danh xưng Pháp Paracels đồng nghĩa với những danh xưng của người Tàu như Thạch Đường nghĩa là bức đê, bức tường, bờ rào bằng đá. Do nghĩa đó, có thể suy ra rằng thương nhân người ngoại quốc trước xưa gồm có người Tàu, người Bồ Đào Nha, Người Hoà Lan, người Pháp, v.v...đã từng có những kinh nghiệm đầy lo ngại đối với quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Tàu bè của họ vốn là những chiếc thuyền lớn hoặc tàu lớn có chốt sắt nên họ rất sợ phải qua vùng Hoàng Sa là nơi tục truyền có nhiều chất từ thạch lại là nơi có nhiều đá mọc ngầm dưới mặt biển thuyền tàu lỡ va phải là vỡ. Bởi vậy người Tàu có câu 上怕七洲下怕崑崙. “Thượng phạ Thất Châu, hạ phạ Côn Lôn”, nghĩa là Trên thì sợ Thất Châu, dưới thì sợ Côn Lôn hoặc 去怕七洲回怕崑崙. “Khứ phạ Thất Châu, hồi phạ Côn Lôn” nghĩa là Đi thì sợ Thất Châu, về thì sợ Côn Lôn. Trái lại dân Việt Nam miền duyên hải Trung Việt như đã nói trên thường vượt biển trên những chiếc ghe bầu nên không hề sợ hãi đối với Hoàng Sa và Trường Sa như đã chứng tỏ danh xưng lâu đời của hai quần đảo này mà họ chỉ coi là những bãi cát vàng và cát dài.

b) Điểm nữa đáng chú ý là những sự kiện có liên quan đến người Bồ Đào Nha, Hòa Lan và Pháp từ thế kỷ 16 đã chứng tỏ cổ lai người Tàu không hề có nắm được độc quyền hàng hải trên biển họ mệnh danh là biển Nam Hải. Đánh rằng từ thế kỷ 12 nghề hàng hải của họ đã tiến bộ nhiều nhờ họ bắt đầu biết ứng dụng kim chỉ nam vào việc hàng hải như nhiều sử gia có uy tín thời người Ả Rập đã thực hiện được sự ứng dụng đó từ lâu trước người Tàu. Thực tế, tuy người Tàu đã biết chế ra xe chỉ nam từ đời nhà Chu nhưng theo sự khảo cứu của J. Chalmers tron Trung Quốc Tạp Chí (China Review, XIX, 52-54) thời sự phát minh thứ xe đó đã không tất nhiên dẫn đến sự đồng thời phát minh la bàn hàng hải. Mặc khác, sử liệu đầu tiên có nói tới người Tàu vượt biển Nam Hải là cuốn 佛國記 Phật Quốc Ký chép truyện Pháp Hiển 法顯 hồi đầu thế kỷ thứ 5 chu du trong 15 năm qua nhiều xứ Trung Á để sưu tầm tài liệu về Phật Giáo. Lúc ra đi, vị cao tăng này đã đi đường bộ nhưng khi ở Ấn Độ trở về Trung Quốc đã đi đường biển trên một chiếc thuyền lớn không phải của người Tàu. Sợ dĩ như vậy là vì nghề hải thương trên biển Nam Hải đã sớm trở nên độc quyền của người Ả Rập. Hồi Giáo đã thấy được du nhập vào địa hạt Quảng Đông trong khoảng từ năm 618 đến năm 626 và đồng thời cũng thấy có nhiều dân

cư A Rập và Ba Tư trong đám kiều dân ngoại quốc tại đó. Hoạt động mậu dịch trên biển Đông Hải (Nam Hải) đó của người A Rập cũng đã được xác nhận trong những tập du ký đầu tiên của người A Rập hồi thế kỷ thứ 9 như tập ký sự chư biên nhan đề là Salsalat altewarykh và ca nhiều cuốn địa chí Tàu đời Tống như cuốn Lãnh Ngoại Đại Đáp của Chu Khứ Phi và cuốn Chư Phiên Chí của Triệu Nhữ Quát. Riêng trong cuốn trên, có chép rằng nghề buôn đương thời trên biển Nam Hải hoàn toàn ở trong tay thương nhân người A Rập cùng nhiều người xứ khác mà họ Chu mệnh danh là Phiên Thương 番商 và Ngoại Di 外夷.

Trong những người “ Ngoại Di ” này, có người Ấn Độ đáng được chúng ta đặc biệt chú ý tới, vì lẽ họ đã từng có quan hệ mật thiết với lịch sử cổ đại Việt Nam. Bên trên có đề cập đến Pháp Hiên đáp thuyền ở Ấn Độ để trở về Trung Quốc. Nhưng Pháp Hiên chỉ là người Trung Quốc đầu tiên, chứ không phải là người đầu tiên vượt biển Đông Hải từ Ấn Độ sang Tàu. Trước Pháp Hiên đã có khá nhiều tăng sĩ Phật Giáo từ Ấn Độ tới Giao Chi hoằng dương đạo Phật. Dưới đây chúng tôi xin dẫn ra vài chứng cứ.

Theo 羅香林 La Hương Lâm, soạn giả cuốn 唐代廣州光孝寺與中印交通之關係 Đường Đại Quảng Châu Quang Hiếu Tự Dữ Trung Ấn Giao Thông Chi Quan Hệ (1960) trong thời gian ngót một nghìn năm từ đầu đời Hán tới cuối đời Đường, Phật Giáo Ấn Độ và nghệ thuật Ấn Độ đã từng du nhập vào Trung Quốc qua bốn con đường chính là con đường Đôn Hoàng 敦煌道, con đường Vĩnh Xương 永昌道, con đường Giao Quảng 交廣道 và con đường Thanh Châu Đạo 青州道. Sớm từ đời Tây Hán vùng Giao Quảng và Ấn Độ đã từng có sự giao thông với nhau bằng thương thuyền Ấn Độ và thấy chép trong Hán Thư của Ban Cố, những thương thuyền này thường cập bến ở Nhật Nam và ở Từ Văn thuộc châu Hợp Phố là hai địa điểm của Giao Châu. (còn tiếp, xin đón đọc năm tới)

NÉT ĐẤT QUI NHƠN

(BÀI XUỐNG)

*Qui Nhơn phong cảnh đẹp xưa nay,
Núi biển trùng vây khéo vẽ bày.
Nét đất lười liềm say sóng nước,
Phố đường thẳng iấp rạng trời mây.
Đôi cầu, đôi tháp trên sương tuyết,
Cửa Tĩnh, cửa Ty trái tháng ngày.
Tiếng súng oai hùng tan giặc đến,
Văn chương khoa cử lắm người hay.*

MINH TÂN PHẠM HÀ HẢI

QUI NHƠN XƯA VÀ NAY

(BÀI HỌA)

*Qui Nhơn phố biển bao đời nay,
Phong cảnh non cao cảnh trải bày.
Kìa, núi Phương Mai nghiêng bức gấm
Đây, đồi Ghềnh Ráng chọc vừng mây.
Thị thành xe cộ chen màn nhện
Chợ búa gian hàng rộn cả ngày.
Du khách vãng lai in giếng mắt.
Đường Thi lưu niệm những vẫn hay.*

BS TRẦN NHƯ LUẬN

Người Việt ở Phi châu

Thái Công Tung

Sau năm 1975, người Việt đã ồ ạt bỏ nước ra đi tìm tự do và được nhiều nước mở rộng đón tiếp trong đó có thể kể Mỹ, Canada, Pháp, Đức, Bắc Âu (Na Uy, Đan Mạch), Úc. Tuy vậy, ít người biết đã có người Việt ở Phi Châu từ năm 1954 ! Lại cũng có nhiều người Việt sang Phi Châu làm ăn buôn bán. Và sau năm 1975, lại thêm chuyên viên Việt Nam làm việc tại Phi Châu trong đó có tác giả bài này . Tóm lại có 3 'loại hình' người Việt ở Phi Châu:

1. Người Việt lấy chồng Phi ở Phi Châu

Thực vậy, trong đoàn quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam từ 1946 đến hiệp định Genève năm 1954, có lính da đen trong đó, thường được gọi chung chung là tirailleurs sénégalais; một số lấy phụ nữ Việt Nam. Sau hiệp định Genève 1954, lính Pháp rút về nước và số phụ nữ Việt chồng là người Phi Châu cũng trở về theo chồng ..Tại Dakar, thủ đô Sénégal, một hôm đang đi công tác tại đó, tôi đang đọc báo địa phương, tình cờ đang lướt qua tờ báo thấy các chữ Dalat, Saigon, Gia Định, tôi càng chú ý đọc thêm mới hay tác giả bài báo là một phụ nữ lai giữa Phi và Việt, và viết ra câu chuyện trên, phỏng theo chuyện do bà ngoại kể chuyện lại. Bà phụ nữ lai này nói được tiếng Việt, nhờ bà ngoại ! Ở Bamako, thủ đô xứ Mali, có nhiều người Phi-Việt (cha Phi châu, mẹ Việt) làm lớn như chủ nhiệm một tờ báo thủ đô, giám đốc Thông tấn xã Mali . Người cha, chết rồi, bà mẹ còn sống và tôi có đến thăm. Cộng Hoà Trung Phi có Tổng Thống Fidel Bokassa, trước kia đi lính cho Pháp ở Việt Nam, có vợ Việt và có con gái đẻ tại Việt Nam tên là Martine, sau này, làm Tổng Thống, nhờ Toà Đại sứ

Pháp ở Saigon tìm giùm mới khám phá ra Martine: người kiếm ra đầu tiên không phải là Martine con gái của Bokassa, mà phải kiếm thêm lần sau mới là chính con Bokassa .Đi máy bay Air Afrique từ Phi Châu qua Paris, nếu gặp người Phi Châu mà nước da đen rất nhạt thì xác suất người đó có dòng máu Việt trong người khá lớn !(tôi đã hỏi tình cờ như vậy trong máy bay, thế mà đúng)

2. Người Việt qua buôn bán.

Nói đến người Việt ở Phi Châu, phải đề cập đến các quán cơm Việt Nam; nhiều nhất là ở Abidjean, thủ đô Côte d'Ivoire ; mở niên giám điện thoại thành phố này ra thì có nhiều quán ăn như Le Haiphong, le Hanoi, le Nam định. Các thủ đô như Bamako (Mali), Dakar (Sénégal), Niamey (Niger), Guinée Conakry v.v. đều có quán cơm Việt Nam do nhiều người Việt ở Pháp qua đó làm ăn, rất phát đạt

3. Người Việt làm chuyên viên

Tác giả bài này nằm trong loại hình thứ ba này

Vào thời đệ nhị thế chiến, tôi là học sinh trường tiểu học tại một huyện vùng gò đồi của đồng bằng duyên hải Trị Thiên . Ngoài một giải đất phù sa hẹp chạy dọc theo những dòng sông ngắn phát xuất từ dãy Trường Sơn thì toàn những dãy đồi bát úp nghèo nàn, với rừng cây thú sinh cao vài mét, có nơi thảo nguyên với cỏ tranh. Gần phía chân núi thì đó là thiên đàng hạ giới về sự đa dạng muông thú: cọp, beo, hươu, nai, chim công, trĩ, gà rừng, heo rừng .Cọp thường hay núp trong các vùng cỏ tranh bắt người, bắt súc vật. Khí hậu vùng quê tôi thì khắc nghiệt: mùa hè gió Lào thổi nóng khô đất, khô cây; mùa đông, gió lạnh rin rít chưa kể lụt lội . Bệnh tật thì sốt rét hoành hoành, vì lúc đó, không có thuốc thang.

Quê tôi thời đó 1940 nghèo lắm. Chúng tôi đi học không guốc không giày. Rất ít nhà gạch. Lúc đó chiến tranh thế

giới thứ hai bùng nổ, Pháp thua trận với Đức; thống chế Pétain lãnh đạo nước Pháp. Riêng ở Đông Dương thì Pháp vẫn cai trị và học sinh khi đứng chào cờ thường hát bài sau đây mà tôi chỉ nhớ lờ mờ mấy câu:

Maréchal, nous voilà

Devant toi, le sauveur de la France

và cũng hát bài quốc ca Việt Nam, còn gọi là Đàng Đàng Cung:

Kìa, núi vàng bể bạc

Có sách Trời, sách Trời định phần

Một dòng ta, gầy Non Sông vững chãi

Đã ba nghìn sáu trăm năm

Bắc Nam gồm một nhà:

Con Hồng, cháu Lạc

Văn Minh đào tạo

Màu gấm hoa càng đượm

Rạng vẻ dòng giống Tiên Long

Bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Duy (có trình đọc thơ ở New York và vài nơi khác) vừa hiện thực, vừa châm biếm cho thấy một làng mạc thuở ấy :

Làng tôi xưa toàn nhà tranh vách đất

Bãi tha ma không một cái mả xây

Mùa gặt hái rơm nhiều thóc ít

Lũ trẻ chúng tôi vầy đất tối ngày

Thuở đến trường cũng đầu trần chân đất

Chữ viết loảng ngoảng củ sắn ngọn khoai

Thầy giáo giảng dạy rằng

Nước ta giàu lắm!

Lốp lốp trẻ con cứ thế học thuộc bài !

(Đánh thức tiềm lực)

Tôi nghĩ các mô tả trên kia cũng áp dụng được cho thế hệ những học sinh Bình Định thời tiền chiến .

Từ một đồng bằng nhỏ bé, 'quê em nghèo cát trắng, ruộng nghèo không đủ thóc, vườn nghèo nong tầm thưa, ngõ buồn màu hoang loạn' (nhạc Phạm Duy), thì cũng không ngờ vào thập niên 1980, tôi đã lặn lội nhiều nơi ở châu Phi. Châu Phi ? Đúng thế! Cũng không ngờ vì lúc học ở Trung học tại trường Quốc Học Huế, năm Đệ Nhị (lớp 11) chương trình Địa lý học về Việt Nam, năm Đệ Nhất (tức là lớp 12 sau này), chương trình Địa lý chỉ có học về các cường quốc kinh tế chứ không học về Phi Châu nên cũng chẳng để ý gì về Phi Châu, ngoại trừ khi đọc báo có thấy tên lực sĩ như Abelee Bikila của Kenya đoạt giải chạy Marathon nhiều lần.

Phi Châu có nhiều xứ trước kia là thuộc địa Pháp như Mali, Guinée Conakry, Sénégal, Niger, Tchad, v.v., có xứ thuộc địa Bỉ như Zaire, Rwanda, Burundi, có xứ thuộc địa Anh như Kenya, Uganda, có xứ thuộc Bồ đào Nha như Angola, Mozambique

Tôi có dịp đi làm chuyên viên nông nghiệp ở nhiều xứ lục địa Phi Châu, nào Đông Phi như Rwanda, nào Tây Phi như Guinée Conakry, Guinée Bissau, nào miền Sahel ở Nam Sahara như Niger, Mali .

Khi nói đến châu Phi, ý niệm đầu tiên của mọi người là nóng, nóng, mặt trời ..Thực ra, Phi Châu cũng có nhiều vùng khí hậu mát mẻ lắm như các cao nguyên xứ Ethiopie, các cao nguyên Kenya, Rwanda, Burundi trồng và xuất cảng nhiều cà phê , nhưng cũng có nhiều xứ nóng cháy sa mạc, gió sa mạc thổi từng cơn mù mịt bụi lốc mù trời như ở các xứ nam sa mạc Sahara. Nhưng hãy nói đến dự án tôi làm đầu tiên ở Rwanda. Rwanda là một xứ nhỏ, nằm trên đường xích đạo, gần các xứ như Kenya, Uganda ; dự án này mục đích là biến cải một vùng hoang vu, có vài con suối chảy, có vài chỗ đầm lầy, nơi trú ẩn di chuyển của sư tử, hươu sao, nai, ngựa rằn thành một vùng trồng lúa, có hệ

thống tưới tiêu, phân phát đất cho dân nghèo không ruộng nương; thoát dầu phải xây đập nước nhỏ ngăn suối, đào kênh mương tưới, tiêu sau khi đã làm bản đồ địa hình tỷ lệ xích lớn, phóng nọc, nhắm hàng trước khi đào kinh rồi đến phát đất, rồi đến chỉnh trang khu vực, hướng dẫn nông dân Phi Châu trồng lúa và thu hoạch..Đó là một dự án huy động nhiều chuyên viên Canada, riêng tôi lo phần nông nghiệp; tôi có du nhập một giống lúa năng suất cao và hướng dẫn nông dân trồng lúa với kỹ thuật như bón phân, tưới ruộng theo thời kỳ sinh trưởng. Một nhà báo Canada, trong tờ Le Devoir ở Montreal, năm 1986, có nhắc đến dự án này với tên tôi, trong một thiên phóng sự về Phi Châu .Các bạn nào học Pháp văn có dịp ôn lại Pháp văn cho vui, trong bài báo tựa đề ‘ De l’université à la rizière’:

‘Une région fortement marécageuse coincée entre les vastes savanes herbeuses du Parc National de l’Akagera (où s’ébattent lions, antilopes et buffles) et les collines onduyantes de la frontière ougandaise. Un vrai projet pour faire vibrer l’âme des coopérants canadiens toujours sollicités par le vertige qu’inspire l’appel des grands espaces vierges...Pourtant ce fut un coopérant d’origine vietnamienne ‘Oncle Thai’ qui réussit à implanter une variété de riz particulièrement résistante aux parasites après l’échec des emblavures et des plants de pomme de terre’.

Sau này tôi được biết nông dân cứ gọi tên giống lúa ấy là ‘Oncle Thi’ .Ấu cũng là một an ủi tinh thần lớn. Nhờ thành công như vậy nên vào năm 1988, một công ty kỹ sư cố vấn khi tham gia đấu thầu một dự án nông nghiệp ở Rwanda cũng để tên tôi vào danh sách nhân viên tham gia vào dự án. Có thể nhờ vậy mà chính phủ Canada đã chọn và tôi lại đi trở lại xứ ấy một lần nữa nhưng ở Ruhengeri. Ruhengeri rất gần một công viên quốc gia bảo tồn một loài khỉ họ hàng xa gần với tổ tiên loài người . Đó là loài khỉ giả

nhơn (gorille, gorila). Trước kia có một cô người Mỹ tên Diane Fossey đã từng ở nhiều năm trong công viên trên để nghiên cứu sự sinh trưởng bộ tộc loài khỉ đó và sau này một phim có thuật lại đời sống của Diane Fossey trong phim *Gorila in the mist*.

Trong những dịp đi làm việc đây đó ở Phi Châu, tôi có dịp gặp (hoặc được nghe nói) nhiều chuyên viên Việt Nam đủ mọi ngành sau tháng tư đen : giáo dục, kinh tế, lao động, ngân hàng v.v. Về ngành Giáo dục, tôi có gặp ở Rwanda ông **Trần Lưu Cung**, trước làm Thứ Trưởng Giáo dục Kỹ Thuật, ông **Châu Tâm Luân**, trước giáo sư Trung Tâm Giáo dục Nông Nghiệp làm cho Tổ chức Lao Động Quốc Tế. Về ngành Công chánh có ông **Bùi Hữu Tuấn**, trước Đồng lý văn phòng Bộ Công Chánh, sau làm ở Sénégal, ông **Dương Kích Nhưỡng** làm Tổng Trưởng Bộ này, sau làm bên Cameroun, ông **Phạm Hữu Vĩnh**, trước làm Tổng Thư Ký Bộ Công chánh sau có lúc làm ở Algérie. Về ngành Canh Nông có ông **Tôn Thất Trình**, Tổng Trưởng Canh Nông, có lúc làm bên Mauritanie, sau ở Dakar (Sénégal), có ông **Đoàn Minh Quan** với chức vụ sau cùng là Thứ Trưởng Bộ Nông Nghiệp, làm ở Mali, sau qua làm Madagascar. Khi xứ Côte d'Ivoire lập nhiều nhà máy đường, có nhiều chuyên viên Việt Nam cũng sang làm việc bên đó như ông **Nguyễn Tấn Nam**, trước kia làm Tổng Giám Đốc Công Ty đường Bình Dương, ông **Võ Ngọc Trước**, giáo sư Đại học Nông Lâm Saigon về môn Biến chế thực phẩm.

Cũng có các chuyên viên Việt Nam tốt nghiệp bên Âu Châu (Bỉ, Pháp, Thụy sĩ), tốt nghiệp xong, không về nước, qua châu Phi làm việc. Các nước Phi Châu thường thích các chuyên gia Việt Nam hơn vì nhiều lý do: cùng xuất phát từ những nước chậm tiến, hiểu và thông cảm vấn đề hơn, còn các chuyên viên da trắng có vẻ trịch thượng, ta đây, kẻ cả, và vẫn còn giữ hội chúng 'thực dân' như củ (Bỉ, Pháp)

Cùng cần đề ý về phương diện tài chánh, nhiều xứ Phi Châu nói tiếng Pháp đều sử dụng một đơn vị tiền tệ chung gọi là CFA (communauté financière africaine) để hoán chuyển với đồng quan Pháp. Tiện lợi lắm vì cùng tiền đó xài cho nhiều xứ (Mali, Niger, Sénégal, Cote d'Ivoire, Tchad, Gabon). Vì hoán chuyển được với ngoại tệ mạnh nên buôn bán, giao thương rất tiện lợi.

Các xứ Phi Châu có nhiều tài nguyên thiên nhiên: xứ Niger có nhiều mỏ uranium, mà không có chất này thì không có chất liệu cho các nhà máy điện nguyên tử, xứ Gabon thì nhiều dầu hoả và hơi đốt ngoài thêm lục địa, xứ Côte d'Ivoire thì sản xuất nhiều cây cacao làm chocolate, Mali thì có dầu hoả trắng tức bông vải xuất cảng sang Pháp; Guinée-Conakry có nhiều mỏ bauxite trên đất đỏ, nguyên liệu làm ra chất nhôm mà không có nhôm thì không sản xuất máy bay được. Zaire và Cộng Hoà Trung Phi thì có mỏ hạt xoàn. Trung Quốc hợp tác với Mali làm nhiều nhà máy kéo sợi bông vải, chuyên viên Trung Quốc đấu thầu nhiều dự án rất rẽ nên dễ trúng thầu vì lương kỹ sư, lương nhân viên rất thấp. Lúc tôi sang làm bên Mali, đi công tác vào các làng mạc, trẻ con trong làng gặp tôi tưởng là người Tàu nên nhao nhao hỏi 'nỉ hảo, nỉ hảo'? (tiếng quan thoại tương ứng với How are you?).

Cùng xin mở dấu ngoặc ở đây. Vào các làng mạc Phi Châu, họa hoằn lắm mới gặp ông bà già. Thực vậy, tuổi thọ trung bình người Phi Châu không cao, chỉ quãng 55 tuổi là chết vì thiếu thuốc thang, nhà cửa nhếch nhác, dinh dưỡng kém. Phần lớn các xứ Sénégal, Mali, Niger đều theo đạo Hồi nên một ông có thể lấy 2 hay 3 bà vợ.

Các dự án Trung Quốc đấu thầu trúng thường là các dự án xây đường sá như ở Rwanda, dự án đào giếng cấp nước sinh hoạt như ở Mali. Các chuyên viên Trung Quốc tới đâu thì việc đầu tiên là làm hàng rào, không tiếp xúc với

ai; có thể là đường lối Cộng sản sợ ô nhiễm văn hoá Tây phương; đi chơi thì đi theo đoàn 2, 3 người để dễ kiểm soát lẫn nhau ..

Đã nói về Phi Châu là phải nói đến nhiều loài thú hoang dã như Kenya có sư tử, hươu, ngựa rằn, trâu nước, heo rừng, trâu rừng v.v.. Đây chính là loại du lịch hấp dẫn rất nhiều du khách Âu Châu . Chỉ tiếc là nhiều xứ loạn lạc liên miên nên du khách là đối tượng của nhiều vụ khủng bố chứ không đây là một ngành dịch vụ có nhiều tiềm năng của châu Phi. Loạn lạc là vì trong một xứ có nhiều bộ lạc, mỗi bộ lạc có ngôn ngữ riêng, ganh ghét nhau, tranh giành nhau . Vì nhiều ngôn ngữ trong một nước nên tại các xứ thuộc địa Pháp, chuyển ngữ chung để thông đạt là tiếng Pháp: tổng thống thuộc chủng tộc này, tổng trưởng thuộc chủng tộc khác, nên nói chuyện với nhau phải sử dụng chung một chuyển ngữ là tiếng Pháp. Các nước thuộc địa Anh thì cũng dùng chuyển ngữ tiếng Anh

Tục ngữ ta có câu ‘*đi một ngày đàng, học một sàng khôn*’; những gì học ở trường học giúp ta có một vốn liếng căn bản về học vấn, nhưng khi ra đời, chung đụng với đủ mọi người, cấp bậc khác nhau ở Phi Châu, từ ông préfet (tỉnh trưởng) khó tính đến cán bộ lem nhem , mỗi xứ có tập tục riêng, văn hoá riêng thì khoa học chuyên môn không đủ mà tính linh động, thích nghi, hoà đồng, tức các ‘soft skill’ rất quan trọng; giữa các ‘hard skill’ và ‘soft skill’ có tương quan chặt chẽ trong khi làm việc; tuy nhiên, điều quan trọng là trong những ngày tháng ở Phi Châu, nếu gặp được người Việt dù trẻ, già mà nói với nhau bằng tiếng nói của quê hương, ‘*tiếng nước tôi, bốn ngàn năm rồng rã buồn vui*’ thì rất sung sướng, mà nếu có những người cùng nói ‘mô, tê, răng, rứa’ thì càng cảm động hơn, vì được nghe lại tiếng của lời mẹ ru, ru mây vào hồn..

THÁI CÔNG PH

TÂM SỰ

Quê người thắm thoát mấy năm qua
Dạ lướng băng khuâng nỗi nhớ nhà
Nghĩa nặng tình thâm yên giấc mẹ
Ơn dày sâu thắm nặng lòng cha
Công danh đâu nữa tan bèo bọt
Sự nghiệp còn chằng bóng nhạt nhòa
Lòng vẫn chưa nguôi cơn quốc biến
Tâm tư trĩu nặng gánh sơn hà.

THỨ TRANG



Độc Thơ THỰC ĐIỀM

Tôi hân hạnh được nhà thơ Thực Điềm gửi tặng bốn tập thơ của ông. Tôi lần lượt đọc và thưởng thức thơ ông từ tập đầu tiên *Khung Trời Lặn Đạn*, rồi đến *Bóng Trăng Tà, Cõi Vô Thường*, và cuối cùng là tập *Kiếp Phù Du*.

Nhiều người còn xa lạ với cái bút hiệu "Thực Điềm". Không biết nhà thơ là ai? Có người bạn hỏi tôi rằng: "Bút hiệu này là của ông hay của bà?". Tôi trả lời một cách đùa cợt: "Nửa ông nửa bà". Tuy đùa nhưng trên chữ nghĩa là thật. **Thực** là tên của ông và **Điềm** là tên của bà, người vợ ông rất yêu mến đã vĩnh viễn ra đi trong những ngày tháng chờ đợi lên đường, để chỉ còn ông trên bước đường phiêu bạt.

Nhà thơ Thực Điềm tên thật là Trần Thực, là một công chức ngành Tư Pháp của Việt Nam Cộng Hòa, làm việc tại Tòa Án Sơ Thẩm Bình Định trước năm 1975. Chắc chắn ông không xa lạ với đội ngũ công chức, trí thức và người dân Bình Định.

Tôi nhớ lại lúc còn là một học sinh trung học ở Qui Nhơn, thỉnh thoảng tôi có đến tòa để xem xử án. Tôi nhìn ông trong chiếc áo đen của viên Lục Sự đi lên xuống giữa các dãy ghế ngồi. Lúc đó tôi rất sợ thẩm quyền của những giới chức trong chiếc áo thụng đen. Nhưng khi nhìn mặt ông với vẻ hiền hậu, tôi không còn lo ngại khi ông tiến đến gần.

Bốn tập thơ của nhà thơ Thực Điềm đã ra đời trong những năm tháng ông lưu lạc xứ người. Thơ ông thể hiện tâm trạng của một người cao niên, suốt đời gắn bó với quê hương, nhưng nay phải trải qua cuộc sống tha phương,

cô độc. Việc hội nhập vào một xã hội có một nền văn hóa khác hẳn với tập tục cổ truyền của mình không phải là một điều dễ dàng đối với người già. Nhưng càng ngao ngán khi ở lại với quê hương với một chế độ luôn coi mình như là kẻ cựa thù:

Ôi thôi tạo hóa khéo an bài,
Đưa đẩy thân tàn đến chốn đây.
Đất khách nhìn xem ngao ngán nhĩ!
Quê ta gắm lại ảm ê thay.

Thoát khỏi những ngày tháng đen tối trong lao tù Cộng Sản, nay lại chịu cảnh tha phương. Nhà thơ đã phân trần:

Sáu năm cải tạo teo gan mật,
Ba tháng lưu vong héo mặt mày.

Ra đi, trước là để thoát khỏi chế độ cầm quyền sau là đoàn tụ với con cháu, nhưng khi đến xứ nầy tình huống lại khác. Đoàn tụ nhưng không sống chung hay gần gũi với con cháu, vì nền kinh tế của đất nước nầy đã cuốn hút con người vào công ăn việc làm và sinh sống. Con cháu không còn thì giờ để lo cho cha mẹ, ông bà. Hơn nữa, tập quán xứ nầy không tôn trọng cuộc sống đại gia đình. Nhiều thế hệ cùng sống dưới một mái nhà không còn tồn tại. Người già phải chịu cảnh cô đơn:

Đoàn tụ sang đây thật lạ kỳ,
Cả đàn con cháu sống phân ly.
Cuối đời thui thủi đau buồn lắm,
Hết kiếp lưu vong thích thú gì.

Không còn thú vui gia đình, trong cuộc sống trống vắng nên nhà thơ đã quay về với quá khứ:

Mịt mù cố quận cách đôi bờ,
Nhớ thửa học trò tựa giấc mơ.
Trường cũ rộn ràng trong nắng ấm,

Làng xưa êm ả dưới trăng mờ.

Nếu nói thơ là người thì thơ Thục Điềm đã phản ảnh nét đặc thù này. Nhìn lại thân thế và tuổi đời, nhà thơ đã than thở:

Thân thế cuốn theo giòng tuế nguyệt,
Nhìn quanh thoát đã cuối chương đời.

Cuối chương đời nhưng vẫn mang kiếp sống ly hương và nỗi buồn vong quốc:

Âm đạm một trời thu viễn xứ,
Mối hờn vong quốc trĩu không nguôi.

Vong quốc nên phải ra đi, song lòng vẫn hướng về cố quốc:

Cứ mỗi mòn trông về cố quốc,
Những ngày xưa cũ giấc mơ hoa.

Nhưng neo về còn xa cách và cảnh lạc loài vẫn vương mang:

Lá vàng che lối về quê cũ,
Lạc bước lang thang khách nhớ nhà.

Nhà thơ đã trần trở với nỗi cô đơn khi tết đến xuân về trên đất khách:

Bếp nguội tro tàn không khói lửa,
Bàn thờ lạnh ngắt chẳng hương trầm.
Thân già một bóng cô đơn sống,
Con cháu xuân này biệt mất tăm.

Tùng mùa xuân vô vị trôi qua với tuổi già chồng chất, còn đâu những mùa xuân trên quê hương với gia đình và bằng hữu:

Ba mươi bó gối trong cư xá,
Mồng một lê chân khắp phố phường.
Tết vắng gia đình buồn khú đế,
Xuân không bằng hữu nhuộm sầu vương.

Thơ của Thục Điềm còn phản ánh những giai đoạn lịch sử của quê hương mà tác giả là chứng nhân. Trong bài *Thăng Trầm Theo Vận Nước*, tác giả đã cho chúng ta thấy cái cảnh khủng khiếp của những đợt "Phóng Tay Phát Động Quần Chúng" của thời Việt Minh cầm quyền:

Khủng khiếp nào hơn đợt phóng tay,
Đấu tố gây bao cảnh đọa đày.

Những hành động mang đầy tính "Đạo đức Cách Mạng" đã diễn ra trên quê hương như cơm bữa:

Trí phú, địa hào nhiều uy tín,
Thành phần đảng muốn diệt trừ ngay.
Bắt họ quỳ bò dân mắng chửi,
Hét hò đánh đập chẳng ghê tay.

Đất nước qua phân trên 20 năm, lịch sử lại tái diễn với Miền Nam Việt Nam năm 1975. Với *chiêu bài giải phóng*, nhà cầm quyền Cộng Sản đã đưa đất nước vào vòng khốn khổ, tù đày. Tác giả cũng chính là nạn nhân của cái trò "Học tập cải tạo" mà ông đã phơi bày cái bản chất của nó:

Bày chi cải tạo trò xương máu,
Đất Việt rơi vào cảnh tối tăm.
Khoát lác khoe khoang: đời giải phóng,
Tù đày chết chóc đến nghìn trăm.

Một điểm son nữa mà tôi tìm thấy trong thơ của Thục Điềm là tình nghĩa vợ chồng. Nó không phải là loại tình nóng bỏng bốc cháy để rồi tan rã như bọt bèo. Nhưng là mối tình chung thủy, vương mang đến bạc đầu. Nhà thơ luôn mang nỗi niềm thương nhớ khi người bạn đời trăm năm đã mất:

Nhớ lại năm xưa đủ vợ chồng,
Bây giờ bóng lẻ sống lông bông.
Người đi để lại thời yêu dấu,

Kẻ ở vương mang thuở mặn nồng.

Trong bài *Khóc Vợ*, tác giả đã nói lên tâm tình của mình đối với hiền thê đã mất:

Đồng cam cộng khổ cùng chia sốt,
Mong sống bên nhau đến bạc đầu.
Nghĩa nặng tình thâm sao kể xiết,
Nỗi niềm càng nghĩ lại càng đau.

Qua bốn tập thơ của nhà thơ Thục Điềm, ngoài các bài thơ sáng tác còn có phần xướng họa và phần dịch thuật thơ cổ. Chúng ta thử thưởng thức tài họa thơ của ông qua bài họa sau đây:

Bài xướng: **Lẻ Điệu**

Lạnh lẽo sông thu tiễn lá ngàn,
Mây thu vờn vẽ khói trần gian.
Có tơ ai nhớ công tầm khổ,
Không mật đành chê cảnh bướm nhàn.
Gió bắc mĩa mai lòng bạch nhận,
Bóng chiều ngơ ngáo phận hồng nhan.
Con thuyền bến lách không tri kỷ,
Để lẻ trong sương mấy điệu đàn.

Quách Tấn

Bài họa: **Thoáng chốc**

Trắng lạnh mù sương phủ ngút ngàn,
Hồi chuông êm ả vọng không gian.
Trong vòng tục lụy luôn mê khổ,
Ngoài chốn quan san mãi hưởng nhàn.

Xuân đến xanh tươi đời thực nữ,
Đông san khô héo kiếp hồng nhan.
Cuộc đời thoáng chốc như cơn mộng,
Gió thoảng tan theo nửa nhịp đàn.

Thục Điềm

Kiếp Phù Du là tập thơ cuối của nhà thơ Thục Điềm. Tác giả đã chia sẻ tâm sự với người đọc qua lời tựa của ông: "Thì tập *Kiếp Phù Du* phảng phất một nụ cười chua cay, pha lẫn với tiếng thở dài của một người già đang chờ đợi ngày về với quê hương và cát bụi." Nhà thơ đã nói lên cái hư thực của cuộc đời:

Bâng khuâng mộng thực đời hư ảo,
Một thoáng phù du lá rụng vèo.

Về niêm luật của các bài thơ thuộc phần sáng tác, tác giả cũng đã khẳng định trong lời mở đầu của tập I rằng hầu hết các bài thơ sáng tác được viết theo thể Cổ Phong, một lối thơ không thể lệ và niêm vận chặt chẽ.

Sau khi đọc xong tập thơ cuối, tôi nhận thấy thơ ông là tiếng lòng, tiếng nói bình dị gần gũi với mọi người và không có những điển tích khó hiểu. Nó đi vào lòng người đọc như là một món ăn hợp khẩu, nhất là đối với những ai đã cùng chung một hoàn cảnh lịch sử, những thăng trầm và đổi đời như ông. Tôi trân trọng giữ những tập thơ này như là một món quà quý vì tôi đã cảm nhận và chia sẻ khi đọc những vần thơ của nhà thơ Thục Điềm.

QUÁCH TỨ

NHỚ ƠN

*Từ khi là bé ấu thơ.
Mẹ cha ao ước con khôn lớn nhanh.
Nhớ ơn dưỡng dục sinh thành.
Suốt đời lo lắng nhọc nhằn xiết bao.
Ơn thầy giáo dục cũng cao.
Anh em thân thích lẽ nào dám quên.
Giờ đây gặp được vận hên.
Nhớ ơn tình cũ đã quen thuở nào.
Nhớ ơn bạn, nhớ ơn người.
Nhớ khi công tác vui cười vẻ vang.
Nhớ ơn dòng nước Côn – Giang.
Phù sa tốt lúa muôn ngàn cá bơi.
Nhớ ơn nay được thanh thoi.
Mong sao dân chúng sống đời văn minh.
Giờ đây lại nhớ đến mình.
Xa quê lưu luyến nặng tình nước non.*

MỸ VÂN

CÁI NHÀN THỜI TOÀN CẦU HÓA

*Vài cái mails thôi cũng đủ rồi
Lúc buồn vui với những xa xôi
Trong phòng đã có Internet
Ngoài cửa đâu cần hoa lá tươi
Trà sớm Online tìm báo đọc
Đèn khuya Download ngắm hình chơi
Đôi khi cao hứng vài chung rượu
Dở tỉnh dở say chất bốc trời*

LÊ NGUYỄN PHƯƠNG

MƯA ĐÁ GIỮA ĐỜI

Chiều xuống chậm, những hàng cây cao vút đứng im lìm lơ lửng hai bên lối đi, ánh nắng vàng vọt còn sót lại trên đôi cây, ngọn cỏ như reo vui theo từng nhịp bước chân nàng... Con đường về nhà vắng lặng, Trâm bước vội vàng như sợ màn đêm chụp phủ không gian, nàng sẽ vất vả biết chừng nào vì nàng biết đường về nhà còn xa, ít ra cũng phải đến gần cây số nữa ! Nàng lo cho các con bơ vơ ở nhà, những chuyến hàng trôi chảy, sông sẻ thì Trâm về nhà sớm để lo cho các con buổi cơm chiều, chuyến hàng này gặp rủi ro, bị thuế vụ tịch thu, tổng số tiền vốn của thuốc lá ngoại 555 và thuốc tây cũng không dưới 80 triệu ! Trâm thấy bước chân nặng nề đi không muốn nổi khi nghĩ tới số tiền bị mất kia, hoàn cảnh khó khăn nàng tạo được số vốn đi buôn hàng chuyến này cũng không phải dễ dàng, Trâm đã phải xin mẹ bán đi 10 lượng vàng và chiếc xe PC 50 của nàng.

Từ ngày tập tễnh đi buôn hàng chuyến, Trâm cùng Hoa, cô bạn thân thiết ở Phước Hải, là goá phụ có hai con, chồng sĩ quan tử trận chiến trường Bình Long, Hoa về sống với mẹ cha nơi vùng biển quê nhà, Hoa cũng như Trâm chưa hề biết bán buôn nhưng nhờ lanh lẹ tháo vát cả hai đi thử vài chuyến, thấy trót lọt có lời nên chuyến này dồn hết tiền vốn vào mua nhiều hàng, không ngờ tai họa ập đến bất ngờ cho cả hai, mấy chuyến trước mình cho thẳng lơ xe 50 ngàn, chuyến này lơ đặng quên cho tiền nó, có lẽ vì thế mà nó phản thù mình ! Càng nghĩ càng tức cho mình không chu đáo để ra nông nổi thế này,

Hoa đã khóc thật nhiều chiều nay và mắng Trâm đủ lời cay đắng...

Về đến nhà Trâm thấy các con chưa ăn cơm tối, ngồi ngoài hiên nhà chờ mẹ, nàng xót xa trong lòng ! Mọi lần nàng về là quà bánh cho các con, hôm nay không quà, không còn đồng xu dính túi, Trâm như muốn chết cho xong, những ngày tới nàng phải làm sao đây ? Trâm không ăn cơm nổi nữa, nàng vào phòng nằm vật trên giường thở dài từng chập, từng chập...nào nề !

Mẹ thấy nàng không đi buôn bán hai ngày liền, đoán gặp chuyện không may, mẹ gắng hỏi và khuyên Trâm đừng đi hàng chuyến nữa, Mẹ cho một số vốn buôn bán tại chỗ. Nhân dịp chợ nhà đang sửa sang, nàng đăng ký một sập bán vải đủ loại hàng nhập, hàng nội địa...Nhờ vào duyên buôn bán, Trâm mau chóng phát đạt, hàng ngày nàng bán đến 12 giờ trưa là đã thu được mấy thùng hàng vải nhập từ Mỹ về hoặc vải của cửa hàng nhà nước xuất ra. Trâm mang về Chợ Lớn bỏ mối bán sỉ rồi tự chọn những mặt hàng nhập thật lạ về bán lẻ trên sập của nàng – Hàng vải mua vào thì Trâm không kén chọn, bất cứ màu sắc dị kỳ, rằn ri, lập thể, cứ các chị chợ trời đưa chủ hàng vào là Trâm đưa tiền cò ngay không cần coi hàng như thế nào, hàng càng lạ lùng nàng bán càng độc quyền và giá cao vì không ai có... Bởi vậy nàng có hàng liên tục để mỗi ngày mỗi mang hàng lên Chợ Lớn bỏ sỉ và mua hàng mới về bán. Những bạn hàng xung quanh thấy Trâm luôn có hàng lạ và bán rất chạy, lời gấp đôi vì không ai có, họ nhắn các cô đi bỏ hàng mua cho họ, ba hôm sau mới có hàng bỏ cho họ thì Trâm đã đổi mặt hàng khác, còn họ thì cả chục sập giống hàng nhau bán chẳng được lời, đôi lúc ế hàng loạt...

Thường thì Trâm sau khi lấy hàng xong, nàng đi xe Lam tại Chợ Lớn ra bến xe dù Hàng Xanh về nhà- Hôm đó Trâm

ngồi ngoài cùng của chiếc xe Lam, hai giỏ vải lớn kẹp dưới chân, xe vừa lăn bánh, một tên gian dật ngay sợi dây chuyền trên cổ Trâm, Trâm la lên nhưng ông tài xế cứ chạy thẳng không ngừng lại. Trâm đành mất sợi dây chuyền 5 chỉ mới mua hôm sinh nhật nàng ! Một lần Trâm lấy hàng xong, trời còn nắng nằng ghé mấy quán cóc bên lề đường Hàm Nghi ăn tô bún, nàng lật đật đứng dậy giữ chặt hai giỏ hàng dưới chân vì xung quanh Trâm có ba thằng lưu manh bám sát để chuẩn bị dật đồ. Một thằng dật chiếc nón kết trên đầu Trâm, một thằng xấn tới dật phăng sợi dây chuyền rồi thấy chuyền qua thằng kia chạy mất...dây chuyền đứt rớt lại cái mặt trái tim cẩm thạch, thằng khác thò tay xuống nhặt. Trâm nhanh tay chụp lại mặt cẩm thạch, trống ngực đánh loạn xạ, tay chân thì run lập cập, miệng la lớn “ quân lưu manh, tụi bay không biết tao là ai hay sao hả ? công an đâu, bắt cữ côn đồ nó dám đụng tới bà, chúng nó muốn chết chắc” nàng nói bạo mồm để trấn an mình và để hù dọa lũ côn đồ may ra chúng nó sợ, tưởng nàng là thân nhân của “cóm” mà bỏ đi, nàng gói vội mặt cẩm thạch vào miếng giấy, thằng còn lại bước tới “ chị để em gói hộ cho” Trâm nghiêng rằng “ đừng dờ trò nữa con ạ, tao sẽ kêu công an bắt hết lũ bây ngay bây giờ” vừa nói nàng vừa nhanh chân kéo hai giỏ vải lên xích lô máy chạy thoát ra vùng hiểm địa, thế là Trâm lại mất thêm sợi dây chuyền thứ hai...

Hai tuần sau đó, trong lúc bán hàng tại sập, khách bu quanh, người thì bảo lấy loại này cho xem, người thì bảo lấy loại kia cho xem, bà kia thì đòi cho được khúc vải móc trên hàng dây trên cao, Trâm đứng lên lấy vải, tức thì tên đứng gần giỏ tiền sót ngay cái bóp tiền dày cộm của Trâm định trưá đi lấy hàng, Trâm mất cả hồn vía không bán buôn gì được nữa và không còn tiền để đi lấy hàng Chợ Lớn như mọi lần...Không hiểu sao Trâm không bao giờ

được bình yên, chỉ mấy ngày sau lại bị mất của nữa, có lẽ bọn gian để ý thấy nàng bán chỉ một mình không người phụ, hàng vải thì nhiều nên chúng lưu ý nàng. Buổi sáng mới dọn hàng xong, một đám người ghé sập đứng bu quanh, Trâm cảnh giác tối đa, bỗng thằng nhỏ chừng 10 tuổi bảo “cô làm rớt tiền kìa” Trâm vội cúi xuống lượm tờ giấy 5000\$ thì đám người đứng đằng trước mặt sập vải đã cưỡm đi của nàng gần 10 sấp vải nhập – Trâm tức tối khi rõ ra hành động thằng bé là chim mồi hy sinh 5000\$ để đồng bọn vớt được mấy trăm ngàn chia nhau – tâm hồn Trâm rã rời, của cải mất như cơm bữa, buôn bán khôn ngoan lời nhiều nhưng mất mát thì vô số kể ! Có một lần gom tiền đi lấy hàng, lên đến Sài Gòn Trâm chuyển qua xe Lam vào Chợ Lớn. Ngồi trên xe có khoảng 6 người, ai cũng lom lom nhìn Trâm, nàng lo sợ vội lấy chiếc nón có vành lớn đang đội trên đầu xuống che miệng giở đựng tiền mua hàng, bà ngồi cạnh nàng tự nhiên hát nho nhỏ rồi đẩy dần chiếc nón lá của bà xê dịch che kín chiếc giở lớn đựng bóp tiền của Trâm, hai tay Trâm vẫn đề lên chiếc nón của mình và nón lá của bà đã ụp lên hai bàn tay Trâm – Bỗng Trâm thấy cái giở nhúc nhích, Trâm gạt phăng chiếc nón lá ra thì thấy tay bà rút vội từ trong giở Trâm ra, Trâm trừng mắt nhìn bà, bà tát cho Trâm một tát rồi chửi “ đồ ngu” xong bà nhảy xuống xe đông mất, lần đó Trâm chưa mất tiền nhưng cứ thắc mắc sao bà ta tát mình rồi chửi mình ngu, lẩn quẩn không tìm ra câu giải đáp, Trâm vội vã lấy hàng rồi ra xe về – vẫn phải đi xe Lam vì nàng mang hai giở hàng lớn, ngồi trên xe đã có sẵn 5 người đàn ông lẫn đàn bà, họ đẩy cho nàng ngồi gần người đàn ông ôm khư khư một mâm gì trước bụng, khi xe chuyển bánh được khoảng 5 phút, người đàn ông mở mâm ra rồi lắc bầu cua, tài sủi gì đó Trâm không rành, mấy người trên xe Lam ai

cũng bỏ tiền ra đánh, kẻ ăn người thua, họ cố tình gài bẫy Trâm, xúi Trâm bỏ tiền ra đánh, Trâm từ nào giờ không có máu cờ bạc nhưng không hiểu sao cũng móc tiền ra đánh, người thì cứ ngẩn ngẩn, ngơ ngơ không kèm chế được. Một lúc thì hết tiền, người đàn bà kế bên cũng hết tiền tháo đồng hồ ra đánh, bà ta cũng xúi Trâm tháo đồng hồ ra đánh, nhưng bỗng Trâm hoàn hồn tỉnh táo lại và kêu bác tài “ xuống, xuống, tôi xuống đây” rồi kéo vội hai giỏ hàng nhanh xuống, đứng chờ xe xích lô máy đến để đi tiếp vì thật ra chưa đến bến xe, Trâm sợ lũ quỷ ma này quá nên tìm cách xuống xe mà thôi ! Ai dè khi Trâm xuống là bọn mánh mung kia cũng xuống hết, đi tản mát hai bên lộ... thì ra một lũ lưu manh chuyên gạt người, Trâm vội vàng kêu ngay chiếc xe xích lô máy vừa trở tới mà không cần hỏi giá cả, chỉ mong tránh thật mau lũ người ghê gớm này, may mắn nàng còn số tiền lẻ nhét trong túi quần Jean nên có tiền trả xe xích lô máy và tiền xe về nhà...

Một lần Trâm lấy hàng về, thường thường Trâm ăn mặc rất chải chuốt, nếu không thấy hai giỏ hàng vải ít ai biết nàng đi buôn, nàng mặc Jean, áo thun, đeo kính râm model – Khi chiếc xe đồ nàng ngồi rời khỏi bến được 20 phút, khoảng chỗ gần ra Thủ Đức, bỗng nhiên xe dừng cấp bách vì đằng trước hai tên lạ mang súng mặc quân phục rần rần đứng chặn xe lại. Mọi người trên xe đã biết việc sẽ xảy ra, vì thời gian đó khách đi xe bị cướp bóc rất nhiều, Trâm cũng biết lũ này sẽ lên xe cướp của, tiền hành khách, trên xe khoảng trên 50 hành khách ngồi im thin thít, mặc cho chúng đến từng người một bảo có bao nhiêu tiền đem ra ủng hộ thương binh, ai cũng riu riu trút hết tiền trong túi hoặc trong bóp đưa cho họ. Trâm thì không, nàng rất ghét bọn cướp cạn này nên đứng vững khi chúng đến trước mặt bảo “tiền đâu” Trâm trả lời “ không

có tiền”, tên cao gầy đánh thẳng vào mắt Trâm văng bể cặp mắt kính râm vì chắc nó thấy Trâm xách đeo kính trước mặt nó, chưa yên, nó nói lần nữa, Trâm vẫn trả lời “ không còn tiền” người hành khách ngồi bên run rẩy nhắc Trâm “ chị đưa tiền đi, không thì chết cả lũ đó”, Trâm trừng mắt nhìn tên cướp cạn, quyết không đưa tiền, không hiểu sao lúc đó nàng không sợ gì cả, chỉ có thù ghét chúng mà thôi...thằng cao gầy đưa mũi súng dí ngay vào trán Trâm định bóp cò, bác tài xế chạy lại năn nỉ van xin, nó chưa buông súng xuống thì thằng mập lùn kia đã móc trái lựu đạn ra toan ném vào Trâm...Tình thế quá căng Trâm đành phải móc chiếc bóp ra đưa hết tiền còn lại cho nó, hai thằng mới chịu xuống xe để cho xe chạy. Nghĩ lại mà ớn óc nổi da gà, suýt chút nữa đi chầu diêm dương mà chẳng rõ bao nhiêu người cùng đi vì súng bắn có thể chết lây nhưng lựu đạn là chắc chắn tiêu hao nhân mạng không ít. Về tới nhà Trâm mới biết mình còn sống, nàng có tính gan lì bướng bỉnh đâu sợ điều gì, ngay khi còn sống chung với ông xã, nàng đã từng mang súng loại thật nhỏ lặn trong lưng lên phi cơ đi ra chỗ ông xã đóng quân – Không phải nàng mang súng theo để hăm dọa chồng mà nàng làm như thế là vì lệnh của ông chồng nhờ nàng mang đến cho chàng cây súng chiến lợi phẩm chàng đã thu được từ tay quân giặc – Lúc ấy chiến tranh lan tràn, đi phi cơ bị kiểm soát gắt gao, Trâm đã bị xét hai trạm phi cơ dừng, tưởng đã bị lộ... Bây giờ gặp việc tai ương này, Trâm nhớ lại chuyện xưa mà rùng mình, quân đội mà xét được súng trong người Trâm thì chắc chắn Trâm bị bắt và không chừng bị bắn nữa là khác, làm sao không bị tình nghi là nữ cán bộ Cộng Sản ! Nhớ lại mà toát mồ hôi lạnh, tại Trâm mang trong người dòng máu

liều không biết của cha hay của mẹ, mà mấy phen tưởng tiêu tán đường rồi !

Cách bảy tám năm về trước, Trâm không nhớ rõ lắm, chỉ biết là thời kỳ Cộng Hòa, đất nước chưa bị Cộng Sản chiếm, Trâm đi xe đò từ tỉnh Bình Tuy về...đọc đường gặp mấy anh Cộng Sản, thời đó Trâm chưa từng biết Việt Cộng ra sao, nàng run bắn cả người, trên xe hầu hết là đàn bà con nít, đàn ông chỉ vài người – Mấy ông VC đuổi mọi người xuống xe, leo lên xe xét đồ đạc và xét hành lý cá nhân của mỗi người, khi xét đến Trâm, họ có vẻ nghi ngờ nàng là thân nhân của Cộng Hòa, xốc tận đáy giỏ và họ đã nhìn thấy 2 bộ đồ trện của chồng nàng còn mang nguyên bảng tên thêu trên nắp túi, ông xã của Trâm có cái tên thật lạ lùng mà có lẽ không bao giờ có ai trùng tên được, bởi vậy nhiều người nghe tên cứ tưởng người ngoại quốc hay người Nùng, ít ai nghĩ là người Việt Nam...Họ lừ mắt nhìn Trâm và đã chắc chắn nàng là kẻ thù rồi, họ đọc tên trên túi áo thì đã biết ngay là tên ác ôn Mỹ ngụy mà chúng đã treo chiếc đầu 500.000\$ nếu ai bắt sống được ! Trâm chết điếng khi bị phát giác 2 bộ đồ lính của chồng, nàng không còn biết phải làm sao thoát hiểm nguy, tên VC đưa súng dí vào mặt nàng nói “ chồng bà là nợ máu của nhân dân, bà phải gọi chồng bà về quy hồi với cách mạng, nếu không tôi bắn chết bà” rồi hấn cho xe chạy, giữ lại một mình Trâm ! Hấn nói tiếp “ chúng tôi phải kỷ luật bà, cho bà thấy cái sai trái phản động của chồng bà”...Ba tên VC đang loay quay người xách giỏ của Trâm, người thì quản thúc Trâm, người thì chìa súng sau lưng Trâm, bỗng một chiếc xe GMC trở tới, trên xe toàn là lính, chiếc xe từ từ chạy tới gần, khi đã nhận rõ là kẻ địch, ba tên VC bỏ chạy, đạn của quân đội bắn theo sau, Trâm một phen thoát chết vào tay VC –

Nàng đứng tại chỗ không nhúc nhích vì nếu chạy biết đâu sẽ trúng đạn, nàng dơ hai tay lên trời kêu cứu và bước từng bước chậm đến gần chiếc xe GMC, họ đỡ nàng lên xe, thế là Trâm đã được cứu sống, trên đường xe chạy nàng cho các anh chiến sĩ biết nguyên nhân họ bắt nàng và kết luận “ người về từ cõi chết” !

Ngày qua ngày, cuộc sống của Trâm không may mắn như mọi người, có lẽ kiếp trước nàng gieo quá nhiều ác nghiệp nên kiếp này chẳng đặng bình an suông sẻ, về buôn bán thì Trâm rất giỏi, nhưng họa tai thì nàng lãnh quá nhiều, một lần nợ nàng đang ngồi bán trên sập vải, khách mua hàng là một người đàn bà trạc tuổi 50, bà mua liền 3 xấp vải nhập không cần trả giá, kiểu cách là dân sộp giàu có để làm quen nàng, hôm sau bà lại đến ngồi tại sập lân la chuyện trò, bàn việc mua bán vải lấy từ nhà kho xuất ra, lúc ấy vải của nhà nước xuất ra toàn là vải teteron trắng và màu, vải quần tây màu xanh dương, Trâm đã từng mua thường xuyên của cửa hàng đem về Chợ Lớn bỏ sỉ nhưng không được mua nhiều, nay bà này nói nghe hấp dẫn quá, y như bà là vợ cán bộ lớn không bằng...Trâm dọn hàng về sớm thu gom tất cả tiền mặt và bán thêm 3 cây vàng lá để đủ số yêu cầu bà ta đã nói mua hàng vải xuất khẩu. Trên đường đến cơ sở mua hàng, Trâm luôn luôn lo lắng không yên trong dạ, nhưng thôi một liều ba bảy cũng liều, bệnh liều đã ngự trị tim óc nàng từ tấm bé, đến cửa cơ sở bà ta bảo Trâm đưa tiền để bà vào làm thủ tục mua vì chỉ có bà mới được quyền mua và đường dây của bà nên Trâm vào sẽ mua không được, họ sợ bể không dám bán...Đành vậy, Trâm ở ngoài xe chờ. Độ một tiếng sau bà trở ra bảo là “ngày mai mới có hàng, chị em mình về chiều mai ra lấy hàng”. Chiều hôm sau bà đến sập vải gọi Trâm đi, lòng Trâm đang như lên

cơn lửa bỏng, gặp bà Trâm mừng quá, vội giao hàng cho đứa cháu gái đi ngay với bà, bà không đưa nàng đến chỗ mua vải của cửa hàng mà lại đưa nàng đến một nơi khác bảo là nhà bà vợ Trung Tá Thủy Sản, Trâm ngạc nhiên thì bà đã nói :

- Số tiền mua vải chị đã bán sỉ liền, lời được hơn hai triệu, chị bỏ vào mua vì cá luôn rồi, đây là nhà bà Trung Tá Toàn bán vì cá cho mình đây.
- Vì cá gì...Trâm tức mình gằn giọng – Sao chị không cho tôi biết gì cả, tôi chỉ cần mua vải vì đó là nghề của tôi, còn vì cá tôi không hề biết, lỡ đồ dỏm thì làm sao ?
- Không có đâu em, chỗ này quen lớn, không bán đồ dỏm cho mình đâu, em tin chị đi...Bà ta trả lời và vuốt vuốt vai Trâm cho nàng yên tâm.

Nói xong bà dẫn Trâm vào trong sân nhà bà Toàn, bà chỉ tay vào một đống bao bố chất đầy trên sân cũng khoảng mười mấy bao 50 kg – bà vào trong nói gì với chủ nhà và trở ra nói với Trâm :

- Hàng vì cá của mình đó, em kêu xe chở đi.

Trâm nghe mùi hôi nồng nặc xung quanh những cái bao tải, nàng đến gần vạch ra xem, thấy toàn là cá vữa, cá hư, hôi rình...Trâm hỏi bà mà muốn nghẹn :

- Vì cá gì mà chị nói vì cá, toàn là cá thúi, cá hư chị có thấy không ? thôi chị gạt tôi rồi ! Trâm nói mà nghẹn ngào muốn khóc !
- Không đâu em, vì cá mắc lắm, làm sao có nhiều, chị cho nhét bên trong làm nhưn, bên ngoài ngụy trang cá thúi mới qua mắt bọn thuế vụ công an được chứ, bà trả lời thật nhanh với nàng – em kêu xe chở gấp đi về Sài Gòn bán ngay bây giờ.

Trâm cứng họng, bán tén bán nghi nhưng cũng phải kêu xe chở vì vốn liếng nàng hiểu ra là toàn bộ của nàng, nàng lại phải trả tiền xe chở là 120.000 về Sài Gòn. Đi được khoảng hai cây số thì trời đã chạng vạng tối, bà lại bảo :

- Trời tối rồi không thể mang lên Sài Gòn ban đêm, không có bạn hàng mua đâu, em chở về nhà em đi, sáng mai mình chở về Sài Gòn mới bán được...

Trâm tức giận nhưng biết không làm gì được bà ta, đành cho hàng xuống nhà mình, chất chặt cả khuôn sân, bà đi về Bến Súc ngũ và nói ngày mai sẽ tới sớm cùng đi...

Độ 10 giờ đêm Công An tuần tra đi ngang thấy các bao chất trong sân, gõ cửa hạch hỏi: Thứ gì trong đó? Trâm nhanh nhẩu “ cá khô thúì chứ thứ gì, bà chị ở Phước Hải mang gỏi sáng chở đi bán cho heo ăn” Tên Công An nói “ không biết là cái gì, phải đóng thuế thôi chị ạ ! 50 ngàn và đây là biên bản đóng thuế của chị”, thế là Trâm lại mất thêm 50 ngàn cho thuế má, chao ơi là khổ !

Sáng ra nàng dậy thật sớm vì lo lắng suy nghĩ cả đêm thao thức không ngủ được, ra sân nhìn vào các bao tải, ôi thôi, dòi ở trong bao bò ra ngoài nhun nhúc thấy rợn người, Trâm đang quỳnh quáng thì bà đến, Trâm túm cổ áo bà làm dữ :

- Bà gạt tôi, mau trả tiền lại cho tôi, cả thấy tôi đưa cho bà là 38 triệu, nếu bà không trả tôi kêu Công An bắt bà ngay lập tức.
- Khoan đã em, chị nói là hàng vi cá thật mà, chở lên Sài Gòn em sẽ thấy, bị vì cá hư nên có dòi thôi, chị đâu có gạt em – bà khẩn khoản nói với vẻ mặt khổ sở...
- Lấy gì làm tin đây – Trâm nói nhanh – Căn cước của bà đâu, đưa đây làm tin, mau lên ! Bà chần

chờ chưa chịu đưa căn cước, Trâm buộc bà phải ghi vào tờ giấy nợ số tiền 38 triệu bà nợ Trâm và giữ căn cước của bà.

Lại kêu xe chở về Sài Gòn và lại là Trâm trả tiền vì lúc nào bà cũng nói không còn tiền vì đã bỏ ra mua hàng chung với Trâm, thế là Trâm lại móc túi ra trả tiền 3 chiếc ba bánh chở ra lộ cái là 45 ngàn, bà nói hàng lậu không thể chở ra bến xe... Trâm hoàn toàn bị động mọi sự việc, nàng tức giận mình ngu muội nghe lời con mẹ trời đánh này, phóng lao phải theo lao, nàng phải bỏ buổi chợ bán vải để đi bán cá thúi với hy vọng vì cá nằm ẩn bên trong làm nhưn ! Trâm ăn mặc sang trọng vậy mà phải phụ bà và mấy thằng lơ khiêng các bao tải đưa lên mui xe cấp bách vì sợ thuế vụ công an đến. Những giọt nước hôi rình, thúi quác rớt xuống mặt Trâm, tóc Trâm và quần áo của Trâm...nàng nghe như mình mấy thúi oang một mùi muốn ói, không dám ngồi lên ghế sợ người kế bên chửi đanh đứng tuốt đàng sau đít xe mà nghe người như nhảy tưng tưng từng khúc đường ổ gà lồi lõm !

Lại thêm 120 ngàn tiền hai người và 13 bao cá, cũng là Trâm thôi, ngao ngán nàng thở dài chán nản – Đến Hàng Xanh lại một phen thuê 3 xe xích lô máy chở vào Chợ Lớn “ chúng tôi tính rẻ là 60 ngàn” lại 60 ngàn, Trâm lấm bầm móc tiền đưa mà nghe trong bụng cồn cào vừa ngán ngơ vừa đói bụng, đêm qua nàng tức con mẹ phù thủy này thành ra no canh hông không ăn cơm tối, cái mặt con mẹ giống phù thủy thật, lại thêm cái cổ nổi cục bứu to tướng ở giữa cổ, chắc là hậu quả của cuộc sống lừa đảo gạt người đây ? Trâm nghĩ vậy nhưng lại an ủi mình, hãy rán chờ đợi kết quả, chỉ hai mươi phút nữa thôi sẽ rõ bộ mặt thật của bà ta ?

Vào đến Chợ Lớn bà te te đi nói chuyện nhỏ to với mấy mẹ bán cá, bỏ mặc Trâm giữ hàng, khi họ đổ cá ra thì chẳng thấy một con vi cá nào cả, Trâm chết điếng, biết làm sao đây ? chạy vội lại nắm áo bà ta, Trâm la lớn” bố công an, bắt con mẹ cướp của lừa đảo, bố công an” bà nhanh nhẩu tháo sợi dây chuyền thật to khoảng 10 lượng mà Trâm vẫn thấy bà đeo trên cổ từ khi quen biết bà, bà gói vội vào mảnh giấy đã có sẵn đưa cho Trâm và nói “đừng kêu công an em, chị đưa tạm cho em sợi dây chuyền 10 lượng này em giữ làm tin, về nhà chị mang tiền qua trả lại cho em”, bà đưa vội vào tay Trâm rồi chạy biến vào chỗ đông người mất dạng. Trâm hoảng hốt khi trên tay sợi dây chuyền nhẹ tưng như cầm cục kẹo thật nhỏ, “trời ơi...đại gian ác, đưa đồ giả, trời ơi...đại gian ác” nàng tung mình chạy theo nhưng bà ta đã biến mất, không còn cách nào khác nàng ra chỗ mấy mẹ mua cá lấy lại chút tiền còm cá thú thì mấy mẹ trả lời “ bà Huệ lấy tiền xong rồi” ôi trời ơi, bà ta lấy trước tiền cá thú, mưu mô chưa từng thấy trong xã hội loài người, Trâm nặng nề bước đi ra khỏi khu chợ hôi thú, lặng lẽ buồn cho số phận không may, miệng lầm bầm “ đại nạn, đại nạn”.

Một tuần sau rồi một tháng sau cũng chẳng thấy bà ta trở lại sập vải của nàng, Trâm tức lồng lộn lên chỉ muốn tìm cho ra bà mà xẻ thành trăm mảnh mới hả cơn hận thù chất chứa trong lòng nàng, nàng đi báo với Công An Huyện và trình cho họ tờ giấy nợ cùng căn cước của bà ta mà nàng đang giữ. Ngay trưa hôm sau Công An hình sự theo Trâm đến Bến Súc, nơi bà ta hay đi qua lại – Công An và Trâm đã phát hiện ra bà và bắt đem về trại giam, khi bắt bà họ xét trong giỏ xách thấy một tấm hình của Trâm lúc bà rủ sang nhà bà chơi rồi bà chụp lén tại vườn cây trái sau hè nhà, một chai gì nhỏ có nước màu vàng ở

bên trong giống như chai dầu thơm, một chùm chỉ đủ màu sắc... Trâm thầm nghĩ, có lẽ đây là bùa ngãi gì mà bà ta đã ân sủng dành cho nàng vì có tấm hình mặt mũi của nàng, tha hồ mà lung lạc nàng...

Bà bị giam được hơn tuần lễ thì Trâm có giấy mời lên đồn Công An hình sự chỗ giam bà để giải quyết, người trưởng Công An mời Trâm ngồi rồi nói rằng “ Tôi nghĩ đây là chuyện cá nhân với nhau, nếu chị không muốn dàn xếp ổn thỏa với nhau mà cần nhờ đến pháp luật thì yêu cầu chị đưa giấy chứng minh của bà Huệ để chúng tôi làm việc” Trâm không cần suy nghĩ đưa ngay tấm căn cước của mẹ ta cho ông công an, ông ta cầm xong hẹn Trâm thứ hai tuần sau trở lại gặp ông ta – Trâm được biết người trưởng Công An hình sự này tên là Đức.

Thứ hai tuần sau Trâm đến gặp Đức, ngồi đợi mãi cũng không thấy bà Huệ xuất hiện để làm việc với công an – Trâm đòi phải cho gặp mặt bà ta, ông Đức trả lời :

- Bà ấy xin tôi về thăm nhà, ba hôm trở lại, có lẽ ngày mai bà ấy mới có mặt, vì đi mới hai hôm.
- Thưa ông, nếu vậy ngày mai tôi đến, mong ông xử lý đúng với luật pháp và lương tâm , xin ông trả lại tôi giấy chứng minh của bà Huệ và tờ giấy nợ, mai tôi sẽ cầm lên làm việc...Trâm nói với Đức, trưởng Công An hình sự của Huyện.
- Bà ấy mượn tôi giấy chứng minh để đi đường, nên tôi đã cho bà ấy mượn, chị thông cảm vậy, ngày mai chị lấy cũng được, Đức trả lời Trâm như thế !
- Trời ơi, ở tù cha sao vậy ông, ở tù mà còn đi phép, còn được lấy lại giấy tờ tùy thân ! tôi nói cho ông biết, nếu vụ này không xử lý nghiêm minh, bao che tội phạm, tôi sẽ thưa luôn cả ông đó...Trâm nói với sắc mặt giận dữ, đùng đùng bước ra khỏi

đồn hình sự mà nghe trong lòng bất mãn tên Đức đến cùng độ...

Ngày mai Trâm đến, tên Đức tránh mặt không tiếp nàng, cho người phụ tá tiếp và bảo là ông Đức bị bệnh – Trâm thừa hiểu những gì bí ẩn bên trong, nàng bỏ về và đưa đơn thưa nội vụ lên Tòa Án tỉnh.

Mãi gần một năm sau nội vụ mới được xét xử – Khi ra đối chất trước Tòa Án Tỉnh nàng mới biết không phải một mình Trâm là nguyên đơn mà còn hai người nữa, đó là bà Trung Tá Toàn và bà mẹ của cô Oanh, người ở chung trại giam với bà Huệ về tội vượt biên bị bắt – Trâm vẫn là người đứng đầu nguyên đơn vì nàng bị mất số tiền lớn hơn những người kia – Trong lúc chờ giờ xử lý Trâm hỏi thăm hai người đàn bà kia mới hay tự sự đáng sợ của bà Huệ – Bà ta gạt luôn tiền cá khô của bà Toàn nhiều chuyến lên đến 15 triệu, tệ hại hơn là khi bà ta ở trong tù, ông Đức cho đi phép đã hối lộ của bà ta 3 chỉ vàng, bà ta hẹn đi phép về sẽ giao cho ông Đức, bởi thế ông sẵn sàng giúp cho bà cả chứng minh đi cho dễ dàng thuận lợi – Trước khi đi phép bà dụ dỗ cô Oanh cùng chung phòng giam rằng “ ngày mai chị được về phép một tuần thăm nhà, chị sẽ mua quà vào cho em...mà này chị thấy em có chiếc áo thêu con rồng đẹp quá, em cho chị mượn mặc ít hôm xí xọn đi Sài Gòn thăm bà con được không ? còn nhà em ở đường nào, cho chị địa chỉ chị ghé thăm biết tin tức gia đình em luôn thể”...

Oanh tưởng bà ta có lòng tốt, biên địa chỉ số nhà và tên cha mẹ, cho bà mượn luôn chiếc áo màu tím thêu con rồng vàng trước ngực, nào ngờ đâu bà lợi dụng chiếc áo và địa chỉ do Oanh biên, bà đã đến gia đình làm tiền cha mẹ Oanh. Bà nói bà là vợ của ông Thiếu úy Đức trưởng ban hình sự huyện, đến để lo cho cô Oanh về theo ý của

chồng và ý cô Oanh, bà đòi nhận trước 5 chỉ vàng, số còn lại sẽ đến lấy sau khi cô Oanh đã được về...và đây là chiếc áo của cô Oanh, mang về làm tín hiệu cho hai bác, đây là chữ cô Oanh viết để hai bác làm tin - Ông bà cả tin vì thấy có lý nên mất trắng 5 chỉ vàng - Trâm nghe hai người đàn bà kể mà rụng rời cả tay chân, đúng là “lường gạt có bằng cấp”. Đúng lúc ấy lệnh Toà Án bắt đầu xử lý, bà Huệ đã ra đứng trước vành móng ngựa, Toà tuyên án Hình Sự, lừa đảo phải giải quyết thỏa đáng...Đến giờ nghỉ án 10 phút, ba người nguyên đơn tỉnh bơ ngồi im với hy vọng tràn trề, bà Huệ rút vào trong chạy chọt thế nào mà sau khi trở lại việc xử lý đã đảo ngược, Tòa tuyên bố “ đây là việc buôn bán làm ăn cá nhân bị thua lỗ, không thuộc diện hình sự...nếu ai muốn bãi nại thì thôi, còn ai muốn tiếp tục thì đóng lệ phí cho Tòa Án 200 ngàn và gửi đơn qua hồ sơ dân sự”. Nghe tuyên bố quá bất ngờ, Trâm tái mặt chửi thảm “ cả một lũ ăn hối lộ, thật không ngờ” rồi không cần biết sự việc tiếp tục ra sao, nàng đứng dậy lớn tiếng trước mặt quan toà “ Công lý pháp luật của các ông như vậy đó hả ! Toàn bọn tham nhũng ăn hối lộ thối tha, tôi chẳng còn gì để tin vào công lý và pháp luật của các ông nữa” nói xong Trâm dừng lại xem phản ứng lũ quan toà, họ im lặng và dường như xấu hổ, Trâm không sợ vì nàng không có tội gì, ai dám làm gì nàng, nàng sẽ đưa nội vụ lên trung ương, không lẽ cả một chế độ không còn lấy một người đại diện công lý nghiêm minh, sáng suốt...

Trời cuối thu xứ người sao u ám lạ thường, ngồi viết lại những trận mưa đá trong đời mình, Trâm nghe lòng như dâng lên nỗi nghẹn ngào ! Quê hương ta, nơi cho ta cuộc sống, nơi cho ta tình người mà cũng cho ta bao kỷ niệm thương đau, một đời ta dù lưu lạc mấy phương trời, chắc

chấn ta cũng không bao giờ quên được những chứng tích đau thương đã xảy ra cho chính mình, Trâm viết ra sự thật mà chính nàng là nạn nhân, bởi vì như lão si thi Hà Thượng Nhân đã nói “ *Viết văn, làm thơ trước hết là phải có tài...đành thế, nhưng có điều khó khăn hơn tài năng...là đừng bao giờ dễ dãi với chính mình nghĩa là chỉ viết những gì mà nếu không viết ra thì mình không yên ổn được, tức là phải có những tâm sự, những cảnh ngộ thật cần phải nói ra, cần phải viết lại...Sự thành công chỉ đến với một tấm lòng chân thật và một sự say mê không giả tạo...*” Những lời quý hóa kia đã khiến tâm hồn Trâm thấy được niềm an ủi vô biên và Trâm như cảm nhận được sự chia sẻ từ những tâm hồn yêu văn chương, yêu nguồn cội quê hương, tự nhiên nàng thấy nhẹ nhàng như vừa ký gởi được một tâm sự nặng nề bấy lâu chất chứa...những hình ảnh quê mẹ thân yêu cứ như đang ẩn hiện trước mắt nàng, những khóm trúc, cây dừa, dòng sông quê hương, căn nhà ẩm cúng thuở nao với làn khói chiều êm ả, những cánh đồng bao la lúa chín vàng sẽ chẳng bao giờ phai mờ trong tâm trí...nhưng còn...khối tình bao la sông núi Việt, Trâm biết làm gì đây...để trả ơn cha mẹ, núi sông, mộng ước lớn với vòng tay nhỏ bé, Trâm thở dài buồn bã...Đời con người ai cũng có những ước mơ nhưng mấy ai thực hiện được, mấy ai đạt được hoài bão trong cuộc đời phù du tạm bợ này. Dưới ánh nắng nồng ấm xứ người Trâm thấy trong lòng ấm áp vì nơi đây, một đất nước văn minh, tự do, phú cường, một đất nước có tấm tình bao la nhân ái đã cho dân tộc nàng và bản thân nàng có cuộc sống ấm no hạnh phúc để chờ đợi một ngày thanh bình trên quê hương mẹ – Trâm như nhìn thấy những vạt nắng vàng rực rỡ nhảy múa reo vui trước mắt nàng ...

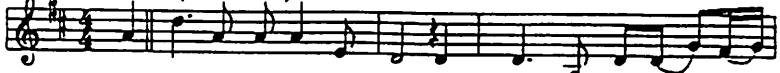
NGỌC AN 2005

anh viết cho em

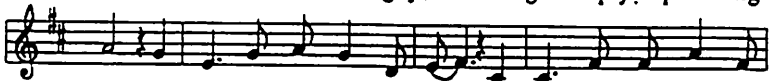
Thơ : ĐĂNG-ĐỨC-BÍCH

Phổ nhạc : ĐẮC-ĐĂNG

SLOW (Trìu mến)



Anh viết cho em cứ mỗi ngày, Hơi sương còn quện phủ hàng



cây; Chim ghè âu yếm bên sườn núi, Nhè nhẹ ru em giấc ngủ



đây. Anh viết cho em vẫn mỗi ngày, Vàng hồng chưa lộ ánh ban



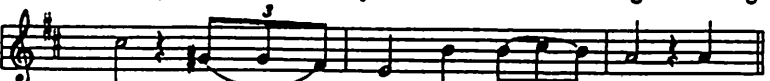
mai. Mùi hương thoang thoảng nương theo gió, Quện



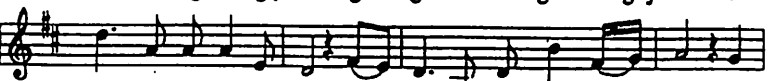
nhẹ thân em vóc dáng gầy. Anh viết cho em lại mỗi ngày, Hương



yêu chuyền nhẹ đến bàn tay; Gửi vãn thơ đến người thương



mến, Ngào ngạt hương nồng thêm ngát ngày.... Anh



viết cho em mỗi một ngày, Trăng mờ nhỏ lệ xuống thành mây; Tan



vào làn gió tìm hơi thở, Gọi nhớ vai gầy em có hay....

Vấn Đề Nhân Lực và Trí Tuệ Việt Nam Ở Hải Ngoại

Tiến Sĩ Trần Văn Đạt

Nhân lực là yếu tố tối quan trọng trong bất cứ công cuộc phát triển nào của đất nước. Một lần nữa xin nhắc lại nguyên tắc làm việc 5 M của người Mỹ: manpower, money, management, monitoring and maintenance; tức là nguồn nhân lực, vốn liếng, quản trị, theo dõi-đánh giá và phát huy, theo thứ tự ưu tiên, cần phải có để thành công trong mọi hoạt động ngành nghề. Chỉ cần nhìn vào phẩm giá của 5 yếu tố này, người ta có thể đánh giá tương đối chính xác tình trạng tiến triển của một dự án, chương trình hay cơ quan quản lý của một nước. Vì thế, yếu tố **nhân lực** có ưu tiên hàng đầu trong các tổ chức, hoạt động và phát triển. Phẩm giá của nhân sự cao cấp là thành phần trí tuệ, một động lực thiết yếu cho sáng tạo và phát triển, đặc biệt trong thời kỳ hiện đại hóa đất nước. Vào giữa thập niên 1860s, Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật Bản bắt đầu cuộc cách mạng vĩ đại của Ông bằng cách gửi người đi du học ở Âu Mỹ, chủ yếu là Pháp, Anh và Nga và mượn các chuyên gia ngoại quốc vào làm việc ở các nhà máy sản xuất cho đến khi nào họ có khả năng thay thế. Cũng vậy, nhà lãnh tụ Đặng Tiểu Bình canh tân Trung Quốc bằng cách gửi các chuyên gia đi du học Âu Mỹ và sử dụng nguồn vốn ngoại quốc, nhất là từ Hồng Kông, Đài Loan, Singapore và Âu Mỹ. Vào năm 1990, Trung Quốc có hơn 100.000 chuyên gia đang theo học hoặc tu

nghiệp qua các chương tình hậu Đại Học trên thế giới, trong số đó có hơn 40.000 người ở Mỹ. Năm 2003, 700.000 sinh viên Trung Quốc được gửi đi du học. Đây là chính sách khôn ngoan của người Tàu. Còn Việt Nam hiện nay ra sao?

Nguồn nhân lực Việt ở hải ngoại: Biến cố 1975 đã tạo ra một làn sóng tị nạn lớn trong lịch sử Việt Nam. Hiện nay có gần 3 triệu người Việt định cư trong 90 nước trên thế giới, nhiều nhất ở Mỹ với độ 1,3 triệu (43%), Nga và các nước Đông Âu 300.000 (10%), Pháp độ 250.000 (8%), Canada 200.000 (6,7%), Úc Châu 156.000 (5,2%), Đài Loan 110.000 (3,7%), Đức Quốc 100.000 (3,3%), Thái Lan 100.000 (3,3%), Anh Quốc và Bắc Ái Nhĩ Lan 40.000 (1,3%), Bắc Âu 30.000 (1%)... Phần lớn các cộng đồng Việt khác ở Mỹ, Canada, Úc và Tây Âu đã vượt khỏi giai đoạn khó khăn ban đầu, họ đang hội nhập mau lẹ và đóng góp hữu hiệu vào phát triển kinh tế và xã hội của bản xứ. Hầu hết những Việt kiều thường gắn bó chặt chẽ với người trong nước, qua liên hệ gia đình và tinh thần quốc gia truyền thống. Năm 2004, họ đã chính thức gửi hiện kim về Việt nam với 3,8 tỉ đô la và một số tiền gần tương đương không chính thức để giúp gia đình, thương mại, cứu trợ, du lịch; đã góp phần không nhỏ vào tạo công việc làm, tăng lợi tức của một số người. Số tiền mỹ kim lớn này của Việt kiều đã giúp cho các ngân hàng trong nước có thêm nguồn ngoại tệ làm quân bình dịch vụ và hoạt động xuất-nhập cảng hàng năm. Hiện nay, bình quân mỗi Việt kiều gửi tiền về đất nước khoảng hơn 1000 mỹ kim mỗi năm.

Trên thế giới, tiền Việt kiều gửi về quê hương đến 200 tỉ mỹ kim mỗi năm, riêng Philippines độ 7 tỉ, Mexico 10 tỉ, Ấn Độ 15 tỉ. Những nghiên cứu gần đây của Ngân Hàng Thế Giới cho biết rằng số lượng di dân quốc tế gia tăng 10% dẫn đến số lượng người nghèo giảm bớt 1,6%. Cũng vậy, số tiền của kiều bào gửi về quê hương tăng 10% tổng sản lượng quốc gia GNP có thể làm giảm mức nghèo khó trong nước 1,2%. Ở Á Châu, nhiều nước có đông đảo kiều bào ở ngoại quốc và mỗi nước có chính sách khai thác nguồn nhân sự này khác nhau. Khác với Việt Nam, những chính phủ Trung Quốc, Ấn Độ và Đài Loan có chính sách ít chú trọng đến số tiền gửi về quê hương, mà họ đặc biệt quan tâm đến các đóng góp của Việt kiều vào xây dựng quốc gia, qua khối óc và các loại thương mại khác nhau cho đất nước. Đài Loan thu hút trí thức từ nhân lực của cộng đồng hải ngoại, khuyến khích kiều bào trí thức về thăm quê hương và làm việc. Trung Quốc từ lâu khuyến khích đầu tư trực tiếp và tạo cơ hội thương mại với các cộng đồng người Tàu ở nước ngoài; do đó 80% tổng số đầu tư ngoại quốc ở nước này đến từ kiều bào của họ. Còn Ấn Độ có chính sách đa phương theo đuổi đầu tư trực tiếp, chuyển giao kỹ thuật, mở rộng thị trường và cung cấp chuyên gia rẻ tiền cho nước ngoài.

Sau 30 năm, thế hệ tị nạn trẻ Việt Nam đã trưởng thành, hội nhập mau lẹ trong môi trường thuận lợi và đã có chỗ đứng vững vàng trong xã hội địa phương; thế hệ thứ hai hoặc lâu hơn (như ở Pháp, Thái Lan) đã xuất hiện và tiếp thu được nền văn minh khoa học, nên có lớp thanh niên trí thức mới với suy nghĩ mới, đầy nhiệt tâm của tuổi trẻ và mong có cơ hội phụng sự cho đất nước mình và quê cha đất tổ. Riêng ở Mỹ, cuộc kiểm tra dân số chính thức

trong năm 2000 so với 1990 như sau, so sánh sự tiến triển rõ rệt của cộng đồng người Việt về cả cuộc sống hội nhập và giáo dục:

- Bình quân lợi tức gia đình trong 2000:
46.929 đô la (29.800 đô la trong 1990)
- Nhờ trợ cấp xã hội trong 2000:
10,2% (25% trong 1990)
- Gia đình sống dưới mức nghèo trong 2000:
14,3% (24% trong 1990)
- Người Việt làm chủ ngôi nhà trong 2000:
59,6% (43% trong 1990)

Trong năm 2000, nghề nghiệp được phân phối như:

- Quản trị và chuyên gia: 27%
- Nghề chuyên môn về dịch vụ: 19,4%
- Buôn bán và văn phòng: 19,1%
- Nghề nông, ngư và lâm nghiệp: 0,5%
- Xây cất và bảo quản: 5,9%
- Sản xuất, chuyên chở, di chuyển: 28,1%
- Trong 25 năm tính đến năm 2.000, người Việt ở Mỹ có trình độ đại học từ BS và cao hơn chiếm 19,5%.

Hiện trạng nguồn trí tuệ ở hải ngoại và tiềm năng:
Mặc dù mới được thành lập, khả năng kinh tế còn thấp và tình trạng xã hội còn xôi đậu so với các cộng đồng lâu đời khác như Tàu, Philippines, Nhật, Đại Hàn và Ấn Độ, cộng đồng Việt đã hội nhập nhanh và lớn mạnh trong mọi ngành nghề, có tiềm năng rất lớn về giáo dục, khoa học, công nghệ và quản lý kinh tế. Chắc chắn rằng tình trạng kinh tế và xã hội của người Việt kiều trên thế giới sẽ

được cải thiện nhiều hơn trong tương lai. Thế hệ thứ hai, thứ ba... hoàn toàn được lớn lên và giáo dục của xã hội tân tiến có nhiều tài năng và phát triển mới nên thành phần này có tiềm năng lớn đóng góp cho quê hương đất tổ, nếu được khuyến khích.

Trong số gần 3 triệu người Việt ở hải ngoại, thành phần trí tuệ có trình độ đại học và hậu đại học ước độ 10-15% hay độ 300.000-400.000 người trên thế giới, hiện đang đóng góp không nhỏ vào phát triển kinh tế và xã hội địa phương. Nhiều người hiện có vai trò quan trọng trong các cơ quan công quyền, công ty sản xuất, đại học, viện khảo cứu, bệnh viện, cơ sở dịch vụ và các tổ chức quốc tế. Nước Mỹ hiện có ít nhất 150.000 nhà trí thức có học vấn từ đại học trở lên. Ngoài những lãnh vực nêu trên, họ còn làm việc ở cơ quan nghiên cứu không gian, năng lượng nguyên tử, nghiên cứu hàng hải và nông nghiệp. Riêng ngành nông nghiệp ở Mỹ có vị thế tương đối nhỏ, độ 6.100 người sống về nghề nông, lâm, chăn nuôi và ngư nghiệp và lực lượng chuyên môn có trình độ đại học gần 400 người chuyên về nông trại chăn nuôi, ngư nghiệp, lâm sản, hạt giống, sản xuất, khảo cứu và kinh nghiệm quốc tế.

Công nghệ thông tin là lãnh vực phát triển mau lẹ hơn hết, là yếu tố quyết định cho sự tăng trưởng của các mặt kinh tế quan trọng như ngân hàng, tài chánh, bảo hiểm, du lịch, viễn thông, hàng không và quản lý hành chính. Đây là một ngành mà người Việt có ưu thế ở hải ngoại, được thể hiện qua áp dụng computer, software và máy tự động sử dụng. Trong mạn lưới lớn nhất thế giới được gọi Global Internet Working, có một mạn lưới của người Việt

tên *Vietnamese Social Culture* có 40.000 nhà trí thức hải ngoại tham dự. Trong số này 65% chuyên ngành vi tính, 15% là kỹ sư và 20% hoạt động trong lãnh vực khoa học xã hội và con người. Riêng ở thung lũng hoa vàng "Silicon Valley" ở San Jose, khu công nghệ cấp cao ở San Diego có hàng ngàn chuyên viên Việt Nam về công nghệ thông tin (IT), sinh học và điện tử đang làm việc ngày đêm tại hàng chục công ty của người Việt. Đặc biệt thành phần trẻ ở Mỹ, Canada, Úc và Tây Âu được đào tạo và làm quen với công nghệ cấp cao gồm cả thông tin - truyền thông và sinh học, hai lãnh vực có tiềm năng to lớn trong thế kỷ 21, cũng như khâu quản lý kinh tế, ngân hàng và vấn đề an ninh thị trường. Nếu điều kiện chính trị thuận lợi, họ còn có thể giúp Việt Nam nối liên lạc và với các cơ quan quốc tế, các viện nghiên cứu, trường đại học và các đại công ty đa quốc gia để phát triển hợp tác trong các công cuộc nghiên cứu và ứng dụng các kỹ thuật tiến bộ, trong lúc xứ sở chưa đủ khả năng về tài chính và trí tuệ, chẳng hạn trong lãnh vực khoa học và công nghệ sinh học. *Cũng cần nhớ rằng đào tạo trí thức cũng như có được các kỹ thuật cao cấp đòi hỏi rất nhiều thời gian và tốn kém tài chính, mà các nước đang phát triển khó có thể thực hiện mau lẹ để đáp ứng nhu cầu tiến bộ.*

Một cách tổng quát, theo tin tức trong và ngoài nước về phân bố các nhà trí thức ở một số quốc gia như sau:

- *Mỹ*: Ít nhất độ 150.000 người có bằng đại học hoặc cao hơn, mà đa số là thanh niên. Lãnh vực làm việc chính của họ gồm có tin học, điện tử, công nghệ cơ khí, kiến trúc, thiết kế, hóa học, vật lý học, y tế, giáo dục, quản trị thương mại, không

gian, liên lạc quốc tế, dầu khí, nông nghiệp và sinh học. Khoảng 10.000 người làm việc ở thung lũng Silicon, San Jose và khu công nghệ San Diego. Độ 150 người làm việc cho Ngân Hàng Thế Giới, 100 người làm việc chuyên môn cho các cơ quan LHQ (FAO, IFAD, UNESCO, WHO, ILO, UNIDO, UNICEF...). Độ 3.000 bác sỹ đang hành nghề trong nước Mỹ (Liên lạc cá nhân với Bác Sỹ Tôn Trần, 10-2005).

- **Pháp:** có khoảng 40.000 người Việt trí thức đang sống ở nước này. Độ 30% số người này có bằng cấp cao và làm việc trong nhiều lãnh vực như vật lý, toán học, công nghệ thông tin và hóa học.
- **Canada:** Có độ 2000 người trí thức chuyên về lãnh vực viễn thông, công nghệ tin học, điện tử, môi trường và sinh học.
- **Đức Quốc:** Có hơn 300 nhà trí thức, chuyên về khoa học, công nghệ, năng lượng, hóa học, khai thác dầu khí, kiến trúc và công ty dược phẩm.
- **Anh Quốc:** Có 100 nhà trí thức làm việc trong ngành tài chánh và thị trường an ninh.
- **Bỉ:** Có độ 500 trí thức làm việc về công nghệ tin học, nông nghiệp, báo chí và ngư nghiệp.
- **Nhật Bản:** Có 80 trí thức làm việc về ngành kinh tế, hóa học, dược phẩm, nông lâm ngư nghiệp.
- **Úc:** Có khoảng 7.000 trí thức về công nghệ tin học, nông nghiệp và điện tử.
- **Nga và Tây Âu:** có độ 4.000 người Việt có bằng cấp đại học. Khoảng 2.500 người ở Nga. Họ làm việc về vật lý học, điện tử, dầu hỏa, kỹ sư, hóa học và y tế.

Chương trình TOKTEN của Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) được thiết lập cho Việt Nam từ 1989 để khuyến khích những nhà trí thức trẻ hải ngoại có kinh nghiệm tối thiểu 5 năm về làm việc trong nước với thời hạn cố định từ 6 tháng cho đến 2 năm, tùy theo nhu cầu; nhưng việc thực hiện chương trình này còn chậm chạp. Đến nay, người Việt ở hải ngoại chỉ đầu tư trong 610 dự án nhỏ, có trị giá độ 500 triệu Mỹ kim và 850 tỉ đồng VN. Theo thống kê trong nước cho biết 29% số người Việt này bỏ vốn trong các dự án đầu tư ngoại quốc, 14% bắt đầu làm thương mại ở Việt Nam, 14% thực hiện các cuộc nghiên cứu khoa học và chuyển giao kỹ thuật và 44% trình bày các báo cáo khi họ đến thăm viếng Việt Nam. Một số người Việt nước ngoài đang giữ địa vị quan trọng trong nhiều công ty công nghệ thông tin trong nước và đóng vai trò trung gian nối liền giữa công ty của họ và khách hàng ở Việt Nam.

Sự phát triển mau lẹ Đài Loan từ thập niên 1950s và Trung Quốc từ 1980s phần lớn do sự đóng góp lớn lao của đồng bào của họ ở hải ngoại. Đài Loan là một đảo lạc hậu trước năm 1949, nhưng đã phát triển nhanh, có tầm vóc một nước công nghệ tiên tiến hiện nay, nhất là nhờ vào làn sóng di cư từ lục địa và đầu tư trực tiếp lớn lao của người Tàu hải ngoại. Trung Quốc đang trở thành một siêu cường trên thế giới. Bao giờ Việt Nam mới có cơ hội để kiều bào Việt có niềm phấn khởi, cảm thấy an toàn tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế trong nước, đặc biệt mau chóng đưa xứ sở tiến bộ để đốt giai đoạn tụt hậu hiện nay?

TRẦN VĂN ĐẠT

10/11/05

Tài Liệu Tham Khảo:

- 1) Vietnam Economic News. 2004. Overseas Vietnamese: Investors of the future ([http://www.venorg.vn/print news.](http://www.venorg.vn/print_news))
- 2) Asia and the World. 2005. *Calling all overseas Vietnamese.* VietNamNews, date 17-08-2005 (<http://www.asianewsnet.net>)
- 3) Đặng Nguyên Anh. 2005. Enhancing the development impact of migrant remittances and diaspora: The case of Viet Nam. Paper presented at the *Regional Seminar on the Social Implications of International Migration, 24-26 August 2005, Bangkok, Thailand.*
- 4) Page, J and Adams, R.H. 2003. International migration, remittances, and poverty in developing countries. *World Bank Policy Research Working Paper, No. 3179:* Washington D.C.
- 5) Committee for Overseas Vietnamese. 2005. *Overseas Vietnamese community: Questions and answers.* Committee for Overseas. (<http://www.mofa.gov.vn>)

ĐIỆP LUYẾN HOA

*Trường nhật man man phi liễu như
Trì quán thê lương
Độc tự nhàn ngưng trử
Chi thượng đố quyên đề bất trú
Tịch dương ánh lý vi vi vũ
Liên ngoại xuân sơn, sơn ngoại thụ
Nhất vọng thanh thanh
Mê khước thiên nhai lộ
Đa thiếu nhân sâu vô khả tổ
Khước khán song yển hàm hoa vũ.*

ĐÀO TẤN

ĐIỆU ĐIỆP LUYẾN HOA

(Dịch sang thể lục bát)

*Ngày dài liễu biếc buông tơ
Lạnh lòng chiếc quán bên bờ ao xanh
Lặng im đứng đó mỗi mình
Chợt nghe cuộc gọi trên cành lừng lơ
Nắng chiều lất phất giọt mưa
Cây nhô mấy cụm, rèm thưa núi lồng
Xanh xanh một dải mênh mông
Mãi mê toan bước qua vùng trời xa
Nỗi buồn ôm ấp riêng ta
Trông vời đôi én ngậm hoa lượn vòng.*

NGUYỄN HOÀI VĂN * dịch.

* Sinh năm 1916, mất 2002, quê ở Đồng Phú, Bình Khê, Bình Định.

TÀI ĐỨC VỆ TOÀN

TRẦN CẨM TÚ

Thời nhà Nguyễn, năm Tự Đức 20 (1867) triều đình bổ nhậm đến tỉnh Bình Định chúng ta một vị án sát mới 30 tuổi (1). Vị quan này có tài học xuất chúng, hết lòng yêu nước, thương dân và vô cùng liêm khiết. Mặc dù thời gian làm quan của ông tại Bình định, cũng như tại Quảng Nam không được nhiều, nhưng dân chúng 2 tỉnh Quảng Nam, Bình Định luôn luôn nhớ ơn ông. Con người tài đức vẹn toàn đó chính là Tam Nguyên Vị Xuyên Trần Bích San.

1/ TIỂU SỬ :

Ông sinh năm Mậu Tuất (1838) tại làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, (cùng quê với Tú Xương, nay thuộc thành phố Nam Định). Ông lấy hiệu là Mai Nham, tự là Vọng Nghi, nhưng về tên thì ông có đến ba tên.

Khi nhập môn theo học thầy là Hoàng giáp Tam Đăng Phạm văn Nghi, ông có tên là Trần Tăng Tiểu (2). Ít lâu sau, thầy đổi tên cho ông là Trần Bích San. Sau khi liên tiếp đậu thủ khoa 3 kỳ thi hương (Giáp Tý, 1864), thi hội và thi đình (Ất Sửu, 1865), được vua Tự Đức, đổi tên là Hy Tăng.

Sau khi thi đậu xong, đường hoạn lộ của ông bắt đầu thụ chức Hàn Lâm Viện Tu Soạn sung Nội Các Bí Thư sở Hành Tẩu, tiếp tục làm sách Nhân Sự Kim Giám. Sách xong được bổ đi làm quan ngoài. Đến năm Tự Đức 20 (1867) được bổ tri phủ Thăng Bình, Quảng Nam. Ba

tháng sau đổi làm tri phủ Điện Bàn (Quảng Nam), rồi cũng trong năm ấy thăng Án Sát Bình Định. Năm sau về kinh sung chức Phó Chủ Khảo thi hương trường thi Thừa Thiên. Kỳ đệ tam, Chánh Chủ Khảo giao cho ông ra đề văn sách, đề thi có ý chạm phãi lỗi của vua, nên ông bị giáng làm Tri phủ An Nhơn thuộc tỉnh Bình Định. Năm Tự Đức 22 (1869) ông được cất lên chức Hồng Lô Tự Thiếu Khanh Biện Lý Bộ Hộ kiêm quản Thông Chính Ty, Hàn Lâm Viện Ấn Triện, rồi sau Tham Biện Các Vụ. Năm Tự Đức 23 (1870), ông phụng chỉ đi sứ sang Trung Hoa, khảo sát việc mở thương cục ở Hương Cảng. Năm Tự Đức 26 (1873) thân phụ ông qua đời tại chức (lúc đó cụ ông làm án sát Hưng Hóa), ông xin nghỉ về quê cư tang. Sau 3 năm cư tang, ông trở lại kinh phụng chức Lại Bộ Thị Lang lãnh Tuần Phủ Trị Bình, ít lâu sau đổi sang làm Tuần Phủ Hà Nội. Năm 1877, ông được triệu về kinh, cải bổ Tham Tri Bộ Lễ sung chức Chánh Sứ phái bộ sang Pháp. Về đến kinh, bái yết vua và bàn bạc cùng vua mọi chuyện ngoài Hà Nội, rồi vua tôi cùng bàn tiếp đến chuyện sắp đi sứ của ông mãi đến khuya mới xong. Ông về trú sở, bị cơn cảm nặng từ trần ngay trong đêm ấy (27 tháng 9 năm đinh Sửu, Tự đức 30, 1877) hưởng dương 39 tuổi. Hay tin ông mất vua vô cùng thương tiếc, xuống chỉ cho triều thần lo khâm liệm thật chu đáo, rồi sai quan hộ tống linh cữu về an táng tại quê nhà lại sai tỉnh thần ban tế. Vua đích thân làm một bài văn tế và một bài thơ được tuyên đọc trong lúc an táng và truy tặng ông chức tham tri.

2/ NGƯỜI CHA, NGƯỜI THẦY VÀ SỰ THÀNH ĐẠT VỀ VANG:

Thân phụ ông là Trần Doãn Đạt (trước tên là Trần đình Khanh), sinh năm Nhâm Ngọ (1822), đậu cử nhân khoa Nhâm Tý (1852) và đậu phó bảng (3) khoa Nhâm Tuất (1862).. Ông đậu tiến sĩ khóa trước ,thì con ông đậu khóa sau (Ất Sửu, 1865), chỉ cách nhau có 3 năm. Sự kiện hai cha con đạt đại khoa liền khoá như vậy, và việc liên trúng tam nguyên của ông là hai sự kiện độc đáo trong lịch sử khoa cử Việt Nam thời trước.. Trần Doãn Đạt làm quan đốc học mấy tỉnh Sơn Tây, Nam Định. Sau làm án sát ở Quảng Yên và Hưng hoá, đến năm Tự Đức 26 (1873) thì mất tại chức.

Trần Bích San ngay từ lúc còn nhỏ đã có tư chất đĩnh đạc, tính rất nghiêm và vô cùng thông minh. Khi đi học, các sách chỉ đọc qua một lần là thuộc . Đã thông minh lại còn được tiếng là rất chăm học. Thấy con mình quá chăm học, Trần Doãn Đạt sợ con yếu sức, nên bắt buộc Trần Bích San chỉ được để trong phòng học những sách thuộc chánh kinh, chánh sử, còn những sách ngoại thư như bách gia chư tử thì không cho xem đến. Nhưng có khi, ngồi hầu cha, Trần Bích San đem những nghĩa trong ngoại thư ra hỏi, Trần Doãn Đạt vô cùng ngạc nhiên, mới cất vấn, và Trần Bích San thú nhận có lấy trộm sách bách gia chư tử ra đọc.

Trần Doãn Đạt giao du thân mật với Hoàng giáp Tam Đẳng Phạm văn Nghị, là thầy học Trần Bích San , Nguyễn Khuyến và nhiều bậc đại khoa khác

Phạm văn Nghị hiệu là Nghĩa Trai, sinh năm Ất Sửu (1805) tại làng Tam đặng, thuộc tổng An Trung, huyện Đại An, phủ Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (nay là thôn Tam Quang, xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Lên 8, Phạm văn Nghị học vỡ lòng bên họ ngoại. 11 tuổi theo học thân phụ ông lúc ấy dạy học ở Ninh

Bình. Từ năm 16 tuổi đã phải đi dạy học để tự túc và có điều kiện đọc sách thêm. Cứ thế vừa tiếp tục dạy học, vừa đọc sách cho đến năm 22 tuổi đỗ tú tài, năm 33 tuổi đỗ cử nhân, năm 34 tuổi trúng nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1838).

Kể từ năm này ông bắt đầu bước vào đường hoạn lộ. Đầu tiên ông được làm tu soạn viện hàn lâm, có tham gia soạn bộ Khâm định tập vận trích yếu. Năm sau, ông được bổ tri phủ Lý Nhân. Nhưng đường làm quan của ông gặp nhiều gian truân, bị giáng cấp nhiều lần. Năm 1841 do Bùi công Quỹ tiến cử, ông được vua Thiệu Trị vời về kinh cho làm biên tu quốc sử quán. Đến năm 1846, lấy cơ bệnh tật, ông cáo quan về quê dưỡng bệnh và dạy học suốt trong 12 năm. Năm 1857, sau nhiều lần thối thác việc triều đình triệu hồi ra giúp nước, ông mới ra nhận chức Đốc học Nam Định. Từ năm 1859 đến năm 1874 là khoảng thời gian ông hăng say chống Pháp, chống phi ở Đà Nẵng và Nam Định. Sau hai lần viện cố đủ 70 tuổi, ông xin về hưu, đến giữa năm 1874 mới được triều đình chấp thuận. Sáu năm cuối cùng trong đời, ông về sống ẩn dật trong động Liên Hoa, thuộc Hoa Lư, Ninh Bình, Năm 1880 ông bị bệnh mất tại quê nhà. Hiện nay ở Sĩ Lâm, là nơi trước kia ông xin khai khẩn lập thành làng, nay còn đền thờ ông để nhớ ơn ông.

Ông để lại một tập Phạm Nghĩa Trai tự ký, và Tùng Viên văn tập do con trai thứ hai của ông sưu tập phần lớn văn thơ của ông, Tất cả khoảng gần 600 bài vừa thơ và văn.

Khoảng thời gian quan trọng nhất trong cuộc đời ông là 12 năm dạy học ở quê nhà. Trường ông mở tại làng Hiếu Thiện, tổng Bồng Hải, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nơi đây trở thành trung tâm đào tạo nhân tài vùng

duyên hải miền bắc thời đó. Học trò bốn phương theo học kể có hàng nghìn người. Trong số học trò ông, đặc biệt có 2 người đậu tam nguyên là tam nguyên Vị Xuyên Trần Bích San và tam nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến (4) Và nhiều người khác không những đỗ đạt cao, mà còn có danh vọng , sự nghiệp nổi tiếng như : đình nguyên Đỗ Huy Liêu, Hình bộ thượng thư Phạm Thận Duật , tiến sĩ Tống Duy Tân, tiến sĩ Vũ Hữu Lợi ,phó bảng Lã xuân Oai, phó bảng Đặng ngọc Cầu,thủ khoa Nguyễn Cao cũng là học trò ông.

Tương truyền trước ngày học trò lên đường dự thi khoa thi hương Giáp Tý (1864), trong buổi học chót, thầy Phạm văn Nghị dặn học trò rằng: *“năm nay anh Yên Đỗ lấy cho thầy cái thủ khoa trường Hà (Hà Nam), còn anh Vị Xuyên thì lấy cái thủ khoa trường Nam (Nam Định), rồi đến kỳ thi hội cố giạt nốt cái tam nguyên”*

Tan buổi học , Yên Đỗ tức lắm, nói với Vị xuyên :*“Thầy cho tôi chỉ đỗ được hương nguyên là cùng, thật thầy khinh tôi quá!”*

Vị xuyên trả lời: *“ Không phải thế đâu, bình nhật tôi vẫn kém anh,ý thầy là muốn khuyên tôi cố gắng cho bằng anh đấy thôi”*

Quả nhiên, khoa thi hương đó, cả hai Trần Bích San và Nguyễn Khuyến đều đỗ thủ khoa tại 2 trường thi Nam Định và Hà Nam như thầy dặn. Nhưng khi vào đình thí, Trần Bích San đỗ đình nguyên, liên trúng tam nguyên, còn Yên Đỗ bị hỏng phải ở lại kinh học quốc tử giám, mãi 2 khoá sau (khóa Tân Mùi, 1871) mới đậu đình nguyên. Nhân dịp này, các học trò Phạm văn Nghị làm câu đối mừng thầy :

-Tiến sĩ tổ, hoàng giáp tôn, mình thế văn chương gia tử đại.

-Vị xuyên tiên,. Yên Đổ hậu, xu đình thi lễ quốc tam nguyên

Khoa thi năm Ất Sửu có 4 quan đại thần chịu trách nhiệm giám khảo. Hai quan duyệt quyển là Nguyễn Uy và Phan đình Bình, hai quan đọc quyển là Phan thanh Giản và Phạm Phú Thứ. Quyển thi kỳ Phú thí của Trần Bích San được vua Tự Đức phê son như sau:

“Người trẻ tuổi mà liên trúng tam nguyên cũng là hiếm có. Đó là do tổ tiên nhà người tích đức nên được hưởng phúc vậy. Sau này nếu người đem tài kinh bang tế thế ra giúp nước mà được thành hiệu là một sự may mắn cho nhà nước và khỏi phụ lòng trẫm đã cất nhắc. Nay đổi tên cho người là Trần Hy Tăng, cũng là tỏ ý hâm mộ tài người đó. Người nên cố gắng lên và ghi nhớ lấy! Kính cẩn lăm đấy!”

Theo thông lệ, vua ban cho áo, mũ, xiêm, hốt, cờ lọng cho tất cả các tân khoa để vinh qui bái tổ. Riêng Trần Bích San được một lá cờ có thêu 4 chữ “liên trúng tam nguyên”.

Xét những bậc khoa danh về triều Nguyễn, từ Trần Bích San trở về trước không có ai đỗ đầu 3 khoa cả (5). Về sau ông thì có Tam nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến và Thám Hoa Vũ phạm Hàm. Nhưng Nguyễn Khuyến và Vũ phạm Hàm đều cách trúng tam nguyên. Nguyễn Khuyến đậu hương nguyên tại trường thi Hà Nam khóa Giáp Tý, 1864, hai khóa sau (Tân Mùi, 1871) mới đậu đình nguyên, còn Vũ Phạm Hàm đậu hương nguyên khoá Giáp thân, 1884, và hai khoá sau (Nhâm Thìn, 1892) mới đậu thám hoa.

Trong số 6 người từng đậu hương nguyên, sau đậu tiến sĩ sớm nhất vẫn là Trần Bích San (năm 28 tuổi). Năm người kia, theo thứ tự đậu sớm như sau:

- Lê khắc Cẩn, đậu khoa Nhâm Tuất,1862, lúc 30 tuổi
- Hoàng Tế Mỹ, đậu khoa Bính Tuất,1826, lúc 32 tuổi
- Nguyễn Hữu Cơ, đậu khoa Ất Mùi,1835, lúc 32 tuổi
- Đỗ Huy Liêu, đậu khoa Kỷ Mão, 1879, lúc 36 tuổi
- Nguyễn Hữu Lập, đậu khoa Nhâm Tuất 1862, lúc 39 tuổi

Xét những chi tiết còn lưu lại trong lịch sử khoa cử nêu trên, sự thành đạt của Trần Bích San quả là vượt lên tận một đỉnh núi cao chót vót, đúng như cái tên mà thân phụ ông đã đặt cho ông lúc còn nhỏ là Tăng Tiểu (2 chữ này đều thuộc bộ “sơn” và có nghĩa là đỉnh núi cao chót vót)

3/ NGƯỜI ME VÀ TÀI TRI DÂN TÀI KINH BANG TẾ THẾ:

Đức tốt nhất trong mọi đức của một ông quan trong mọi thời đại là liêm khiết. Trần Bích San đã thể hiện trọn vẹn đức tính quý báu này tại mọi nơi ông trấn nhậm, Có một giai thoại kể rằng tại làng La Huân, phủ Điện Bàn, Quảng Nam. lúc ông làm tri phủ tại đó, nhân một vụ xử kiện thanh thỏa , chức sắc trong làng đem biếu ông một cặp áo hàng dành cho đàn bà thật tốt. Lúc đầu ông không nhận, nhưng vì làng nài nỉ quá, và nghĩ rằng nhà còn có mẹ già, bèn nhận, và sai Cai Lâm là một người hầu cận đem về Nam Định dâng mẹ. Bà cụ thấy cặp áo, hỏi đầu đuôi, nấu cơm cho Cai Lâm ăn, xong ra vườn cắt một tàu lá chuối, lấy lửa đốt cả cặp áo, gói tro lại. Đoạn bà lấy gói tro cùng một cái roi mây khoanh tròn lại bỏ vào một cái tráp, giao cho Cai Lâm và dặn rằng:”*Tôi nuôi con cho ăn học, ra làm quan thì ăn lộc nước, chớ tôi không dạy nó lấy của dân, chú đem cái tráp này về cho nó, dặn nó từ nay về sau đừng bao giờ lấy của dân nữa*”. Cai Lâm mang tráp về bẩm lại, và từ đó trở về

sau, ông không bao giờ dám nhận lễ vật gì của dân nữa.(6)

Khi ông làm tuần vũ Hà nội, việc dân chính và cai trị được thực hiện rất nghiêm minh, không ai dưới quyền dám đem việc tư thỉnh thác. Lúc bấy giờ, tại Bắc kỳ giữa triều đình ta và Pháp có xảy ra nhiều rắc rối về việc thông thương, vua cử ông ra điều đình. Khi đi nhậm chức, vua tiễn ông đi bằng một bài thơ, trong đó có 2 câu đại ý nói rằng: " *Một ông quan văn ra cai trị hạt ngoài nên nghĩ cách tùy cơ xếp đặt cho dân nhờ, và hãy cố đem việc thương chánh làm cho thành hiệu*". Trong công việc này ông khéo léo giằng xếp với Pháp mà vẫn giữ được quốc thể, nên vua càng ngày càng rõ tài ông.

Một sự kiện khác vô cùng quan trọng. một điểm son trong sự nghiệp làm quan của ông là ông có quan điểm cấp tiến, muốn canh tân đất nước gần giống với quan điểm của nhóm tân đảng của Bùi Viện, Nguyễn trường Tộ, Nguyễn tư Giản, Đặng đức Thuận.

Sau khi đi sứ qua Hương cảng về, ông thảo sớ điều trần về thời sự, trong đó có nêu 2 điểm quan trọng: một là mở quan, khai cảng cho ngoại quốc thông thương, và bang giao với các nước để tránh họa ngoại xâm, hai là cho học sinh xuất dương du học. Sớ dâng lên, vua giao cho đình nghị. Rốt cuộc kẻ tán thành thì ít, mà người phản đối thì nhiều, trong đó có nhiều kẻ ganh ghét tài ông, cho là ông dùng lời vu khoát, khếp ông vào tội khi quân, may nhờ vua Tự đức vì mến tài ông mà bỏ qua.

Nguyễn trọng Hợp, người bạn đồng khoa với ông lúc đó làm tổng đốc Nam định, một hôm đến chơi nhà. Trong khi trò chuyện ông có đem việc sớ tấu ra bàn và có nói rằng: " *công việc khẩn yếu như thế mà triều đình bác đi, thật là nhà nước không có ai biết việc cả*". Nguyễn

trọng Hợp thuộc nhóm bảo thủ và từng là người đã bác bỏ tấu của ông, nghe thế tức giận lắm. Hai ông cãi nhau kịch liệt, nhờ có người nhà can mới thôi.

4/ TÀI CAO, MỆNH YẾU:

Ông mất quá sớm, không chứng kiến được nổi nhục nhã mà một người thuộc khóa đàn em, học chung thầy với ông là Hình bộ thượng thư Phạm thận Duật đã muối mặt gánh chịu khi thay mặt triều đình ký hàng ước Patenôtre 1884 với Pháp. Những hoài vọng của ông đối với dân, với nước, từng được ông ký thác, bộc bạch qua thơ văn chưa đạt được như ý nguyện. Về cái chết đột ngột của ông có một giai thoại kể trong Giai thoại làng nho như sau:

“Ở chức tuần phủ Hà nội, ông phải giao thiệp thường xuyên với người Pháp. Có lần phó thủy sư đô đốc Dupre' ở Saigon ra có đến thăm ông. Dupre' có dẫn theo một con chó là con vật mà y yêu quý.

Tuần phủ đón vào công đường, vừa mời khách ngồi, thì con chó cũng nhảy lên nằm trên ghế đối diện. Tuần phủ cho đó là một dụng ý của người Pháp cố làm bẽ mặt mình, phải áo đứng dậy, quát lính đem đập chết ngay con vật hỗn xược. Dupre' cảm vì mất chó, lại bất mãn về cử chỉ rúng rẩy và thiếu lễ độ của một vị quan Việt Nam, hầm hầm ra về.

Năm 1877, có cuộc đấu xảo ở Paris, ngoài việc triều đình cử Nguyễn thành Ý, lãnh sự ở Saigon, đem sản vật sang Pháp trưng bày, vua Tự đức còn nghĩ ý cử một phái đoàn sang Pháp để tỏ tình hữu nghị. Dupre' ứng thuận, nhưng yêu cầu nam triều cử tuần phủ Hà Nội Trần Bích San làm chánh sứ.

Ông được triệu về kinh để lãnh sứ mạng cùng 2 phó sứ là Tôn thất Phiên và Nguyễn tăng Duẩn .Khi biết

được là hành trình sang Pháp phải ghé Saigon để gặp Dupre' trước đã, ông ngại Dupre' sẽ làm nhục mình, chùng ấy nhục lây đến quốc thể. Mà không đi thì cũng không được, vì đã có mệnh vua, nên trên đường về túc xá, ông suy tính cơ sự, bất giác thành một bài thơ chữ Hán, là bài tuyệt bút, như sau:

*Tự suy tài sơ xỉ vị cường
Tinh sa kim hựu phiếm trùng dương
Cực tri sơn hải ân tình trọng
Na quân đông tây đạo lộ trường
Vạn ký Kim thành thông dị vực
Thập niên Ngưu chử ức luân cương
Hoàng hoa tương mệnh tri hà bỗ
Lại hữu gia du xuất miếu đường*

Ong lẩm nhẩm bài thơ, càng thấy ngán ngẩm sự đời, sau cùng lấy lấy bản ra nuốt để tự tử.

Nghe tin ông mất, vua Tự đức tự soạn một bài văn tế và một bài thơ rất cảm động để bày tỏ lòng thương tiếc sâu xa đối với ông, như sau:

*Long Biên tài hướng phụng thành hồi
Triệu đối do hi vĩnh biệt thôi
Giả Nghị thiếu niên nan cứu dụng
Hán văn tiền tịch chính hoàng khai
Tam nguyên thanh giá lưu tàn trúc
Bán dạ phong sương lạc tảo mai
Không ức thừa xa tùy bác vọng
Kỷ hồi thiên mã tự tây lai ?*

Nghĩa là :

« Nhà ngươi vừa từ thành Long Biên về tới Phụng thành. Trẫm còn đang hi vọng triệu ngươi vào triều bàn đối, bỗng vĩnh biệt ngay! Giả Nghị tài cao nhưng mệnh yếu khó dùng được lâu. Vua Hán văn đế chính đang mở

rộng chiếc chiếu cầu hiền. Thanh giá tam nguyên vẫn còn lưu nơi trúc tàn. Gió sương lúc nửa đêm làm rụng bông mai sớm. Nay trông con thuyền sứ thân nơi Bắc vọng mà tưởng nhớ hoài. Biết bao giờ con thiên mã từ phương tây trở lại ? »

6/ LƯU LAI CHO ĐỜI :

Trần Bích San mất đi để lại cho đời các tập thơ :Mai Nham thi thảo, Thanh tâm tài nhân quốc âm thi, Nhân sự kim giám, trong đó đa phần là thơ chữ Hán .Tương truyền lúc ông đi sứ sang Trung Hoa,ông có làm nhiều thơ xướng họa với người Tàu và Triều tiên. Nhưng đặc biệt nhất là tác phẩm Gia huấn ca của ông. Nói đến ông mà không nhắc đến tác phẩm này là một sự thiếu sót lớn.

Tác phẩm này có tất cả là 1.002 câu thơ lục bát viết bằng chữ nôm (7), được ông soạn ra năm Giáp Tý, 1864, cũng là năm ông thi đậu hương nguyên . Theo tác giả đây là lời dạy con nôm na, nhưng đọc kỹ thì thấy ngoài những lời dạy chung cho con cái của bất cứ gia đình nào, còn có lời dạy riêng biệt cho từng ngành nghề trong xã hội. Có những nghề đặc biệt như nghề làm thầy thuốc, làm thầy địa, thậm chí đến người ra làm quan cũng có lời dạy, mặc dù năm đó ông chưa ra làm quan. Nhưng ngôn từ dùng để giáo huấn mọi ngành nghề là ngôn từ của người dạn dày kinh nghiệm !

Có người cho rằng ông chịu ảnh hưởng của thầy ông là Phạm văn Nghị trong việc soạn lời gia huấn. Nhưng sự thật, thầy ông cũng có làm thơ khuyên răn con lúc con ông là Phó bảng Phạm văn Giảng ra làm tri phủ huyện Minh Linh , vài bài thơ răn con không uống rượu, khuyên con cố gắng học ;về già ngồi ngắm lại những lỗi lầm trong đời mình, viết ra một bài văn gọi là « tự ký »,

răn con cháu không nên tảo hôn và không nên lấy nhiều vợ. Như thế tác phẩm Gia huấn ca có tính chất bao quát hơn, nên được nhiều người, nhiều giới trong hậu bán thế kỷ 19 và tiền bán thế kỷ 20 truyền tụng như gia bảo. Những người hiện giờ ở tuổi trên dưới 60, năm 1945 khoản chừng tuổi cấp sách đi học, vẫn được nghe ông bà, hoặc cha mẹ mình ngâm nga thơ Gia huấn ca. Có những người mù sống bằng nghề xay lúa, giã gạo mượn vào thời ấy vẫn đem thơ Gia huấn ra hò hát với nhau trong lúc làm việc. Và mãi đến sau năm 1975, nhân lúc qua đò trên sông Bến Đồn, thuộc thôn Phú Mỹ, xã Bình Phú, huyện Bình Khê, Bình Định, có người còn nghe ông lái đò (tên là Mai Nã, lúc đó khoản trên 60 tuổi, nay đã qua đời) ngâm nga thơ Gia huấn ca trong lúc chờ khách sang sông. Xem thế đủ biết Gia huấn ca của ông được truyền bá sâu rộng đến dường nào.

Con người tài đức tuyệt vời như vậy, phải chi gặp được một vị vua sáng suốt, gặp bạn đồng liêu cùng chí hướng, và sống thêm vài ba chục năm nữa, thì biết đâu Việt Nam ta đã thoát khỏi được nạn ngoại xâm từ ngày ấy và bấy giờ đã đàng hoàng là một nước cường thịnh như Nhật Bản. Tiếc thay !

Xin mượn lời thầy ông qua bài thơ viếng ông lúc ông từ trần để nói lên niềm luyến tiếc chung của mọi người đối với một con người tài đức vẹn toàn mà yếu mệnh :

*Tài mệnh như kim hữu kỷ nhân
Điều canh trực nghị Tống danh thần
Nhất tâm đoạn thiết duy ưu quốc
Vạn lý phù sa cảm ái thân
Sinh dã hữu nhai tùy tạo hoá*

Tử nan minh mục trọng quân thân
Hoàn danh hoàn cuộc ninh tu thuyết
Tráng ngã sơn hà khí vị nhân

Dịch nghĩa :

Có tài lại gặp hội, đời này có mấy người. Về việc trị nước ông không kém gì danh thần nhà Tống. Một lòng gang thép, chỉ biết lo việc nước. Bè sứ đi xa muôn dặm, đâu dám tiếc thân. Đời sống có hạn, tày ở tạo hóa, chết khó nhắm mắt được vì nghĩa vua và cha. Tròn danh tiết lại làm xong việc. Chỉ biết khí tiết làm cho mạnh mẽ sông núi của ta còn mãi mãi.

TRẦN CẨM TÚ

(1) Tuổi của những nhân vật được nhắc tới trong bài này đều được tính theo tuổi ta, để cho phù hợp với những tài liệu tham khảo cũ. Ví dụ Trần Bích San được bổ làm An sát Bình định theo tuổi ta là 30 tuổi, nhưng theo tuổi tây chỉ có 29 tuổi.

(2) Theo cụ Nguyễn Thuật, người có công tìm ra bản chép tay chữ nôm tác phẩm Gia huấn ca của Tam nguyên Trần Bích San tại Bình Khê, Bình định năm 1940 thì Trần Bích San còn có một tên nữa là Trần Nhật Tĩnh.

(3) Khoản đầu niên hiệu Tự Đức vua định những người trúng kỳ thi hội được chia làm 2 hạng : chánh trúng cách và phó trúng cách, đều được dự kỳ thi đình. Bài thi kỳ thi đình do chính vua đích thân xem xét và quyết định rồi chia ra lấy thứ tự chánh và phó, Mỗi khoa lấy trúng nhiều nhất là 17, 18 người, ít nhất là 11, 12 người. Chánh trúng cách thì đề tên vào bảng màu vàng, phó trúng cách thì đề tên vào bảng màu đỏ, rồi đem treo cả lên lầu Phú Văn

trước cửa Ngọ Môn. Phân biệt chánh và phó là để tỏ ý khuyến khích nhân tài. Khoa Ất Sửu có Trần Bích San được sắc vua ban cho đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Sau ông có có tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân Nguyễn Tuyên (tức Nguyễn trọng Hợp) và Hoàng tường Hiệp cùng 13 phó bảng. Tổng cộng là 16 người đậu đại khoa trong khoa này.

(4) Theo « Giai thoại làng nho » của Lãng Nhân, Nam chí tùng thư, 1966, trang 396, thì có một ông người Thanh Hoá cũng là học trò Phạm văn Nghị đậu tam nguyên, nhưng không nêu được tên, và có đánh dấu hỏi nghi vấn

(5) Từ năm Nhâm Ngọ (1802, Minh Mạng năm thứ 3) đến năm Nhâm Thìn (1892, Thành Thái năm thứ 4) có 30 khoa thi đình, lấy đậu tất cả 509 tiến sĩ, gồm 229 người đậu chánh bảng và 277 người đậu phó bảng. Trong 229 người đậu chánh bảng có 11 người trúng đệ nhất giáp, 43 đệ nhị giáp và 175 đệ tam giáp. Trong chánh bảng chỉ cho 3 người trúng tam nguyên là : Trần Bích San, Nguyễn Khuyến và Vũ phạm Hàm

(6) Câu chuyện na ná như thế này Quách Tấn thuật lại trong Nước non Bình Định nói xảy ra lúc Trần Bích San làm tri phủ An Nhơn. Theo nhiều tài liệu, năm Tự đức 20 (1867) Trần Bích San làm tri phủ Thăng Bình, 3 tháng sau đổi sang Tri phủ Điện Bàn, rồi cùng năm ấy được thăng án sát Bình định.

(7) Tác phẩm Gia huấn ca được phiên âm ra chữ quốc ngữ đầu tiên do Trương vĩnh Ký. Đên năm 1942, báo Tiếng Dân của cụ Huỳnh thúc Kháng in lại đây đủ theo bản kưu truyền tại Quảng Nam. Tại Bình định có nhiều bản chữ nôm chép tay, đại thể không khác nhau mấy, chỉ

trừ một số từ dị biệt như 2 bản lưu truyền tại Bình Khê và tại An Nhơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

-Việt Nam Danh Nhân từ điển, Nguyễn Huyền Anh, Văn Hoá Bình Dân, Saigon 1960

-Đại Việt Lịch triều Đãng Khoa lục, Nguyễn Hoàn, Võ Miên, Phan trọng Phiên, Uông sĩ Lãng đồng tác giả, Tạ Thúc Khải dịch, Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Saigon 1962

-Quốc triều đặng khoa lục, tác giả Cao xuân Dục, Lê mạnh Liêu dịch, Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản, Saigon 1962

-Hợp tuyển thi văn Việt Nam, tập IV, Nhà xuất bản văn hóa, Hà Nội 1963

-Giai thoại làng nho, Lãng Nhân, Nam Chi Tùng Thư, Saigon 1966

-Nước non Bình Định, Quách Tấn, Nam Cường, Saigon, 1967

-Thơ văn Phạm văn Nghị, Nguyễn văn Huyền, NXBKHXH, Hà Nội, 1979

-Thành ngữ điển tích từ điển, Diên Hương, NXBTH Đông Tháp, 1992

-Tự điển nhân vật lịch sử Việt Nam, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Bá Thế, NXB Văn Hoá, in lần thứ 4, Hà Nội 1997

-Tài liệu chép tay từ 2 số báo Tiếng Dân 1661, 1662, ra tháng 3-1942 do Giáo sư Nguyễn văn Xuân, Huế cung cấp từ năm 1972

-Tài liệu đánh máy chữ tác phẩm Gia huấn ca của Trần Bích San do cố giáo sư Trần quốc Sùng, Hiệu trưởng Trung Học Bán Công An Nhơn, Bình Định tìm được ở An Nhơn năm 1972.

-Bản chép tay tác phẩm Gia huấn ca của Tam nguyên Trần Bích San gốc chữ nôm do cụ Nguyễn Thuật tìm được năm 1940 tại thôn Phú Mỹ, xã Bình Phú, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định và phiên âm ra quốc ngữ năm 1972 lưu lại cho con cháu.

THÁNG MƯỜI TRỞ LẠI NHÀ

*Trở về trơn trượt đường mưa
Hương quê ngày cũ dong đưa bông xoài
Rạt rời tiếng võng nhà ai
Ướt mềm câu hát "một mai cha về ..."
Bồi hồi xao động cổng tre
Cành bông trang trắng bên hè chờ ta.*

NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG

Câu đố

**Thượng đầu hoả tâm trung hắc dạ,
Ngoại hình nhân trị tội gia hình;
Hữu nhơn phò trí huệ thông minh,
Vô nhơn trợ thiên u địa ám.**

**Hai làng xóm đánh một làng,
Máu chảy cùng đàn ruồi chẳng dám bu.**

**Cái gì giống như con cò,
Ăn ba hòn núi hồng no cái điều?**

**Một bầy cò trắng, ở tại núi cao,
Bằng đêm lao xao, bằng ngày trốn mắt.**

Đi ngoe ngoáy, về gãy lưng

**Mẹ đi trước đánh côn, đánh mõ,
Con đi sau vừa khộc vừa la.**

ĐÌNH PHÙ VÂN

thì thời bốn bề xa gần

thời từng mây nước xa vãn mà chơi

Lên non gọi gió ru hồn
Tìm trong mạch đá xanh rờn rong rêu
cũng như ánh nắng buổi chiều
cũng như ánh nguyệt tiếng tiêu hao gầy
Đi đi cho hết kiếp này
Hôm nay là mộng mai ngày sắc không
Dấu rằng tim vẫn còn hồng
Đời nay đã thế còn mong nổi gì
Dem cung đem kiếm bỏ đi
Rằng điên rằng dại xin ghi tạc lòng
Hỡi ôi chiếc lá trên không!
Ngẩn ngơ bay lượn mấy vòng xanh xao
Chim kia lạc lối phương nào
tiếng kêu vời vời tan vào bóng mây
Chập chùng núi biếc ngàn cây
Ru hồn vào mộng ngủ say tuyệt vời
Tóc ai lộng gió tơ bời
Cho ta gửi một trận cười xót xa.

ĐÀO VĨNH TUẤN



NƯỚC VẮN CHẢY VÀ ĐỜI CỨ THEO DÒNG

(Bài 2)

Tùy bút: NGUYỄN AN PHONG

Anh thông thân mến!

Sau một tuần lễ làm việc mệt mỏi, đã đến giờ tan sở, nhưng tôi còn ngồi nán lại, viết cho anh những dòng này, về vấn đề gia đình anh “Nên” hay “Không Nên” đi định cư ở Mỹ theo diện H.O mà anh đã có hồ sơ. Tôi tin chắc rằng, anh không mong câu trả lời của tôi là “Không nên đi”, vì khi trong tay anh đã có hồ sơ, có nghĩa là anh đã tự trả lời rằng “nên đi”, cho nên anh mới lo bổ túc đủ các loại giấy tờ, và đôi khi phải lo chạy thầy chạy thuốc nữa để được đi sớm, nếu không muốn nói là sợ hồ sơ bị chìm lại. Thật tình mà nói, tôi phân vân mãi, không biết trả lời cho Anh như thế nào đây? Nhưng, trước khi trả lời thẳng vào câu hỏi mà anh đã đặt ra, tôi muốn nhắc với anh một điều là: Dù 30 năm rồi, chúng mình không gặp lại nhau với khoảng thời gian dài như vậy, mà thời gian thì rất tàn nhẫn, nó tàn phá cái “dung nhan” và sức khỏe của chúng ta. Cả anh lẫn tôi, chúng ta đã già thêm 30 tuổi, tất cả đã trở nên “bệnh hoạn”, cho nên không còn năng lực, sự sáng suốt, sự nhạy cảm, sự cảm nhận nhạy bén như ngày nào. Làm sao ai có thể chống lại được sự già nua của tế bào, lồi theo sự suy thoái của tinh thần. Mỗi ngày nhìn vào kính soi mặt, ta thấy thời gian đã để lại những vết nhăn, đã lấy đi sự tinh anh trong đôi mắt. Còn mớ tóc mới nhuộm hôm thứ 7 tuần rồi, để đi dự đám cưới con người

bạn – mới mấy ngày đã lại thấy thấp thoáng, một số tóc bạc nhú lên trên mái tóc, đã bắt đầu take vacation hơi nhiều, đồng thời cái hình dáng của tuổi trẻ đã biến dạng đi mất rồi, cũng may là không bị các bệnh “cao”. Nghe đến bệnh nào mà có chữ “cao” là sợ muốn chết rồi, như cao máu, cao mỡ, cao đường v.v. . . Tôi nhấn mạnh với anh về vấn đề sức khỏe, có nghĩa là tôi đã nghi ngờ cả tôi về khả năng nhận định, bởi lẽ tôi đã ngại ngùng, không dám bước ra ngoài kia, để đi dạo phố Bolsa, thì trong lúc này có biết bao nhiêu cặp trai gái, đang dắt tay nhau tung tăng, chạy nhảy rảo bước trên hè phố, mặc dù trời bên ngoài đang lạnh căm căm.

Anh Thông thân mến!

Với một xã hội văn minh và hiện đại về tin học, về khoa học kỹ thuật, thì những điều anh thấy và anh nói với tôi qua những lần điện đàm, về đất nước Hoa Kỳ này đều đúng cả, đó là sự thật. Nhưng anh Thông ơi! Cái sự thật đó, nó chỉ là sự thật bên ngoài khung cửa kính mà thôi. Thấy vậy mà không phải vậy, có nhiều thứ tưởng là vô cùng hấp dẫn, nhưng nhìn kỹ lại, nghĩ kỹ lại, nó không thể nào xài được.

Ví dụ:

- Như buổi chiều có nắng vàng đẹp tuyệt vời ngoài kia.

- Như những thức ăn thừa mứa, muốn ăn bao nhiêu thì ăn, nhưng nào đường, nào mỡ, nào muối v.v. . . Ở cỡ tuổi như bọn mình nào ai mà dám ăn, vì đủ thứ sợ. Như Cholesterol, cao máu, tiểu đường, mập phì v.v. . . Cho nên với tôi: Có 3 kẻ thù là muối, đường, mỡ và 3 người bạn là: nước lọc, rau hấp và tập thể dục.

Nhưng để bù lại, với một người sống trong một xứ thiếu tự do, thì nơi đây quả thật là một thiên đường của

trần gian. Anh có tự do hoàn toàn, muốn nói muốn làm gì cũng được, nhưng trong vòng pháp luật, còn muốn ở đâu thì ở, đi đâu thì đi, nhưng mà đi đâu bây giờ? Trong suốt thời gian dài định cư ở Mỹ, hầu như tôi đã đi khắp nước Mỹ, nơi nào cũng thế, đâu đâu:

- Cũng Shopping Center, cũng Freeway v.v. . .

- Cũng cùng một nhịp sống văn minh, kỹ thuật, xe cộ di chuyển trên xa lộ, với một vận tốc nhanh đến chóng mặt, tương phản với hình ảnh ở quê nhà.

- Cũng một loại Fast Food như Hamburger, như Hot Dog như Beef Steak, v.v. . .

Nhưng thưa thiệt với anh, riêng tôi, tôi vẫn thấy mùi vị của những món ăn trên, không có món nào quyến rũ hơn là mùi vị của cá tràu nướng trui, còn vị ngọt của Coca – cola, Pepsi, 7 up thì làm sao sánh bằng hương vị ngọt ngào của nước mía, nước chanh đường, nước rau má, v.v. . .

Những chuyến đi ở xứ Mỹ này, làm tôi nhớ lại một vài chuyến đi du lịch ở Việt Nam, đáng nhớ nhất, đơn cử một vài nơi như Quảng Bình, Hội An, Đà Lạt, Quảng Ngãi, Hà Tiên . Đi dọc theo con đường cái quan, men theo mé biển tôi đến:

- Quảng Bình, là cửa ngõ quan trọng trên đường thiên lý từ Bắc vô Nam và ngược lại. Trong lịch sử, nó còn là một lần ranh phân, chia Đàng Trong và Đàng Ngoài trong cuộc nội chiến Trịnh – Nguyễn phân tranh kéo dài suốt 200 năm. Nhưng để bù lại tạo hóa đã ban tặng cho Quảng Bình, một tuyệt tác thiên nhiên là động Phong Nha kỳ bí và ngọn Đèo Ngang thơ mộng, đã chinh phục được tâm hồn lãng mạn của Bà Huyện Thanh Quan với hai câu thơ nổi tiếng:

Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,

Cỏ cây chen lá, đá chen hoa

- Rồi Hội An: Ngày Hội An nhỏ nhắn, đêm Hội An lung linh, cái hồn của khu phố cổ như tỏa khắp không gian, đi giữa Hội An ta có cảm giác như thân quen, như xa lạ, ghé vào tiệm, ăn món Cao lầu hay đi dọc đường, ăn món bánh tổ, cả hai đều có cái hương vị đặc biệt riêng của Hội An.

- Ghé lại Quảng Ngãi, để nghe dân địa phương họ tán dóc về 10 cảnh đẹp của quê hương họ, nhưng làm gì có đủ thì giờ, để đi xem cho hết 10 cảnh đẹp của Quảng Ngãi mà cụ Nguyễn Cư Trinh đã đặt tên cho là:

- 1). Thiên Ấn niêm hà (Ấn trời đóng trên sông)
- 2). Thiên bút phê vân (Bút trời vẽ mây)
- 3). Long đầu hý thủy (Đầu rồng giỡn nước)
- 4). La Hà thạch trận (Trận đồ bắn đá ở thôn La Hà)
- 5). Thạch Bích tà dương (Bóng chiều tà ở núi Đá Vách)
- 6). Hà Nhai văn độ (Bến đò buổi chiều tàn ở thôn Hà Nhai)
- 7). An Hải Sa bàn (Gò cát ở An Hải)
- 8). Cổ lũy cô thôn (Thôn Cổ Lũy cô quạnh)
- 9). Liên Trì dục nguyệt (Trăng tắm ao sen)
- 10). Vu Sơn Lộc Trường (bãi ở cửa Hư, Nai ở núi Vu Sơn)

- Lên thăm Đà Lạt, xứ hoa Anh Đào, có hồ Than Thở, có rừng Ái Ân, có thác Cam Ly, có Đồi Thông Hai Mộ, để nghe kể chuyện tình Cô Giáo Thảo. Đà Lạt, thành phố kiến trúc theo lối Pháp, khí hậu mát mẻ, là thành phố du lịch nó mang một vẻ đẹp quý phái, sang trọng. Là thành phố Hoa giữa bạt ngàn thông thơm ngát.

- Rồi xuôi về Hà Tiên. Có Lăng Mạc Cửu và Kinh Vĩnh Tế, có một ít hang sâu, động hiểm của Lạng Sơn,

một ít núi chơi với giữa biển của Hạ Long, một ít động đá vôi của Ninh Bình, một ít Thạch Thất Sơn Môn của Hương Tích, một ít Hương Giang duyên dáng, một ít chùa chiền của Bắc Ninh hay Lăng Tẩm của Huế, một ít Đồ Sơn hay Cửa Tùng, một ít Nha Trang hay Long Hải.

Phải thật tình mà nói so sánh với Việt Nam của mình thì núi non ở đây rất là hùng vĩ. Còn bãi biển thì đi nơi nào cũng có, từ bên này ven bờ Đại Tây Dương cho đến bên kia ven bờ Thái Bình Dương. Từ Vịnh Mexico cho tới vịnh Hudson nối dài. Ôi thôi! rất nhiều, rất dài, rất rộng những bãi biển. Nhưng đến những nơi này, mà không có những món ăn đặc thù của quê hương mình thì tôi coi như số không. Đi đâu, sáng trưa, chiều, tối gì cũng chỉ thấy Hamburger, Steak . . . họa hoặc lắm ghé lại những nơi có Cộng Đồng Người Việt mình sinh sống, thì mới có những thức ăn đượm mùi quê hương, nhưng cũng không làm sao có được món chim mía Gò Găng, món nem nướng Chợ Huyện của quê mình, hoặc món Cá He ướp nghệ, nướng dầm nước mắm, hoặc món Cá Trê Vàng kho tộ có chút mỡ heo rắc tiêu, hay cặp gắp nướng dầm nước mắm xoài, hoặc là món Ốc Gạo cuốn bánh tráng rau sống chấm nước mắm chanh ớt, đó mới là những món ăn đúng điệu, hết ý – Chứ cần gì những món như: “Phượng Hoàng ấp trứng”, “Vịt tìm Dương Quý Phi”, “Cá Thanh Long Miền Nam Hải” “Gà áp Chảo Đường Minh Hoàng” hay “Ngũ quả đẹp tình” trong các tiệc cưới của Cộng Đồng Người Việt chúng ta ở xứ này.

Còn ở Nam Cali này cũng có thể có những món ăn đạm bạc nêu trên, nhưng nó không thấy ngon. Phải chăng nó thiếu những gì đó, như một khung cảnh, một nụ cười trong cái ánh lửa bập bùng, của cái bếp lửa than soi rọi những giọt mồ hôi trên vầng trán của Mẹ, của Chị, của

Vợ v.v. . . trong những bữa cơm chiều của Gia đình. Ở đây, cái bếp của gia đình người Mỹ thường rất lạnh, dường như chỉ để trang hoàng cho căn nhà có giá trị thêm, chứ nó không phải là một nét văn hóa, như của dân tộc Việt Nam mình. Cho nên các nhà tâm lý xã hội đã cho rằng, đó chính là lý do đưa đến sự đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Nên nhớ rằng cái bếp là điểm nóng, mà mỗi khi cái bếp lạnh, không nấu nướng, thì không còn cái điểm ấm để mà quây quần trong bữa cơm chiều với Cha Mẹ, vợ con. Gia đình nào dù vất vả cách mấy, mà tối thiểu còn giữ được bữa cơm chiều cuối tuần, để gia đình cùng quây quần, sum họp, thì thật là vô cùng quý giá và hạnh phúc thay. Cái bếp và bữa cơm chiều, với tôi là nét văn hóa đẹp tuyệt vời của dân tộc Việt Nam chúng ta. Còn cái Văn Hóa của xứ này, phải nói thật, nói thẳng, là tôi không có cái khả năng hội nhập. Nhưng riêng với đám con của tôi, thì chúng đi vào dòng chính một cách thoải mái, tự nhiên. Mai này đám con của anh sang Mỹ rồi cũng thế thôi. Tất cả không thể đi ra ngoài quỹ đạo của nền Văn Minh Coca – Cola này.

Anh Thông thân mến!

Sau năm 1975, người ta thường ví von: “Nếu đi được, cái cột đèn cũng muốn ra đi”. Vì họ nghĩ rằng, ra đi để đến một chân trời mới, nhất là ở Mỹ thì rất là hấp dẫn, để đám con – cái của mình có một tương lai đầy hứa hẹn, thì câu trả lời của tôi là: Anh phải đi”, nhưng anh đừng quá lạc quan về một đời sống tương lai cho cá nhân anh, vì anh phải sống bên lề cái xã hội không phải của mình và mãi mãi không bao giờ là của mình cả.

Một lần nữa, tôi xin lập lại là: Đi hay ở thì dòng đời vẫn cứ thế dần trôi. Tuy nhiên, tùy ở Anh quyết định, nhưng như tôi đã nói ở trên là anh đã làm hồ sơ rồi, thì

“Anh Phải Đi”, đi để mở cánh cửa cho mọi giấc mơ được hồi sinh, và đi để tìm một chút hy vọng cho tương lai các con anh.

NGUYỄN AN PHONG

TRƯỜNG ÚC QUAN THƯỢNG HỮU CẢM

*Oanh thiên tặc pháo phá ngô doanh
Nghĩa sĩ huy đao thệ thủ thành
Huyết nhục cương ư đồng thiết đạn
Đan tâm khả sử quỷ thần kinh.*

VÕ TRỨ*

CẢM XÚC VIẾT TRÊN ẢI TRƯỜNG ÚC

*Rền trời súng giặc phá trại doanh
Nghĩa sĩ vung gươm quyết giữ thành
Máu thịt đương đầu đồng sắt đạn
Lòng son thân quỷ khiếp lưu danh.*

VIỆT THAO dịch

* Võ Trứ (?_ 1898) là tướng lãnh trong phong trào Cần Vương của Mai Xuân Thưởng, chỉ huy mặt trận Trường Úc, cản đường giặc Pháp từ đèo Thị Nại tiến quân lên Bình Khê.

Chuyện 30 năm về trước

Phú Xuân

Nhân dịp kỷ niệm đánh dấu 30 năm sau ngày mất nước, chương trình Tị Nạn và Di Dân của Washington State có thực hiện buổi hội thảo trong hai ngày 16 và 17 tháng 9 năm 2005 cho viên chức các cơ quan, công, tư và các hội đoàn trực tiếp liên hệ đến chương trình Tị Nạn và Di Dân tại Washington State trong 30 năm qua với phần chính yếu là thăm hỏi, rút tĩa kinh nghiệm qua những sinh hoạt nhằm phục vụ người tị nạn và di dân. Nhân dịp này, người viết muốn chia sẻ cùng quý vị những vui buồn trong những ngày mới đặt chân định cư trên đất Mỹ.

Vì không thể sống chung với Cộng sản, người Việt chúng ta đã tìm mọi phương tiện bỏ nước lần lượt ra đi - nào đợt 1975, vượt biển, vượt biên, diện con lai, ODP, H.O. v.v... Nói đến hiểm nguy và thảm cảnh trên biển cả và rừng sâu trên đường trốn thoát thì không giấy bút nào tả hết. Vì vậy, bài viết này chỉ hạn chế trong phạm vi phần định cư tại Hoa-kỳ mà thôi.

Người viết là một trong những người tị nạn đến tiểu bang Washington đợt đầu tiên năm 1975, trong số 85 gia đình gồm khoảng 800 người và được việc làm trong chương trình tị nạn tiểu bang với chức vụ Social Worker từ 1975 đến 1980, rồi được đổi sang ngành kế toán với chức vụ Cost Reimbursement Analyst cho đến ngày về hưu năm 1998, sau 23 năm công vụ.

Vấn đề định cư và người bảo trợ

Trước khi rời trại để định cư, mỗi gia đình tị nạn đều phải có người bảo trợ. Với tình trạng chân ướt chân

ráo, đối với người tị nạn đợt 1975, vai trò của người bảo trợ rất quan trọng.

Người Việt tị nạn chúng ta có nhiều chữ lóng rất đơn giản và dễ hiểu. Ví dụ như chữ “đi theo diện đầu trợ” hoặc “*sponsor* chùa” có nghĩa là người tị nạn không có người quen ở Mỹ mà lệ thuộc vào sự tìm kiếm người bảo trợ của chương trình tị nạn họ đưa định cư nơi nào tùy họ. Chữ “bảo trợ lưng” nghĩa là người bảo trợ thiếu khả năng giúp đỡ người tị nạn. Tôi là một trong những người xui gặp phải bảo trợ lưng. Bà con đến định cư trong các đợt sau này không lệ thuộc nhiều vào người bảo trợ vì có thể nhờ sự giúp đỡ từ bà con đến trước. Trong vùng tôi định cư, có hai mẹ con gia đình tị nạn, gặp người bảo trợ là chủ nông trại giàu có, ở xa thành phố nên cuối tuần họ thường chở hai mẹ con bà này đi chợ bằng máy bay Cesna. Vì thế, việc tôi gặp bảo trợ lưng là việc hên xui của tôi chứ không phải ai cũng vậy. Có người hên gặp bảo trợ là triệu phú nhưng không có người thừa kế nên họ đã làm di chúc để gia tài cho gia đình mà họ bảo trợ.

Người bảo trợ của gia đình tôi thuộc loại tay làm hàm nhai, có hai đứa con, 6 tuổi và 4 tuổi. Sau này tôi khám phá ra mới biết mục đích họ bảo trợ là để tìm người giúp việc nhà. Gia đình tôi gồm có 8 người, hai vợ chồng cùng 6 đứa con, đứa lớn nhất 19 tuổi và nhỏ nhất là 3 tuổi. Ngày rời trại, người bảo trợ nhét 11 người (8 người của gia đình tôi và người bảo trợ cùng 2 đứa con) vào một chiếc xe bốn cửa hiệu Landrover chở về nhà. May là hồi đó chưa có luật thắt nịt an toàn (*seat belt*). Gia đình chúng tôi ra trại khoảng giữa tháng 5 dương lịch, khí hậu bên ngoài còn lạnh. Họ cho chúng tôi ở trong một cái *trailer* loại xếp mui hiệu Coleman đậu nơi trước nhà. Buổi tối hôm ấy, người bảo trợ cho chúng tôi ăn một bữa súp mì gà

rất ngon, mỗi người ăn được một chén. Không nhớ bà ta nấu cách nào nhưng lúc đó đói nên ăn thấy ngon. Sau bữa ăn, vợ tôi cùng đưa con gái dọn dẹp bếp núc và rửa chén bát sạch sẽ nên người bảo trợ đã gọi điện thoại đến bạn bè khen là bà ta không ngờ người tị nạn họ biết sử dụng máy rửa chén và dọn dẹp bếp núc rất sạch sẽ. Lúc quân đội Hoa-kỳ tham chiến tại Việt Nam, mấy chú GI đóng quân vùng Pleiku hoặc Ban-mê-thuột chụp hình với mấy người Thượng gửi về nhà làm kỷ niệm, người Mỹ thấy hình ảnh đó rồi cứ tưởng người Việt chúng ta cũng đóng khổ và sống man rợ lắm? Gia đình chúng tôi mỗi người ăn được một chén súp mì tối hôm ấy rồi kế tiếp chủ nhà cho “*diet*” dài dài. Vì ở chung với họ nên gia đình tôi không được lãnh phiếu thực phẩm (*food stamps*). Ở đói thì người lớn ráng chịu chứ trẻ con làm sao chúng chịu nổi. Tôi đã phải lội bộ đến tiệm *grocery* mua bánh mì loại *sandwich* và đậu phụng *peanut butter* đem về nướng cho bầy con ăn. Ăn hoài một món rồi chúng cũng phải ngán. Gặp lúc trường nghỉ hè, nếu không, chúng vào trường kiếm bữa ăn trưa miễn phí cũng đỡ khổ. Khó khăn dồn dập, vợ con cần nhân đòi quay trở vào trại tạm cư nhưng tôi không chịu, vì nghĩ rằng mình phải cố gắng vượt qua để đi tới chứ không lùi trở lại.

Ở đời cái khó nó tạo cái khôn. Nhờ rút tỉa được kinh nghiệm bản thân nên khi phục vụ trong chương trình tị nạn tôi đã đề nghị những chương trình thiết thực để giúp người tị nạn như việc thi bằng lái xe bằng tiếng Việt, mở các lớp Anh ngữ ESL, dịch ra tiếng Việt các tài liệu hướng dẫn mua bảo hiểm xe hơi, mua nhà với chương trình FHA, v.v... Lãnh trợ cấp là một vấn đề mới lạ đối với người tị nạn đợt 1975. Khi còn ở quê nhà, mỗi khi nghe nói đến trợ cấp xã hội là người ta liên tưởng đến vài

ba lon gạo, một ít quần áo mừng mền cũ chứ ai đâu biết đến việc lãnh trợ cấp như ở bên Mỹ này.

Một hôm, bà bảo trợ ôm một lô quần áo cũ về, có lẽ là của nhà thờ cho, bà ngồi nơi sàn nhà soạn từng cái và chọn một số đem cất, số còn lại bà cho gia đình tôi. Cảm thấy tủi nhục nên tôi dặn vợ con đừng nhận.

Lúc đó, đối với tôi, đi bộ là nghề của chàng. Ngày nào tôi cũng cầm trong tay một tờ báo để tìm nhà cho thuê. Một hôm, theo lời đăng trên báo, tôi gõ cửa một căn nhà sau khi dò kỹ địa chỉ để hỏi thuê. Người chủ nhà trả lời là nhà này không có cho thuê. Tôi đưa tờ báo cho người chủ nhà xem thì ra địa chỉ đăng trên báo là cùng số nhà, số đường nhưng ở hướng N. (*North*) và nhà của ông ta là ở hướng S. (*South*). Thế là tôi lại học thêm được một kinh nghiệm nữa. Vài ngày sau, có một bà cụ già, người mà tôi gặp tại nhà thờ hôm mới rời trại, được bà mách miêng là có căn nhà kế nhà bà ta cho thuê. Nhờ vậy mà tôi thuê được căn nhà 3 phòng ngủ này với giá \$175 một tháng (thời giá lúc đó). Gặp khó khăn nhưng tôi đã cố gắng giải quyết lần lần những nhu cầu thiết yếu. Thế là chúng tôi bắt đầu dọn nhà. Tối hôm ấy, mọi người nằm ngủ dưới sàn nhà, không ai ngủ được vì bị ngứa và gãi suốt đêm. Sáng hôm sau, thấy cả nhà ai nấy đều nổi mụn đỏ đầy mình. Khám phá ra mới biết là nhà có bọ chét chó do người thuê trước vừa dọn đi họ nuôi chó trong nhà. Nhờ hiểu biết chút ít, tôi đến tiệm *grocery* gần nhà mua thuốc giết bọ về xịt. Người thuê trước bê bối nên không giữ nhà sạch sẽ. Ông chủ nhà đề nghị rằng ông sẽ cung cấp sơn và nếu tôi sơn thì ông sẽ trừ tiền công vào tiền thuê nhà. Sau một tuần lễ sơn phết, tôi cùng hai đứa con trai người nào người nấy mặt mày đều lộ lem vì dính đầy sơn. Khi trừ tiền thuê ông chủ nhà từ chối và phán cho

một câu: “Tôi không bắt đền *you* đã làm dính sơn tùm lum trên thảm mà *you* còn đòi tiền công”. Thế là huề cả làng.

Bắt được giúp (job) và tậu xế

Để có phương tiện di chuyển, sau khi rời trại tạm cư được một tuần lễ, tôi dẫn đứa con trai lớn đi tậu một chiếc xe đạp với giá \$120. Cha con cùng nhau dắt xe về. Khi qua đường, vội nhớ đến cảnh trước 1975 trên TV vua hề Thanh Hoài trong chương trình cảnh sát công lộ, đóng vai một ông ở quê lên tỉnh, quần ống cao ống thấp vác chiếc xe đạp băng qua đường sao giống mình bây giờ quá. Ngày đến văn phòng Sở Xã Hội, tôi dựng chiếc xe đạp bên ngoài và khóa dằng hoàng. Khi trở ra không thấy chiếc xe vì bị kẻ cắp vác đi mất. Tôi đăng báo kể lể rằng *refugee* nghèo, chỉ có chiếc xe đạp làm phương tiện di chuyển duy nhất, ai hoàn trả xin hậu tạ. Chờ cả tuần lễ không thấy có người gọi cho chuộc, thế là tiền mất tật mang, đi bộ vẫn hoàn đi bộ. Sau này, tôi mới biết mình nghèo nhưng người Mỹ có người còn nghèo hơn mình nữa.

Đêm nằm tôi nghĩ kế để tậu xế bốn bánh nên đã lân la đến nhà thờ nhờ ông mục sư giúp ý kiến, và được ông ta giới thiệu một bốn đạp có uy tín trong nhà thờ tên Dick giúp hộ. Ông Dick đã không giúp được gì mà còn xài xế nói với tôi một câu đích đáng để đời là anh ta không muốn thấy ai lãnh trợ cấp mà mua xe hơi. Tức quá, nhưng nghĩ lại cho cùng, anh ta nói cũng đúng thôi. Vì vậy, tôi đã tìm cách tránh không đến nhà thờ nầy nữa, mặc dù ông mục sư cố mời mọc hoài. May là gia đình chúng tôi chưa có mang nợ mang nần gì đối với họ, vì họ không phải là bảo trợ của chúng tôi. Sau này, những gia đình tị nạn nào có đạo Phật mà được nhà thờ bảo trợ, họ thường lập ngay một bàn thờ Phật trong nhà để để bề từ chối mỗi khi người ta mời đi nhà thờ.

Tôi đọc báo thấy đại lý hãng xe đang bán một chiếc xe mới hiệu Mazda Rotary Rx đời 1975 giá \$2,900 cộng thuế má tất cả là \$3,200. Tôi không dám nghĩ đến việc mua xe cũ, vì sợ mình không biết máy móc cỡ nó nằm và thì khốn nạn. Trong túi chỉ có vốn vụn trên dưới \$1,000 chạy đâu ra số tiền còn lại, mặc dù có mấy lạng vàng nhưng không biết chỗ bán. Bà cụ láng giềng (người giới thiệu thuê căn nhà) góp ý là nên vay tiền nhà băng. Thế rồi, tôi lội bộ từ nhà băng này đến nhà băng khác để hỏi vay tiền. Nơi nào họ cũng hỏi lý lịch *credit*, công ăn việc làm tại Mỹ, nhưng vì chân ướt chân ráo làm sao mình đào cho ra các món ấy. Một hôm, tôi vào một chi nhánh Seafirst Bank (bây giờ là Bank of America) được ông giám đốc tiếp đàng hoàng và nói lúc trước ông ta có làm việc tại Long Bình. Trong bụng tôi rất mừng, nghĩ rằng hôm nay nhờ Trời Phật phù hộ nên gặp được phe ta. Sau khi nói chuyện, ông bảo: “anh về thi lấy bằng lái rồi trở lại đây gặp tôi”. Câu hỏi kế tiếp của tôi là làm sao để lấy bằng lái và lấy ở đâu? Việc này cũng nhờ bà cụ láng giềng chỉ vẽ, và bà bảo tôi đến văn phòng Department of Licensing để thi. Hôm sau tôi đến đó đóng \$7 lấy một *permit*, và họ đưa cho tôi một quyển sách hướng dẫn (*instruction book*) về học. Vì sợ chậm trễ *dealer* bán mất chiếc xe nên tôi cố học suốt đêm, chuẩn bị sáng hôm sau đi thi. Hồi hộp nhất là lúc thi. Thi bấm A, B, C, D. Mỗi khi chọn xong câu trả lời thì bấm nút “*score*” nhưng tôi không dám bấm, vì mỗi lần bấm nếu câu trả lời sai, nút màu đỏ sẽ hiện lên làm tim tôi muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Trong đời có nhiều việc quan trọng mình đều phớt tỉnh, nhưng tại sao việc này tôi lại thấy quá quan trọng. Vì hồi hộp nên tôi không nhớ bài thi có bao nhiêu câu hỏi cho đến khi máy báo “*End of Test*”. Được nhân viên tại địa

điểm thi cho biết tôi bị rớt vì thiếu một câu để đủ điểm đậu. Ông ta bảo về nhà học bài và trở lại sau một tuần lễ. Một tuần lễ? Lâu quá! chiếc xe sẽ có người mua mất. Thế là sáng hôm sau tôi lại lội bộ đến một địa điểm khác theo địa chỉ ghi trong điện thoại niên giám để thi. Nghĩ rằng cứ đến đó, nếu họ cho thi thì tốt, bằng không, họ đuổi về chứ tội lỗi gì. May quá! đến đó mọi việc trôi chảy và lọt qua lần thi viết. Nhân viên nơi đây hỏi tôi muốn lấy hẹn để thi lái ngày nào. Lúc đó còn trẻ đầu óc minh mẫn chứ không lú lẫn như bây giờ ở tuổi trên “thất thập” nên trả lời ngay là tôi sẽ điện thoại đến văn phòng ông để xin ngày hẹn sau. Tìm đâu ra xe mà dùng để thi lái đây? Thế là cũng nhờ bà cụ láng giềng nữa. Bà ta đồng ý cho tôi mượn chiếc xe Ford Mustang hai cửa đời 1968 màu đỏ mà hiện nay bà ta còn giữ để làm đồ cổ (*antique*). Ngày còn ở Việt Nam, từng lái xe một tay rất lanh lẹ đổ dốc các Đèo Sông Pha, Mang Giang và An Khê nhưng hôm nay sao tôi lại khớp quá, có lẽ vì thấy nhân viên chấm thi mặc đồng phục nghiêm chỉnh đâm sợ, may rồi cũng đậu.

Lấy biên nhận tạm bằng lái tôi vội đi ngay đến nhà băng gặp ông giám đốc. Sau khi tôi mở một trương mục và đóng số tiền mặt \$1,000, nhà băng viết cho tôi một tấm chi phiếu \$3,200 gồm cả tiền vay để mang đến đại lý Mazda lấy chiếc xe. Trước khi đi, tôi có điện thoại báo cho người bán xe biết là tôi sẽ đến đó trong vòng vài tiếng đồng hồ sau khi ghé văn phòng bảo hiểm để mua bảo kê chiếc xe. Minh thì nóng ruột mua cho được chiếc xe để có phương tiện di chuyển còn thua thằng cha bán xe nôn bán chiếc xe để được lãnh tiền hoa hồng. Vừa đến đại lý bán xe, thấy chiếc xe lau láng cóng đậu sẵn ở đó. Sau khi lập thủ tục xong và nhận chìa khóa, tôi lái chiếc xe mới toanh ra về. Nghe bà con xầm xì, con mẹ bảo trợ

tìm đến nhà để kiểm chứng, thấy chiếc xe đậu trước cửa, mẹ ta gành nhảy đồng đồng như đĩa phải vôi. Thế là bà ta cắt đứt liên lạc với gia đình tôi ngay từ hôm ấy.

Đụng xe (car accident)

Vốn vẹn chỉ có hai tuần lễ sau, đang lái xe trên đường đến sở, tôi thấy một chiếc xe phóng nhanh gần đến bản *stop* nhưng không giảm tốc lực, chạy thẳng từ phía bên trái. Tôi nhanh chân đạp mạnh chân ga để xe lướt tới, tránh bị xe kia đâm thẳng vào người. Nhờ vậy mà chiếc xe của tôi bị đâm vào cửa sau, nơi sau lưng tôi. Bước xuống xe, chân tay tôi run bần bật vì lo vốn liếng chỉ có chiếc xe mà bị đụng kể như tiêu tan sự nghiệp. Tài xế bên kia là một con bé 18 tuổi mượn chiếc xe của bà ngoại cô ta để đi học. Xe đó là một chiếc xe hiệu Chevrolet Impala bốn cửa, đời cũ nên *defrost* bị hư, cô không nhìn thấy bản *stop*. May quá! Bà ngoại của cô ta có bảo hiểm và đền bồi sòng phẳng kể cả thuê cho tôi một chiếc xe khác để đi làm trong thời gian xe tôi sửa chữa.

Số không thành triệu phú

Khi vừa mới đến định cư, nhiều người tị nạn được các báo chí Mỹ địa phương phỏng vấn lung tung. Lúc đó, người Mỹ họ còn xa lạ đối với người tị nạn nên có nhiều tổ chức muốn tìm hiểu, và họ đã mời người tị nạn đến nói chuyện. Xăng nhớt rẻ cứ đổ đầy bình rồi theo bản đồ mà chạy. Nhiều bữa trời tối, sương mù nên lạc đường đến trễ, bắt người ta ngồi chờ đến mỗi cổ. Đúng là điếc không sợ súng. Lúc nói chuyện có bao nhiêu tiếng Mỹ xỏ hết, sau này, khi tôi trở lại trường học, nghĩ mà rợn tóc gáy. Tôi còn nhớ ngoài các câu hỏi liên quan đến cuộc chiến Việt Nam, họ còn hỏi tại sao đất nước chiến tranh mà người Việt sinh đẻ nhiều thế, gia đình nào cũng 5, 6 đứa con. Tôi trả lời rằng đối với gia đình Việt Nam của chúng tôi,

năm sáu đứa con là lẽ thường, vì cứ mỗi lần sinh chúng tôi đều thuê một người vú em để giúp việc (sang quá, mấy bà Mỹ nghe nói mà ham). Tôi không biết họ có tin hay không nhưng thấy cả hội trường im thin thít. Khoái nhất là khi ra về, người nào người nấy cũng chờ tại cửa để bắt tay cho bằng được “ông diễn giả bất đắc dĩ”.

Một hôm, có một người gọi điện thoại ngỏ ý muốn mời gia đình chúng tôi đến nhà bà ta dùng cơm. Tôi nhận lời theo giờ giấc và được bà hướng dẫn đường đi. Bà bảo lái xe đến bến phà Steilacoom và lấy phà (*ferry*) đi đến đảo Morris. Đến đó bà ta sẽ đón gia đình chúng tôi. Trên đường đưa về nhà, bà giới thiệu tên bà là Morris, đồng thời cho biết đảo này vợ chồng bà ta mua cách nay hơn 20 năm. Bà nói chồng bà là kiến trúc sư. Sau khi mua đảo này, ông ta xây một căn nhà rất lớn, vừa xây cất xong thì ông ta ngã bệnh và qua đời cách nay hơn ba năm. Bà ta ở tuổi 70, một tay chống nạnh. Bà dẫn đi xem toàn căn nhà và mời gia đình chúng tôi dùng cơm trưa. Cơm nước xong, bà trình trọng ngỏ ý muốn bảo trợ gia đình chúng tôi đến ở cùng bà vì nhà rộng còn nhiều phòng trống. Tôi hẹn là để về nhà suy nghĩ rồi sẽ trả lời sau. Sở dĩ tôi không trả lời ngay vì nghĩ rằng nếu sống trên đảo này thì làm sao cho con cái mình có nơi học hành. Trên đường đưa gia đình chúng tôi trở lại bến phà, bà lái xe đưa chúng tôi một vòng để xem đảo. Chu vi đảo này rộng khoảng hơn hai dặm vuông và trồng nhiều cây thông. Dọc đường thấy nai đi cả đàn trông thật thanh bình. Bà cho biết sau khi chồng bà đem mấy cặp về nuôi, bây giờ chúng sinh sản đến gần cả trăm.

Sau khi về nhà, tôi đã gửi cho bà một bức thư cảm ơn về việc bà đã mời gia đình chúng tôi dùng cơm, đồng thời từ chối khéo là không thể đến sinh sống trên đảo của bà được vì xa cộng đồng người Việt. Hiện nay, trên bản

đồ, đảo Morris đã đổi tên là Ketron, chắc là tên chủ mới, sau khi bà Morris qua đời. Tỉnh thoảng, mỗi lần có dịp nhắc đến chuyến thăm đảo Morris năm nào, đám con của chúng tôi thường hay nói đùa rằng: “biết đâu lúc đó gia đình mình nhận bà Morris làm bảo trợ, bây giờ bà ta qua đời, chắc bà để của lại thì mình đã thành triệu phú rồi”. Tôi chỉ biết trả lời: “Nếu thế, có thể, bây giờ chúng bay bị thất học hết và sống ở đảo này với bầy nai”. Sau này, ở lâu mới biết, thật ra đảo này rất gần với đất liền, có thể sinh sống bên đó, ngày ngày lấy phà qua bên này đi làm, đi nhà băng ..., hay cuối tuần đi chợ cũng tiện.

Những chuyện cười ra nước mắt

Đợt chạy loạn năm 1975 có nhiều chuyện cười ra nước mắt. Nhiều quân nhân đang đánh nhau nơi mặt trận thấy cấp chỉ huy chạy, họ chạy theo, không ngờ bị đưa thẳng ra hạm đội Mỹ đậu ngoài khơi rồi đi thẳng qua Mỹ. Có người cẩn thận đưa máy bay bà già L19 (vợ) xuống tàu Hải quân di tản rồi quay trở lại với khu trục (bồ nhí) để tử thủ. Ai ngờ sau đó Cộng sản bắt đi tù cải tạo mút mùa lệ thủy, khu trục ở nhà bị vẹm sử dụng. Vợ con đến Mỹ bơ vơ nơi xứ lạ quê người, đêm đêm cầu Trời khẩn Phật cho chồng được bình yên và đoàn tụ nhưng vẫn bật tin, nên có người xin ghi tên để trở về Việt Nam cùng với những người trên chiếc tàu Việt Nam Thương Tín, nhưng may mắn được bà con khuyên giải nên họ ở lại. Trái lại, số người mang khu trục theo và bỏ bà già ở lại cũng không ít. Có người, khi đi tản đem cả bà già lẫn khu trục. Lúc định cư họ ở chung cùng đơn vị, và nói dối với bảo trợ là người giúp việc nhà. Thế rồi, bị bảo trợ người Mỹ phát giác, họ xúi làm giấy ly dị vì luật lệ ở Mỹ không có cái vụ đã có bà già rồi mà còn đèo bồng khu trục. Có một ông đi lính hải quân chuẩn bị rất kỹ trước khi di tản. Nhờ sẵn phương

tiện, gia đình ông ta mang cả vạc giường bằng tre cùng mấy chiếc chiếu, và một cái cối xay bột bằng đá nặng tổ bố. Thế mà, người Mỹ họ rất quý trọng của riêng, nên ông ta vẫn giữ được các món ấy cho đến ngày định cư. Người tị nạn 1975 thuộc loại lờ thầy lờ thợ. Lúc ấy, thấp đuốc cũng chẳng tìm ra một người biết may vá, nấu ăn, hay hớt tóc. Bây giờ, sau bao nhiêu đợt tị nạn, cộng đồng Việt Nam ở Mỹ có cả khối nhân tài. Tại thủ đô người Việt tị nạn vùng Nam California, bà con muốn mua sắm hay ăn uống không thiếu một món gì. Nào cơm âm phủ, chả cá Thăng Long, bò báy món, mì Quảng, v.v...mà món nào nấu cũng ngon mà lại rẻ. Tôi thích nhất là món “cơm chỉ”, chọn món nào mình thích cứ chỉ rồi trả tiền mang về khách sạn mặc sức mà ăn. Mỗi lần có dịp về thăm thủ đô người Việt tị nạn, vợ chồng tôi lúc nào cũng ghé mua món khoai mì nấu sẵn còn nóng rất ngon (vì gốc là dân củ mì và bánh tráng chính cống). Ở đây khí hậu nắng ấm, quý bà mặc bà ba đội nón lá lội bộ tỉnh bơ như ở quê nhà, chắc người Mỹ nhìn thấy phải chóng mặt.

Tết tha hương

Tết Bính Thìn - 1976 là cái tết tha hương thứ nhất tại tiểu bang Washington được tổ chức trọng thể tại Seattle, bà con đến tham dự rất đông đảo, có cả ông Thống Đốc Daniel Evans của tiểu bang nhà. Tình đồng hương thấm thiết vì cùng cảnh ngộ, gặp nhau tay bắt mặt mừng, thăm hỏi và chúc tụng nhau trong dịp đầu xuân, chia xẻ nhau kinh nghiệm sống nơi xứ lạ quê người chứ không đánh nhau chí chóc như bây giờ. Đêm đêm nằm nghĩ mà buồn cười. Phải chi, năm 1975 bà con đến định cư còn chân ướt chân ráo, nghèo khổ, và nếu có tranh giành chút ít vì miếng cơm manh áo thì chẳng nói làm gì. Đàng này, sau 30 năm, ai ai cũng giàu có mà người ta lại chơi

nhau sát ván không nương tay, chỉ vì tranh giành những cái chức hão huyền đầu đầu. Đã có những vụ lôi nhau ra pháp đình, và kéo nhau vác chiếu hầu tòa. Ôi! đó cũng là điều hay, vì có như thế họ mới sáng mắt ra, chứ lâu nay bởi thói quen, họ cứ chơi theo kiểu luật rừng. Thậm chí cho đến việc chống Cộng mà họ cũng dành độc quyền, thể như chỉ có ta mới là lãnh tụ anh minh?

Nhớ ơn suốt đời

Nhân đây cũng xin nhắc là bà cụ lảng giềng lúc trước của tôi hiện nay thọ 97 tuổi, vẫn còn khỏe mạnh và tỉnh táo. Hàng năm gia đình tôi mời bà đi tiệm dùng cơm Tàu hoặc dùng cơm Việt tại nhà cùng tặng một bó hoa nhân ngày sinh nhật của bà và có hứa với bà rằng đến lần sinh nhật thứ 100 của bà gia đình chúng tôi sẽ mời bà đi Hawaii hoặc Florida để tổ chức tại đó.

Cách nay bốn năm bà Cụ thân sinh của tôi mất tại quê nhà, thọ 94 tuổi. Theo ý nghĩ của tôi, sự bỏ nước ra đi của chúng ta có chủ đích. Vì vậy, tôi đã trằn trọc suốt mấy đêm không ngủ để quyết định chọn lựa giữa chữ hiếu và một hành động quy hàng. Tôi đành chấp nhận bất hiếu nên đã không về được để nhìn mẹ già trước khi Bà vĩnh viễn ra đi sau mấy mươi năm trường xa cách. Nhận được băng *video* từ bên nhà gửi sang thấy các em và các cháu tôi cùng bà con, làng xóm lảng giềng lo đám táng của bà Cụ thật chu đáo nên tôi rất mừng.

Giờ đây, sau 30 năm định cư, dù trong hoàn cảnh nào, gia đình tôi vẫn luôn luôn mang ơn nhân dân cùng chính phủ Hoa kỳ đã “cứu mạng”, mở rộng vòng tay đón nhận và hết lòng giúp đỡ người tị nạn chúng ta, nhất là cựu Tổng thống Hoa kỳ Gerald Ford, và cựu Thống đốc tiểu bang Washington Daniel Evans.

Phú Xuân (dân Bình Khê)

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

Ta gọi em là giọt sương trong
Trong dáng lòng thanh giũ bụi hồng
Còn ta lũ khách trần tục quá
Chao hồn như nắng sắp sang sông

*

Ta gọi em là giọt nắng trong
Từng chiều thu nhẹ vắng tiếng đồng
Hồn nương kinh kệ hương trầm thoảng
Bướm về giao động cánh lan không

*

Ta gọi em là ngọn thu phong
Trải lá rừng vô ngập cô phòng
Hiên chùa nhịp mõ tim lạc vận
Luyến nhớ tăng bào bướm bên sông.

*

Thiên môn gió nổi gợn má hồng
Nửa hồn thương tiếc nửa hồn trông
Người về phố thị trai phòng vắng
Để lại sân chùa nắng mênh mông.



ĐÀO VĨNH TUẤN

BẾN HẢI CON SÔNG THƯƠNG

ĐẶNG MỸ DUNG-YUNG KRALL

Tôi chào đời trong khói lửa chiến tranh, anh chị em tôi lớn lên trong cại nôi của cách mạng, những bàn tay kháng chiến đã ru ngủ, bảo bọc chúng tôi cho đến lúc thành người.

Cha tôi là một nhà mạng, một người đàn ông lý tưởng, thơ mộng, yêu quê hương, yêu gia đình. Từ một thanh niên chống Pháp giành tự do độc lập cho Việt Nam trở thành một đảng viên cao cấp của đảng Cộng Sản Bắc Việt, và giữ chức Đại Sứ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại Liên Xô 7 năm ròng rã cho đến ngày miền Bắc thôn tính miền Nam.

Mẹ tôi là một người can đảm, chung thủy với gia đình và đất nước. Mẹ tôi yêu chuộng tự do, tôn thờ đạo làm người. Như hàng triệu người đàn bà Việt Nam thuần túy khác, má tôi vừa làm mẹ, vừa làm cha, nuôi một đàn con thơ trong suốt khoảng thời gian giặc giã. Từ trong bưng biền cho đến những năm khó khăn chốn thị thành.

Năm 1954 ba tôi quyết định tập kết ra Bắc, tình nhà cũng nông cũng đậm cho nên ba tôi muốn đem vợ và 7 đứa con theo ra Bắc. Năm đó má tôi 37 tuổi không một tuổi đảng, không một chức tước gì trong chánh phủ cách mạng nhưng má tôi đã hiểu rộng, đã nhìn xa mà ngao ngán cuộc sống dưới tổ chức mà ba tôi thờ phượng. Má tôi can đảm từ chối lời mời của đảng và chồng. Bà nói riêng với ba tôi: "Con tôi còn nhỏ quá để tôi nuôi, để Bác Hồ

của anh nuôi con của tôi hư hết.” Ba tôi muốn vợ đầu chồng đó, muốn cho chúng tôi theo để được đi học rồi du học bên Tàu bên Nga; má tôi nghe còn sợ hơn nữa. Thế rồi ba tôi quyết định đi tập kết và hứa sau hai năm sẽ có cuộc tổng tuyển cử như định là cộng sản sẽ thắng thì ba tôi trở về với gia đình.

Cuộc phân ly nào cũng mất mát, kể từ đó má tôi mất cái điểm phúc làm vợ của một nhà cách mạng, của một người đàn ông đẹp trai, lãng mạn, thương vợ thương con. Bù lại má tôi được tự do chọn lựa, kết quả của sự lựa chọn đó là chúng tôi được sống trong miền Nam, được hưởng tự do và hiểu được dân chủ.

Ba tôi đi rồi má tôi tản cư ra khỏi bưng biển trở về làng sống với cha mẹ. Lúc đó tôi 9 tuổi, hai người chị lớn 16 tuổi, em trai kế tôi 6 tuổi, em gái 3 tuổi và đứa em út vừa được 6 tháng. Má tôi gặp biết bao khó khăn trong đời sống cô đơn ở một hoàn cảnh nhiều thử thách; nào là một đàn con nhớ cha cứ hỏi “chừng nào ba về?” nào là công an miền Nam theo dõi, điều tra ông chồng tập kết của bà, trong khi đó Việt Cộng nằm vùng lại gõ cửa sau kêu gọi “đóng góp cho cách mạng”

Một người đàn bà với bản tánh thẳng thắn, dứt khoát, má tôi một mực trả lời với công an quốc gia “Tôi lo may vá nuôi đám con nít phá, gạo còn lo không nổi làm sao mà tôi có thì giờ đi lục kiếm chồng tôi. Khi phải giáp mặt với Việt Cộng hay Việt Cộng nằm vùng thì má tôi thành thật nói “Ba của sắp nhỏ để lại sáu đứa con chỉ dặn mẹ con tôi chờ hai năm ba nó về, con còn nhỏ quá nên ba nó không có dặn tham gia tổ chức nào, chỉ mong cho tôi mạnh giỏi nuôi con học tới nơi tới chốn.”

Lúc 10 hay 11 tuổi tôi khám phá là tôi yêu thương cái làng của ông bà tôi ở. Thương con sông nhỏ, thương mảnh

vườn cam, vườn quýt, thương hàng dừa, thương ruộng lúa từ mùa khô cho đến mùa nước lũ; tôi cũng biết tình yêu đó có cũng nhờ làm con của một người “yêu nước” và làm cháu của một gia đình nông dân chất phác, bà ngoại tôi thương từ hột lúa giống, tới trái cau, cây quýt trong vườn. Tôi nghĩ lại những năm tổ chức cách mạng lấy nhà, lấy đất của chủ điền cho gia đình của những người làm cách mạng trú ngụ, chủ điền bị đuổi ra khỏi nhà. Tôi so sánh đời sống trong vùng “giải phóng” dưới tổ chức của Hồ Chí Minh chỉ đạo và đời sống của ông bà tôi ở một nơi mà cộng sản chưa tới được, tôi rùng mình!

Tôi may mắn được lớn lên trong một đại gia đình mà vận nhà, vận nước gắn liền trong đời sống của chúng tôi. Bà con họ hàng xa gần phần đông là nông dân, ai đến nhà ông bà tôi cũng nói đến việc nước, nói đến Bắc Nam, bàn tán thời sự. Người thì sợ “lính của ông Hồ” người thì chờ ông ngoại tôi đọc nhật trình rồi bàn chuyện nước non. Đặc biệt là dòng họ tôi không ai có ý nghĩ “chánh phủ nào cũng vậy”; họ là những người thâm hiểu thời sự qua sự giao dịch gần gũi với ông ngoại tôi và các cậu của tôi và ba tôi.

Người tin tưởng ở ông ngoại tôi thì chống cộng, người ngưỡng mộ ba tôi và các cậu tôi thì một mực tin cộng sản Việt Minh là những người chống xâm lăng cứu nước.

Tôi nhớ năm 55 hay 56 gì đó, những người trong làng họp nhau ở nhà ông bà tôi chờ sao chổi mọc lên. Người thì muốn cán chổi xây về hướng Bắc để “lính ông Hồ quét sạch miền Nam.” Nhưng có người lại muốn cán chổi xây về hướng Nam để “đập tan Việt Cộng ở miền Bắc” Tôi không muốn ba tôi chết nếu người ta đập tan Bắc Kỳ Hà Nội, chỉ muốn ba bỏ đảng về với gia đình thôi. Không có cha bên tôi, tôi quán quýt bên ông ngoại nhiều, có lần tôi

hỏi sao ba tôi đi ra ngoài bắc rồi, bè bạn đồng chí của ba không còn ai giúp đỡ chúng tôi như lúc ba còn ở trong nam. Ông ngoại tôi nói họ cũng đi với ba tôi, có hơn 180.000 người tập kết ra bắc. Mấy ngày sau tôi hỏi lại ông là có hơn 180.000 người đi tập kết, má không đi vậy má có sai không? Ông tôi nói “Ráng siêng học lên để đọc nhật trình mà biết thêm tin tức với người ta. Ngoài Bắc có 7, 8 trăm ngàn người di cư vô nam . Họ sợ cộng sản quá họ bỏ đi thì má con ngu dại gì mà đi nạp mình cho thằng già Hồ?”

Ông kèm cho một đám cháu 15 đứa đi học, ông cho biết trách nhiệm của chúng tôi là học hành và để dạy cho má tôi nhớ. Ông tôi chỉ cấm một điều là không được theo Việt Cộng. Chỉ có con của má tôi không một ai theo Việt Cộng nhưng năm người chị con của cậu tôi đều nối gót cha “chống Mỹ cứu nước”.

Tôi sống trong một giai đoạn của lịch sử Việt Nam mà ngày hay đêm không rõ, phải hay trái, trắng hay đen tất cả đều không rõ ràng với tôi. Nhưng điều rõ ràng nhất với tôi là những người Việt Cộng nằm vùng có những hành động bạo ngược. Dù còn nhỏ tôi hiểu rằng cái gì bạo ngược là phi nghĩa, là trái lòng dân, là nghịch ý trời.

Từ năm 1954 cho đến 1975, má tôi một lòng chung thủy chờ chồng dù suốt thời gian đó má tôi không được một lá thư, một lời nhắn hay một bức hình của ba tôi nhưng bà vẫn tin là ông còn sống. Chúng tôi cũng muốn tin ba mình còn sống.

Tháng Tư năm 1975, chồng tôi về Việt Nam để tìm cách rước má tôi, mặc dầu lúc đó sĩ quan Mỹ không được vô Sài Gòn nếu không có sự vụ lệnh, nhưng chồng tôi nói thà bị ra tòa án quân sự Mỹ còn nhẹ hơn là để má và các em tôi ra tòa án nhân dân của cộng sản.

Ngày 28 tháng Tư má tôi và hai đứa em rời Sài Gòn. Trong một buổi sáng mặt trời chưa lên, má tôi mất nước, mất cái dịp gặp lại được đứa con trai lớn theo cha đi tập kết. Bà không được đem theo hành lý chỉ được có 1 cái valise nhỏ, trong đó má tôi gói ghém hết những kỷ niệm của đứa con trai tử nạn vì máy bay trực thăng rơi.

Má tôi bỏ đi là một hình thức của cái thau nước tạt vào mặt đồng chí của ba tôi, nhưng ba tôi kiên nhẫn, thông cảm và ước mong má tôi trở về Việt Nam với ông. Ba tôi yêu cầu vợ chồng tôi đưa má tôi qua Pháp để ông rước má tôi về Việt Nam sống với ông và anh cả của tôi.

Lúc đó tôi có ảo thuật hay sao mà tôi chạy lo được giấy tờ đem má tôi qua Pháp gặp ba tôi. Thời thế tạo anh hùng chớ tôi không biết hóa phép.

Chị em tôi không muốn má về Việt Nam nhưng ngược lại chúng tôi muốn ba má sống bên nhau của những năm còn lại của hai người; nhưng chúng tôi đồng lòng với nhau để má quyết định. 19 năm về trước má đã tự quyết định cho đời má và chúng tôi, mà lúc đó má tôi mới có 37 tuổi, thì bây giờ má đã 60. Tất cả trong tay má, tất cả trong tim má và bài học lịch sử của đất nước mà má tôi thuộc lòng.

Phút giây tái ngộ của hai người tình, được kiểm soát bằng hai cặp mắt của tình báo cộng sản. Tôi muốn họ đi chỗ khác ngồi để ba má tôi tự do nói chuyện nhưng họ nói họ có trách nhiệm giữ an ninh cho hai ông bà.

Sau hơn một tuần gặp nhau, tiếng khóc tiếng cười giữa cha mẹ tôi làm cho tôi tưởng mình sống trong mơ, hay lạc trong một thế giới thần tiên. Từ mộng mị đến ác mộng xảy ra trong thời gian ngắn đó; đó là hôm má tôi đã sẵn sàng về Việt Nam với ba tôi. Bà hỏi nửa chơi nửa thật “tôi

về Sài Gòn mấy thằng cán bộ nó làm gì tôi anh biết không?”

Ba tôi chau mày nói “sao em dùng danh từ không đẹp để gì hết vậy?”

“Trong Nam của tôi chỉ có danh từ đó để kêu họ thôi, tôi đâu biết tiếng gì khác hơn.”

Suy nghĩ một lát ba tôi nhìn về một phía thật xa ông nói “em về thì mấy anh sẽ mời em lên nói chuyện, chắc là em đi học tập ít ngày.”

Má tôi tìm con mắt của ba tôi rồi hỏi “Tôi khôn hơn mấy thằng cán bộ của anh, không làm gì ác độc như anh Ba Dẫn của anh, thương nước thương nòi hơn cậu Hồ của anh, thì ai mà dạy tôi học với tập được? Mà tôi có tội gì với Đảng và Bác của anh?”

Ba tôi bùm miệng má tôi vì hai người đang ở tại villa của cộng sản, nơi mà Nguyễn thị Bình và Lê Đức Thọ đã ở trong thời gian hội nghị Ba Lê. Rồi ba tôi hạ giọng nói nhỏ.

“Em bỏ nước ra đi khi toàn dân chào mừng cách mạng, em để cho con lấy chồng người Mỹ.”

Má tôi cười “Dạ thưa đồng chí, những người Mỹ này là cha của cháu ngoại đồng chí, còn nói chào với đón... ai chào ai đón mấy ông rồi sẽ hối hận ê chề sau tuần trăng mật.”

Má tôi trở về Mỹ như một con chim đại bàng bị thương, ba tôi về Sài Gòn như một tráng sĩ thua trận.

Nhưng tình nghĩa giữa cha mẹ tôi vẫn nồng vẫn đậm, kể từ đó ba tôi lén gửi thơ, làm thơ cho má tôi, chuyển tay qua những người bạn tín cẩn, má tôi tiếp tục bảo vệ tánh mạng ba tôi bằng cách ngăn cản năn nỉ tôi đừng chống cộng ra mặt. Biết tôi viết quyển *A Thousand Tears Falling*, bà rất hãnh diện về công trình này nhưng bà năn nỉ tôi đừng xuất bản khi ba còn sống.

Ba tôi qua đời mùa Hè, năm 1986, tôi xuất bản sách vào mùa Thu năm 1995.

Tiền nhân để lại cho chúng ta một kho tàng kinh nghiệm, lịch sử, tiểu sử là những bộ sách học làm người cho nhân loại. Quá khứ của tôi sống trong đời sống hằng ngày này, kinh nghiệm của một người Việt Nam có những hồi tàn khốc nhưng nó không giết được tôi thì nó cũng phải tạo cho tôi một sức mạnh, một trí khôn, một bài học chỉ nam để làm người hữu dụng.

Tôi là đàn em, có người kêu tôi là “thục nữ”, trách nhiệm của tôi là cùng với đàn anh giữ ngọn lửa thiêng của những người đã chết cho tự do. Nhắc nhở tất cả những người đã thành công, đã hưởng được tự do nơi hải ngoại đừng chà đạp lên giấc mơ Dân Chủ của dân tộc Việt Nam bên nhà. Tiền tài danh vọng ta có hết, ta có luôn cả tự do. Bất tay với cộng sản để làm ăn hay để có một chỗ ngồi nào đó trong xí nghiệp thì quý vị sẽ bị con cháu lớn lên hỏi:

“Cha mẹ ông bà tôi làm gì khi mất nước? Cha mẹ ông bà tôi làm gì khi đất nước và dân tộc Việt bị cộng sản cầm tù?”

Gia tài để lại cho thế hệ sau không phải là những lời hay, lời đẹp khắc trên mộ bia của người quá cố mà là hành động của chúng ta lúc còn sống trong tự do.

Cá nhân tôi, là người được tự do cho nên tôi không có những suy nghĩ của người nô lệ. Tôi muốn tất cả được tự do như tôi.

“Hãy yêu người như tôi yêu tôi” đó là lời dạy của một thiền sư. Dạ thưa không phải là thiền sư Thích Nhất Hạnh.

ĐẶNG MỸ DUNG- YUNG KRALL

Tháng 7, 2005

Quay lối về thăm

Phố biển Qui Nhơn

Vàng lá rụng nên mùa hè đi trốn
trời thu buồn ngày tháng cũng xanh xao
ngôi trường cũ dấu chân xưa mờ nhạt
em bây giờ xa lạ tự phương nào ?

Ta phiêu bạt nửa đời lo cơm áo
giày – gót mòn khắp khếnh bước chân hoang
thân rời rã ngựa hồng nay mỗi một
quay lối về thăm phố biển – Qui Nhơn.

Chiều lặng thăm nghe sóng biển giận hờn
ta từng bước nhẹ tìm quen dấu tích
ghế đá cũ bây giờ ai xê dịch
lệch bóng chiều rẽ ngả lối yêu thương.

Ba mươi năm rồi ta mãi vẫn vương !
con nắng ấm gió ru tình của biển
chiều Nguyễn Huệ - con đường yêu thánh thiện.
tìm chân quen ngày cũ bước em về.

Ta bây giờ đứng giữa thành phố quê
ôm dĩ vãng nửa đời mang thương tích
em – chim én bay – trời xa mù mịt
biết có còn nhớ chút gió hương quê !?

PHAN TƯỜNG NIỆM

TÔI HIẾN TỬY

Lê Tấn Phước

- Xin Quý Cô, Quý Bác cứu con với!

Tiếng van xin của bé John Lê qua làn sóng phát thanh đã làm tôi vô cùng xúc động. Bé John bị bệnh hoại huyết, cần phải được cấy tửy, mới mong có thể sống sót được. Thân nhân của bé không người nào có loại máu hợp với bé, nên Hội Người Việt Hiến Tửy đã đưa cháu lên đài phát thanh để kêu gọi tình thương của cộng đồng người Việt.

Theo lịch trình thử máu của Hội NVHT, nhà tôi và tôi lái xe từ Los Angeles xuống Orange County để cho mẫu máu. Đến nơi, chúng tôi thấy đã có rất nhiều đồng bào tụ tập theo lời kêu gọi của Hội NVHT. Cung cách làm việc của Ban Tổ Chức rất khoa học, nhanh chóng và nhất là rất an toàn. Kết quả của mẫu máu sẽ được Hồng Thập Tự (Red Cross) lưu trữ trong computer để so sánh với máu của người bệnh trong tương lai.

Tiếc rằng máu của nhà tôi và của tôi không trùng với máu của bé John Lê. Nhưng sau đó, tôi nhận được thư của Hồng Thập Tự nói rằng qua đợt so sánh sơ khởi, máu của tôi trùng với một người ở New York, và hỏi tôi có bằng lòng để họ thử nghiệm đợt hai. Dĩ nhiên là tôi bằng lòng. Và tôi hồi hộp chờ đợi kết quả. Sau đó, không thấy Hồng Thập Tự liên lạc lại, tôi đoán là qua lần thử nghiệm kỹ hơn ở đợt hai, máu của tôi đã không trùng với máu của bệnh nhân đó.

Rồi, vì công ăn việc làm, chúng tôi di chuyển sang thành phố Buffalo, thuộc tiểu bang New York. Nơi đầu

tiên tôi thông báo đổi địa chỉ và số điện thoại là Hồng Thập Tự, vì tôi nghĩ không có gì bối rối cho bằng nếu Hồng Thập Tự khám phá máu của tôi trùng với máu của một bệnh nhân nào đó, mà họ lại không liên lạc được với tôi.

Và, quả nhiên, tôi nhận được thư và điện thoại của HTT (Hồng Thập Tự), báo tin rằng máu của tôi trùng với máu của một bé gái sáu tuổi, và hỏi tôi có bằng lòng cho lấy máu để thử nghiệm tiếp. Tôi trả lời rằng tôi rất vui khi nghe máu của tôi trùng với máu của em bé, và tôi rất sẵn sàng để cho máu thử nghiệm thêm. Và khi được HTT cho biết máu của tôi và của bé gái đáng thương kia hoàn toàn trùng hợp với nhau (perfect match), tôi rất vui mừng. Không vui mừng sao được khi biết rằng mình có cơ hội để cứu sống một mạng người!

Văn phòng HTT New York làm việc rất chu đáo. Họ gửi Bác Sĩ và Y Tá đến tận chỗ làm của tôi, trình bày cặn kẽ cho tôi biết những nguy hiểm (risk) có thể xảy ra trong tiến trình hiến tủy (bone marrow). Họ cũng cung cấp cho tôi một cuốn video tape quay cảnh Bác Sĩ đang lấy tủy để tôi hiểu rõ hơn cách thức lấy tủy như thế nào. Rồi họ hỏi lần chót rằng tôi có còn giữ ý định hiến tủy không? Không do dự, tôi trả lời rằng tôi chưa bao giờ có ý nghĩ là tôi sẽ bỏ ý định hiến tủy, dù tôi biết rằng có thể sẽ có một số nguy hiểm xảy ra.

Tôi nghĩ, trên lý thuyết, đâu có gì bảo đảm an toàn trăm phần trăm, cho dù đó chỉ là một việc rất đơn giản như chích ngừa bệnh cúm. Vì vậy, nên HTT mới cẩn thận gửi Bác Sĩ đến trình bày cho tôi rõ. Tôi xem đó như là một thủ tục cần phải có của HTT, và vì rất tin tưởng vào nền Y Khoa rất tân tiến của Mỹ (họ có thể thay tim đổi thận còn được nữa là, huống gì một việc đơn giản như

chích kim vào sau xương chậu để lấy tủy), nên tôi không ngần ngại ký tên chấp thuận hiến tủy.

Rồi, cũng vì công việc làm ăn, tôi trở về lại Nam Cali. Dĩ nhiên là tôi thông báo đầy đủ địa chỉ và số điện thoại mới cho HTT. Hồng Thập Tự New York gửi hồ sơ của tôi cho HTT Nam Cali. Cô Jennifer Goldman, Điều Hợp Viên của chương trình hiến tủy, liên lạc ngay với tôi, và sắp xếp để tôi khám tổng quát tại bệnh viện ST. JOSEPH (Orange County). Và Bác Sĩ định ngày lấy tủy là ngày 4 tháng 3 năm 1997.

Sáng sớm, tôi nhờ Phượng, cô cháu gái, chở đến bệnh viện. Jennifer cũng đến sớm đưa tôi vào làm thủ tục nhập viện. Lòng tôi rất thanh thản, không một chút hồi hộp, không một chút lo âu. Sau bao nhiêu thủ tục, sau bao nhiêu lần thử máu, sau bao nhiêu ngày chờ đợi, rồi cuối cùng ngày hiến tủy cũng đã đến. Một niềm vui chợt dâng lên trong lòng khi nghĩ đến cha mẹ của đứa bé đang chờ nhân viên HTT mang tủy của tôi đến cứu sống con của họ.

Khi nằm trên bàn mổ, tôi còn nhớ vị Bác Sĩ đánh thuốc mê hỏi tôi về công ăn việc làm, tôi nói rằng tôi sẽ sang Hawaii, nơi mệnh danh là Thiên Đàng Hạ Giới, để làm việc ở đó. Vị Bác Sĩ nói đùa: “Ông sắp vào Thiên Đàng rồi đó!”. Và tôi thiếp đi. Không mộng mị.

Đến khi tỉnh dậy, tôi thấy mình rất tỉnh táo, giống như vừa thức giấc sau một giấc ngủ đầy. Cựa mình thấy đau ở phía dưới thắt lưng, vùng xương chậu. Chỉ có một mình tôi trong phòng. Yên lặng. Tĩnh mịch. Tưởng chừng như đang relax trong khách sạn của một kỳ nghỉ vacation.

Jennifer đến thăm, tặng một bình hoa. Bình hoa lớn, đẹp, màu sắc rực rỡ, cắm theo kiểu Tropical. Chắc cô này biết mình sắp sang Hawaii!

Sau khi được cô Y Tá đỡ đi một vòng trong hành lang bệnh viện (khi biết rằng lúc đó tôi đang mặc áo của bệnh viện, trống ở sau lưng, mà trong người không có quần áo lót gì cả, lũ cháu cười chọc tôi quá chừng!), và sau khi được ăn một bữa dinner thịnh soạn (có lẽ do HTT order), tôi được Phượng đến đón về. Lại cũng cô cháu gái nhõng nhảnh này!

Trong suốt tuần lễ sau đó, tôi đi đứng trong nhà bình thường, tuy vẫn còn đau chỗ chích kim vùng xương chậu. Tôi cẩn thận không chạy nhảy, không làm việc nặng. Jennifer ân cần gọi hỏi thăm hầu như hằng ngày. Rất cảm động!

Hai tuần sau ngày hiến tủy, tôi cùng với nhà tôi ngồi máy bay sang Hawaii. Bắt đầu một cuộc hành trình mới.

Và, giờ đây, sau bao nhiêu năm, mỗi khi nghĩ đến việc hiến tủy, lòng tôi vẫn còn lâng lâng một niềm vui. Cơ hội trùng máu để cứu một mạng người khó như trúng số độc đắc. Tôi cảm thấy mình như được Trời thương cho trúng số độc đắc. Trúng số độc đắc không vui lâu sao được! Niềm vui vẫn còn kéo dài. Kéo dài. Và sẽ kéo dài.

Lê Tấn Phước

- *Tóc bạc là dấu hiệu của tuổi tác,
chưa chắc là dấu hiệu của khôn ngoan.*
- Tục ngữ Hy Lạp

- *Kẻ nói ít nhất thường là người biết nhiều nhất.*
- Tục ngữ Tây phương

NHỚ NHUNG

Tình quê thôn thức canh chầy
Tặng người Bình Định với đây nhớ nhung

Hayden Vó

Xa em từ độ ấy
Gió biển tiễn người đi
Hàng dương vương nuôi tiếc
"Qui Nhơn" buồn chia ly !

Xa em từ độ ấy
"Tháp Đôi" gọi sương mờ
"Suối Tiên" dẫn vắng khách
Còn đâu độ xuân mơ !

Xa em từ độ ấy
"Cánh Ráng" gió thoảng đưa
Sóng chiều buồn hôn cát
"Mặc Tử" nhớ tình xưa !

Xa em từ độ ấy
"Thị Nại" vọng "Gò Bồi"
Điểm từng giờ hò hẹn
Cồn bẻ cảnh chia phôi !

Xa em từ độ ấy
"Kim Khánh" chốn giao duyên
"Đại Hàn", nơi kỷ niệm
Lưu luyến chiều công viên .

Xa em từ độ ấy
Hò hẹn nay còn đâu
Kề vai trong dạ tiệc
"Lân Ký" hoặc "Ngũ Châu" !

Xa em từ độ ấy
Phố thị vắng người thân
Phi trường buông cánh sắt
Đau khổ ngập tràn dân !

Xa em từ độ ấy
"Long Giao" lán thân gầy
Nhớ nhung từng đêm trọn
Gởi em tâm sự này :-

Huyền Vũ



ĐƯỜNG VÀO HỒ THẨM

BÙI THẾ TRƯỜNG.

Hồ Thẩm là phá hủy hết mọi vọng tưởng, chấm dứt mọi tưởng tượng, phá hủy hết mọi ý niệm phân biệt, mọi quan niệm đối đãi, có có, không không, sinh, diệt, khổ, đau, sinh và tử & Người ta thường nghĩ về vọng tưởng, về chấp trước, chấp sau, đau khổ, sầu muộn, về có, không, sinh diệt và bám chặt vào chúng, vào phương tiện, vào có, vào sinh, vào chết, vì tưởng rằng tất cả có thực, và bất di bất dịch. Trung quán Luận có chủ đích phá bỏ hết mọi ý niệm, vọng tưởng, tất cả những gì kể trên, để thấy sự hiện thực và để có niềm an lạc cho chính mình.

Vào Hồ Thẩm cũng có nhiều lối vào và đường vào. Cũng có những cửa hay những cổng vào nơi đó người muốn vào chỉ cần có mật mã riêng thì cửa tự mở để được vào HỒ THẨM. Tùy theo mỗi cá nhân, tùy theo niềm tin hoặc tùy theo sự khao khát tò mò muốn hiểu biết cái mình ao ước muốn biết, mỗi cá nhân tự chọn lối để vào, hay đường vào.

Đường vào “SẮC TỨC THỊ KHÔNG, KHÔNG TỨC THỊ SẮC.”

Đường nào về HỒ THẨM cũng có những hàng cây cổ thụ mọc hai bên đường dẫn lối, lại có những tảng đá hoa cương to lớn nằm rải rác đó đây, cộng với cái không khí lạnh mát và đầy tĩnh mịch, lại có thêm vào những tiếng hót và chuyện trò nhỏ nhỏ của các bầy chim nô đùa một cách thanh thản, trên những cành cây hay hàng hàng lớp lớp các bụi bông đủ màu đủ sắc, xen lẫn tiếng tụng kinh thanh thoát từ xa vọng lại bài “Bát

Nhã Tâm Kinh” (Xá Lợi Tử, Sắc tức thị không, Không tức thị Sắc”&. (Xá lợi Tử: Sắc chẳng khác không, Không chẳng khác Sắc; nghĩa là Có là Không, Không là Có).

1- Tại sao Sắc tức là Không? Lại tại sao Không tức là Sắc? Tại sao Có tức là Không? Lại tại sao Không tức là Có? Tại sao? Và tại sao? Bụt đã giảng dạy rằng:” Không “ là một trong ba cánh cửa của giải thoát. Thật vậy, khi Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa, Ngài soi thấy ngũ uẩn đều không, qua hết mọi khổ ách (Bát Nhã Tâm Kinh). Tại sao? Dĩ nhiên phải hiểu Có không phải là cửa tốt, là cửa giải thoát. Cánh cửa giải thoát là cánh cửa tự đông mở và đóng, khi “Không” thì mở. Và tự khép lại khi Không là Có, nghĩa là mình chuẩn bị bước vào, bàn chân vừa nhón gót, thì cửa đã tự đóng, vì là giai đoạn của Có.

Thế nào là Không? Thế nào là Có.?

2- Bụt lập đi lập lại cho các đệ tử của Ngài:”Quán chiếu về Không là giúp cho mình vượt qua khỏi ưu sầu khổ ải và thoát khỏi sinh tử”. Không quả thật là quan trọng, người đời nên quán chiếu nó, nếu muốn vượt qua mọi khổ đau và thoát khỏi vòng sinh tử.

Không là sao? Có là sao?

Ví dụ như quý vị đang ở nhà với vợ và con, nhà thì bằng gạch, hai phòng, có một con chó giữ nhà. Ví dụ nữa là trong nhà quý vị không có bán chạp phô, cơm hay nước uống. Quý vị thấy Có. Có cái gì? Có cái nhà gạch, hai phòng, vợ và con và một con chó. Còn Không thấy cái gì? Là trong nhà không có

bán tạp phở, cơm hay nước uống. Rõ ràng và ai cũng đồng ý. Không và Có là thế ấy.

Nếu quý vị và vợ con đi chợ hay đi đâu xa, lúc đó thì nhìn vào nhà lại thấy “Không” nghĩa là không có quý vị cùng vợ con trong nhà, và nhà cũng không có bán chạp phở, cơm hay nước uống. Cũng thế, lại nhìn vào nhà thì Có thấy là nhà gạch, hai phòng, và một con chó đang giữ nhà.

Như thế ta thấy “Có” là có người ở nhà và con vật nuôi tại nhà. Thấy “Không” là không có tình trạng buôn bán nơi nhà, hay không có người vì cả gia đình đi khỏi.

Như thế có nghĩa là gì?. Nếu ta nói Có thì có là có cái gì? Có ai ở đó? Còn nói Không thì Không là không cái gì? Không có ai đó? Nghĩa là Không và Có phải có OBJECT, hay đối tượng hay nói theo triết học là khách thể. Nói Có hay Không mà không hiểu là Có cái gì? Có ai đó? Hay Không hiểu không cái gì? Hoặc không ai đó? không có đối tượng hay khách thể, thì cả hai đều vô nghĩa. Nhưng nếu nói, có thấy ai ở trong nhà không? Trả lời Có. Hoặc trả lời Không. Cả hai đều đúng. Vì đối tượng được hiểu ngầm là những người trong nhà, thì Có hay Không đó mới có ý nghĩa.

Tóm lại, Không có ai ở nhà, phải không? Nếu trả lời là Không, thì ta có Không là Không. Nếu trả lời là Có chứ, thì là Không là Có (Không tức thị Không, Không tức thị Có).

Nếu đi xa hơn, khi nghe nói “Vạn pháp là không” thì lại hiểu ra sao? Ta phải tìm ngay đối tượng của “Không” trong vạn pháp là gì? Trong duy thức học nói cái mà có tính chất thường

tại và bất biến trong vạn pháp đó được gọi là cái “NGÃ”. “Vạn pháp không” là vạn pháp không có tính chất thường tại và bất biến, nghĩa là vạn pháp không có “ngã” trong nó. Tại sao? Vì vạn pháp luôn biến chuyển và hoại diệt, nên được gọi là “vô thường”, vì không thường tại và bất biến, nên lại không có ngã ở trong nó, nên gọi là vô ngã.

Tóm lại: Vạn pháp được gọi là vô thường, và vạn pháp cũng được gọi là vô ngã. Vì vô ngã, và vì không có tự ngã, nên vạn pháp được gọi là Không, hay gọi là vạn pháp không. xxxx

Cụ thể hơn là nhìn lại chúng ta, mỗi người đều có năm cái uẩn là: hình hài, cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức đều không có tính cách thường tại và bất biến trong 5 cái đó, nên chúng không có tự ngã. Tại sao?

Năm uẩn đó làm nên chúng ta, Hình hài không có tự ngã, vì hình hài không thể tự có mặt riêng biệt cho chính nó. Nó không cần 4 cái kia hiện diện, góp mặt. Như thế Có được hay không? Hẳn là Không. Đến cảm giác cũng vậy, cũng không có tự ngã, nên nó không thể tự mình có mặt một cách riêng biệt. Trong hình hài có cảm giác, tri giác, tâm tư và nhận thức. Trong cảm giác cũng có 3 thứ như hình hài đã có, được kể ở trên. Ba uẩn còn lại cũng đều giống như thế. Trong ngũ uẩn, không có uẩn nào đứng riêng biệt, chúng lại nương gá nhau mà thành hình hài. Vì thế ta gọi 5 uẩn là không. Không có tự ngã. Ngã ở đây thường gọi là TA. Nghĩa là 5 cái uẩn tạo ra hình hài đều không có cái TA. Ta còn không có thì làm gì có cái CỦA TA? Trong Duy thức học gọi Ta là NGÃ, cái của ta gọi là NGÃ SỞ. Nói theo Duy thức học là không có ngã, thì làm sao mà có

ngã sở? Tóm lại, nói về cái đối tượng Không nơi con người của ta là không có ngã, và cả ngã sở.

Tóm lược là: Có thấy gì nơi vạn pháp và nơi bản thân ta? Thấy Không có tự ngã. Không có TA. Không có gì cả. (Sắc tức thị Không)

3-Ngược lại Không là Có. Thường gọi là “Vạn pháp có”. Pháp là hiện tượng. Vạn pháp là mọi hiện tượng. Chẳng hạn các pháp như: mặt trời, núi non, sông ngòi, đất, hạt bụi, sỏi đá và châu bông vv.. Vạn pháp có đó chứ tại sao lại nói là không? Vạn pháp có mặt đấy. Vì chính mắt mình thấy, mình có thể sờ mó. Tại sao gọi là không? Hoặc là đợi khi vạn pháp biến mất đi rồi, thì lúc đó mới gọi vạn pháp không? Hay chờ cho nó hoại diệt rồi mới gọi là không, được không? Không. Không phải thế. Người phạm phu chờ cho hoại bị diệt rồi, vứt bỏ trong thùng rác, mới gọi là không. Còn người trí huệ, thấy không ngay khi nhìn vào các pháp. Khác nhau giữa hai người ra là vậy.

Ví dụ như châu đựng bông. Có cái gì trong chậu đựng bông? Người có trí huệ thấy nhiều công nhân tham gia vào việc làm ra cái châu. Họ nhào đất sét cho nhuyễn với nước. Ta thấy có nước làm cho đất mềm để nhào luyện. Ta thấy nhiều hơi nước bốc hơi, làm nhiều mây trên trời, gặp lạnh tạo ra mưa, mưa đá hay sương lúc đêm. Ta thấy lửa dùng để nung chậu, do cây trong rừng, hay do than đá lấy từ lòng đất, hay do sức nóng bằng điện từ nhà máy thủy điện mà làm cho cái châu đất sét được chín. Ta thấy công nhân chuyên chở chậu ra thị trường nội địa hay xuất ngoại. Nhiều người đến xem, chọn lựa và mua về. Rồi chọn lựa cây bông để trồng vào.vv&. Tóm lại, theo giáo lý Hoa Nghiêm gọi là trùng trùng nhân duyên khởi hợp lại

làm nên cái châu bông. Trùng trùng duyên khởi này thể hiện chẳng chịt như một mạng lưới giao nhau trong một không gian nhiều chiều, không chẳng phải là không gian hai chiều. Không có một cái nào trong trùng trùng duyên khởi đó, đứng riêng biệt mà làm nên cái châu bông đó. Vì không đứng riêng biệt một mình, hay tự mình có mặt nên gọi là không có tự-ngã. Không ở vạn pháp được hiểu là không có tự-ngã.

Thể của mọi Pháp đều là không. Và bản chất của mọi hiện tượng đều vốn là không, vì chúng không có tự tánh riêng. Với hữu-vi, Phật nói các Pháp đều do duyên-sanh mà nên, đều không có tự-tánh (Hữu vi pháp là nói về tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Xét về Dục giới, thời Dục giới rỗng không, Sắc giới thời sắc giới rỗng không, Vô sắc giới thời vô sắc giới rỗng không, chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao? Vì tự tánh như vậy. Đây gọi là hữu vi không. HT Thích tri Tịnh, 1995). Mà vô-vi thì thiên về ly-ngôn, tịch-diệt, bất khả ngôn thuyết, siêu lý-luận (Vô vi pháp là nói không tương sanh, không tương trụ, không tương diệt. Xét về Vô vi pháp thời Vô vi pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Tại sao? Vì tánh tự như vậy. Đây gọi là Vô vi. HT Thích tri Tịnh.,1995).

Tóm lại: vạn pháp có. Nhưng nhìn vào vạn pháp ta thấy vạn pháp đều không có tự ngã. Thể của nó là không. Nên nói: Có tức là không. (Sắc tức thị không).

4- Bất sinh, bất diệt. Trong vũ trụ này, không có một pháp nào từ có mà trở thành không. Từ chúng ta, đến hạt cát, bụi, cành cây, kẻ lá, mùi hương, làn khói, hơi sương vv& cũng không thể nào mà từ có rồi trở thành không được, mà lại trở

thành một cái khác. Đốt củi hay rơm để nấu cơm ăn. Củi hay rơm sẽ cho sức nóng, cho nổi cơm chín. Củi hay rơm bây giờ không còn là củi hay rơm lúc chưa cháy mà tiếp tục ở hình thái khác như lửa, sức nóng, than hay tro đen. Nếu đem tro hay than bỏ xuống đất, nơi đó, năm sau hay sau nữa, ta thấy ví dụ như khóm trúc mọc lên, khóm trúc là hiện thân của củi và rơm mà ta dùng nấu cơm. Rồi hơi nóng từ lửa làm cho hơi nước trong nồi cơm bốc hơi lên trời, rồi vài ngày hay vài tuần, hơi nước đủ lạnh và rơi thành mưa. Một phần nào của mưa là hiện thân của củi và rơm. Như thế, không có cái gì Có rồi thành không hết. Không có gì mất hết. Không ở đây không phải là không Có mà là Có ở dưới một hình thức khác. Điều này dẫn ta đến một ý niệm lạc quan hơn, tích cực hơn, an lạc hơn.

Ngược lại, cũng không có một pháp nào trên vũ trụ này từ không mà trở thành có. Đây, hãy nhìn cây lúa trước nhà bạn. Cây lúa mà nó cho ta gạo ăn, là do các hạt lúa mà ra. Nếu không có các hạt lúa thì không làm sao có cây lúa. Cây lúa là một sự nối tiếp từ hạt lúa mà ra. Hạt lúa đã chứa sẵn cây lúa trong chính nó, gọi là mầm. Khi đủ duyên, hạt lúa nảy mầm và cho ta cây lúa. Cây lúa gọi là pháp. Một pháp có sẵn thì cần gì sinh ra nữa. Vì thế, ta gọi cây lúa có tính cách bất sinh. Đã là bất sinh thì làm sao mà bất diệt. Cây lúa được gặt để lấy hạt lúa, hạt lúa sẽ cho lại cây lúa. Hạt lúa và cây lúa đều là pháp bất sinh bất diệt. Chúng ta, đến hạt cát, bụi, cành cây, kẻ lá, mùi hương, làn khói, hơi sương, đều bất sinh bất diệt. Vạn pháp đều là bất sinh và bất diệt.

Vì bất sinh bất diệt, mà ta hết sợ. Hết sợ là vượt qua mọi đau khổ và ưu phiền. Như thế, trong chúng ta đều có hạnh phúc, an lạc, tự do, niết bàn và cả Bụt nữa. Bạn bình tĩnh, bạn

sẽ thấy hết. Nếu bạn không tin, bạn thử làm thế nào để củi và rơm trở thành không đùm tôi. Và làm thế nào để từ không trở thành có được. Tôi cam đoan với bạn.

5- Quét sạch hết những ý niệm của nhận thức. Có. Không. Giống nhau, Khác nhau. Sinh.. Diệt. Đến, Đi vv& đều là những ý niệm đối đãi và phân biệt hay cũng chỉ là những ý niệm của nhận thức. Những ý niệm đối đãi trên làm cho chúng ta không thấy được đâu là hạnh phúc.

Giáo lý của Bụt, gọi là bát không, giúp ta đối nghịch với những ý niệm trên và đạt tới niết an lạc trong bản thể của ta. Đó là: Không có, không không, không giống nhau, không khác, Không sinh, Không diệt, Không đến, không đi

Làm sao vượt qua khỏi các ý niệm phân biệt đó?

Trong Duy Thức Học có danh từ gọi là quán chiếu và nhận thức thì bao hàm cả chủ thể nhận thức (subject) và đối tượng nhận thức (object). Quán chiếu và nhận thức thì cần có đối tượng. Ý thức là ý thức về cái gì? điều gì và về ai? Quán chiếu về biển thì tâm ta là biển. Quán chiếu về mây tâm ta là mây. Quán chiếu về không gian, và thời gian vô biên thì ta đồng nhất với không gian và thời gian vô biên đó. Nhờ quán chiếu về các pháp, về tự tánh Không của chúng, chúng ta vượt qua các ý niệm phân biệt để chứng nhập vào thực tại vạn hữu.

Nhưng thực tại của vạn hữu vốn là không có tất cả những ý niệm đối đãi phân biệt trên. Thực tại vạn hữu vốn là không có, không không, không sinh, không diệt, không thành và cũng không hoại. Chẳng hạn nước ở đại dương và sóng biển. Tất cả sóng, dù bé dù to, dù nhấp nhô hay phẳng lì đều được hiểu là

chúng thuộc về thế giới sinh diệt; trái lại, nước biển đại dương là thuộc về thế giới bất sinh bất diệt của thế giới vạn hữu. Nếu không có nước thì làm sao thấy được sóng. Trong Duy thức học, gọi là tương tức, tương nhập. Tương tức là cái này có thì cái kia cũng có, còn tương nhập là cái này đi vào cái kia hay ngược lại. Như vậy sóng là nước, và nước là sóng khi có điều kiện. Có sóng là có nước. Sóng do từ nước. Không sóng thì không có nước. Nước làm ra sóng. Sóng trở về nước. Nước thì bất sinh bất diệt, sóng thì cũng bất sinh bất diệt. Tất cả sóng và mọi hình thức của sóng cũng đều là từ nước biển của đại dương.

Sóng thì có sinh có diệt, có có, không không. Con người ta có một cái sợ nhất là chết. Thật ra không có ai chết cả ở trong vũ trụ này. Đã là Có thì làm gì trở thành Không? Đã là Không thì làm trở thành Có được? Tất cả chỉ là một sự biến chuyển, hóa kiếp mà thôi. Như cây lúa do hạt mà thành. Đó thường gọi là vô thường. Chắc các bạn cho tôi là quá cường điệu? Không đâu. Đức Phật đã tu muôn kiếp rồi mới được thành Phật đó bạn. Đó là cái biết của người có trí huệ.

Sóng nên biết rằng mình cũng là nước. Sóng sẽ thoát khỏi sinh diệt. Dứt khỏi âu lo. Hết sợ hãi. Đoạn tuyệt khổ đau vì sinh diệt. Chúng ta hiểu như thế. Nên nỗ lực quán chiếu như vậy. Sẽ hết âu lo, sợ hãi. Vượt qua mọi khổ đau. Vượt qua thế giới của sinh tử.

BÙI THẾ TRƯỜNG

BÃO RITA

(Ghi nhớ ngày trốn bão bắt thành 22-9-2005)

Tiên đoán bão vào Galveston
Sẵn đà tiến đến cả Houston
Cấp ba chưa mạnh bèn tăng bốn
Dân chúng kinh hoàng di tản nhanh

Cũng đi chuẩn bị với người ta
Mở đất canh ba bỏ cửa nhà
Trưa đến nắng hè thiêu đốt lửa
Cả đoàn xe nhích chẳng bao xa .

Mồ hôi rướm chảy thấm toàn thân
Xăng nhớt của xe cạn sục dần
Di tản đường dài còn thăm thẳm
Lái xe cả buổi vẫn Houston.

Nào phải xăm mình hay lớn gan
Dậm chân tại chỗ quá hoang mang
Thôi đành tiu nghỉu về nhà lại
Phó mặc Trời cao muốn phủ phàng.

Phố xá bấy giờ lại vắng tanh
Trạm xăng ráo cạn chẳng ai tranh
Chợ búa thối ăn đều kệ trống
Ngày mai bão đến " Dữ hay Lành " ? !

Trở về theo dõi bão vẫn xoay
Giông lớn kéo về sáng hôm nay
Nghiêng ngả lá cành, nhà mất điện
Ồi thôi nhà cửa suýt tung bay .

Tâm bão chuyển về Port Arthur
Beaumont chung phận chẳng tha chừa
Nơi đây phút chốc vương tai họa
Chiếu đất màn trời số quá chua .

New Orleans ! Ôi New Orleans ! (1)
Dân chúng nào đâu có tội tình
Nhà cửa tan hoang vì bão trước
Bão đi lại đến hết đường binh .

Bình địa xóm làng bão lướt qua
Gây nên lũ lụt khắp gần xa
Nhà tan, người chết, không nơi sống
Tang tóc não lòng nỗi xót xa .-

NHẤT DẠ

(1) New Orleans cũng bị ngập lụt lần thứ hai khi Rita đi qua)



Nhật ký Bác sĩ ĐẶNG THÙY TRÂM

*Riêng tặng hương hồn hai chị của tôi, ở khác chiến tuyến
với chị Trâm*

*Một y sĩ quân y QLVNCH Hồ thị Mỹ-Phụng
Một Giám đốc nhà xuất bản Văn Hiến Saigon Hồ thị Phìn*

PHẠM NGỌC HÀI

1.- Có một đĩa CD lưu lại nhật ký của Đặng Thùy Trâm, đĩa này thuộc Viện Lưu Trữ Lubbock Texas. Để đọc được, xin mời bạn mở website Vietnam.ttu.edu, rồi liên tiếp left click vào mục : The Vietnam Archive đó là mục của Texas Tech University, 7 mục nhỏ nơi trang đầu bạn chọn click vào mục *Virtual Vietnam Archive*, nơi trang tiếp sẽ có 4 tiêu mục, click vào *search the Virtual Vietnam Archive*, click tiếp đến *search page*, đến *keyword/Item number* bạn gõ vào ô đầu hàng số 13640105001 và ô thứ hai 13640107001 (đó là phần 1 và phần 2 của tập nhật ký, phần một 223 trang (có đánh số), phần hai 27 trang (không đánh số trang), anh bạn Frederick Whitehurst đã cho chụp ảnh từng trang viết tay). Tiếp theo, click vào *Start search* bạn sẽ thấy *Records Retrieved 1 & 2* click tiếp *display search results* rồi right click vào chữ và hình của *view item PDF Adobe*, click *file download* và *save target as*, open chỉ để đọc mà thôi. Tôi chỉ đọc được bản viết tay này bằng Adobe Reader 7.0 hay 5.1

Đó là đĩa lưu trữ bên đại học Texas; còn sách in bên Việt nam thì lấy tên là NHẬT KÝ ĐẶNG THÙY TRÂM, đây

322 trang, nhà xuất bản Hội Nhà Văn, trách nhiệm Nguyễn phan Hách, biên tập Vương trí Nhân, liên kết với công ty Nhã Nam Hà nội, in 20.000 cuốn, quý 3 năm 2005. Công ty Nhã Nam có ghi ở trang chót câu này : cuối sách có một tờ giấy chống giả có các sợi phát quang, dưới ánh sáng ngược hiện hình biểu tượng và ngôi sao. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật...Hiện giờ sách đã in đến hai trăm ngàn bản.

ảnh trái chị em Trâm
phải: Trâm ở Quảng Ngãi

giữa: mẹ con Trâm Hà nội



2.- Di cảo Thùy Trâm được viết dưới dạng chữ xiên; giấy sớ tay cỡ 13x20cm; cộng 2 tập có chữ viết tay là 223+27=250 trang. Sách Hà nội in ra dày 322 trang (cùng khổ) vì còn có Lời Giới Thiệu của Nguyễn trí Nhân, Câu Chuyện Về Những Tấm Lòng của Đặng Kim Trâm (em ruột Đặng Thùy Trâm) trang 1-27, Đăng Sau Cuốn Nhật Ký, trang 257-262 (Kim Trâm kể về giấy báo tử, về bốc mộ, về vài huyền thoại và về thư của Fred gửi gia đình

Ký, trang 257-262 (Kim Trâm kể về giấy báo tử, về bốc mộ, về vài huyền thoại và về thư của Fred gửi gia đình Trâm); Tư Liệu Ảnh, chiếm đến 30 trang sách, trang 263-292 (thứ tự là ảnh năm 18 tuổi, 21 tuổi, 23 tuổi, bạn học cả lớp 8c Chu văn An Hà nội năm 16, 17 tuổi, ảnh lớp 9c, 10c, ảnh 5 năm học y khoa, ảnh gia đình, ảnh chiến trường Quảng Ngãi, 4 người Mỹ liên hệ và cuối cùng là mấy ảnh nghĩa địa Từ liêm Hà nội). Trong Lòng Người Ở Lại trang 295-322 (ý nghĩ của Đặng kim Trâm, của đại tá Nguyễn đức Thắng, Nguyễn Ngọc, Vinh Thu và Trương thị Kim Dung, những con người cộng sản).

3.- Sách mà tôi đang có không phải là sách lậu, vì có một tờ giấy có sợi phát quang, giấy chống già, của Hội Nhà Văn, sách để giá 43 ngàn đồng VN.

Tập 1 nhật ký, chị Trâm viết trang đầu ngày 8/4/1968. Ngay ở trang này Hà nội đã làm tôi thất vọng, vì đối chiếu với đĩa bên Texas thì Hà nội bỏ mất một câu thơ. Chị Trâm viết :

“ Những ngày rục rủa

“ Vui buồn tràn ngập giữa tim ta”

Hà nội chỉ in câu thứ nhất và lấy đó làm tiêu đề phần 1. Bạn đọc sách, thấy nghi ngờ điều gì thì nên đối chiếu với đĩa. Tốt nhất là lai rai đọc thẳng trong đĩa, cứ gì những lời bàn “mao tôn cương”, phù bệnh phù, huyện bệnh huyện. Đọc sách Hà nội tôi chỉ để ý đến mấy lời bàn về tình thương sâu xa của chị, hiện ra thật cụ thể cái tình người muôn thuở ở muôn nơi, sá gì giai cấp với đấu tranh giai cấp, cứ gì những lý luận đen sì về thành phần cơ bản với tiểu tư sản!

Ở tập 2 chị bắt đầu viết ngày 31/12/1969, Hà nội bỏ hẳn 2 câu thơ của chị:

“Những ngày rực lửa
“Vui, buồn đọng giữa tim ta”

nhà xuất bản cố ý hay vô tình không in?

4- Từ khi bắt đầu viết, ngày 8 tháng 4 năm 1968 cho đến chỗ này 31/12/69 đã kéo dài 20 tháng. Chấm dứt tập 2 ngày 20/6/1970, hai ngày sau thì chị tử trận. Những trang mang nét đẹp nào nùng oanh liệt ấy tuy chị chỉ ghi nó trong 26 tháng với 12 ngày mà có lẽ đó là bài học còn ảnh hưởng dài lâu cho lớp trẻ sinh sau.

Trong chiến tranh ác liệt, chị làm công việc mổ xẻ thương binh, chữa trị bệnh binh, dạy các lớp bổ túc y tá và cứu thương, chạy càn, chuyển bệnh xá liên tục vì bị lộ, lo tải lương, lo lãnh đạo bệnh xá, lo phần đầu vào đảng và quan hệ thật tốt với mọi người, giữa lúc lòng chị tan nát trước mối tình đổ vỡ, vì anh M. mà chị yêu thương từ năm 18 tuổi, suốt 9 năm, anh ấy là bộ đội, đi B trước chị 8 năm, chị buộc lòng phải bỏ vì anh không xứng với tình yêu của chị.

Tôi chú ý đến sự chuyên biến trong tâm hồn chị, nơi 4 câu thơ ấy, từ lúc bắt đầu “vui buồn tràn ngập” đến lúc này “vui buồn đọng” lại “giữa tim ta”, từ nỗi hân hoan phơi phới, hăng hái và bay bổng, đến niềm chua chát, mệt mỏi, thất vọng đến e dè; vui buồn theo thời gian bay đi mất, nhạt phai, trôi tràn ngập ra ngoài, cũng không chất chứa trong tim chị như một thứ kho bãi bảo quản để dành; vui buồn của chị theo cuộc sống và chiến đấu chung riêng chỉ còn đọng lại trong tim, theo cái nghĩa nhạt phai, còn lại gì, còn được chút nào hay chút đó.

5- Đọc hết đĩa nhật ký của chị Thùy Trâm lòng tôi thấy buồn nhiều, còn vui thì chỉ chút ít thôi.

Nỗi buồn thứ nhất là chị Trâm bị nhồi sọ ghê gớm, tin tưởng tuyệt đối vào Hồ chí Minh và đảng cộng sản Việt

nam; tin theo sự dạy dỗ ở trường học từ nhỏ đến lớn, tin vào cuộc chiến chống Mỹ thần thánh. Chị luôn khẳng định Mỹ là kẻ thù xâm lược Việt nam, hết Mỹ thì Việt nam mới có tự do hạnh phúc.

Nếu chị còn sống đến bây giờ chị sẽ thấy mình bị đánh lừa vì cái niềm tin ấy đã biến thể biến dạng hoàn toàn, cấp lớn trở thành tư sản đỏ, cấp nhỏ thành tiểu tư sản đỏ, đa số người dân vẫn đói nghèo. Chị sẽ hiền lành hơn Dương thu Hương, chị sẽ không còn chửi Mỹ nữa, nhận ra Mỹ càng vô nhiều thì tiền nhiều, tự do nhiều và hạnh phúc cũng nhiều. Nếu còn sống thì năm 1975 chị mới có 33 tuổi, một bác sĩ trẻ, đạo đức, thông minh, trong sạch, lại là đảng viên, chị có thể xin du học Hoa kỳ, học lại y khoa tư bản, lấy bằng tiến sĩ, nối nghiệp cha.

Tiết thay, một con người thông minh và nhân hậu như chị lại phải lìa đời sớm quá. Lúc sinh thời, cái tình đồng chí, tình thương và thù hận nào phải của riêng ai. Chị ở bên này, hai chị tôi ở bên kia, đều là tiểu tư sản. Trong mọi cuộc chiến, hai bên đều có sự mất mát, đói khổ, niềm đau thương, nhọc nhằn và sợ hãi... đều có bầm gan tím ruột và sàu hận mệnh mông. Thành thử cái điều chị tin và chiến đấu để thể hiện niềm tin, cái điều đó chỉ đúng trong giai đoạn đó của phe chị.

Nỗi buồn tiếp theo, trở lại với chi tiết nhật ký, rất rõ ràng là chị viết cho riêng chị đọc mà thôi. Rất nhiều chi tiết vụn vặt, những tâm sự của riêng mình, “một mình mình biết, một mình mình hay” của một cô gái trí thức, tiểu tư sản thị thành, mới lớn, mới xa nhà, mọi thứ đều bỡ ngỡ, “đi một ngày đảng học một sàng khôn”, có gì mà phải tung hê ra, quảng cáo rùm beng. Hai chị tôi cũng vậy. Con gái lớn lên có rất nhiều tâm sự thầm kín, nhiều ước mơ, ghi lại là để cho riêng mình, lộ ra cho ai thì xấu hổ mắc cỡ lắm. Cho nên tôi bất bình anh quân báo Fred Mỹ và Hội Nhà Văn Việt Nam, không tôn trọng người chết, lợi dụng người chết vào mục đích tuyên truyền giai đoạn.

Đành rằng theo quán tính giáo dục, việc phân biệt thù bạn chị Trâm tỏ ra vững vàng, chị chửi Mỹ theo nhập tâm bao nhiêu bài bản chinh huấn, rèn cán chinh quân; điều đó nghe rất nhảm và nhảm, không có chi là đặc sắc của riêng chị. Trong lý luận về tình thương, tôi tâm đắc với tình thương gia đình của chị mà không mấy tâm đắc với tình thương các cậu em nuôi và các anh chỉ huy cấp trên, như có chen lẫn với tình yêu nam nữ vô thức mà chị luôn luôn cải chính.

6.- Lẽ thường, không phải lẽ vô thường, trong chỗ riêng tư, chị đã viết ra một cách chân thật và giản dị (ngày tháng và số trang ở đây lấy nguyên văn trong đĩa Lubbock):

“Càng thiết tha vào đảng càng cảm thấy khổ đau (4.5.1968, trang 15), số người thù ghét chỉ vì lòng ghen tị (17), những sự thiếu công bằng, những con sâu con mọt đang gặm dần danh dự của đảng, nó đục khoét dần lòng tin yêu với đảng (trang 21, 25.5.68); đến với đảng bằng cả con tim chân thành tha thiết nhưng đảng đáp lại không hề như thế (6.7.68 tr54); viết đơn vào đảng, niềm vui thì ít mà nỗi bức dọc thì nhiều. Tại sao con đường đi của một đứa tiểu tư sản bao giờ cũng nhiều chông gai đến vậy? Đành rằng vì tính chất giai cấp nhưng mình thấy rất rõ một điều ngoài cái lẽ dĩ nhiên ấy, có một cái gì bất bẻ, một cái gì gọi là bất bí của một vài cá nhân có trách nhiệm (20.8.68 tr 53).

“Kết nạp đảng, cảm giác rõ nét là phải phấn đấu để xứng với tên Người.Cộng Sản. Nhưng niềm vui sao nhỏ quá so với ý nghĩa ngày vui, vì như đứa con khát sữa mẹ, khóc đã mệt rồi, miếng sữa nuốt vào không còn nguyên hương vị thơm ngon (27.9.68 tr 65); Thùy ơi (tên thân mật của gia đình gọi Thùy Trâm), cô gái giàu yêu thương kia ơi! Đôi mắt cô đừng long lanh nước mắt, dù là nước mắt tập trung của rất nhiều nỗi buồn đọng về trong đó. Cô hãy cười như nụ cười luôn nở trên môi, đừng để ai đó tìm được sau nụ cười ấy một tiếng thở dài. 25 tuổi rồi, hãy vững vàng chín chắn với tuổi đó (11.11.68 tr 80-81); kỷ niệm ngày sinh trong tiếng súng địch càn nổ rền vang 4 phía (26.11.68 tr

86); kỷ niệm tròn 2 năm đi Nam (23.12.68). Ngày 15/2/69 giao thừa, cái tết thứ 3 xa nhà. Vẫn như ngày mới bước chân ra, mình ước ao khao khát được sống bên ba má và cả tổ ấm gia đình (tr 117). Hai trang 124-125 để trắng, có lẽ vì khi viết chì ấy lật sang trang, giấy bị dính, nên vô tình viết qua trang 126...

“ Những va chạm đầu tiên nói với mình rằng đừng dễ tin người quá. Tình thương phải chứng minh bằng thực tế, không phải chỉ trên những lá thư. Đời vẫn đầy đầy những con sâu địa vị, những gai góc của hạt giống kèn cựa cạnh tranh từng chút uy tín, từng chút quyền lợi (24.4.69 tr 144). “ Địch đồ quân sát bên nhà , chặt cây âm ỉ cả khu rừng, bệnh xá im lìm căng thẳng đến tột bậc...sao lại thế này mãi là sao ? Mình lặng người, chén cơm bung trong tay không thể ăn tiếp. Vừa xây dựng bệnh xá được mấy bữa lại lo chạy. (4/6/69 tr 160).

“Tạm biệt cánh Nam, về công tác cánh Bắc. Rời Phở cường qua đường chiến lược số 1 và bước chân vào đoạn đường sinh tử Khe sanh về lại Phở hiệp (7/7/69 tr 169).

“ Hôm nay là ngày sinh của ba... mới hôm qua một tràng pháo giết chết 5 người làm bị thương 2 người (11/7/69 tr 173)

Từ ngày 22/9 đến 20/10 là gần 1 tháng Thùy Trâm không ghi nhật ký. Chị viết : “ Rất lâu rồi không ghi nhật ký. Cuộc sống lẽ nào lại để mất dần những suy tư của một con người biết suy nghĩ hay sao ? Không, mình không muốn như vậy, nhưng công việc đè nặng bên mình... Quyền nhật ký này đâu phải chỉ là cuộc sống của riêng mình, mà nó phải là những trang ghi lại những mảnh đời rục rủa, chiến đấu và chồng chất đau thương (20/10/69 tr 205)

Có những trang tự sự thật cảm động như trang 214-215 viết về ngày sinh nhật của Trâm 26/11/69 “chỉ có lá rừng ướt đẫm trong mưa dào dạt khẽ nói với Th. những lời thân mến...Có phải lửa khói chiến tranh đã làm nước mắt mình khô cạn ? Trước đây 1 câu chuyện đau buồn trong 1 cuốn phim có thể làm mình ràn rụa nước mắt thì bây giờ mình có

thể cần môi đứng lặng yên trong một buổi chia tay mà người đi và kẻ ở đều không hiểu ai còn ai mất sau buổi chia tay ấy (3/12/69 tr 218).

Chị để trắng trang 220, 221 (có lẽ giấy dính). Qua trang sau chị ghi

“ Địa chỉ gia đình

- 1- Bác Sỹ Đặng Ngọc Khuê
Bệnh viện Đông Anh Hà nội
- 2- Dược Sỹ Dõan Ngọc Trâm
V501E BC 13B K1- THDK

“ XHCN xã hội công nhân”

Qua tập 2 ghi chữ đậm

“1970 Nhật Ký Xuân Canh Tuất”... nhưng từ đó cho đến hết tập, dài 27 trang, không có đánh số trang, mà chỉ có ghi rõ mỗi ngày viết.

“ Đêm giao thừa của năm 1969 bọn mình hành quân trên đường về trạm cũ (31/12/69)

“ 8 năm về trước dưới rặng cây trên con đường cũ mình tiễn M về Nam, không một lời hứa hẹn, không 1 giọt nước mắt trong buổi chia tay, để rồi suốt 5 năm sau mình giành trọn tình yêu thiết tha chung thủy cho người gfquân (giải phóng quân) ấy và mình đã lên đường vào Nam theo tiếng gọi của tổ quốc và tình yêu. Mình đã gặp lại M nhưng M không thể đáp ứng với trái tim sôi nổi yêu thương của mình. Mình không hề đòi hỏi phải gần nhau phải cưới nhau mà chỉ mong rằng dù giữa bom rơi đạn nổ, giữa lửa khói chiến trường tình yêu vẫn sáng ngời rực rỡ. M đã không làm được như vậy và mình đã bắt con tim mình phải quên đi những gì đã nuôi sống nó trong hơn mười năm nay (13/1/1970)”.

Và chị cũng đã để cho một người con trai không phải là M, 1 du lịch đàn em viết thẳng vào sổ nhật ký này, ngày

7/7/69, ba trang tình cảm thiết tha, chia tay tiễn chị lên đường đi công tác cánh Bắc.

“Bốn năm mới ăn Tết đồng bằng. Th. ơi, tình mến thân của đồng bằng không thể sưởi ấm cho Th. ? Nụ cười trên môi đâu phải là nụ cười trong lòng! (6/2/70).

“ Ai bảo vào Nam chi cho khổ, ở ngoài đó thì không ở ?.. Không đâu, chính từ trong gian khổ này ta mới cùng hiểu cái giá trị của những con người cách mạng. Ai đứng vững trong lửa đỏ và nước sôi người đó sẽ là người chiến thắng. (29/3/70)

“ Mười sáu năm qua đất nước vẫn chưa ngừng xương rơi máu chảy...mỗi bước đi máu thấm đỏ trên chặng đường chiến đấu. Cả thế giới này có nơi nào chịu nhiều khổ đau như đất nước ta chăng ? (7/5/70)

12 ngày trước khi Trâm chết, bệnh xá đã bị bỏ rơi. Trong bệnh xá chỉ còn có 3 nhân viên là Trâm, chị Lãnh và chị Xăng cùng với 5 thương binh cố định. Ngày 20/6/70 chị Trâm viết “ Đến hôm nay vẫn không thấy ai qua. Đã gần 10 ngày kể từ hôm bị bom lần thứ hai. Mọi người ra đi hẹn sẽ trở về gấp để đón bọn mình ra khỏi khu vực nguy hiểm mà mọi người nghi là điệp đã chi điểm này. Từ lúc ấy những người ở lại đếm từng giây, từng phút. Sáu giờ sáng mong cho đến trưa, trưa mong đến chiều... Một ngày, hai ngày...rồi chín ngày đã trôi đi mọi người vẫn không trở lại ! Những câu hỏi cứ xoáy trong đầu óc mình và những người ở lại. Vì sao ?.. Không lẽ nào mọi người lại đành đoạn bỏ bọn mình trong cảnh này sao ? Không ai trả lời bọn mình cả, mấy chị em hỏi nhau, bực bội, giận hờn rồi lại bật cười, nụ cười qua hai hàng nước mắt long lanh.”

Bệnh xá sẽ hết gạo ngày 21/6/70 nên buộc lòng Trâm phải phân công Lãnh và Xăng vượt suối về đồng bằng lấy gạo. Hai ngày trôi qua mà gạo vẫn chưa về, Mỹ bao vây, chị đã một mình nhả đạn và chết một mình cho 5 thương binh chạy thoát. Chị đã chết trong đói khát và cô độc, căn cứ vào dữ liệu chị đã viết ra.

Chỉ có một cách giải thích tương đối hợp lý là mặt trận quá căng, xã đội và huyện đội đã bị tiêu hao gần hết, không còn có người đến tiếp cứu di tản bệnh xá của Trâm.

7.- Cảm nhận về một vấn đề, một sự việc mỗi người một khác. Nói đây là nói với người còn sống. Xin đề cho người chết ngủ yên. Ông Hoàng Cầm trong vở kịch Kiều Loan có viết : “Người chết nằm dưới mộ, người sống chí nghiêng bầu, thời gian rồi cũng mất, riêng ta còn sống lâu”, sống lâu theo nghĩa danh thơm hay xú ố.

Điều khen chê của thế gian với ta là do ta đem lại được bao nhiêu hạnh phúc cho đời, hạnh phúc thực cho mỗi người. Độc lập và tự do không thể là cái chung chung cho đất nước, nó còn phải được thể hiện cho từng người. Hạnh phúc là điều quý hơn độc lập, tự do. Hạnh phúc là được thương yêu, cảm thông, tha thứ, được làm những gì mình thích và được sống theo ý mình. Độc lập tự do của một nước rất là tương đối trong thế sinh tồn toàn cầu hóa hiện nay.

Trong cuộc chiến cũng có những điều may rủi. Cái rủi của chị Trâm là chị lọt vào cuộc chiến sau giai đoạn Mậu Thân tết âm lịch 1968, cộng sản bị đánh trả toi bời, bị thiệt hại rất lớn, vì thành phần năm vùng, lực lượng chính trị quân sự miền Nam bị lộ diện đến 90%. Phe Mỹ-Việt tăng cường hành quân và phi pháo quét sạch các mật khu, phe Xô-Tàu-Việt co vòi rút về miền bắc mà còn bị B52 rượt tận Hà nội. Rất nhiều người phe chị Trâm sau này nói rằng nếu lúc ấy Hà nội bị B52 thêm một tuần nữa thôi thì Hà nội bỏ cuộc, không còn gấp gáp chiếm miền Nam mà trở lại kháng chiến trường kỳ. Nội dung hiệp định Paris sẽ khác, và tháng 4/75 phe tôi sẽ không đi tù cải tạo mấy trăm ngàn người mà kết quả chẳng cải tạo được gì, chỉ là mua thời gian để cộng sản củng cố chuyên chính vô sản, và để Việt Nam vẫn xếp vào hạng chót dân sinh sau 30 năm thống nhất!

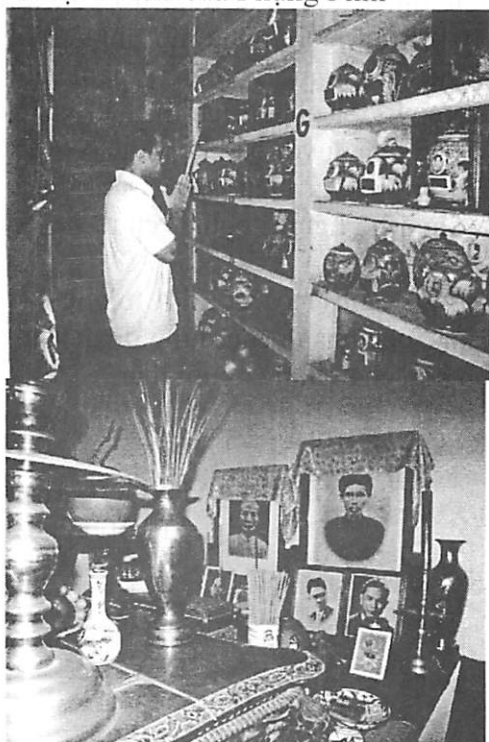
Cho đến tận bây giờ 2005 miền Bắc vẫn không thật sự hòa hợp hòa giải với dân và quân công cán chính chế độ cũ miền Nam, coi lòng yêu nước thương nòi và sinh mệnh chính trị của họ là con số không hay số âm, coi như họ không còn có trên cõi đời này, xóa xóa sạch như Tần thủy hoàng đốt sách chôn học trò. Hà nội chi biết có Mỹ mà thôi, bằng mọi giá phải học cách làm giàu kiểu Mỹ. Kể từ khi Liên xô sụp đổ thì ở VN hàng ngày thực sự không còn nữa chủ nghĩa Mac Lê, mà chỉ còn chủ nghĩa đô la.

Trở lại với nhật ký, đạo diễn Dỗan hoàng Giang cho biết ông sắp dàn dựng truyện của Trâm thành phim ảnh, vì theo ông “Đó là chất liệu của một người chân thật, đáp ứng khát vọng của người dân khán giả”. Tập sách mỏng này đã in ra đến hai trăm ngàn bản. Nếu đạo diễn không theo sách Hà nội mà theo đĩa của Texas soạn ra kịch bản thì có lẽ hay hơn và xác thực hơn. Ở chỗ này tôi đồng ý với Phạm hoàng Quân (ông đưa ý kiến lên mạng Talawas tháng 9/2005) “Việc biên soạn nhật ký của người khác là một việc thừa, trong một số trường hợp nó còn là một việc làm tội lỗi... từng dòng chữ của những người đã xả thân vì lý tưởng ấy linh thiêng và đẹp hơn tất cả mọi ngôn từ. Người đọc như chúng tôi cần đọc cái tinh thần của thời ấy chứ không màng đến sự đời đời trau chuốt của người thời nay đâu”.

8.- Mấy lời tạm kết kính gửi mẹ của chị Thùy Trâm:

Kính thưa bà Dỗan ngọc Trâm, con gái của bà bị một viên đạn trúng đầu, chị tôi bị đến hai trái mìn hẹn giờ cách nhau 5 phút, nổ áp vào tư thất, chị tôi hy sinh cùng hai cháu nhỏ. Việt cộng gài mìn tính giết chồng nhưng chồng không chết, chỉ chết oan vợ và 2 con.

Hình trái là di cốt để ở chùa Già Lam. Hình phải ảnh ông bà nội và cha của Phụng Phin



Mất trên chiến trường và mất vì khủng bố, chết và mất mát vì thiên tai hay dịch họa... tất cả đều có những đau đớn tận cùng và dai dẳng. Từ trước khi Lê-nin cầm quyền Maxim Goocki đã viết “Niềm vui tự nó không bao giờ có thật, sở dĩ nó có là do con người cố ý tạo dựng lên để làm vui đi những nỗi đau triền miên có thật ở đời”. Nếu tôi khuyên bà đừng buồn thì đó là lời khuyên giả dối đả bôi. Nếu bà mỉm cười cay đắng nói với tôi : chị của anh chết là đáng đời, thì đó cũng là lời nói giả dối đả bôi.

Hai mẹ con bà cứ thất lạc nhau mãi, bởi nói đến hy sinh vì nước tất phải quên mình, đã quên mình thì còn làm sao có thể kề cận với người thân?

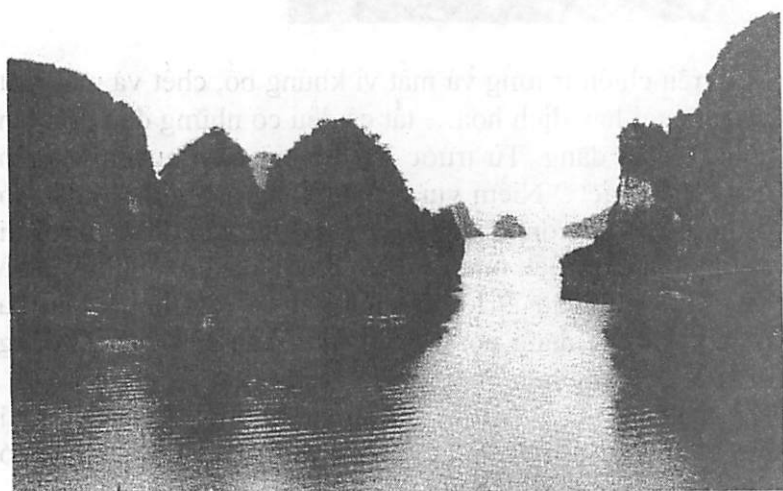
Tết Quý Dậu này, tôi từ ngàn dặm bước vào chùa Già Lam Sài gòn để viếng cha mẹ mình trong hai bình tro cốt, tôi lang thang qua từng dãy kệ, rồi ngồi xuống một mình một lát, hồn phiêu du đoàn tụ với mã mồ vô chủ, ý nghĩ lướt qua dĩ vãng hai chị của mình, rồi những người thân khác, các bạn tù nằm xuống ngồn ngang với bao kẻ vẫn sống ở bãi chiến trường bên ni bên tê, ở lòng biển ở núi rừng vượt biên, trong cuộc chiến chưa hề ngưng nghỉ, “chưa hề độ lượng”.

Tôi cũng như bà, riêng một cảnh ngộ cuối đời, mong sao một lần giải thoát thân xác, đến nhanh chứ đừng đến chậm, bớt đau hơn và nhẹ gánh hơn cho những người thân.

Chào bà và chào người đọc.

PHẠM NGỌC HÀI

10/10/2005



BÀN TAY MẸ

(*Thương kính tặng Mẹ tôi, bà Đ. H. Kính*)

Bàn tay Mẹ, ôi bàn tay màu nhiệm,
Hắn một thời đã ngà ngọc, kiêu sa;
Đã búp măng, tô chuốt màu kiêu diễm,
Đã mịn màng, trắng trẻo, lụa làm da.

Nhưng tay Mẹ, bàn tay con hằng thấy.
Từ độ con, Mẹ bé nhỏ trong lòng;
Đôi bàn tay, Mẹ đảm đang biết mấy,
Còn bút nào diễn tả được hơn không ?

Bàn tay ấy đã ru bao đêm trắng,
Vuốt bao lần lưng óm, trán sốt đau;
Đem êm dịu xoa lòng con trĩu nặng,
Nỗi niềm riêng, Mẹ phải bỏ từ lâu.

Nào nuôi dưỡng chí thành nhân con trẻ,
Nào giúp xây mộng ước lớn bạn đời;
Đầy sức mạnh tiềm tàng nhưng dịu nhẹ,
Bàn tay thô, con thấy đẹp tuyệt vời.

MINH TÂM

THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM

(*Thương người Quảng Ngãi*)

Tháng ngày cho dầu tàn phai,
Lòng yêu em những thương hoài ngàn năm.
Mây bay, bay mãi trắng rằm,
Trăng treo đầu núi, phận tấm nhà tơ.
Khói mù rũ liễu lơ thơ.
Con chim mới cánh hồn mơ thiên đàng.
Bao giờ có được bình an.
Rằng cho ai đó thương ngàn kiếp sau.

QUÊ LAN.

YEAR OF DOG

ARIANA TRUONG UYEHARA

Every year on the Chinese calendar, a certain animal represents that year. This year happens to be the year of the dog. In the society of the Americans, if they had a calendar, it would most likely have one dog to represent that year. In the Chinese calendar, the ranges of dogs differ from the water dog, the earth dog, to the wood dog, the golden dog, and finally the fire dog.

This year in the Chinese calendar, the dog of earth represents his year. Many stories correlate to the year of the dog. Such stories tell of my grandpa's dog named "Muk", formally known as ink in Vietnamese.

It all started many years ago, where my grandpa was still a young stud. His friend had a small dog that was constantly beaten up by two other large dogs. He was then given away to my grandpa to be taken care of. This dog was black as in and was very small. Since then, they both bonded like no other. A story that tells of Muks intelligence and assistance is the time he helped my grandpa catch chicken so they can be sold at the market. It all happened one night when my grandpa was out in the back catching chickens. He took all he could take till he couldn't take no more.

This was a problem because he was running out of time; the chickens were running wild, and all he needed was just one more bird to fulfill his needs. He headed towards the house to put away the chickens when he ran into Muk. Right there and then, he found a chicken, perfectly alive as ever in the dog's mouth. This was the

very first time my grandpa had ever witnessed this strange, yet exciting phenomena.

All this is just the first of the many stories of Muk known to my grandpa.

Thanks to Muk, the famous saying, “dogs are a mans best friend” has a true meaning to it.

ARIANA TRUONG UYEHARA

*

A LESSON WELL LEARNT

AMANDA TRUONG UYEHARA

When I first read the topic of this essay, I set my mind to work, searching for some grandiose experience in my life or some all encompassing moment which affected me in ways that would somehow convey to you how much I yearn to attend a UC campus. However, I came to realize that I should, instead, search for a significant point in my life, no matter how small, which changed not only how I perceive the outside world, but my perception of self.

The keys were distinctly huge beneath my small fingers. The ivory and black parts of the instrument were like magic to me-beautiful, wondrous, and frighteningly exciting all at the same moment. I was five when I began to take piano lessons, learning my scales and basic letter

names. Each lesson lasted a mere half hour and I enjoyed them, eager to learn the intriguing mysteries of music. As time went on, these lessons became unconsciously embedded into my life and the thought of quitting never penetrated my mind. However, by the time I arrived in high school, I found myself volunteering in three community service clubs, playing on two sports teams, and aiding students in a school tutoring program. I also tried to fit in time to spend with family and friends. Because of these new pieces that were introduced into my life, practicing piano was slowly pushed to the back of my increasingly busy schedule. Soon, I began practicing for only one to two hours a week, playing hastily in order to prepare for the upcoming lesson. The passion I had once possessed gradually evaporated, making piano feel like a heavy burden in my heart.

I began to greatly despise playing, and quitting these painful lessons seemed to be the only way out of my growing agony. Upon announcing my decision to my parents, the response that I received was plain and simple: no. They refused to release me from what they believed was my duty as a well educated student. However, this was a battle I was determined to win. My struggles against my parents lasted for about a year, until my mother finally agreed to allow me to discontinue this musical chapter in my life. This agreement pleased me and I was looking forward to my newly acquired freedom. Unexpectedly, a wave of emotion wracked my body like an incoming train. I felt a sense of loss and emptiness, which puzzled me because I had finally received what I had been longing for: liberation from a burden that had been suffocating me. After searching my thoughts for an explanation to this reaction, I came to the conclusion that I did not despise piano like I had thought. I discovered that in my heart, I loved to play and let my soul spill into each sinuous and delicate note. I was able to express feelings so deep and

powerful that words were unable to convey them. When I was a happy, the music expressed was vivacious. When I was depressed, I played to the mournful melody of my silent tears. My reason for the lack of dedication to piano was the constant pressure that I had to face, the pressure to continue playing. However, I didn't realize how much piano really meant to me until I had the option not to play. This realization has allowed me to see an unknown part of myself that I had been blinded from in the past and helped to bring out my musical passion. Through this experience, I have learned to not take all the opportunities in my life for granted.

AMANDA TRUONG UYEHARA

**

MY FAVORITE BIRTHDAY GIFT

LANA LE

Sometimes I feel like I'm not thankful for anything and I feel like that's wrong. It wasn't until a couple of years ago that I really thought about what I was thankful for. The year was 2002 on the day of my 10th birthday and it was a birthday I would never forget. My parents tried to make that day as perfect as possible.

I guess you could say I as thankful for my parents long before then. For example, when they took time off of work for my plays or took care of me when I was really sick. I could be thankful for other things such as music or friends, but they are far from being compared to my parents.

I remember that day was if it was yesterday...

"3 o'clock," rang the singing alarm clock. I remember thinking, "who left the TV on?" A loud banging sound arose in the air, it nothing like the clock I had. I flung open the door and walked out to find out what was making the racket. While walking into the kitchen, I found my parents preparing plates of food for me. I was touched upon seeing this. They were preparing food at 3 o'clock in the morning of a party that wouldn't start until one in the afternoon. I was filled with such emotions that I fell asleep crying.

I woke up later that day to find out that I was surrounded by all of my guests. They were all sneering and chuckling at me. This was the moment I realized I was still in my night gown. As quickly as my feet could carry me, I dashed off into the bedroom. Minutes later, I came out fully dressed in blue jeans and my favorite birthday girl t-shirt.

"So, Phuc (my Vietnamese name) did you have a nice sleep? Cause it sure looked like you did," sneered my Uncle Ngoc.

"Yeah, I did, but I also had a nice wake up call," I retorted back. "But you know what? I don't think I am totally awake yet. I'm sure a water baloon fight would do the trick though..."

"You heard the lady...WATER FIGHT!!" screamed Susan, my best friend. Everyone dashed outside to begin the "wet war". About an hour or so later, we all stopped because it was starting to turn really hot and our stomachs were grumbling. Everyone then assembled in front of the kitchen door, laughing and chattering. None of us were

prepared to what was behind the door. Still being the curious kid I was, I swung the door open. Behind it there was a miniature fire and burnt materials everywhere. Yet even further behind the wreckage, I found my parents. They looked like a wreck with their skin darker than usual, that I swear was darker by at least three tones if not more, as they had food splattered all over themselves. But most of all they had the look of disappointment, which I learned later was because they thought they had failed to complete their simple task of cooking.

I felt a sudden urge to run up and hug them, in which I did. It turns out that they were semi-shocked.

“Don’t get your clothes dirty, honey,” my mom said. “We’re not that important today. It’s your special day and we ruined it.” Tears started to run down my cheek, which my dad wiped away.

“Shh...don’t cry about the food, we’ll order pizza,” he mumbled.

“Dad...I’m not crying because of the food. I’m crying because I know I will always have such wonderful parents. Who would put my happiness before their own and took the time to wake up so early in the morning to make my birthday a memorable one. And I love you for that!” I gushed.

“Aww!” chorused everyone.

“Group hug!” Auntie Linh cried out. So I found myself smack in the middle of a hug.

A flash from a camera came off.

“A moment to remember!” my other best friend, Joanne exclaimed.

We did, however, ended up eating cake and pizza, but in conclusion, although the party came to an end, we all left that day with unforgettable memories that would last a lifetime.

LANA LE

MY POTENTIAL TO CONTRIBUTE TO THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA.

AMANDA TRƯƠNG UYEHARA

The United States has come a long way in regards to racial tolerance throughout the years. This acceptance of racial differences and cultures had led to the rise of people with multi-ethnic backgrounds throughout the nation. I am a proud member of those who can trace their heritage back through different cultures. My parents come from two different parts of Asia; my father from proud Japan and my mother from majestic Vietnam. The mixture of Japanese and Vietnamese blood is rare because of the conflicts these two nations have equally shared in the past, inhibiting their relations for many years. Through my multi-ethnicity, I have learned to embrace the heritage of both sides of my family and to equally accept the cultures of other races. I celebrate the traditional holidays of my ancestors and savor the foods of their nationalities. Because of my conflicting background, I believe nations should not hold grudges, but, instead, try to find a path to a more harmonious and brilliant future. It is important to understand the backgrounds of other people and be able to acknowledge them because every culture is precious in their unique ways. My unusual background would carry on the idea of racial tolerance and embrace multi-ethnics to the University of California.

AMANDA TRUONG UYEHARA

MY MOTHER

THIÊN TỬ

Mom, you are the best,
Oh! I love you so much;
The way you provide a good example.
Everyday you clean up my bed room;
Really, I appreciate your help.

THIÊN TỬ

MÁ TÔI

Má ơi, má là người thứ nhất,
Mà con yêu thương hơn hết trên đời;
Gương má rạng soi trong sáng tuyệt vời!
Ôi, làm sao đếm được lòng thương con của má?
Bàn tay nào chăm chút áo chăn tôi!
Làm sao đáp lòng thương con của má?
Cảm ơn chẳng ?- Một tiếng rỗng mà thôi.

THIÊN TỬ thoát dịch

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM ẤT DẬU 2005

I. TIỆC TẤT NIÊN CỦA HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH

Để chuẩn bị tiến đưa năm cũ Giáp Thân và đón mừng năm mới Ất Dậu 2005, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đã tổ chức trọng thể, linh đình tiệc Tất Niên Giáp Thân vào lúc 5:30 giờ chiều, ngày Chủ Nhật 30-1-2005 tại nhà hàng Phú Lâm, số 3082 đường Story thành phố San Jose. Sau cuộc đón tiếp được diễn ra trước đó, lúc 7:00 giờ tối, hơn 400 quan khách và đồng hương được ban tổ chức mời vào bàn tiệc để chứng kiến cuộc Múa Lân Khai Hội. Lễ chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và phút mặc niệm được cử hành trong tôn nghiêm, trang trọng tiếp đó. Sau khi ông Phó Hội Trưởng Đường Anh Đồng tỏ lời chào mừng và cảm ơn về sự hiện diện của quan khách cùng đồng hương, mọi thành phần tham dự kể cả Thị trưởng thành phố Milpitas ông Jose J. Esteves và Nghị viên thành phố San Jose, ông David Cortese, cùng một số đại diện báo chí Việt ngữ địa phương. Trong tư cách Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định, sau khi chào mừng và cảm tạ sự hiện diện của mọi người, ông Tony Định đôi lúc tỏ ra khá xúc động trong khi tỏ bày những hoài bão đóng góp cho cộng đồng đồng hương địa phương. Trong đó có việc ông mong mỗi Hội Đồng thành phố San Jose sẽ vinh danh những đóng góp cho thành phố này của cộng đồng người Việt ở đây qua việc lấy tên một Anh Hùng, một địa danh lịch sử Việt Nam đặt tên cho một con đường, một nơi chốn công cộng nào đó của thành phố San Jose. Nhiều tiếng vỗ tay tán thưởng hoài bão này của ông Tony Định. Sau đó

ông Phó Đường Anh Đồng lại trở lên sân khấu để lược trình về sinh hoạt của Hội Tây Sơn Bình Định trong năm qua. Và ông Đặng Đức Bích giới thiệu và phát hành Đặc San Bình Định California Xuân Ất Dậu 2005. Một số quan khách Việt Mỹ như quý ông Phó Tỉnh Trưởng Bình Định Phạm Hữu Độ, Thị Trưởng Milpitas Jose. J. Esteves, Nghị viên Thành Phố San Jose David Cortese đều bày tỏ lời khen tặng và chúc lành cho Hội trong năm Mới. Riêng cô Madison Nguyễn thuộc Học Khu Franklin McKinley thì tỏ lời cảm tạ đồng hương đã giúp cô trở thành là thành viên của Học Khu qua kh bầu cử vừa rồi.

Dạ tiệc Tất Niên Giáp Thân của Hội Tây Sơn Bình Định đã chấm dứt sau chương trình ca nhạc, xổ số lãnh thưởng, khiêu vũ rất vui lộng, linh đình và ý nghĩa. (nguyên văn đăng trong báo Sài Gòn USA số 733 ngày 1-02-05).

II. PICNIC HÈ HỘI NGỘ VÀ GIẢI KHUYẾN HỌC 2005

1/. Picnic: Picnic Hè 2005 được tổ chức ngày 07/08/05 trong khuôn viên Lake Cunningham Park, một địa điểm rộng rãi khang trang, với 2 căn đại sảnh có sức chứa hàng ngàn người; nhiều bãi cỏ xanh tươi, mát mẻ. Đặc biệt Hè năm nay 2005. Cũng giống như Picnic hè năm trước (2004) được nhiều mạnh thường quân bảo trợ về tài chánh nên đồng hương và quan khách tham dự thật đông (trên 700 người) và được phục vụ miễn phí từ ẩm thực đến các trò chơi giải trí chương trình bắt đầu từ 11 giờ sáng đến 6 giờ chiều, gồm các tiết mục: Tranh giải bóng chuyền cả thưởng giữa đội Tây Sơn với 8 đội bóng bạn có tên tuổi trong vùng Bắc Cali. Biểu diễn võ thuật của đoàn võ VO VINAM. Hát Karaoke. Hát Loto có thưởng. Các trò chơi

trẻ em như kéo dây, đập bì. Đấu cờ tướng có thưởng. Đặc biệt lồng trong chương trình Picnic năm nay có 3 em thuộc gia đình đồng hương Bình Định biểu diễn liên khúc Vũ điệu Hawaii rất đặc sắc và chuyên nghiệp được khóm khán giả vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt

2/. Giải khuyến học:

Xen lẫn với chương trình Picnic là chương trình phát thưởng Giải khuyến học 2005. Đây là lần thứ 3 theo truyền thống hằng năm của Hội, nhằm khuyến khích tuổi trẻ học tập và gắn gũi với đồng hương Bình Định.

Danh sách của những học sinh xuất sắc đã đạt điểm trung bình từ 3.8 trở lên:

01. Johnny Trần	3.86 GPA	Lớp 6 K. R. Smith
02. Mỹ Mỹ Trần Nguyễn	4.00 GPA	Lớp 6 Challenger School
03. Mathew H. Nguyễn	4.00 GPA	Lớp 7 Quimby Oak Middle School
04. Văn C. Cung	4.00 GPA	Lớp 7 J.W. Fair Middle School
05. Ý Vi K. Le	4.00 GPA	Lớp 7 Quimby Oak Middle School
06. Teresa A. Tran	4.00 GPA	Lớp 8 Silvandale Middle School
07. Thắng Phan	3.88 GPA	Lớp 9 Silver Creek High School
08. Tiffany Tran	4.00 GPA	Lớp 9 Andrew Hill High School
09. Triết Minh Trần	3.86 GPA	Lớp 10 Willow Glen High School

3/. Danh sách quý Mạnh Thường Quân ủng hộ Hội Ngô Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

01. Mr. Rob Silver Chicago Title Company	\$2,000.00
02. Mr. Nguyễn Hùng Senter Auto Parts	\$500.00
03. Mr. & Mrs. Trọng Nguyễn Tax Consultant America	\$500.00
04. Mr. Thạt Võ T & T Sea Food	\$500.00
05. Mr. Truman Như Century 21 A-1 Network	\$500.00
06. Elvie Teodoro Century 21 A-Network	\$500.00
07. Mr. Trần Ngọc Ánh Hội Ái Hữu Quảng Ngãi	\$300.00
08. Ms. Ann Đình Alliance Title Company	\$300.00
09. Mr. Michael Nguyễn Professional Printing, Inc.	\$300.00

10. VEREPA	\$300.00
11. Mr. Nguyễn Sơn Hội Trưởng Hội Nha Trang, Khánh Hòa	\$100.00
12. Mr. Nguyễn Sơn VSF	\$100.00
13. Mr. Nguyễn Tân Ứng cử Viên Dân Biểu LB	\$100.00
14. Mr. Trần Minh Lợi Thăng Mõ	\$100.00
15. Mr. Phan Ngọc Nghĩa	\$100.00
16. Mr. Phan Minh Lượng	\$100.00
17. BS Cai Văn Dung	\$50.00
18. Mr. Min Le	\$50.00
19. Mr. & Mrs. Nguyễn Văn Châu	\$50.00
20. Mr. & Mrs. Phi Luyện	\$50.00
21. Mr. Võ Ngọc Bửu	\$50.00
22. Mr. & Mrs. Lê Đức Hưng (Stockton)	\$40.00
23. Mr. & Mrs. Phan Thanh Hùng	\$50.00
24. Mr. Nguyễn Tấn Hưng	<u>\$40.00</u>
Tổng cộng:	\$6680.00

Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali chúng tôi xin chân thành cảm tạ Quý Đồng Hương, Thân Hữu Bình Định cùng Quý Mạnh Thường Quân đã tham dự và hỗ trợ tích cực cho ngày hè hội ngộ này được thành công mỹ mãn.

TM Ban Chấp Hành
Hội Trưởng
TONY ĐỊNH

III. CÔNG TÁC TỪ THIỆN:

Đáp ứng lời kêu gọi của Hội Đồng Thập Tự San Jose, Hội đã phổ biến thư kêu gọi Đồng hương và thân hữu Bình Định mở rộng vòng tay cứu giúp các nạn nhân của bão Katrina. Tổng cộng số tiền quyên góp được 705 USA đã được chuyển tiếp đến Hội Hồng Thập Tự San Jose và tất cả đã nhận được thư cảm ơn của Hội Hồng Thập Tự.

al. Lời kêu gọi cứu trợ nạn nhân cơn bão lụt Katrina của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

Kính thưa Quý Đồng Hương và Thân Hữu Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali

Trong những ngày qua, trên các hệ thống truyền thanh, truyền hình và báo chí Hoa Kỳ đã cho chúng ta thấy cơn bão lụt Katrina đã tàn phá ba tiểu bang Alabama, Mississippi và Louisiana thật kinh hoàng và thảm hại nhất trong lịch sử Hoa Kỳ.

Hàng triệu người đã mất hết nhà cửa, tài sản và đang sống trong cảnh màn trời chiếu đất, trong đó có hơn chục ngàn đồng hương Việt Nam của chúng ta.

Kính thưa Quý vị:

Vì lòng nhân đạo, vì tình thương giữa tình người mà chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ đã bảo trợ và đùm bọc chúng ta trong những ngày tháng đầu khi chúng ta bước chân đến vùng đất đầy hứa hẹn này. Hôm nay chúng ta đã có một cuộc sống ổn định và sung túc chúng ta không thể im lặng ngồi nhìn sự đau thương của nhiều gia đình, chúng ta phải làm một điều gì đó để “**đền ơn**” lại bằng cách cứu giúp những gia đình đang bị thiên tai trong đó có đồng hương Việt Nam chúng ta.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali tha thiết kêu gọi Đồng Hương Bình Định và Quý Thân hữu tiếp tay cùng chúng tôi thành lập Quỹ Cứu Trợ khẩn cấp vì cơn bão lụt Katrina. Sự hỗ trợ và tiếp tay của Quý vị sẽ có tác động to lớn trên đời sống của gia đình từng cá nhân trong hoàn cảnh khó khăn nhất hiện nay.

Chúng tôi xin nhận sự đóng góp của Quý Đồng Hương và Thân Hữu

Chi phiếu xin đề: American Red Cross. Memo xin đề: Katrina Relief Victims. Xin gửi về địa chỉ:

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali
3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121

San Jose ngày 5 tháng 09 năm 2005
TM Ban Chấp Hành
Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali
Hội Trưởng
TONY ĐỊNH

***b/. Danh sách Đồng Hương & Thân Hữu Hội Tây Sơn
Bình Định Bắc Cali ủng hộ Bảo lụt KATRINA***

Số	HỌ và TÊN	SỐ TIỀN ĐÓNG GÓP	GHI CHÚ
1	Đường Anh Đồng	\$100.00	
2	Lê Xuân Thành	\$25.00	
3	Peter Dương	\$100.00	
4	Minh Nguyễn	\$100.00	
5	Nguyễn Bá Thư	\$50.00	
6	Đào Đức Chương	\$50.00	
7	Hà Khôi	\$50.00	
8	Phạm Văn Khiêm	\$30.00	
9	Phạm Văn Tựu	\$50.00	
10	Trương Toại	\$100.00	
11	Nguyễn Tường Chi	\$50.00	
	Tổng cộng	\$705.00	

HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỦA HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI



Anh Tony Đình, Hội Trưởng, chào mừng quan khách



Ban chấp hành, Ban tổ chức Picnic, các đội bóng chuyên Oakland, San Francisco, Sacramento, Hayward, Fairfield đang nghiêm chỉnh chào quốc kỳ Việt-Mỹ.



Đồng hương và quan khách tham dự Picnic Hè 2005



Anh Đồng (bên trái) phó chủ tịch đang tiếp quan khách



Đồng hương và quan khách tham dự Picnic Hè 2005



Các em võ đường VOVINAM biểu diễn võ



Con em đồng hương Bình Định biểu diễn vũ điệu Hawaii



Con em đồng hương Bình Định biểu diễn vũ điệu Hawaii

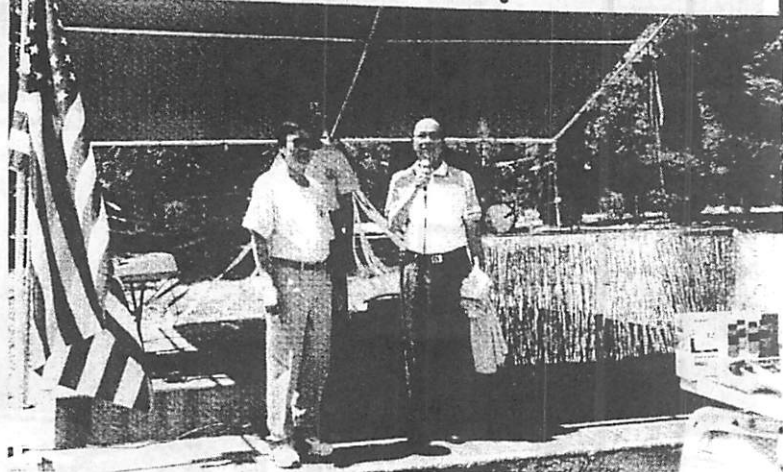


Con em đồng hương Bình Định biểu diễn vũ điệu Hawaii



Ban Lô Tô Bình Định Picnic đang hoạt động

... học & Giải Khuyến Học
BÌNH ĐỊNH



Anh Tony Đinh, Hội Trưởng (phải) và một người bạn đến từ Los Angeles sau 30 năm mới gặp lại



Anh Tony Đinh, Hội Trưởng, phát giải khuyến học



Một Mạnh Thường Cô Ann Đình từ Alliance Title đang phát giải khuyến học



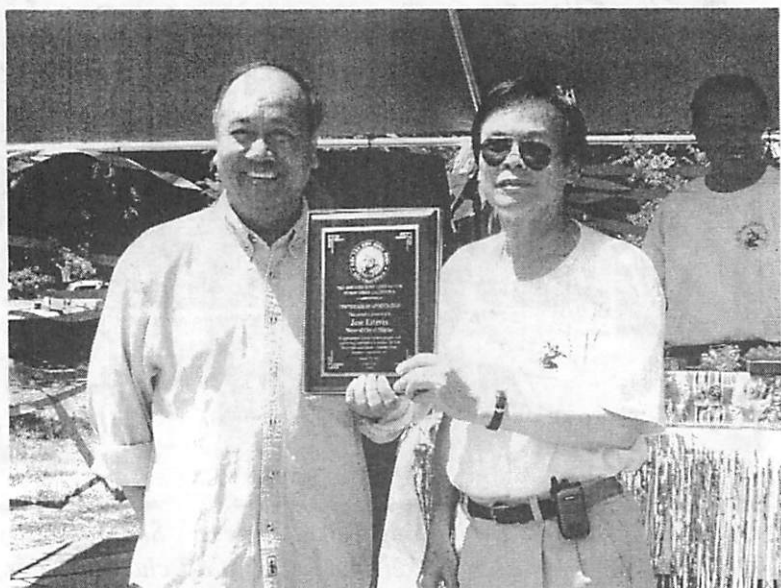
Anh Tony Đình, Hội Trưởng, trao bằng khen đến mạnh thường quân (chủ chợ T & T Seafood)



Anh Tony Đinh giới thiệu ông Dake Cortese - San Jose City Council - về thành tích và kết quả đã giúp đỡ cho cộng đồng Việt Nam trong những năm qua



Anh Tony Đinh, Hội Trưởng, trao bằng khen đến Nghị viên Mr. Dave Cortese thành phố San Jose



Anh Tony Đinh trao phần thưởng danh dự cho Thị Trưởng Milpitas - Ông Jose Esteves - về thành tích giúp đỡ cộng đồng Việt Nam trong nhiều năm qua



Mr. Anh Ngọc Tran, Hội trưởng Hội Ái Hữu Quảng Ngãi, nhận phần thưởng danh dự "Picnic's Sponsor Summer 2005"



Cô Ann Đình, Alliance Title Company, nhận phần thưởng danh dự "Picnic's Sponsor Summer 2005"



Anh Tony Đình trao bằng anh Truman Như: Century 21 A-1 Network - Phần thưởng danh dự "Picnic's Sponsor" - Summer 2005



Anh Tony Đình, Hội Trưởng phát giải thưởng bóng chuyên



*Anh Tony Đình, Hội Trưởng, phát giải thưởng
đội bóng chuyên THUẬN AN*



*Anh Tony Đình, Hội Trưởng, trao giải thưởng
cho đội bóng chuyền BÌNH ĐỊNH*



Các bạn đồng hương Bình Định trong ngày Picnic 2005

ĐỒNG HƯƠNG VÀ THÂN HỮU BÌNH ĐỊNH

Ủng Hộ và Yểm Trợ Đặc San Bình Định 2006

1. Hoa Hậu Bích Liên Beauty Care	\$500.00
2. Tony Đình: Century 21 A-1 Network	\$400.00
3. Senter Auto Parts - Nguyễn Hùng	\$400.00
4. Diana Trần: Century 21 A-1 Network	\$200.00
5. Bác sĩ Cai Văn Dung	\$100.00
6. Phan Minh Lương: Garage Door & Opener	\$100.00
7. Bác sĩ Nguyễn Đức Lai	\$100.00
8. Nhà Hàng Phú Lâm	\$200.00
9. Bác sĩ Khiết & Hoàng Oanh: Sandy Dental	\$100.00
10. Bác sĩ Thomas Thượng La	\$100.00
11. Cô Lê Thị Cẩm Vân State Farm Insurance	\$100.00
12. Thái Quốc Hùng - New York Life	\$100.00
13. Lân Nguyên - Farmers Insurance Group	\$100.00
14. Bác sĩ Nha Khoa Đỗ Đình Cung	\$100.00
15. Trần Thu Phượng Allstate Insurance	\$200.00
16. NINA Cúc Trương Century 21 A-1 Network	\$200.00
17. Trọng Nguyễn - Tax Consultation of America	\$100.00
18. John Giang Nguyễn - Care Insurance	\$200.00
19. Đường Anh Đồng Century 21 A-1 Network	\$100.00
20. Bác sĩ Nha Sĩ Nha Khoa Nick M. Nguyễn	\$100.00
21. Thuận Thành - T & T Seafood	\$200.00
22. Robert Mullins International	\$200.00
23. Bác sĩ Phạm Đức Vương	<u>\$200.00</u>

Tổng cộng: \$4,200.00

Thay mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali chân thành cảm tạ quý thân chủ quảng cáo đã nhiệt tình ủng hộ và bảo trợ cho Đặc San Bình Định năm 2006.

**T.M. Ban Chấp Hành
Hội Trưởng
TONY ĐÌNH**

Diana Tran

Sr. Loan Officer

(408) 623-8925



Finance & Refinance

Commercial Loans

- Apartment 5 units +, office, strip retail, mixed use..
- Loan to any properties nationwide
- Loan amount from 200K to 100+M
- Stated income, no tax returns, true no doc programs
- Fast approval
- 10 to 30 years amortization
- 1/3/5/7 years ARMs & fixed rates.

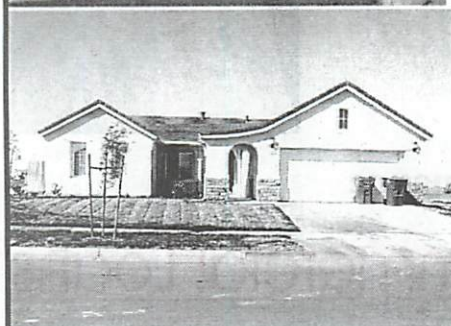
City Financial Network

3111 Mc Laughlin Ave San Jose CA 95121

*California Department of Real Estate: Broker License # 01464909



- ◆ 4 Pump independent gas station
- ◆ Huge 2,000 SQFT market
- ◆ Busy corner location!!!
- ◆ Annual Income from \$600K-\$800K
- ◆ All available for \$650K



- ◆ 3 Bed/2 Bath, 1800 SqFt
- ◆ 3 Car Garage
- ◆ Large Master Bed w/walk-in closet and luxurious bath w/ separate shower
- ◆ Spacious family room/kitchen
- ◆ \$499K



- ◆ 3 bed/2 bath, 1800 SqFt
- ◆ 3 car garage
- ◆ Large Master Bed w/ walk-in closet and luxurious bath w/ separate shower
- ◆ Spacious family room/kitchen
- ◆ \$495K

Cung Chúc Tân Xuân



Direct: (408) 629-8989

Fax: (408) 227-8224

<http://www.ninatrung.tk>

Ninatrung21cw@yahoo.com



NINA TRUONG

Hàng tuần hãy theo dõi chương trình phát thanh **MUỐN SỐNG KHỎE** do **Bác Sĩ PHẠM ĐỨC VƯƠNG** và **Đông Y Sĩ Nguyễn Văn Tắt** thực hiện trên làn sóng **AM 1500** mỗi sáng thứ Bảy từ 6:00 đến 7:30

Lewis Senter Chiropractic
South San Jose
485 Lewis Rd., Suite C
San Jose, Ca 95111
Chầu Thứ Ba, Năm, Bảy: 2:30PM - 7:00PM
Hoặc lấy hẹn trước

Dr. Vương Đức Phạm D.C.
North San Jose
2380 Montpelier Dr., Suite 100
San Jose, Ca 95116
Thứ Hai, Thứ Sáu: 9:30AM - 7:00PM
Thứ Ba, Năm, Bảy: 9:00am - 1:00pm

Bác sĩ đích thân trị liệu tại hai địa điểm

- Đau lưng, Đau thần kinh tọa.
- Nhức đầu, đau nhức vùng cổ, gáy.
- Trật té, bong gân, đau khớp xương.
- Chấn thương do tai nạn xe cộ, thể thao, đau nhức, tê, mỏi vai, tê tay, tê chân, đau cùi chỏ tay, gót chân bị thủng.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và thể dục trị liệu.

CHUYÊN TRỊ



- Chăm sóc đến các đồng hương đang gặp khó khăn, không bảo hiểm sức khỏe, các chiến hữu QL/VNCH, lực lượng cảnh sát QGVN, các bần cư từ HO cùng thân nhân và gia đình công chức gia.
- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn thủ tục giấy tờ cần thiết để đòi bồi thường bảo hiểm.
- Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, cũng được chữa trị và đòi bồi thường xứng đáng.
- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, Medicare, Worker's Compensation, Bệnh phí nhẹ hàng khi trả cash, lương trung với quy vì không có bảo hiểm hay lợi tức thấp.
- Tập làm, kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm, chu đáo, kỹ lưỡng.
- Phòng pháp điều trị hiệu quả, nhẹ nhàng, thích hợp cho riêng người.
- Trang bị máy quang tuyến X-Ray, máy vật lý trị liệu, máy tập phục hồi chức năng tốt tân.
- Quan tâm, sẵn sàng các đồng hương đang gặp khó khăn, không bảo hiểm.
- Súc khỏe, các chiến hữu QL/VNCH, lực lượng cảnh sát QGVN, các bần cư từ HO cùng thân nhân và gia đình công chức gia.
- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn thủ tục giấy tờ cần thiết để đòi bồi thường bảo hiểm.
- Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, cũng được chữa trị và đòi bồi thường xứng đáng.
- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, Medicare, Worker's Compensation, Bệnh phí nhẹ hàng khi trả cash, lương trung với quy vì không có bảo hiểm hay lợi tức thấp.

(408) 937-1400

B. S. PHẠM ĐỨC VƯƠNG

Khi Bị Đau Nhức Do Tai Nạn Xe Cộ
■ **Trượt Té** ■ **Bong Gân**
Hãy Hẹn Lấy Bẹn để điều trị trong ngày

PHẠM ĐỨC VƯƠNG

Bác Sĩ

Young Thuc Phan DVM



Nhà Hàng

Cung cấp Tân Viên

PHÚ LÂM

Nơi lý tưởng để:

- Tổ chức tiệc cưới, tiệc sinh nhật, các cuộc họp mặt cho các hội đoàn.
- Một nơi danh tiếng khắp vùng vịnh. Với trên 500 chỗ ngồi.
- Có sân khấu, sàn nhảy, disco light.



PHÚ LÂM RESTAURANT
3082 Story Rd., San Jose Ca: 95127
Điện thoại : (408) 251-9590
(408) 251-9591

Tôm Hùm, Cua, Tay Cầm
Cua Lột Rang Muối
Cua Rang Bơ Đặc Biệt
Cua Rang Me
Tôm Hùm Rang Bơ Đặc Biệt
Tôm Hùm Rang Me
Tôm Hùm Mì Spinach
Tôm Hùm Bún Tàu Tay Cầm

Cá Sống Trong Hồ
Cá Bông Lau Hấp Tàu Xi
Cá Mú Hấp Gừng Hành

Đồ Tiềm Thuốc Bắc
Gà Tiềm Sâm Hoa Kỳ
Gà Ấc Tiềm Thuốc Bắc
Ngầu Pín Tiềm Thuốc Bắc

Thú Lâm kính mời



BẢO LÃNH ĐỂ CẢI TIẾN THẾ HỆ TƯƠNG LAI
ROBERT MULLINS INTERNATIONAL

IMMIGRATION SERVICES NETWORK

WESTMINSTER: (714) 890-9933
OAKLAND - (510) 533-8228
SACRAMENTO - (916) 393-3388
586 N. First St., #232
San Jose, CA 95112
(408) 294-3888



Web Site: <http://www.rmiodp.com> • E-mail: info@rmiodp.com
1-800-411-0495

Thứ Hai đến Thứ Bảy: 9:00 a.m. - 6:00 p.m.

CHUYÊN TRÁCH DỊCH VỤ BẢO LÃNH TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP

KÍNH MỜI QUÝ VỊ ĐÓN NGHE CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH HỘI THOẠI
CỦA VĂN PHÒNG ROBERT MULLINS INTERNATIONAL
VÀO MỖI THỨ TƯ TỪ 7:00 PM, SÁNG CHỦ NHẬT TỪ 11:30 AM,
TRÊN CÁC LÀN SÓNG 1110AM, 1430AM, 1500AM VÀ 106.3FM.

ROBERT MULLINS INTERNATIONAL - HÃY ỦY THÁC CHO CHÚNG TÔI

順成 THUẬN THÀNH

T.T. SEAFOOD

- *Chợ VN do người đồng hương làm chủ.*
- Bán đủ các loại trái cây, thực phẩm khô, đồ hộp và các loại thực phẩm tươi như cá, thịt, rau quả.
- Bán sỉ và lẻ. Giá cả nhẹ nhàng. Có giá đặc biệt cho xe lunch và nhà hàng.
- Chợ sạch sẽ. Chỗ đậu xe thoải mái. Nằm trong khu King Plaza (góc đường King và Burdette).



Địa chỉ:

2517 S. King Rd.
San Jose, CA 95122

Chủ nhân:

THAT VO
(408) 274-8210



Allstate.
You're in good hands.

Allstate Insurance Company
Allstate Life Insurance Company

TRẦN THU PHƯỢNG

510 NORTH FIRST STREET, #224 SAN JOSE, CA 95112

TEL: (408) 993-9898 FAX: (408) 993-1358

(Góc Empire Street) PARKING MIỄN PHÍ



TRẦN THU PHƯỢNG
Senior Account Agent
Lic. #0681825

XE CỘ:

UP
TO
50%

- Good Driver Discount
- Distinguished Driver Discount
- Home and Auto Discount
- Multi-Car Discount
- Good Student Discount



WING HOÀNG
Life Producer
Lic. #7G40050

NHÀ CỬA:

UP
TO
75%

- Claim Free Discount
- Home Buyer Discount
- Age of Home Discount
- Protective Device Discount
- Multi Line Discount



CATHERINE CÚC TRẦN
Sales Producer
Lic. #0B72168

NHÂN THỌ:

- Discount khi bạn có xe hoặc nhà bảo hiểm với hãng AllState
- Perfect Health Discount
- Non-Smoker Discount
- Lấy trước 50% (Call For Information)



EDWARD NGUYỄN
Sales Producer
Lic. #0D30767



DUYÊN TRẦN
Sales Assistant

THƯƠNG MẠI:

- Bảo Hiểm Xe Thương Mại
- Rê Nhất Vùng
- Bảo Hiểm Tiệm, Wholesale, Retail, Buildings, Office, Service đủ loại



NATHAN NHỨT BÙI
Sales Assistant

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu
9:00AM - 6:00PM
Thứ Bảy
10:00AM - 2:00PM

SỨC KHỎE:

- Blue Cross of California cho cá nhân và đoàn thể...



THĂNG NGUYỄN
Sales Assistant

**TOP AGENT FOR MORE THAN 20 YEARS!
YOU ARE IN GOOD HANDS!**



Lic #0731046

CARE INSURANCE AGENCY, INC.

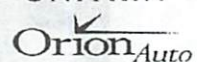
900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112

Tel: (408) 292-2925

Fax: (408) 292-2950

GIÁ RẺ - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO - BỎI THƯƠNG NHANH CHÔNG**Đặc biệt bảo hiểm thương mại: Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...**

UNITRIN



ZURICH

**Beauty Salon/Supplies**

Liability	\$1,000,000
Property	\$50,000
Deductible	\$500
Premium from	\$500

Restaurant

Liability	\$1,000,000
Property	\$75,000
Deductible	\$500
Premium from	\$847

Coverage available for Hair & Nail only
* Add Professional Liability for only \$30 per operator

Quote based on No prior Loss
* Add Liquor Liability coverage per operator \$500,000 for only \$500

Chuyên bảo hiểm: Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ

Tin mừng cho quý đồng hương, CARE INSURANCE AGENCY là văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam duy nhất ở vùng Bay Area được chọn làm đại diện chính thức cho hãng bảo hiểm MERCURY INSURANCE CO., rated "A" by Best.

Mercury California Automobile Insurance Premium Survey

Company	Santa Clara (95050)	Fremont (94536)	San Jose (95127)
Allstate	\$784	\$801	\$857
CSAA	\$761	\$823	\$912
Farmers	\$949	\$1,088	\$1,149
Geico	\$806	\$874	\$983
State Farm	\$966	\$1,027	\$1,261
Mercury Ins. Co.	\$660	\$732	\$763

(*) With superior homeowners insurance policy discount

Criteria: 6 month premiums: Married couple age 34/32, with no accidents or citations.

Vehicles: 1988 Chevrolet Suburban Silverado, 12K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles

Coverage: 100/300/100 BI-PD, 30/60 UM/BI, CDW, 5K medical payments.

Deductibles: Comp/Collision \$250 cash.

Disclaimer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate but we can not be responsible for their accuracy. Premiums for companies other than Mercury do not reflect any rate adjustments after these quotes were obtained. All quotes are based on the criteria above. Mercury quotes are based on drivers insured the past 5 years with no more than one loss.

Hiện đang có nhiều chương trình giảm giá

AGENTS

- **Giang X. Nguyễn**
- **Calvin H. Đoàn**
- **Michael H. Nguyễn**
- **Can X. Nguyễn**
- **Kim Thoa Nguyễn**

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo giá bảo hiểm miễn phí

Chúc Mừng Năm Mới

NICK M. NGUYỄN, D.M.D.

**BÁC SĨ VIỆT NAM TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA HÀM GIẢ, RĂNG GIẢ, IMPLANT
SPECIALIST IN PROSTHODONTICS & DENTAL IMPLANT**

CHUYÊN KHOA:

- Implants Thay Thế Răng Đà Mát
- Trồng Răng Giả Vô Trụ Implant
Từng Cái Hoặc Nguyên Hàm
- Trồng Răng Thẩm Mỹ Nguyên Hàm
- TMJ Disorder, Nhai Không Hiệu Quả
- Kém Thẩm Mỹ, Hở, Móm,
Đau Khi Mang Hàm Giả
- Hàm Giả Gắn Liên
- Mão Răng, Cầu Răng & Hàm Giả
(Crown, Bridge & Denture)
- Porcelain Veneer
- Tooth Whitening
- Full Mouth Restorations



(408) 293-6570



*Boston University
School of Dental Medicine Graduate*

*USC School of Dentistry
Prosthodontics Specialty Graduate*

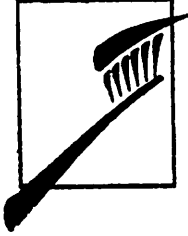
*Former Clinical Instructor of
the USC Department of
Restoration Dentistry*

**2120 Forest Avenue, Suite 1
San Jose, CA 95128**

(Đối Diện Nhà Thương O'Connor,
Gần Valley Fair Mall)

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai-Thứ Bảy 9AM-6PM,
Thứ Tư 10AM-7PM

CD DENTAL CARE



BÁC SĨ NHA KHOA

ĐỖ ĐÌNH CUNG

VÀ **BÁC SĨ CỘNG TÁC**

2726 Aborn Rd., San Jose, CA. 95121

(Góc Aborn và White Rd., Trong Building An Ninh Xã Hội "Social Security Office")

Tel. (408) 223-2393

* **TỐT NGHIỆP** danh dự Bác Sĩ Nha Khoa University of The Pacific, San Francisco

* Hội viên Nha Sĩ đoàn Hoa Kỳ, California và quận hạt Santa Clara.

KINH NGHIỆP HÀNH NGHỀ NHA KHOA TỪ NĂM 1992

CHUYÊN:

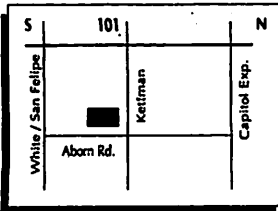
- Khám răng tổng quát và định kỳ cho gia đình
- Phòng ngừa sâu răng bằng FLOURIDE & SEALANT
- **NHA KHOA THẨM MỸ:** Tẩy trắng răng, chữa răng thưa hoặc sứt mẻ, bọc răng vàng hay PORCELAIN, VENEER
- Làm răng giả và hàm giả các loại
- Trám răng, nhổ răng và chữa tủy răng
- Tiểu giải phẫu nướu răng
- Ngăn ngừa răng mọc lệch lạc cho trẻ em

Cung Đình Sơn



ĐẶC ĐIỂM

- **LÀM VIỆC TẬN TÂM, NHẸ NHÀNG VÀ KỸ LƯỜNG**
- **ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP KHỬ TRÙNG TINH VI, HIỆN ĐẠI**
- **CÓ MÁY NITROUS OXIDE (LAUGHING GAS) CẦN THIẾT CHO TRẺ EM VÀ NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÓ KHĂN**



TIỆN ĐƯỜNG XE BUS 31

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ 2, 3, 4, 6: 9AM-6PM

Thứ 7: 9AM-2PM

Thứ 5 và Chúa Nhật: Đóng cửa

* Nhận Medical, Bảo Hiểm

* Visa, Master Card

Đặc San Bình Định 370

**NEW
YORK
LIFE****NEW YORK LIFE***The company you keep***SAN JOSE GENERAL OFFICE****1731 TECHNOLOGY DRIVE, SUITE 400 - SAN JOSE CA 95110****NHỮNG THẮC MẮC VỀ LIFE INSURANCE**

- ❖ Tại sao tôi cần Life Insurance?
- ❖ Life Insurance mang lại lợi ích gì cho tôi và gia đình tôi, nếu tôi sống quá lâu hoặc chết quá sớm?
- ❖ Life Insurance có thể giúp gì khi tôi về hưu, hoặc trợ giúp tiền học cho con cái tôi như thế nào?
- ❖ Term Life, Whole Life, Universal Life là gì? Loại nào đúng cho tôi?
- ❖ Thuế tài sản là gì? Dùng kế hoạch kế thừa tài sản có lợi ích gì?.....

- *Xin gọi chúng tôi để lấy hẹn ngay hôm nay!*
- *Lời ưi không bị ràng buộc điều gì khi lấy hẹn với chúng tôi!*

**THÁI QUỐC HÙNG***Agent, CA State Lic. #0C17196***Bus: (408) 452-6133****Cell: (408) 205-5323****Pager: (408) 860-1925****Thành thật, vì quyền lợi thân chủ.
Honest Working for your best Interest!**



Lic. # 0D62786

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 10AM-6PM

Thứ Bảy & Chủ Nhật: Làm theo hẹn

XE CỘ & TÀU:

- Auto, Motorcycle, Boat, Jet ski.
- Giảm giá nhiều cho hai xe trở lên, nhiều năm kinh nghiệm, tài xế giỏi, học sinh giỏi, anti-lock brakes, air bags, 4 năm đại học, có bảo hiểm nhân thọ hoặc nhà với Farmers.

NHÀ CỬA:

- Single house, condo, townhouse, duplex/fourplex, mobile home.
- Giảm giá nhiều cho nhà, xe và Bảo Hiểm Nhân Thọ cùng hãng bảo hiểm.
- Có bán Home Warranty Plan.
- Động đất, lụt lội.

America Can Depend on Farmers

LÂN NGUYỄN

Insurance and Financial Services Agent

1620 Oakland Road, Suite D107. San Jose, CA 95131

Bus. (408) 392-9954 * Fax. (408) 392-0306

NHÂN THỌ:

- Term Life (10, 20 hoặc 30 năm), Whole Life, Universal Life.

SỨC KHOẺ:

- Blue Cross, Blue Shield, Health Net

THƯỜNG MẠI:

- Nhà hàng, văn phòng nha sĩ, bác sĩ, tiệm beauty salon, builder risk, worker compensation, umbrella v.v...

QUỸ TÀI CHÍNH:

- Roth/Traditional IRAs, 401 (k) rollover
- Annuities
- College funding (Quỹ để dành, tiền học cho con)

*Cung cấp
Lân Nguyễn*

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.



CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA
CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST



Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẼ, MỔ ĐẼ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CÙNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126



**Bảo hiểm với phẩm chất cao
và giá cả phải chăng là mong ước của mọi người.**

LUÔN BÊN CẠNH QUÝ VỊ!

State Farm® biết rằng giá cả phải chăng là điều quan trọng. Đó là lý do chúng tôi cung ứng nhiều cơ hội để quý vị có thể tiết kiệm cho bảo hiểm xe. Chúng tôi hiện có chương trình giảm giá giúp quý vị tiết kiệm thật nhiều cho bảo hiểm xe. Hãy đến gặp một trong các đại diện của State Farm ngay hôm nay để xem làm thế nào quý vị có thể tiết kiệm đến 25%.



Lê Thị Cẩm Vân

Lic# 0B94946

Tel: (408) 259-8826

Fax: (408) 259-9282

301 N. Jackson Ave. #12

San Jose, CA 95133

**(Góc đường Jackson/McKee.
cạnh nhà hàng SamKee)**



Người Láng Giềng Tốt Bụng!™

State Farm cung cấp các dịch vụ bảo hiểm và tài chính.

Hợp đồng và thông báo của State Farm được viết bằng Anh Ngữ.

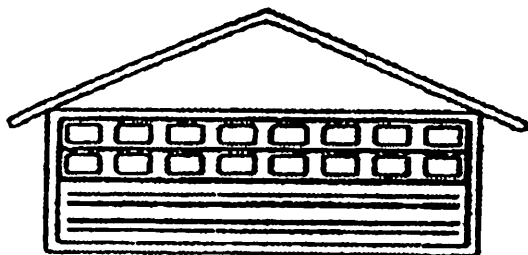
State Farm Mutual Automobile Insurance Company (not in NJ).

PO3138 11/93

Home Offices: Bloomington, Illinois

GARAGE DOOR & OPENER

CA. State Lic. #692107 Bond **FULL SERVICE**



Professionally Installed

Sectional Doors and Automatic Openers.

Sửa, Bất Opener, Thay Lò Xo Gãy.

Nhận Đóng Sheet Rock, Cabinet Garage.

Nhận Đi Các Vùng Lân Cận Bay Area.

"Kinh Nghiệm 20 Năm"

Xin Liên Lạc

LƯƠNG

(408) 281- 9361

(408) 858- 0851 Coll

(408) 995- 7400 Pager

TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ ĐAU NHỨC VÀ CHỈNH HÌNH LEWIS SENTER CHIROPRACTIC



Bác Sĩ : NGUYỄN ĐỨC LAI, D.C.

485 Lewis Road, Suite C, San Jose, Ca 95111

Phone: (408) 226-8877 Fax (408) 226-8845

Gọi lấy hẹn : 24/24 (408) 313 - 8245 (cell)

CHUYÊN TRỊ :

- Đau nhức & chấn thương gây ra do tai nạn (xe cộ, sởi làm, thể thao, té ngã v.v)
 - Các bệnh liên quan đến cột sống: đau lưng, đau cổ, đau xương cụt..
 - Các bệnh do thần kinh bị chèn ép: đau dọc theo mặt sau chân, đau cổ tay đau cánh tay v.v..
 - Các bệnh đau vẹo cột sống do làm việc hay học tập, chân thấp chân cao.
 - Các bệnh về khớp xương: đau khớp, cứng khớp, các khớp bị giảm giới hạn hoạt động.
 - Các bệnh liên quan đến bắp thịt bị yếu, bị co cứng, có những điểm đau dữ dội, bị vẹo bẻ ,teo cơ, yếu cơ do di chứng bán thân bất toại .v.v.
 - Nhức đầu mất ngủ do bị stress, suy nhược thần kinh ,nhức đầu nửa bên,
 - Nhức đầu do nhức bắp thịt vùng cổ và vai.
-
- Văn phòng trang bị các máy móc vật lý trị liệu tối tân và hiệu quả.
 - Bác sĩ tận tâm, nhiều năm kinh nghiệm.
 - Phối hợp vật lý trị liệu, cổ vấn về dinh dưỡng.
 - Có nhân viên có bằng làm Massage Therapy.
 - Có nhân viên hướng dẫn làm thủ tục giấy tờ bảo hiểm.
 - Cấp giấy chứng thương giấy nghỉ làm ,nghỉ học.



- Bằng hành nghề liên bang và tiểu bang California.
- Tốt nghiệp đại học chỉnh hình nổi tiếng Palmer West.
- Nguyên Bác sĩ tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn(1973)
- Tốt nghiệp hậu đại học (chuyên khoa Nhi cấp 1 Sài Gòn)
- Nguyên Y Sĩ Trưởng Trung Đoàn 44 bộ binh QLVNCH.
- Certificate of Advanced Personal Injury Management.

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu: 9:30 Am-7:30 Pm
Thứ bảy: 9:30 Am-2:30 Pm
Chủ nhật làm theo hẹn

Tham khảo định bệnh miễn phí cho các đồng hương không có bảo hiểm, các cựu quân nhân QLVNCH, các chiến sĩ lương CSQG, các đoàn thể v.v...
Nhận Medicare và các loại bảo hiểm PPO, POS





SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Rd. San Jose, CA 95116

(408) 272-3999

(Góc đường McKee & đường McDonald, giữa 101 & đường King)

Fax: (408) 272-2202 * E-mail: SandyDental@AOL.Com

SANDY DENTAL P.C., hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tin nhiệm của đồng đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều BS Nha Khoa trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Địa điểm thuận tiện, trung tâm thành phố San Jose, gần Fwy 101, 280, 680, tọa lạc giữa 1 vườn cây, khu thị tứ, góc đường với parking rộng rãi.

Trang thiết bị tối tân và vệ sinh tối đa

- Nước dùng thật tinh khiết.
- 1 bộ dụng cụ riêng cho mỗi bệnh nhân.

Đặc Biệt:

- Pokémon Game cho trẻ em và Cable TV
- Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$75
- Thay các trám chi để hợp màu với răng
- Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.

Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã. Có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.

** Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười thật duyên dáng.



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Rd. Tel. (408) 272-3999

(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi Lacey, giữa 101 & đường King)

(408) 272-3999

COUPON

* Khám tổng quát

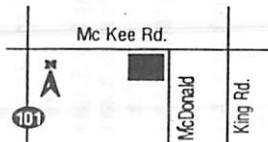
* X-Rays

* Làm sạch răng (Cleaning)

\$25

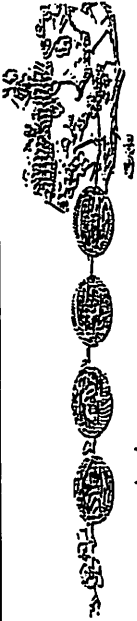
Giá bình thường \$181

Chỉ in cho bên nhận
đến thăm lần đầu



Mở Cửa 6 ngày trong tuần
Từ 9 giờ sáng đến 6 giờ chiều. Nghỉ ngày Chủ Nhật

**NHẬN MEDI-CAL
BẢO HIỂM
VISA
MASTER CARD**



Chúc Mừng Năm Mới

Hãy yên lòng vui Xuân, vì vấn đề sổ sách
và khai thuế đã có chúng tôi lo!

- Khai thuế cá nhân, thương mại, hỗn hợp, công ty (vụ lợi, hữu hạn & vô vị lợi)
- Giữ sổ sách, sổ lương, thuế nhân viên, thuế thương vụ, thuế thương mại
- Nhận đại diện thân chủ trong mọi trường hợp bị kiểm thuế
- Nhận thành lập và cố vấn công ty (vụ lợi, hữu hạn & vô vị lợi)
- Nhận cố vấn tài chính cho cá nhân, thương mại và thừa kế tài sản
- Nhận thiết lập chương trình hưu bổng cho cá nhân, thương mại và công ty
- Tax for individual, business, partnership & Corporation (Profit, LLC, and Non-Profit)
- Bookkeeping payroll service, payroll report & employment taxes, sales tax, business tax
- Represent client in tax audits (income tax, payroll tax, sale tax, business tax...)
- Incorporation services (Profit, LLC, and Non-Profit)
- Financial planning: personal, business & trust
- Pension & retirement services for personal, business & corporation.

Trọng Nguyễn E.A.

TAX CONSULTATION OF AMERICA

A professional Tax, Accounting & Financial Planning Firm

3070 Senter Road, San Jose, CA 95111

Tel: (408) 362-9888 • Fax: (408) 362-3471 • Email: tcatax@mail.com



TRUNG TÂM CHÍNH HÌNH & ĐAU NHỨC
CHIROPRACTIC & REHABILITATION CENTER

Cung Chúc Tân Xuân



2114 Senter Rd., #23 (đối diện Costco)

Giờ làm việc: 7 ngày từ 9:00AM - 7:00PM

www.lachiropractic.com

Tel. (408) 998-5463

DR. THOMAS THƯỢNG LA, D.S., D.C., I.D.E.

- Được bằng khen của U.S.C.C.; của thị trường, thống đốc tiểu bang và nghị sĩ quốc hội.
- Được cấp certified bởi B.B.B. và được chọn làm bác sĩ cộng đồng 2002
- Chính thức được tuyển chọn là bác sĩ của trường SJSU.
- Được chọn là American top Chiropractor 2004 bởi Consumer Research Council of America.

CHUYÊN TRỊ VÀ CHỮNG THƯƠNG TAI NẠN

■ Lưu Thông ■ Ở Sờ Làm ■ Thể Thao

NGÀI RA CÒN ĐIỀU TRỊ CÁC CHỮNG BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN

- Chấn thương do tai nạn gây ra.
- Đau đầu, cổ, bả vai, thắt lưng.
- Các bệnh cong queo cột sống.
- Các chứng đau khớp xương.
- Bắp thịt hay bị vọp bẻ, teo cơ.

Văn phòng có nhân viên nhiều kinh nghiệm để giúp bệnh nhân làm giấy tờ.

PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

■ Tận Tâm ■ Nhẹ Nhàng ■ Hiệu Quả

Áp dụng 5 phương pháp trị liệu tùy theo sức khỏe và tuổi tác bệnh nhân.

ĐẶC ĐIỂM

- Hướng dẫn tập thể dục và dinh dưỡng để phục hồi bản năng.
- I.D.E. là bằng của tiểu bang giảm định khả năng làm việc và chứng chỉ đặc biệt về tái tạo xương bị cong trở lại trạng thái bình thường.

Cung Chúc Tân Xuân

DONG DUONG

Realtor/Loan Consultant

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

**CHUYÊN VIÊN ĐỊA ÔC
NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM**

- Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo.
- Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex.
- Có nhiều chương trình mượn nợ, đổi nợ toàn vùng Santa Clara và các vùng phụ cận với lãi suất thấp.
- Định giá nhà miễn phí.
- Có đầy đủ danh sách nhà trên thị trường MLS.
- Nhận làm thủ tục For Sale By Owner.

Century 21
A-1 Network

3111 Mc Laughlin Ave.
San Jose, CA 95121



DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định (*)
(Đã nhật tu kể từ ngày 01/01/2005)

_ Andy Lê	2937 Silverland St.
San Jose , CA 95121	(408) 223.2118
_ Văn An	3770 McKee Rd., # 17
San Jose CA 95127	(408) 254.1914
_ Trần vĩnh Anh	1723 Pine Hollow Cr.
San Jose , CA 95133	(408) 258.32150
_ Đinh thành Bài	661 Waddell Way
Modesto , CA95357	(209) 529.2354
_ Nguyễn đình Bá	2960 Sunwood Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 365.9534
_ Bùi thúc Bào	644 N. Abbott Ave.
Milpitas , CA 95035	(408) 945.8655
_ Trần Benson	2129 Doxy Dr.
San Jose, CA 95131	-----
_ Đặng đức Bích	4045 Chamberer Dr.
San Jose, CA 95135	(408) 274.8699
_ Nguyễn hòa Bình	2651 Luciana Dr.
San Jose CA95131	(408) 621.2969
_ Nguyễn Bình	1518 Roberts Ave.
San Jose, CA 95122	(408) 258.8364
_ Nguyễn Bình	4777 Rue Le Mans
San Jose ,CA 95112	(408) 578.2843
_ Nguyễn Bường	2828 Brook Way
San Pablo , CA 94806	(510) 222.7140
_ Trần Brian	515 First St.
San Jose ,CA 95122	-----
_ Phan minh Châu	2425 Huran Dr.
San Jose , CA 95122	(408) 223.9948

- Nguyễn tường Chi
San Jose , CA95111
- Nguyễn Chuẩn
San Jose ,CA95112
- Phạm Chương
San Jose , CA 95132
- Đào đức Chương
San Jose, CA 95121
- Lê Chức
San Jose, CA 95116
- Trần Chu
San Jose, CA 95121
- Nguyễn Doãn Cung
San Jose ,CA 95111
- Đặng kim Cúc
San Jose , CA95148
- Nguyễn Cự (Hoa)
San Jose , CA 95051
- Trần Danh
San Jose, CA95121
- Nguyễn Diêu
San Jose , CA 95121
- Huỳnh hữu Dụng
San Jose , CA 95121
- Phạm Đính
Milpitas , CA 95035
- Phạm hữu Độ
San Jose , CA 95124
- Võ Đại
San Jose, CA 95125
- Đường anh Đồng
San Jose, CA 95148
- Nguyễn Thị Đàm
San Jose, CA 95050
- B/S Cai văn Dung
SanJose,CA95126
- 5101 Discovery Dr.
(408) 362.4515
- 1758 Bevin Brook Dr.
(408) 294.6683
- 1341 Vance Rd.
(408) 923.6734
- 1519 Ivy Creek Cir.
(408) 2385900
- 1616 Troon Dr.
(408) 929.4948
- 2620 Alvin Ave. #213D
(408)239.0560
- 5270 Snow Dr.
(408) 408.3621
- 2744 Whispering Hills Dr.
(408) 238.5435
- 1468 Pomeroy Ave.
(408) 985.2661
- 1311 Eldamar Ct.
(408)281.7640
- 1520 E. Capital Exp.#50
(408) 223.9247
- 1182 Theoden Ct.
(408) 972.1339
- 1623 Jupiter Dr.
(408) 262.4833
- 1683 Hillsdale Ave.
(408) 486.2029
- 1409 Bird Ave. Suite #6
(408)393.2050
- 2744 Whispering Hills
(408) 238.5435
- 2342 William Dr.
(408) 243.7679
- 259 Meridian Ave. #5
(408)294.5115

_ Đoàn hữu Đức	P.O Box 3404
Santa Clara , CA95055	-----
_ Vũ thị Đôn	4348 Sliver Berry
SanJose,CA95136	(408)227.6794
_ Nguyễn Đông	4054 McLaughlin Ave.
San Jose, CA95121	
_ Trần đình Giáp	172 Echo Ave..
Campell,CA95008	(408)866.4143
_ Võ bá Hà	3990 Mount Wilson Dr.
San Jose, CA 95127	(408)251.5490
_ Nguyễn thu Hà	5748 Halleck Dr.
San Jose, CA 95123	(408) 972.4581
_ Phạm ngọc Hải+Bạch Liên	1881 Quimby Rd.
San Jose, CA 95122	(408)347.8298
_ Bùi ngọc Hải	1301 Marry Kerry Ln.
San Jose, CA 95136	(408) 436.9349
_ Trương Hạnh	473 Cedro St.
San Jose, CA 95111	(408)281.4451
_ Phan văn Hàm	2905 San Bruno Ave.
San Francisco, CA 94134	(415) 656.1781
_ Võ Hân	206 Turner Ct.
San Jose, CA95139	(408) 226.3272
_ Lý Hào	2810 Cramer Cir.
San Jose, CA 95110	(408) 287.7008
_ Trương thị Hậu/Phạm Minh	752 Vine Ct #7
San Jose, CA 95110	(408) 977.1686
_ Võ trung Hậu	1422 Ocean Ave.
San Francisco,CA 94112	(415) 584.2369
_ Đặng thị Hiền	1092 Topaz Ave. #1
San Jose , CA 95117	(408) 985. 1246
_ Nguyễn thế Hiệp	2206 Country Manor Dr.
Riverwark ,CA95367	(209) 869.5961
_ Nguyễn Hiệp	1113 Stinton Ct.
Modesto,CA 95358	(209) 526.2316
_ Nguyễn Hòa	2239 War Field Way #A
San Jose, C A95112	(408) 998.2129

- Nguyễn Hòa
Oakland, CA 94601
4908 Congress Ave., #3
(510) 533-9259
- Thái văn Hòa
Milpitas, CA 95035
1455- E. Calaveras #10
Cell: (408) 771-5146
- Nguyễn Hoàng
SanJose,CA95121
3834 Brigadoon Way
(408) 270.7806
- Nguyễn Hòe
San Jose, CA 95111
242 Danze Dr.
(408) 225.8754
- Hoàng Huân
San Jose, CA 95133
2811 Glauser Dr.
(408)972.4581
- Nguyễn Huệ
San Jose, CA 95136
4595 Pearl Ave.
(408) 445.2633
- Từ Thị Ba
Saratoga, CA 95075
19231 Monte Vista Dr.
(408)395.2617
- Đỗ Hùng
Hayward, CA 94554
27132 Belvedere Ct.#4
(510) 732.6846
- Nguyễn Hùng
San Jose, CA 95148
3001 Stevens Ln.
(408) 270.5140
- Phan thanh Hùng
San Jose, CA 95121
2077 Wendover Ln.
(408) 223.6253
- Nguyễn Hùng
San Jose, CA 95121
1302 Isengard Ct.
(408) 292.8957
- Phạm Hùng
Milpitas, CA 95035
420 Live Oark Ct.
(408) 956.8412
- Lê đức Hưng/Từ thị Phụng
Stockton, CA 95217
5323 Heinessy Dr.
(209) 473.3093
- Võ Hùng
SanJose,CA95127
3461 Blue Mountain Dr.
(408) 251.3741
- Joseph Huỳnh
SanJose,CA95135
4264 Christian Dr.
(408) 270.7482
- Đinh thành Hưng
SanJose,CA95135
165 Blossom Hill Rd.
(408) 629.1365
- Trần trọng Khiêm
SanJose,CA95157
P.O Box 10188
(408)370.9378
- Phan văn Khiêm
Sunnyvale, CA 94087
1624 Hollenbeck Ave.#2
(408) 720.9677

- Nguyễn Khoa 2071 Sheraton Dr
Santa Clara , CA95050 (408) 243.3806
- Trần Khôi 1863 Andrews Pl.
San Jose, CA 95132 (408)251.3035
- Hà Khôi 781 Feller Ave.
San Jose, CA 95127 (408) 259.5456
- Huỳnh văn Lạc (Th/tướng) 3220 Carver Rd.
Modesto ,CA95350 (209) 523.0869
- Huỳnh ngọc Lan 2155 Lanai Ave.#108
SanJose,CA95122 (408) 937.7840
- Lê từ như Lâm 399 Spence Ave.
Milpitas, CA 95035 (408) 262.6260
- Nguyễn Lân 942 valencia Dr.
Milpitas, CA 95035 (408)946.2758
- Võ Lang 2855 Senter Rd.#102
San Jose, CA95101 (408) 224.1530
- Lê Lợi 15203 Shinning Star Ln.
San Leandro, CA 94579 (510) 351.4204
- Nguyễn Kim Loan 563 Rudd Ct.
SanJose,CA95111 (408) 365.1126
- Nguyễn Long 1035 Camarillo Ct.
Milpitas , CA 95035 -----
- Nguyễn Long 532- 5 th Ave.#6
San Francisco, CA CA94118 (415) 831.7064
- Nguyễn Lưu 3095 Yerba Buena Rd.
San Jose, CA 95135 -----
- Võ thu Lương 5207 Sturla Dr.
San Jose, CA 95148 (408)274.8186
- Phan minh Lượng /Nguyễn thị Phong 340 Grey Ghost Ave.
San Jose, CA 95111 (408)281.9361
- Đặng vĩnh Mai 3830 Underwod Dr.#4
San Jose, CA 95117 (408) 296.0833
- Bùi Mai 3278 Flintmont Rd.
SanJose,CA95148 (408)531.1570

- Nguyễn Mai
San Jose, CA 95122
Dỗ Mạnh
Saratoga, CA 95070
- Lê văn Minh
San Jose, CA 95148
- Nguyễn Mỹ
San Jose, CA 95123
- Nguyễn hữu Nhân
San Jose, CA 95122
- Võ thị Nga
Stockton, CA 95210
- Đặng thu Nga
San Jose, CA 95135
- Huỳnh văn Ngọc
Milpitas, CA 95035
- Đặng văn Ngọc
Hayward, CA 94544
- Võ tuyết Nhạn
San Jose, CA 95148
- Trần Nghiêm
San Jose, CA 95138
- Trần văn Ngô
San Jose, CA 95112
- Phan quang Nghiệp
San Jose, CA 95148
- G/S Nguyễn văn Nhuận
San Jose, CA 95148
- BS Trương thế Phiệt
San Jose, CA 95136
- Ngô Phong
San Jose, CA 95121
- Nguyễn Phong
San Jose, CA 95127
- 2566 S.King Rd.#138
(408) 532.0114
12284 Via Roncole

2933 Glencrow Pl.
(408) 274.5853
518 Hillbright Pl.
(408) 365.1750
2299 S. King Rd.
(408) 224.4800
1129 Shaffield Ct.
(209) 476.1638
2863 Reidel
(408) 238.6791
882 Water Walk
(408) 941.9689
29285 Lassen St.
(510) 264.9369
2979 Castleton Dr.
(408) 238.8302
5973 Surl Ct.
(408) 227.7840
1694 Tully Rd. #1
(408) 223.1150
469 Ezcí Dr.
(408) 578.2938
2654 Bonbon Dr.
(408) 274.2804
1670 Goldenrain Dr.
(408) 281-4067
1903 Bag Pipe Way
(408) 274.5234
247 Clarevieww Ct.
(408) 258.5524

_ Nguyễn Văn Phú	424 Los Encinos Ave.
San Jose, CA 95134	(408) 324.1773
_ Lê Vĩnh Phúc	1555 Hill top Ct.
Milpitas, CA 95035	(408) 942.9527
_ Vĩnh Phúc	1194 Angmar St.
San Jose, CA 95111	(408) 269.7017
_ Trần thị Phúc	5919 Liklisk Ln. #104
San Jose, CA 95119	(408) 365.7729
_ Dương Phụng	411 Lewis Rd. #372
San Jose, CA 95111	(408) 629.7428
_ Nguyễn Phước (Thuốc)	778 S. 5 th St. #C
San Jose, CA 95112	(408) 293.8281
_ Nguyễn bá Quảng	2008 Danderhall Way
San Jose, CA 95121	(408) 238.5010
_ Nguyễn đình Sang	P.O Box 51017
San Jose, CA 95151	(408) 454.2889
_ Lê lam Sơn	340 Martil Way
Milpitas, CA 95035	(408) 261.1757
_ Giã minh Sơn	5065 Bengal Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 281.0724
_ GS Bùi thị Sự	1112 Park Willow
Milpitas, CA 95035	(408) 263.6012
_ Nguyễn Tân	2382 Bowers Ave. #4
Santa Clara, CA 95051	(408) 247.4562
_ Nguyễn Thạch	1053 Big Oak Ct.
San Jose, CA 95129	-----
_ Trần Thanh	1853 Canyon Dr.
Pinole, CA 94564	(510) 274.5225
_ Trần minh Thanh	3775 Kawai Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 227.5466
_ Lê xuân Thạnh	1625 Hermocilla Way
San Jose, CA 95116	(408) 259.2802
_ Nguyễn văn Thành	1510 Mayfield St.
Sacramento, CA 95835	(916) 419.7227
_ Võ Thật (T.T Seafood)	2517 S. King Rd.
San Jose, CA 95122	(408) 274.8210

Nguyễn Thao	1875 Andrews Pl.
San Jose, CA 95132	(408) 929.4381
Đoàn hữu Thạnh	2066 Sierra Rd.
San Jose, CA 95131	(408) 272.1817
Huỳnh lương Thiện	774 Geary St.
San Francisco, CA 94109	(415) 215.3794
Đỗ chí Thoại	275 El Cajon Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 972.9694
Nguyễn bá Thư	1048 S. 10 th St.
San Jose, CA 95112	(408) 293.4091
Lâm sanh Thứ+Hạnh Trương	218 Goldenrain Ct.
San Jose, CA 95111	(408) 281.4451
Ngô Thương	1112 Park Willow Ct.
Milpitas, CA 95035	(408) 263.6012
Nguyễn văn Thường	1832 Rock Spring Dr.#2
San Jose, CA 95111	(408) 297.7514
Trương Thụy	259 Meridian Ave. #18
San Jose, CA 95126	(408) 295.2394
Trần thị Tính	3199 Teddington Dr.
San Jose, CA 95148	(408) 258.6762
Đỗ hữu Tín	4811 Plainfield Dr.
San Jose, CA 95111	(408) 972.8080
Bảo Tô	2597 Amaril Dr.
San Jose, CA 95123	(408) 687.7990
Nguyễn an Toàn	2231 Emerald Hill Dr.
San Jose, CA 95131	(408) 259.6239
Trương Toại	3565 Sunnydays Ln.
Santa Clara, CA 5051	(408) 423.8552
Phạm Trúc	968 Coventry Way
Milpitas, CA 95035	(408) 946.5686
Võ bá Trác	3626 Springbrook Ave
San Jose, CA 95148	(408) 223.8812
Nguyễn Trai	1500 Virginia Pl. #153
San Jose, CA 95116	(408) 272.4636
Lê Trân	753 Terra Bella Dr.
Milpitas, CA 95035	(408) 946.2344

- Tạ chương Trĩ
San Pablo, CA 94806
- Nguyễn văn Trọng+ Thu Hà
San Jose, CA 95121
- Trần Trực
San Jose, CA 95121
- Lê doãn Trung
San Jose, CA 95121
- Đoàn ngọc Trường
Richmond, CA 94803
- Nguyễn thiện Trường
San Jose, CA 95112
- Trần cảm Tú
Fairfield, CA 94534
- Quách Tứ
Stockton, CA 95207
- Phạm ngọc Tuấn
San Jose, CA 95 111
- Bùi Trung
San Jose, CA 95111
- Bùi Tú
San Jose, CA 95148
- Phạm văn Tựu
San Jose, CA 95127
- Lý Ty
San Jose, CA 95121
- Huỳnh bích Vân
San Jose, CA 95121
- Trần Vĩnh
San Jose ,CA 95127
- Victor Dương (Vũ)
San Jose, CA 95116
- Nguyễn thái Vinh
San Jose, CA 95123
- Dương quang Vinh
Milpitas, CA 95035
- 2759 – 14th St.
(510) 215.9465
- 1607 Amberly Ln.
(408) 528.6673
- 2866 Las Plumas Dr.
(408) 227.2818
- 3016 Oak Bridge Dr.
(408) 223.6322
- 4958 Wagonwheel Way
(510) 222.6675
- 427 S. 5th St. #7
(408) 920.0919
- 3306 Hillridge Ct.
(707) 428.6844
- 1762 Long Barn Way
(209) 952-9432
- 478 Hassinger Rd.
(408) 629.8230
- 3171 Locke Dr.

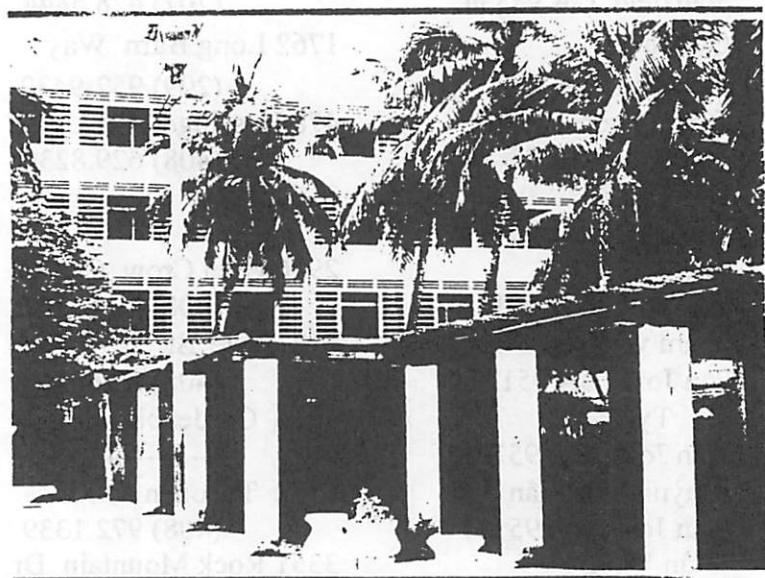
- 2976 Glen Crow Ct.
(408) 270.4507
- 812 Kyle St.
(408) 929.5263
- 1986 Gardenbing Cir.

- 1182 Theoden Ct.
(408) 972.1339
- 3351 Rock Mountain Dr.

- 2614 Sirra Grande Way
(408) 729.1542
- 422 Coloney Crest Dr.
(408) 224.3621
- 1509 Platt Ave.
(408) 956.1365

_ Đinh văn Xuân(Tony Đinh) 3111 McLaughlin Ave.
San Jose, CA 95121 (408) 224.7100
_ Đặng ngọc Yến 1539 Callo Creek Dr.
San Jose, CA 95127 (408) 347.1335

(*) Nếu có sự sai sót hay thay đổi địa chỉ và số điện thoại ; hoặc quý đồng hương nào chưa có tên trong danh sách này . Xin liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali, để được sửa chữa và bổ sung. Nhóm thực hiện Đặc San thành thật cảm tạ quý vị .



TRƯỜNG TRUNG HỌC BỒ ĐỀ

Cảm tạ và Cáo lỗi

Nhóm thực hiện đặc san chúng tôi chân thành cảm tạ quý Đồng hương và thân hữu Bình Định đã đóng góp bài vở và yểm trợ tài chánh để hoàn thành Đặc San Xuân Bính Tuất 2006.

Vì số trang và thời gian in ấn có hạn nên còn một số bài của quý Văn Thi hữu và thân hữu phải gác lại kỳ Đặc San tới.

Chân thành cảm tạ và cáo lỗi cùng quý vị.

Nhóm Thực Hiện



MỤC LỤC

Trang	Đề mục	Tác giả
5	Thư ngõ	Nhóm thực hiện
6	Lá thư xuân	Hội trưởng
8	Đầu năm nhắc chuyện Tết	Trần Đình Thông
17	Về thăm quê hương - Xuân (thơ)	Thái Tảo - Nguyễn Diêu
18	Những năm Bính Tuất ...	Trác Như
35	Tây Sơn Tam Kiệt (thơ)	Võ Thạnh Văn
41	Văn Võ Bình Định	Nguyễn Quý Đại
60	Nhớ về Qui Nhơn (thơ)	Hà Thúc Hùng
61	Thành Bình Định	Đào Đức Chương
92	Ngày Xuân nhớ mẹ (thơ)	Nguyễn Thế Giác
94	Ngày Xuân nhớ lại	Nguyễn Mạnh An Dân
106	Tháng Tư Đen (thơ)	Đặng Đức Bích
107	Ông Thọ	Nguyễn Trác Hiếu
114	Thương về Qui Nhơn (thơ)	Minh Thi
115	Hàn Mặc Tử qua những cuộc tình	Huyền Vũ
129	Nhớ quê hương Trường Thế (thơ)	Lam Nguyên
132	Nhớ về Phùng Quán ...	Thư Trang
139	Nỗi nhớ chiều cuối năm (thơ)	Ngô Đình Phùng
140	Nguồn gốc Văn hóa cổ Việt	Nguyễn Hòa
153	Thơ xương họa (thơ)	Đặng Đức Bích
159	Rừng đào hay rừng mai	Tâm Triều
165	Văn kinh thành thất thủ	Thơ Nguyễn Diêu - Việt Thao dịch
166	Bốn mùa trong em (thơ)	Đỗ Thị Thu Ba
167	Độc nhật ký Đặng Thùy Tâm	Nguyễn Công Lượng

181	Sám hối (thơ)	Hà Quế Linh
183	Em muốn (nhạc)	Thơ Quang Sơn - nhạc Đắc Đăng
184	Đi đón Việt kiều	Lê Minh Trí
188	Một câu chuyện lịch sử ...	Phan Văn Hàm
191	Xuân xa xứ (thơ)	Đỗ Hùng
192	Mai về thấp nén nhan (thơ)	Phan Tường Niệm
193	Nước vẫn chảy ... (bài 1)	Nguyễn An Phong
199	Hoài Niệm (thơ)	Quách Tử
200	Hoàng Sa và Trường Sa	Lăng Hồ Nguyễn Khắc Kham
214	Nết đất Qui Nhơn (thơ)	Minh Tân Phạm Hà Hải
214	Qui Nhơn xưa và nay	BS. Trần Như Luận
215	Người Việt Phi Châu	TS. Thái Công Tụng
223	Tâm sự (thơ)	Thư Trang
224	Đọc thơ Thục Điềm	Quách Tử
230	Nhớ ơn - Cái nhân ... (thơ)	Mỹ Vân - Lê Nguyễn Phương
231	Mưa đá giữa trời	Ngọc An
247	Anh viết cho em (nhạc)	Thơ Đặng Đức Bích - nhạc Đắc Đăng
248	Vấn đề nhân lực và trí tuệ	TS. Trần Văn Đạt
257	Điệp luyện hoa	Đào Tấn - Nguyễn Hoài Văn dịch
258	Tài đức vẹn toàn	Trần Cẩm Tú
273	Tháng mười trở lại nhà (thơ)	Nguyễn Đình Lương
273	Câu đố	Khuyết danh
274	Đỉnh Phù Vân (thơ)	Đào Vĩnh Tuấn
275	Nước vẫn chảy (bài 2)	Nguyễn An Phong
281	Trường Úc quan thương hữu cảm	Thơ Võ Trứ - Việt Thao dịch
282	Chuyện ba mươi năm về trước	Phú Xuân
294	Hồn bướm mơ tiên (thơ)	Đào Vĩnh Tuấn
295	Bến Hải con sông Thương	Đặng Mỹ Dung

- | | | |
|------|------------------------------------|--------------------|
| 302 | Quay lối về thăm phố ... (thơ) | Phan Tường Niệm |
| 303 | Tôi hiến tủy | Lê Tấn Phước |
| 307 | Nhớ nhung (thơ) | Huyền Vũ |
| 309 | Đường vào hố thăm | Bùi Thế Trường |
| 318 | Bão Rita (thơ) | Nhất Dạ |
| 320 | Nhật ký Bs Đặng Thùy Trâm | Phạm Ngọc Hải |
| 333 | Bàn tay Mẹ - Thương hoài ... (thơ) | Minh Tâm - Quế Lan |
| 334 | Year of Dog | Ariana T. Uyehara |
| 335 | A :Lesson Well Learnt | Ariana T. Uyehara |
| 337 | My Favorite Birthday Gift | Lana Le |
| 340 | My Potential | Amanda Uyehara |
| 341 | My Mother - Má tôi | Thiên Tứ |
| 342 | Tổng kết hoạt động | |
| 348 | Hình ảnh sinh hoạt | |
| 360 | Danh sách đồng hương ủng hộ ... | |
| 361 | Trang quảng cáo | |
| 381 | Địa chỉ đồng hương | |
| 391 | Cảm tạ và cáo lỗi | |
| 392. | Mục lục | |

